



ĐỜI BÔNG MỒI

J.M.Coetzee

Tác giả đoạt giải Nobel



BACHVIET®

vh

Nhà xuất bản
Văn học

LỜI GIỚI THIỆU

John Maxwell Coetzee sinh ngày 9 tháng 2 năm 1940 tại Cape Town (Nam Phi). Ông là anh cả trong gia đình có hai anh em. Mẹ ông là giáo viên tiểu học còn cha là luật sư tập sự từng phục vụ trong quân đội Nam Phi tại Bắc Phi và Ý trong những năm 1941 – 1945. Mặc dù cha mẹ không phải dòng dõi người Anh, nhưng J.M Coetzee đã được nói tiếng Anh ở nhà từ nhỏ.

Trong ba năm từ 1968 đến 1971, Coetzee làm giáo sư phụ giảng môn văn học Anh tại Đại học Tiểu bang New York ở Buffalo. Sau khi đơn xin thường trú Hoa Kỳ bị từ chối vì tham gia phong trào phản chiến, ông trở lại Nam Phi. Từ năm 1972 đến 2000, ông giữ nhiều chức vụ tại Đại học Cape Town, và trở thành giáo sư chính thức môn văn học Anh.

Giữa những năm 1984 và 2003, ông thường xuyên giảng dạy tại Hoa Kỳ: Đại học Tiểu bang New York, Đại học Johns Hopkins, Đại học Harvard, Đại học Stanford và Đại học Chicago, nơi ông là thành viên của Ủy ban Tư tưởng Xã hội trong sáu năm.

Coetzee bắt đầu viết tiểu thuyết từ năm 1969. Tác phẩm đầu tiên *Dusklands*, xuất bản tại Nam Phi năm 1974. Tác phẩm *In the Heart of the Country* (1977) (xuất bản ở Việt Nam dưới tên gọi “*Giữa miền đất ấy*”) đã đoạt giải văn chương Nam Phi, giải CNA, và được xuất bản rộng rãi tại Anh và Mỹ. Danh tiếng của ông được khẳng định nhờ tác phẩm *Life & Times of Michael K* (1983), đã được xuất bản tại Việt Nam với tên gọi *Cuộc đời và thời đại của Michael K*.

Sau đó, ông liên tiếp đoạt hai giải Booker cho cuốn *Foe* (1986) và *Age of Iron* (1990) (đã xuất bản tại Việt Nam với tên gọi “*Thời đồ sắt*”). Ông cũng được trao tặng Giải Jerusalem năm 1987.

Coetzee cũng viết hai cuốn hồi ký tiểu thuyết là *Boyhood* (1997), *Youth* (2002), và *White Writing* (1988) - một bộ tiểu luận về văn chương và văn hóa Nam Mỹ. *Doubling the Point* (1992) gồm những bài tiểu luận và phỏng vấn với David Attwell. *Giving Offense* (1996) là một nghiên cứu về kiểm duyệt văn chương. *Stranger Shores* (2001) là tập hợp những tiểu luận văn chương sau này. Coetzee còn là một phiên dịch viên xuất sắc từ tiếng Hà Lan và tiếng Afrikaan sang tiếng

Anh. Ông đã đạt giải Nobel Văn học năm 2003 cho tiểu thuyết *Disgrace* (đã được xuất bản ở Việt Nam với tựa sách “*Ruồng bỏ*”).

Những tổn thương do chủ nghĩa phân biệt chủng tộc gây ra là chủ đề xuyên suốt các tiểu thuyết của ông, cho dù câu chuyện có thể không xảy ra ở Nam Phi. John Maxwell Coetzee đã dũng cảm phơi bày những xung đột chủng tộc và chính trị trong và sau thời kỳ tồn tại của chế độ apartheid tại Nam Phi.

Từ chối tham dự mọi cuộc phỏng vấn, kể cả khi Giải Nobel văn chương đến với ông, dường như J.M. Coetzee muốn để những tác phẩm nói hộ những điều ông suy nghĩ. Và *Waiting for the Barbarians* (Đợi bọn mọi) cũng là một tác phẩm như thế.

BachvietBooks

Tôi chưa từng thấy thứ gì giống như vậy. Hai miếng thủy tinh tròn nhỏ lồng trong khung kim loại mảnh treo lơ lửng ngay trước mắt ông ta. Ông ấy mù chẳng? Tôi có thể hiểu được nếu quả thực ông ta muốn giấu đi đôi mắt tật nguyền của mình, nhưng ông ta chẳng hề mù. Hai miếng thủy tinh sẫm màu tưởng chừng mờ đục tăm tối nếu nhìn từ bên ngoài, nhưng thực ra ông ta có thể nhìn xuyên qua chúng. Ông nói với tôi đó là một sáng chế mới. “Chúng bảo vệ mắt ta khỏi bị chói nắng. Ông sẽ thấy chúng rất hữu dụng ở vùng sa mạc này. Nhờ có nó, ông khỏi phải nheo mắt cả ngày. Thế là đỡ nhức đầu. Đây ông xem.” Ông ta vuốt nhẹ lên khóe mắt, “Không một nếp nhăn nhé”, rồi lại mang kính vào. Đúng thế thật. Ông có làn da trẻ hơn so với tuổi. “Ở bên nhà ai cũng đeo chúng cả.”

Ngồi trong căn phòng tiện nghi nhất quán trọ, giữa chúng tôi là bình rượu và một bát quả hạch. Chẳng ai đả động gì tới lý do ông ta có mặt ở đây. Ông được điều đến đây với quyền hạn đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp, vậy là đủ hiểu. Thay vào đó, chúng tôi bàn luận chuyện săn bắn. Ông kể về chuyến đi săn quy mô lớn ông tham gia gần đây nhất, với hàng ngàn con hươu, heo và gấu bị tiêu diệt, nhiều đến mức cả đồng xác động vật bị bỏ mặc cho thối rữa (“kể cũng phí thật”). Tôi thuật lại chuyện ngỗng và vịt sà xuống mặt hồ từng đàn lớn trong các chuyến di cư hàng năm và cách đánh bẫy của dân địa phương. Tôi gợi ý sẽ dẫn ông đi câu đêm trên một chiếc thuyền mộc. “Đó là một trải nghiệm không thể bỏ lỡ”, tôi nói, “ngư dân mang theo những bó đuốc cháy rừng rực và gõ trống trên mặt nước để dồn đàn cá vào chiếc lưới đã giăng sẵn”. Ông gật gù.

Ông kể lại chuyến đi thị sát ở đâu đó thuộc vùng biên nơi người ta ăn một số loại rắn như thể cao lương mỹ vị, và về con linh dương khổng lồ ông bắn được.

Ông lần bước giữa đám đồ đạc xa lạ nhưng vẫn không gỡ cặp kính râm ra. Ông đi ngủ sớm. Ông được bố trí chỗ ở tại quán trọ này vì đây là nơi lưu trú tốt nhất trong thị trấn. Tôi đã nhấn mạnh với các nhân viên ở đây rằng ông là một vị khách quan trọng. “Đại tá Joll đến từ Cục Ba”, tôi bảo họ. “Cục Ba hiện là cơ quan trọng yếu nhất của Đội Bảo an Nhân dân.” Ít nhất đó là những gì chúng tôi nghe ngóng được trong các câu chuyện ngồi lê đôi mách lồi thòi từ tủ đồ. Ông

chủ nhà trọ gật gù còn mấy cô hầu phòng thì cúi đầu vâng lệnh. “Chúng ta phải gây ấn tượng tốt với ông ấy.”

Tôi cặp chiếu ngủ ra ngoài đê, nơi những ngọn gió đêm làm dịu bớt cái oi bức. Ánh trăng soi tỏ hình dáng những người đang ngủ trên các nóc nhà bằng phẳng của thị trấn. Tôi vẫn nghe thấy tiếng trò chuyện râm ran dưới tán cây óc chó trên quảng trường. Trong bóng đêm, một tàu thuốc cháy lập lòe như đom đóm, tàn đi, rồi lại lóe sáng. Mùa hè đang chậm rãi xoay vần đến những ngày cuối. Các vườn cây đơm quả trĩu cành.

Tôi chưa trở lại thủ đô lần nào kể từ thời trai trẻ.

Tôi thức dậy trước bình minh và nhón chân xuống cầu thang, bước qua các binh sĩ còn đang say ngủ, chốc chốc lại trở mình và thở dài trong những giấc mơ về mẹ hiền và người yêu dấu. Hàng ngàn vì sao đang dõi theo chúng tôi trên trời cao. Thật vậy, chúng tôi đang ở đây, trên nóc nhà thế giới. Đã quen bước trong bóng đêm, khi ra ngoài, người ta sẽ bị hoa mắt.

Cậu lính gác cổng ngồi bắt chéo chân ngủ gà gật, trên tay vẫn ôm khẩu súng hỏa mai. Người trực cổng còn chưa mở chốt cửa và chiếc xe đẩy của anh ta nằm bên ngoài. Tôi đi qua.

“Chúng tôi không có nơi giam giữ tù nhân”, tôi giải thích. “Ở đây người ta không phạm những tội ác tày trời nên hình phạt thông thường chỉ là phạt tiền hoặc lao động cưỡng bách. Cái lều này đơn thuần là một buồng kho đựng sắt với vựa thóc, như ông thấy đấy.”

Trong buồng giam ngột ngạt và hôi hám. Không có lấy một cái cửa sổ. Hai tù nhân bị trói nằm trên sàn. Mùi hôi bốc ra từ người họ và nước tiểu lưu cữu.

Tôi gọi lính canh vào. “Làm ơn đưa ngay những gã này đi tắm rửa”.

Tôi đưa vị khách của mình vào kho thóc tối tăm lạnh lẽo. “Chúng tôi hy vọng sẽ thu được ba nghìn giạ thóc từ đất công năm nay. Chúng tôi chỉ gieo trồng một vụ mỗi năm thôi. Thời tiết đang mưa thuận gió hòa.” Sau khi trò chuyện về lũ chuột cống và cách hạn chế sự sinh sôi của chúng, chúng tôi trở lại căn lều bốc mùi tro ẩm và thấy những tù

nhân đã ở đó quỳ gối trong góc lều. Một tù nhân già và một cậu thiếu niên. “Họ bị bắt cách đây vài ngày”, tôi nói. “Đã có một vụ cướp bóc xảy ra cách đây chưa tới hai mươi dặm. Thật kỳ lạ. Bọn họ vẫn thường lánh xa pháo đài công sự. Hai người này bị bắt sau đó. Họ khai rằng mình không tham gia vụ cướp. Tôi không biết nữa. Có thể họ nói thật. Nếu ông muốn nói chuyện với họ, dĩ nhiên tôi sẽ thông ngôn giúp ông.”

Mặt cậu thiếu niên sưng húp và thâm tím, một bên mắt sưng phồng không mở nổi. Tôi ngồi xổm xuống trước mặt và vỗ nhẹ má cậu ta. “Nghe này, cậu bé”, tôi nói bằng phương ngữ của vùng biên giới, “chúng ta muốn nói chuyện với cháu”.

Cậu ta không phản ứng.

“Nó đang giả vờ”, tên lính canh nói. “Nó hiểu cả đấy.”

“Ai đánh nó vậy?”, tôi hỏi.

“Không phải tôi”, tên lính canh trả lời. “Lúc mới đến nó đã bị như vậy rồi.”

“Ai đã đánh cháu?”, tôi hỏi cậu ta.

Không nghe tôi nói, cậu ta chỉ nhìn chăm chăm qua vai, nhưng không nhìn tên lính canh mà nhắm vào ông Đại tá Joll đang đứng cạnh hắn.

Tôi quay sang Joll, “Chắc là trước đây nó chưa từng thấy thứ gì như vậy.” Tôi phác tay. “Ý tôi là cặp kính. Hắn nó nghĩ ông bị mù.” Nhưng Joll không cười đáp lại. Xem chừng ông ta muốn giữ vẻ lạnh lùng trước mặt các tù nhân.

Tôi ngồi xổm trước mặt ông già. “Nghe này, bố già. Ông bị giải về đây sau khi bị bắt trong một vụ cướp hàng. Ông thừa hiểu mức độ nghiêm trọng của vụ này và mình có thể bị trừng trị vì tội đó mà.”

Ông ta thè lưỡi ra liếm môi. Gương mặt tái nhợt và mệt lử.

“Bố già, ông thấy quý ngài đây chứ? Ngài ấy từ thủ đô đến đây để thị sát chỗ chúng ta. Ngài sẽ kiểm tra tất cả các pháo đài dọc biên giới.

Công việc của ngài ấy là truy tìm sự thật. Đó là phận sự của ngài ấy, tìm ra sự thật. Nếu ông không nói chuyện với tôi, ngài sẽ phải thẩm vấn ông. Ông hiểu không?

“Thưa ngài”, ông ta lên tiếng bằng giọng rên rỉ và hăng giọng.

“Thưa ngài, bọn tôi nào biết chuyện trộm cướp gì. Quân lính chặn đường và trói bọn tôi lại. Chẳng vì có gì. Bọn tôi đang trên đường đến đây để đi bác sĩ. Thằng nhóc này là cháu gọi tôi bằng cậu. Nó đang bị một vết thương chữa mãi chưa lành. Bọn tôi không phải quân trộm cướp. Cho các ngài đây xem vết thương của cháu đi.”

Cậu thiếu niên nhanh chóng dùng răng và một bàn tay bắt đầu tháo miếng vải quấn quanh cẳng tay. Ở lớp băng trong cùng, máu và mủ quánh lại một mảng dính chặt vào da thịt, nhưng cậu ta vẫn lật mép vải ra cho tôi xem miệng vết thương viêm tấy đỏ.

“Ngài thấy đấy”, ông già nói, “Vết thương đó chẳng thể lành được nên tôi đang trên đường đưa nó đến gặp bác sĩ thì bị quân lính chặn lại. Chuyện chỉ có thế”.

Tôi cùng vị khách của mình quay lại phía bên kia quảng trường. Ba người phụ nữ đi ngang qua chúng tôi, họ trở về từ đập tưới tiêu với những rổ quần áo trên đầu.

Cổ vẫn giữ thẳng, họ nhìn chúng tôi bằng ánh mắt tò mò. Ánh mặt trời chiếu xuống chói chang.

“Đã lâu lắm rồi chúng tôi mới bỏ tù tội phạm”, tôi nói. “Chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi, bình thường hẳn chúng tôi sẽ chẳng có gã mọi nào cho ông xem. Đám quân ăn cướp này cũng không gây họa gì to tát. Chúng ăn trộm vài con cừu hoặc đánh tháo súc vật thồ trên tàu hỏa. Thỉnh thoảng chúng tôi cướp lại của chúng. Chủ yếu là những bộ tộc nghèo túng sinh sống riêng lẻ thành nhiều nhóm nhỏ dọc con sông. Lâu dần nó trở thành lối sống. Ông già đó nói bọn họ đang trên đường đến gặp bác sĩ. Có lẽ chuyện chỉ có thế. Không ai lại cho một ông già và thằng nhóc bệnh tật gia nhập toán cướp cả.”

Tôi dần nhận ra rằng mình đang bào chữa cho họ.

“Dĩ nhiên không ai nói chắc được. Nhưng dù bọn chúng có khai

gian đi nữa thì loại người như vậy có gì hữu dụng với ông chứ?”

Tôi cố nén cảm giác phát cáu trước sự im lặng khó hiểu của ông ta, vì cặp kính tối màu bí ẩn và kệch cỡm ấy đã ti tiện che đi đôi mắt không chút tật nguyên. Ông ta bước đi, hai bàn tay khoanh trước người hết như đàn bà.

“Tuy nhiên”, ông ta nói, “Tôi vẫn phải tra khảo chúng. Tối nay, nếu tiện tôi sẽ đưa một người phụ tá đi cùng. Tôi cũng cần ai đó hỗ trợ về khoản thông ngôn. Cậu lính canh kia thì sao? Cậu ta dịch được chứ?”

“Tất cả chúng tôi đều có thể cố gắng để họ hiểu mình. Ông không muốn tôi có mặt ở đó phải không?”

“Anh sẽ thấy việc này thật tế nhị. Chúng tôi đã lên kế hoạch từng bước cả rồi.”

Mọi người đều quả quyết rằng có tiếng gào thét phát ra từ kho thóc, còn tôi thì chẳng nghe thấy gì hết. Đêm đó, khi đi lo việc của mình, tôi luôn ý thức được chuyện gì có thể xảy ra, thậm chí đôi tai tôi còn rất nhạy cảm với nỗi đau của con người. Nhưng kho thóc là một tòa nhà kiên cố với những cánh cửa dày và cửa sổ rất nhỏ, nó lại nằm tít bên kia lò mổ và nhà xưởng phía nam. Hơn nữa, vùng đất từng là tiền đồn xa xôi rồi trở thành pháo đài vùng biên giới, giờ đã phát triển thành một khu nông nghiệp. Đó là một thị trấn ba nghìn dân, nơi sự huyên náo của cuộc sống và âm thanh từ tất thảy ba nghìn con người trong một buổi tối mùa hè ấm áp chẳng thể lặn đi chỉ vì ở đâu đó có kẻ đang gào khóc. (Ở góc độ nào đó, tôi bắt đầu viện cớ cho bản thân.)

Khi Đại tá Joll có thời gian rảnh, tôi đã gặp lại ông ta và đề cập đến vấn đề tra tấn tù nhân. “Sẽ ra sao nếu tù nhân của ông đang khai thật”, tôi hỏi, “rồi họ nhận ra không ai tin lời mình? Tình cảnh đó không phải rất tồi tệ sao? Thử tưởng tượng mà xem. bị ép khai, khai bằng hết, khi không còn gì để khai và đã hoàn toàn suy sụp, vẫn buộc phải khai tiếp! Cả một trọng trách đặt lên vai người thẩm vấn! Làm thế nào ông biết được phạm nhân có đang khai thật hay không?”

“Nghe giọng là biết”, Joll nói. “Luôn có một giọng điệu đặc trưng khi bọn chúng khai thật. Kinh nghiệm và quá trình huấn luyện đã dạy

chúng tôi cách nhận biết điều đó.”

“Chất giọng thành thật! Ông có thể nhận ra nó khi đối thoại hàng ngày sao? Ông biết tôi đang nói thật hay không ư?”

Đó là khoảnh khắc thân mật nhất từng có giữa chúng tôi, khi ông ta phủ nhận điều tôi vừa nói bằng một cái phẩy tay nhẹ nhàng. “Không phải, anh hiểu nhầm ý tôi rồi. Lúc này tôi chỉ đang đề cập đến những tình huống đặc biệt, trong trường hợp tôi đang điều tra để tìm ra sự thật thì tôi phải gây sức ép để truy cho bằng được.”

Đầu tiên bọn chúng nói dối, anh thấy đấy - chuyện diễn ra như thế này - thoát đầu là những lời nói dối, ta gây áp lực, chúng bắt đầu quanh co, rồi ta lại gây áp lực nhiều hơn, làm chúng lờ lờ, thế là ta tiếp tục dồn ép, và cuối cùng có được sự thật. Đó là cách anh lấy được lời khai.”

Chỉ có đau đớn mới là thật, tất cả những thứ khác đều đáng ngờ. Tôi học được điều này từ cuộc trò chuyện với đại tá Joll, người có bộ móng tay thon dài, những chiếc khăn tay màu hoa cà và bàn chân mảnh khảnh trong đôi giày đế mềm luôn khiến tôi hình dung ra cảnh ông ta đang nhỏ to trò chuyện với bạn bè trên hành lang rạp hát giữa các màn diễn ở thủ đô nơi ông ta đang mong ngóng được quay về.

Mặt khác, tôi là ai mà đòi giữ khoảng cách với Đại tá Joll? Tôi ăn uống cùng ông ta, đưa ông ta đi ngắm cảnh, giúp đỡ mọi thứ ông ta cần theo thư ủy nhiệm, và hơn thế nữa. Chính phủ không yêu cầu công chức của mình phải yêu thương lẫn nhau, mà chỉ đơn thuần là ai làm phận sự của người nấy.

Bản báo cáo ông ta soạn cho tôi với tư cách là quan tòa rất vắn tắt.

“Trong suốt quá trình thẩm vấn, lời khai của phạm nhân lộ rõ nhiều mâu thuẫn. Bị vạch trần những điểm này, tù nhân đã nổi điên và tấn công sĩ quan điều tra. Một trận ẩu đả đã xảy ra sau đó khiến tù nhân bị đập mạnh vào tường. Nỗ lực phục hồi cho anh ta bất thành.”

Để hoàn thành đúng luật định, tôi đã cho gọi lính canh vào và bảo cậu ta tường thuật cho tôi nghe. Cậu ta kể còn tôi thì ghi lại những lời cậu ta nói. “Tù nhân trở nên không thể kiểm soát được và đã tấn công sĩ quan thị sát. Tôi đã được gọi vào để giúp viên sĩ quan trấn áp anh

ta. Vừa lúc tôi vào thì cuộc giảng co kết thúc. Tù nhân đã bất tỉnh và chảy máu mũi.” Tôi chỉ chỗ cho cậu ta ký tên vào. Cậu ta đón cây bút từ tay tôi một cách cung kính.

“Có phải viên sĩ quan đã bảo cậu nói vậy với tôi không?” Tôi nhẹ nhàng hỏi cậu ta.

“Vâng, thưa ngài”, cậu ta trả lời.

“Lúc ấy tay người tù bị trói phải không?” “Vâng, thưa ngài. Ý tôi là, không, thưa ngài.”

Tôi cho cậu ta ra ngoài và điền vào giấy chứng nhận mai táng.

Nhưng trước khi đi ngủ, tôi lại xách đèn lồng bằng ngang quảng trường và vòng qua những con đường phía sau để đến kho thóc. Có lính gác mới ở cửa lều và một cậu bé tá điền khác đang quăn chăn ngủ. Tiếng kêu của con đế ngưng bật khi tôi lại gần. Tiếng động khi tôi đẩy chốt cửa không làm cậu lính canh thức giấc. Bước vào trong lều và giơ đèn lên cao, tôi nhận ra rằng mình đang xâm phạm vùng thánh địa, hay vùng vô đạo, nói sao cũng được, khu vực cấm đầy bí ẩn của Chính phủ.

Cậu bé nằm trên một đồng rom trong góc lều, còn sống và vẫn ổn. Cậu ta vờ như đang ngủ, nhưng tư thế nằm căng thẳng đã lật tẩy tất cả. Tay cậu bị trói trước người. Ở góc bên kia lều là một cái bọc màu trắng.

Tôi lay cậu lính gác dậy. “Ai bảo cậu để tử thi ở đó? Ai đã khâu tấm vải liệm lại?”

Cậu ta nhận ra sự giận dữ trong giọng nói của tôi. “Là người đàn ông đi cùng với Ngài kia, thưa ông. Ông ta đã ở đây khi tôi vào làm nhiệm vụ. Tôi nghe ông ta bảo thẳng nhóc rằng, ‘Ngủ với ông mày đi, giữ ấm cho ông ấy’. Trông ông ta như thể sẽ khâu luôn thẳng bé vào chung một tấm vải liệm, nhưng rồi ông ta lại không làm.”

Trong lúc cậu bé vẫn đang nằm ngủ trong tư thế cứng đờ, mắt nhắm nghiền, chúng tôi mang tử thi đi. Ngay trên sân, cậu lính gác giữ đèn để tôi tìm đường khâu của tấm vải bằng mũi ghim của con dao mang theo rồi xé tấm vải liệm ra và lật ngược xuống từ phía trên

đầu ông già.

Máu dính bết trên bộ râu màu xám. Bờ môi dập nát và bị kéo xệch xuống, để lộ ra những cái răng gãy lìa. Một mắt ông trợn ngược lên, hốc mắt bên kia chỉ còn là một cái lỗ đầy máu. “Đóng lại đi”, tôi nói. Anh lính gác kéo mép tấm vải liệm lại. Nó lại mở ra. “Họ nói rằng ông ấy đã đập đầu vào tường.”

“Ông nghĩ sao?”, anh ta thận trọng nhìn tôi. “Lấy vài sợi dây và buộc chặt lại.”

Tôi lia đèn qua chỗ cậu bé. Cậu ấy không hề nhúc nhích, nhưng khi tôi cúi xuống chạm vào má cậu, người cậu bé chùng xuống và toàn thân bắt đầu run lên từng đợt. “Nghe ta này, cậu bé”, tôi nói, “Ta sẽ không làm hại cháu”. Cậu ta thu mình lại và giờ hai cánh tay đang bị trói lên trước mặt. Chúng sừng phồng và tím tái. Tôi lần tìm nút thắt dây trói. Mọi hành động của tôi nhằm thể hiện thiện ý với cậu bé đều thật vụng về. “Nghe này. Cháu phải khai thật với viên cảnh sát. Đó là tất cả những gì ông ta muốn nghe từ cháu - sự thật. Chỉ cần chắc chắn là cháu đang nói thật, ông ta sẽ không làm cháu đau. Nhưng cháu phải kể cho ông ấy nghe mọi thứ cháu biết. Cháu phải trả lời mọi câu hỏi của ông ta một cách thành thật. Dù có bị đau đớn, cũng đừng để mất lòng can đảm.” Không đồng tình với việc trói thẳng bé, cuối cùng tôi đã nói lỏng sợi dây trói cho cậu ấy. “Chà xát hai tay cháu vào nhau cho đến khi máu bắt đầu chảy.” Tôi xoa hai tay cậu ấy trong bàn tay mình. Cậu bé gập ngón tay lại một cách đau đớn. Tôi chẳng thể làm gì hơn ngoài việc đóng giả một bà mẹ an ủi đứa con mình giữa những cơn giận dữ của bố nó. Tôi vẫn không quên rằng một nhà thẩm vấn có thể mang hai mặt nạ và trò chuyện bằng hai giọng. Khi thì dữ dằn, lúc lại ngọt ngào dụ dỗ.

“Nó đã được ăn gì tối nay chưa?”, tôi hỏi lính canh.

“Tôi không biết.”

“Cháu ăn gì chưa?”, tôi hỏi cậu bé. Cậu ta lắc đầu. Tôi cảm thấy tim mình nặng như đá. Tôi không bao giờ muốn dính vào vụ này. Tôi không biết nó sẽ kết thúc ở đâu. Tôi quay sang cậu lính canh. “Giờ tôi phải đi rồi, nhưng có ba việc tôi muốn anh làm. Thứ nhất, khi tay cậu bé khá hơn, tôi muốn anh trói chúng lại, nhưng đừng trói chặt quá đến nỗi chúng sừng lên. Thứ hai, tôi muốn anh để nguyên tử thi trên

sân như vậy. Đừng mang nó trở lại đây. Sáng sớm mai tôi sẽ gửi một đội đến lo việc chôn cất, và anh sẽ giao tử thi cho họ. Nếu có ai hỏi gì, cứ nói là tôi ra lệnh. Thứ ba, tôi muốn anh khóa cửa lều lại và đi cùng tôi. Tôi sẽ vào bếp lấy chút gì đó đưa anh mang về cho thằng bé ăn. Đi nào.”

Tôi không định dây vào vụ này. Tôi chỉ là một Quan tòa ở chốn quê mùa, một công chức có nghĩa vụ phụng sự cho Chính phủ, hàng ngày đốt thời gian ở cái vùng biên giới uể oải này, mòn mỏi chờ đến ngày nghỉ hưu. Tôi thu thuế thập phân và vài loại thuế khác, quản lý những vùng đất công, giám sát việc lo liệu cho đơn vị đồn trú, quản lý các sĩ quan cấp dưới duy nhất ở vùng biên giới này, theo sát các hoạt động buôn bán kinh doanh và làm chủ tọa ở tòa án hai lần một tuần. Thời gian còn lại, tôi ngắm mặt trời mọc rồi lặn, ăn uống ngủ nghỉ và bằng lòng với cuộc sống của mình.

Khi qua đời, tôi hy vọng sẽ được khen tặng ba dòng trong một cột báo nhỏ của tờ Đế quốc. Tôi không đòi hỏi gì hơn một cuộc sống thanh thản trong thời đại thái bình.

Nhưng năm ngoái, những câu chuyện về bọn mọi rợ không chịu an phận ở thủ đô bắt đầu lan đến chỗ chúng tôi. Thương nhân buôn bán trên các tuyến đường vốn rất an toàn đã bị tấn công và cướp bóc. Các vụ ăn cắp ngày một gia tăng về qui mô và mức độ táo bạo. Một nhóm nhân viên điều tra đã mất tích và được tìm thấy bị chôn trong những ngôi mộ tạm bợ. Một ủy viên chính quyền tỉnh bị bắt khi đang đi tuần tra. Đã có vài vụ xung đột với đội tuần tra biên giới. Những bộ tộc mọi rợ đang chuẩn bị cho một cuộc chiến, tin đồn đã lan đi, Chính phủ nên có những biện pháp phòng ngừa, vì chần chẫn chiến tranh sẽ nổ ra.

Bản thân tôi không lấy làm lạ về tình trạng bất ổn này. Tôi đã kín đáo quan sát thấy, thời nào cũng có một giai đoạn người ta bị kích động bởi chứng sợ bọn mọi. Không một phụ nữ nào sống dọc biên giới mà chưa từng mơ thấy một bàn tay mọi rợ đen đúa từ dưới giường thò lên tóm chặt lấy mắt cá chân họ, chẳng có người đàn ông nào không tự dọa mình bằng cách tưởng tượng ra cảnh những tên mọi đen đang chèn chén no say trong nhà họ, đập vỡ bát đĩa, châm lửa đốt trụ rèm cửa, và cưỡng hiếp con gái họ. Những giấc mơ này là hệ quả của cuộc sống quá mức an nhàn.

Tôi chỉ tin những chuyện này khi được thấy tận mắt đội quân mọi rợ đó.

Ở thủ đô, người ta lo ngại rằng có thể những bộ lạc mọi rợ ở phía bắc và phía tây cuối cùng sẽ hợp nhất lại với nhau. Các sĩ quan của Bộ Tổng tham mưu được cử đi thị sát quanh vùng biên giới. Một vài đơn vị đóng quân được củng cố vững chắc hơn.

Các thương nhân đã yêu cầu đều được cấp những đội hộ tống. Và lần đầu tiên những viên chức của Cục Ba trong Đội Bảo an Nhân dân xuất hiện ở vùng biên giới, rồi cả lực lượng bảo vệ của Bang, những chuyên gia phân tích động cơ sâu xa của hành vi nổi loạn, những người cuồng tín và những tiến sĩ trong lĩnh vực thẩm vấn. Nên đừng như những năm tháng an nhàn của tôi đã sắp đến hồi kết, những năm tháng mà tôi có thể ăn ngon ngủ yên vì biết rằng dù thi thoảng có đánh trận chỗ này hay chạm trán chỗ kia, thì trái đất vẫn quay trên quỹ đạo ấy không hề suy chuyển. Giá như tôi bàn giao lại hai tên tù ngớ ngẩn này cho viên Đại tá, tôi ngẫm lại, “Bọn họ đây, thừa đại tá, ông là chuyên gia, hãy xem có thể làm gì với họ!”. Giá mà tôi đi săn vài ngày, đáng lẽ tôi nên đi săn. Có thể là một chuyến về phía thượng nguồn con sông rồi quay trở về và không biết gì về vụ này, hoặc chỉ đọc lướt qua một cách thờ ơ rồi đóng dấu vào bản báo cáo của ông ta mà không hỏi han gì về ý nghĩa của từ ‘điều tra’ cũng như những điều mờ ám đằng sau vụ này, như một nữ thần báo tử mắc kẹt dưới một phiến đá. Giá tôi sáng suốt hơn, thì hẳn bây giờ tôi có thể quay về với việc săn bắn và đi săn bằng chim ưng cùng những thú vui giải dị khác của mình trong lúc chờ đợi những vụ khiêu khích kích động lẫn nhau dừng lại và những sang chấn dọc biên giới lắng xuống. Nhưng than ôi, tôi đã không đi săn. Có lúc tôi đã dừng lại lắng tai nghe những tiếng ồn phát ra từ cái lều chứa nông cụ gần kho thóc rồi xách đèn tự mình đi xem chuyện gì xảy ra.

Mênh mông trắng xóa cả đất trời, tuyết rơi xuống từ trên trời cao nơi ánh sáng khuếch tán rộng và hiện diện khắp nơi, mặt trời như tan vào trong sương thành một ánh hào quang. Trong giấc mơ, tôi băng qua cổng doanh trại và cột cờ trống không. Quảng trường trải ra trước mắt tôi và bờ rìa của nó hòa lẫn vào bầu trời sáng rỡ. Những bức tường, cây cối và những ngôi nhà như thu nhỏ lại và yếu ớt rơi khỏi vành đai của thế giới.

Khi tôi lướt qua quảng trường, những dáng người mờ ảo nổi bật

trên sắc trắng, bọn trẻ đang xây lâu đài tuyết với lá cờ nhỏ màu đỏ cắm trên đỉnh lâu đài. Chúng đeo găng tay hở ngón, mang giày ống và quần khăn ấm để chống lại cái lạnh. Hết năm tuyết này đến năm tuyết khác, chúng xây những bức tường cho tòa lâu đài tuyết của mình và thổi ra những làn hơi màu trắng. Thành lũy xung quanh lâu đài đã được xây xong một nửa. Tôi cố gắng lắng nghe những câu nói nhanh mờ hồ kỳ quặc của bọn trẻ nhưng không vẫn nghe ra được gì.

Nhận thức được vóc người to lớn và cái bóng lưng lừng lững của mình, nên tôi không ngạc nhiên khi những đứa trẻ chạy tán loạn khắp các hướng khi tôi đến gần. Tất cả đều bỏ chạy ngoại trừ một đứa. Lớn hơn những đứa còn lại, có lẽ không còn là một đứa trẻ nữa, cô bé ngồi trong tuyết, đầu đội chiếc mũ trùm và xoay lưng về phía tôi mài miết xây cánh cửa lâu đài. Hai chân dang rộng, cô đào, vổ tuyết, rồi tạo hình. Tôi đứng đằng sau và quan sát. Cô không quay lại. Dù đã cố gắng nhưng tôi vẫn không thể hình dung ra khuôn mặt cô trong vành mũ trùm đầu có chóp nhọn.

Cậu bé nằm ngửa, chẳng mặc gì trên người và ngủ thiếp đi với những hơi thở ngắn gấp gáp. Da cậu lấp lánh mồ hôi. Lần đầu tiên, miếng băng quấn quanh vết thương rơi khỏi cánh tay cậu và tôi thấy vết thương há miệng tấy đỏ trầm trọng sau miếng băng. Tôi mang đèn tới gần hơn. Bụng và háng cậu bé lấm tẩm những đốm ghẻ nhỏ cùng nhiều vết thâm tím, những vết cắt và vài chỗ máu rỉ ra thành dòng.

“Họ đã làm gì nó?”, tôi thì thầm với cậu lính canh trạc tuổi cậu lính tối qua.

“Một con dao”, cậu lính thì thầm lại với tôi., “Chỉ là một con dao nhỏ, khoảng chừng này”. Cậu ta căng ngón cái và ngón trỏ ra để diễn tả độ dài con dao. Nắm chặt con dao tưởng tượng, cậu ta làm cử chỉ như một nhát đâm gọn vào cơ thể cậu bé đang ngủ và ngoáy con dao như một cái chìa khóa, sang trái, rồi sang phải. Sau đó cậu ta rút nó ra, thu tay lại và đứng đó chờ đợi.

Tôi quì xuống bên cạnh cậu bé, rọi đèn sát vào mặt cậu ta và lay cậu dậy. Mắt cậu ta mở ra lơ lơ rồi nhắm lại. Cậu thở dài, hơi thở gấp gáp dần chậm lại. “Nghe này!”, tôi nói. “Cháu đang gặp ác mộng. Cháu phải tỉnh dậy.” Cậu ta mở mắt và liếc nhìn tôi.

Cậu lính canh mang tới một nôi nước. “Nó có ngồi được không?”,

tôi hỏi. Cậu ta lắc đầu rồi đỡ cậu bé dậy và giúp cậu uống nước.

“Nghe này”, tôi nói. “Họ nói với ta rằng cháu đã nhận tội. Rằng cháu và ông già đó cùng những gã khác nữa ở bộ tộc của cháu đã ăn trộm cừu và ngựa. Cháu đã khai rằng đồng bọn trong bộ tộc đang trang bị vũ khí, để vào mùa xuân tất cả sẽ tham gia vào một cuộc chiến lớn chống lại Chính phủ. Cháu đang nói thật đấy à? Cháu có hiểu việc mình nhận tội có ý nghĩa gì không? Cháu có hiểu không vậy?” Tôi dừng lời, cậu ta ngoái nhìn mông lung vào khoảng không vô định bằng ánh mắt dữ dội, như một người đã kiệt sức sau khi chạy một quãng đường dài. “Điều đó có nghĩa là Chính phủ sẽ xuất binh tiến đánh bộ lạc của cháu. Sẽ có giết chóc. Họ hàng của cháu sẽ chết, thậm chí có thể là bố mẹ cháu và các anh chị em của cháu nữa.

Cháu thật sự muốn thế sao?”. Cậu ta không đáp. Tôi lắc mạnh vai và vỗ vào má cậu. Cậu ta cũng không phản ứng lại. Như thể tôi đang đập một thân ma. “Tôi nghĩ nó yếu lắm rồi”, cậu lính canh thì thầm sau lưng tôi, “bị thương rất nặng và đuối quá rồi”. Cậu bé nhắm mắt lại.

Tôi cho mời vị bác sĩ duy nhất chúng tôi có, một lão già kiếm sống bằng nghề nhỏ rãng và chế thuốc kích dục từ bột xương và máu thằn lằn. Ông ta đắp thuốc dán lên vết thương và bôi thuốc mỡ lên hàng trăm đốm ghẻ nhỏ. Ông ta hứa trong vòng một tuần, cậu bé sẽ có thể đi lại được. Sau khi dặn dò tôi cho cậu bé ăn thức ăn bổ dưỡng, ông vội vã rời đi mà không hề hỏi vì sao cậu bé lại bị những vết thương đó.

Nhưng Đại tá là một người thiếu kiên nhẫn. Kế hoạch của ông ta là mở một cuộc vây bắt nhanh gọn đám dân du cư và bắt thêm tù nhân. Ông muốn cậu bé đi cùng để chỉ đường. Ông ta còn yêu cầu tôi giao ba mươi trong số bốn mươi đơn vị đồn trú và cung cấp ngựa cho ông ta.

Tôi cố ngăn cản ông ta. “Tôi không hề muốn bất kính với ông, Đại tá”, tôi nói. “Nhưng ông không phải là một chiến binh, ông chưa từng tham gia chiến dịch nào ở những nơi khắc nghiệt như thế này. Không có ai chỉ đường cho ông trừ một đứa bé đã bị ông dọa cho mất vía nên sẽ nói bất cứ điều gì xuất hiện trong đầu nó để khiến ông hài lòng. Dù thế nào đi nữa, thằng bé đó cũng không thích hợp để đi cùng ông. Ông cũng chẳng thể trông cậy vào đám binh lính sẽ giúp mình, bọn họ

chỉ là những tá điền bị buộc đi lính theo nghĩa vụ, hầu hết đều chưa từng đi xa hơn năm dặm khỏi khu định cư. Những tên mọi mà ông đang săn đuổi sẽ đánh hơi được ông đang đến và lẩn trốn vào sa mạc, trong khi ông vẫn còn cách cả ngày đường. Bọn chúng đã sống ở đây cả đời nên biết rõ mọi ngõ ngách ở đây. Ông và tôi đều lạ nước lạ cái - ông thậm chí còn xa lạ với nơi này hơn tôi. Tôi thành thật khuyên ông không nên đi.”

Ông ta lắng nghe tôi nói hết, thậm chí (theo cảm giác của tôi) còn gọi cho tôi nói ra. Tôi chắc chắn rằng sau đó cuộc trò chuyện này sẽ được ghi lại, với lời bình phẩm rằng tôi là một kẻ ‘không an phận’. Khi đã nghe đủ những gì tôi nói, ông ta gạt đi lời can gián của tôi. “Tôi có một nhiệm vụ phải hoàn thành, thưa ngài Quan tòa. Chỉ có tôi mới biết khi nào công việc của mình kết thúc”. Và ông ta tiếp tục chuẩn bị cho chuyến đi.

Ông ta đi trên cỗ xe ngựa hai bánh màu đen có giường xếp và một chiếc bàn gấp dùng để viết cột vào mui xe bằng dây da. Tôi cung cấp cho ông ta ngựa, xe, cỏ khô và các nhu yếu phẩm dùng trong ba tuần. Một trung úy cấp thấp của đơn vị đồn trú đi cùng hộ tống ông. Tôi nói riêng với anh ta. “Đừng lệ thuộc vào người chỉ đường của các anh. Cậu bé rất yếu và đang vô cùng hoảng sợ. Hãy chú ý thời tiết. Nhớ làm mốc đánh dấu đường đi. Nhiệm vụ hàng đầu của anh là đưa vị khách của chúng ta trở về bình an vô sự.” Anh ta gật đầu.

Tôi tiến lại chỗ Đại tá Joll lần nữa, cố nắm bắt sơ qua những ý định của ông ta.

“Đúng vậy”, ông ta nói. “Dĩ nhiên tôi không nên muốn tự gây nguy hiểm cho mình khi dẫn thân vào chặng đường phía trước. Nhưng, nói chung, chúng ta sẽ xác định vị trí đám dân du cư của các anh cắm trại và sau đó tiến xa hơn nữa tùy hoàn cảnh lúc đó thế nào.”

“Tôi hỏi điều này”, tôi tiếp tục, “chỉ bởi vì nếu chẳng may ông mất tích, nhiệm vụ của bọn tôi là tìm kiếm và đưa ông trở lại với xã hội văn minh”. Chúng tôi ngừng tranh luận một lát để gặm nhấm sự châm biếm trong lời lẽ từ hai vị trí khác nhau.

“Ừ, dĩ nhiên”, ông ta nói. “Nhưng chuyện đó không thể xảy ra. Chúng tôi may mắn có được những bản đồ tuyệt vời về vùng này do chính anh cung cấp.”

“Chúng ít nhiều được vẽ ra dựa trên những lời đồn đại, Đại tá à. Tôi đã chấp vá chúng lại với nhau theo mô tả của những kẻ du hành trong suốt mười hoặc hai mươi năm qua. Tôi chưa từng đặt chân đến nơi ông sắp đi. Đơn giản là tôi đang cảnh báo ông.”

Kể từ ngày thứ hai Đại tá Joll ở đây, tôi đã thấy quá phiền phức vì sự hiện diện của ông ta, đến mức không từ nào miêu tả chính xác cảm giác của tôi hơn là đang chịu đựng ông ta. Tôi cho rằng, như một đao phủ lang thang khắp nơi, ông ta đã quen với việc bị xa lánh. (Hay điều này chỉ đúng ở những tỉnh mà đao phủ và những kẻ chuyên hành nghề tra tấn vẫn bị coi là bọn vô đạo đức?).

Nhìn ông ta, tôi tự hỏi không biết ông ta cảm thấy thế nào vào lần đầu tiên. Được mời đến như một thợ học việc để xoắn cái kim hoặc vặn cái đinh ốc, hay bất cứ việc gì những người thợ mới vào nghề vẫn làm, liệu ông ta có rùng mình dù chỉ là thoáng qua khi ngay lập tức nhận ra mình đang vi phạm những điều cấm kị? Tôi cảm thấy bản thân cũng đang thắc mắc liệu ông ta có tiến hành nghi lễ rửa tội riêng sau những khung cửa đóng chặt trước khi trở về dùng bữa với những người khác hay không. Ông ta có rửa tay thật kỹ, hoặc biết đâu còn thay tất cả quần áo, hoặc phải chăng Cục đã tạo ra một giống người mới có thể sống thanh thản giữa những tội lỗi bản thủ và sự vô tội?

Đến quá nửa đêm, tôi nghe thấy những âm thanh réo rắt và tiếng trống từ dàn nhạc dưới hàng cây óc chó già cỗi ở phía bên kia quảng trường. Đám than lớn đang cháy tạo thành một quầng sáng hồng rực trong không trung, nơi những người lính đang quay cả một con cừu, một món quà từ ‘quý ngài’. Họ sẽ chèn chén đến gần sáng và sau đó lên đường lúc rạng đông.

Tôi đi đến kho thóc bằng lối đi ở phía sau. Cậu lính không có ở vị trí đứng gác, cánh cửa dẫn ra cái lều vẫn đang mở. Vừa lúc sắp vào tới nơi, tôi nghe thấy tiếng thềm thì và cười khúc khích bên trong.

Tôi nhìn chăm chăm vào khoảng không đen đặc. “Ai ở đây vậy?”, tôi lên tiếng.

Có tiếng sờ soạng bên trong và tên lính canh trẻ va phải tôi.

“Tôi xin lỗi, thưa ông”, cậu ta nói. Tôi ngửi thấy mùi rượu nồng nặc trong hơi thở cậu ta. “Tên tù đã gọi tôi vào và tôi đang cố giúp

hắn.” Từ trong bóng tối phát ra một tràng cười.

Tôi đi ngủ, nhưng rồi lại bị đánh thức bởi một tràng nhạc khiêu vũ phát ra từ quảng trường và khi lại thiếp vào giấc ngủ, tôi mơ thấy một cơ thể đang nằm ngửa xõa xượi, một đám lông mu rậm ánh lên màu chất lỏng màu đen và vàng chảy qua bụng, trườn lên chỗ thắt lưng và lao xuống như một mũi tên nhắm vào rãnh giữa hai chân. Khi tôi đưa một tay ra để chải phần lông đó, bàn tay tôi bỗng đau nhói. Đó không phải là lông mà là một bầy ong đang tụm lại dày đặc chồng chất lên nhau. Dính dớp và nhầy nhụa, chúng bò ra khỏi khe chân và vo ve vẫy cánh.

Cử chỉ lịch sự cuối cùng của tôi là gắng tiến ngài đại tá đến tận con đường rẽ sang hướng tây bắc chạy dọc theo bờ hồ. Mặt trời đã lên và mặt hồ hắt sáng chói chang đến mức tôi phải che mắt lại. Vẫn còn mệt mỏi và nôn nao sau đêm chè chén say sưa, đám đàn ông hàng ngũ lộn xộn, tụt lại phía sau chúng tôi.

Người tù đi giữa đội hình, bị canh chừng bởi tên lính gác đi sát ngay bên cạnh. Khuôn mặt nhợt nhạt như xác chết, cậu ta chật vật ngồi trên ngựa, vết thương rõ ràng vẫn làm cậu đau đớn. Đằng sau cậu ta là đàn ngựa cùng những chiếc xe đẩy với thùng đựng nước, đồ dự phòng, và các thiết bị nặng hơn như giáo, súng hỏa mai, đạn dược và lều trại. Nhìn chung, đó là một cảnh tượng chẳng sôi nổi hào hứng gì. Đoàn người cưỡi ngựa đi xiêu vẹo, tả tơi, người thì đầu trần, những người khác mang mũ giáp nặng nề kiểu kỵ binh có đính lông chim, còn lại chỉ mang mũ da.

Tất cả họ đều ngoảnh đi tránh ánh nắng cho khỏi chói, chỉ trừ một gã vẫn lạnh lùng nhìn thẳng qua miếng kính ám khói gắn với một cái cán giữ trước mắt, bắt chước thủ lĩnh của mình. Hiệu ứng màu mè lố bịch này liệu sẽ còn lây lan đến mức nào nữa đây?

Chúng tôi đi trong im lặng. Bận rộn trên cánh đồng từ sáng tinh mơ, những người nông dân đang gặt lúa ngừng làm việc và giơ tay vẫy chào khi chúng tôi đi qua. Tại khúc cua của con đường, tôi kìm cương ngựa lại và đứng chào tạm biệt. “Chúc ngài trở về bình an, ngài Đại tá”, tôi nói. Từ cửa sổ xe ngựa, ông ta gật đầu một cách bí hiểm.

Rồi tôi quay ngựa lại, cảm thấy thật thanh thản vì trút được gánh nặng và hạnh phúc vì lại được ở một mình trong thế giới tôi biết và

hiều rõ. Tôi trèo lên tường nhìn đội hình bé nhỏ đang nương theo con đường hướng tây bắc về phía vệt xanh mờ mờ phía xa, nơi dòng sông đổ về hồ và hàng cây biến mất trong đám bụi sa mạc mù mịt. Mặt trời vẫn lừng lững vàng rực trên mặt nước. Phía nam hồ kéo dài đến vùng đầm lầy và những miền đất thấp ngập mặn. Thấp thoáng bên kia là những ngọn đồi cỏ xanh xám. Trên cánh đồng, những người nông dân đang chất lúa lên hai chiếc xe chở cỏ to lớn, cũ kĩ. Một đàn vịt trời bay vòng tròn trên cao rồi sà xuống mặt nước. Cuối hè là khoảng thời gian yên bình và sung túc. Tôi tin vào sự thái bình, thậm chí có thể là sự thái bình có được bằng mọi giá.

Cách đây đúng hai dặm về phía nam thị trấn có một đám cồn cát nổi bật trên bờ cát bằng phẳng. Bắt ếch trong vùng đầm lầy và trượt xuống triền cát bằng những miếng gỗ đã mài nhẵn là trò chơi chính của tụi trẻ con, trò thì chơi vào buổi sáng, có trò lại dành cho những buổi chiều tối khi mặt trời lặn xuống và cát bắt đầu mát. Dù gió thổi vào tất cả các mùa, cồn cát vẫn đứng vững và gắn kết với nhau bởi đám cỏ thưa thớt mọc quanh mỏm cát như một chiếc mũ, và bởi những khung gỗ mà tôi tình cờ phát hiện cách đây vài năm. Cũng nhờ cồn cát đã phủ lên những căn nhà đổ nát từ thời xa xưa, trước cả khi những tỉnh miền Tây này được sát nhập và pháo đài được xây dựng lên.

Một trong những sở thích của tôi là khai quật đồng đồ nát này. Khi không có hệ thống tưới tiêu nào phải tu sửa, tôi sẽ phạt những người phạm tội lật vật đào những cồn cát này trong ít ngày. Những người lính bị gửi đến đây vì dính án kỷ luật, và trong một lần hăng hái quá mức, tôi thậm chí đã dốc sạch tiền túi ra để trả công cho đám nhân công 'bất đắc dĩ' này.

Công việc này chẳng bấu bở gì, vì đám thợ đào phải quần quật cặm cũi dưới cái nóng của ánh nắng mặt trời hay cơn gió rét buốt mà không có chỗ trú ẩn, cát thì bay khắp nơi. Bọn họ làm việc không hăng hái cho lắm và chẳng có chung sở thích với tôi (cái sở thích mà bọn họ cho là quái gở), nản lòng khi những đồng cát nhanh chóng phủ đầy trở lại. Nhưng trong một vài năm, tôi đã thành công trong việc khai quật hoàn toàn đến tận phần nền của những khung nhà lớn nhất.

Cuộc khai quật gần đây nhất đã phát hiện ra một công trình trông như chiếc thuyền đắm giữa sa mạc, thậm chí có thể nhìn thấy được từ

những bức tường bao quanh thị trấn. Dựa vào kiến trúc, có lẽ nó là một tòa nhà công cộng hay một đền thờ nào đó. Chiếc rằm đỡ bằng gỗ dương nặng trĩu chạm trở hình đàn cá vui đùa quẩn quýt mà tôi tìm được giờ vẫn đang treo trên bếp sưởi. Tôi cũng tìm thấy một nơi giấu những mảnh gỗ nhỏ có vẽ những kí tự chữ viết mà tôi chưa thấy bao giờ. Chúng bị chôn vùi dưới nền nhà trong một cái túi tưởng chừng có thể vỡ vụn ra ngay khi vừa chạm vào. Chúng tôi từng tìm thấy những mảnh gỗ nhỏ giống như vậy trước đây, chúng nằm rải rác như những mảnh vải trong đồng đồ nát, nhưng hầu hết đã bị bào mòn bởi cát đến mức không còn đọc được chữ viết trên đó. Còn kí tự trên những mảnh gỗ mới vẫn rõ nét như thể chúng vừa được viết xong. Giờ đây, với hy vọng có thể giải mã được những kí tự in đó, tôi đã bắt tay vào việc thu thập những mảnh gỗ nhiều nhất có thể và rao thưởng cho những đứa trẻ hay chơi ở đây rằng chúng sẽ được thưởng một xu cho mỗi mảnh gỗ tìm được.

Những thanh gỗ chúng tôi tìm ra đều khô và mục nát. Nhiều thanh chỉ được cố kết với nhau nhờ cát bao quanh và khi bị lôi ra khỏi cát, chúng lập tức vỡ vụn. Những thanh khác thì chỉ cần một lực ép nhẹ nhất thôi cũng gãy lìa. Tôi không biết đám gỗ này đã bao nhiêu năm tuổi. Sự tích của đám mọi, gồm những người chẵn cừ, dân du cư và những kẻ sống lang bạt trong lều không hề nhắc đến khu định cư lâu dài nào ở gần hồ.

Không có dấu tích của con người trong những đồng đồ nát. Nếu khu này có một cái nghĩa trang thì hẳn là chúng tôi chưa tìm thấy. Những ngôi nhà không có đồ đạc gì bên trong. Trong một đồng tro, tôi đã tìm thấy những mảnh gốm vỡ làm bằng đất sét khô và vài thứ màu nâu có lẽ đã từng là một đôi giày da hay một cái mũ, nhưng chúng đã mủn ra thành nhiều mảnh ngay trước mắt tôi. Tôi không biết gỗ để xây những ngôi nhà này được lấy từ đâu.

Có lẽ vào thời đó, những tên tội phạm, nô lệ và những người lính đã kéo xe đến một nơi cách dòng sông mười hai dặm và đốn những cây bạch dương, cưa nhỏ, bào nhẵn rồi vận chuyển chúng trên những chiếc xe bò quay lại chốn căn cõi này để xây những ngôi nhà, và cả một pháo đài nữa, theo những gì tôi biết. Thời gian qua đi, những vị chủ nhân cùng các Cảnh sát trưởng, Quan tòa và Chỉ huy của họ có thể leo lên mái nhà và tòa tháp của pháo đài mỗi sáng và tối để tầm soát thế giới từ góc trời nọ đến chân trời kia nhằm truy tìm dấu vết bọn mọi.

Dường như trong công việc đào bới của mình, tôi chỉ mới khám phá ra bề nổi. Có lẽ ẩn sâu dưới nền nhà khoảng mười bước chân là đồng đồ nát của một pháo đài khác đã bị san bằng bởi những tên mọi và hàng đồng xương người chông chất của những kẻ từng nghĩ mình sẽ tìm được nơi trú ẩn an toàn dưới những bức tường cao. Tưởng chừng như khi đứng trên nền nhà của tòa án, nếu nó đúng là công trình này, tôi cũng đang đứng trên đầu của một quan tòa giống như mình, một kẻ bày tôi đội tóc giả màu xám phục vụ Chính phủ, người đã nằm xuống trên chính vũ đài nơi mình nắm quyền, đối mặt với một tên mọi trong phút cuối. Làm sao để tôi biết được chuyện này? Bằng cách đào đào bới bới như một con thỏ? Hay một ngày nào đó đám kí tự trên những mảnh gỗ sẽ nói cho tôi biết? Có tất thảy hai trăm năm mươi sáu mảnh gỗ trong cái túi. Phải chăng tình cờ con số này lại hoàn hảo đến vậy? Sau khi tôi đếm chúng lần đầu và phát hiện ra điều này, tôi đã lau sạch sẽ sàn nhà trong văn phòng của mình và trải chúng ra, đầu tiên là trải trong một ô vuông lớn, rồi trong mười sáu ô vuông nhỏ hơn, rồi tôi lại chấp nối theo những kiểu khác, vì nghĩ rằng cho đến lúc này, những gì tôi đã lấy được chính là những kí tự trong một bảng kí hiệu âm tiết. Mà cũng có thể chúng thực ra là mảnh vỡ của một bức tranh, những nét phác thảo của nó sẽ hiện ra nếu tôi sắp xếp đúng vị trí. Một bản đồ về lãnh địa của những tên mọi thời xa xưa, hoặc một bản mô tả về một ngôi đền đã mất tích. Thậm chí tôi còn nhìn thấy mình đang soi những mảnh gỗ trong gương để đọc, hoặc đang lần theo dấu vết của mảnh này từ một mảnh khác, hay đang ghép nối nửa này với nửa kia.

Một tối nọ, sau khi lũ trẻ đã chạy về nhà ăn bữa nhẹ trước khi đi ngủ, tôi nán lại trong đồng đồ nát dưới ánh sáng tím nhá nhem của thời khắc chạng vạng và những ngôi sao đầu tiên, thời điểm mà theo truyền thuyết là lúc những hồn ma thức dậy. Tôi áp tai vào bãi đất như lời những đứa trẻ đã chỉ cho tôi, để lắng nghe thứ chúng đã nghe. Những tiếng đấm thui thụi và tiếng rên rỉ dưới mặt đất, những tiếng trống đánh trầm trầm ngắt quãng. Ngay dưới má mình, tôi cảm nhận được âm thanh vù vù của cát bị cuốn đi từ một nơi nào đó, băng qua những vùng sa mạc đến một nơi cũng rất mơ hồ. Tia sáng cuối cùng lịm tắt, những thành lũy mờ dần trên nền trời và tan vào bóng đêm. Tôi đã chờ đợi khoảng một giờ đồng hồ, quán mình trong chiếc áo khoác không tay, dựa lưng vào góc một ngôi nhà, nơi người ta vẫn thường trò chuyện, ăn uống và chơi nhạc trước đây. Tôi ngồi ngắm trăng lên và mở toang mọi giác quan để cảm nhận đêm tối, chờ đợi dấu hiệu của một cái gì đó tồn tại xung quanh mình, cái gì đó dưới

chân tôi, không chỉ là cát, những bộ xương mục ruỗng, các vảy sắt gỉ hay tàn tro và mảnh gốm vỡ. Dấu hiệu ấy đã không xuất hiện. Tôi không thấy rùng mình vì sợ ma. Cái tổ trong cát của tôi thật ấm áp. Không lâu sau đó, tôi thấy mình đang ngủ gật.

Tôi đứng lên vươn vai rồi mệt mỏi lê bước xuyên qua bóng đêm êm dịu để trở về nhà, xác định phương hướng bằng cách theo dấu những đốm sáng lơ mờ phát ra từ bếp lửa của các gia đình. Thật nực cười, tôi đã nghĩ. Một lão ngớ ngẩn tóc hoa râm ngồi trong bóng tối chờ đợi những linh hồn bị lãng quên từ quá khứ đến nói chuyện với mình trước khi về nhà tận hưởng món thịt hầm nhà binh và cái giường ấm cúng của ông ta. Cái không gian nơi chúng tôi ở chỉ đơn thuần là không gian, chẳng tầm thường hay cao quý hơn không gian trong những cái lán, những căn hộ, đền thờ và những văn phòng làm việc ở thủ đô. Không gian chỉ là không gian, cuộc sống là cuộc sống, khắp nơi đều như nhau cả. Nhưng về phần tôi, được nuôi sống nhờ công sức lao động cực nhọc của người khác, nhưng lại thiếu thốn những trò tiêu khiển văn minh để khỏa lấp khoảng thời gian nhàn rỗi, nên tôi nuông chiều nỗi sầu muộn của mình và cố gắng tìm trong sa mạc hoang vu một nỗi niềm thương tâm xưa cũ. Vô nghĩa, rồi hơi, đại dột! Thật may là không ai nhìn thấy tôi lúc đó!

Hôm nay, chỉ bốn ngày sau khi khởi hành chuyến săn người, những tù nhân đầu tiên của Đại tá đã đến. Từ cửa sổ phòng mình, tôi quan sát họ đi giữa hàng lính gác cưỡi ngựa băng qua quảng trường, người đầy bụi, mệt lử, đầu cúi gằm tránh cái nhìn của những khán giả hiếu kỳ đang vây quanh họ, bọn trẻ con thì nhảy chân sáo và lũ chó đang sủa. Dưới bóng râm của bờ tường doanh trại, toán lính gác xuống ngựa, còn những tù nhân thì ngay lập tức tranh thủ ngồi xổm xuống nghỉ, mệt, chỉ trừ một cậu bé vẫn đứng trên một chân, cánh tay vịn trên vai mẹ và tò mò nhìn chằm chằm lại đám khán giả hiếu kỳ. Ai đó mang đến một xô nước cùng cái gáo múc. Bọn họ uống như chết khát đến nơi, trong khi đám người xem bầu lại càng lúc càng đông và chen chúc nhau kít mít đến nỗi tôi không thể nhìn thấy được gì nữa. Tôi nôn nóng đợi cậu lính gác đang chen lấn thoát ra khỏi đám đông và băng qua sân của khu doanh trại.

“Cậu giải thích chuyện này thế nào?”, tôi quát. Cậu ta cúi đầu, đôi tay ngọ nguậy trong túi quần. “Bọn họ là ngư dân! Sao cậu lại giải họ về đây?”

Cậu ta đưa ra một lá thư. Tôi xé niêm phong và đọc. “Vui lòng nhất và biệt giam đám nghi phạm này cho tới khi tôi quay về.” Bên dưới chữ kí của ông ta có một dấu niêm phong nữa, con dấu của Cục mà ông ta đã mang theo trong hành trình vào sa mạc và nếu ông ta bỏ mạng, tôi chắc chắn sẽ phải mở một đợt hành quân thứ hai để tìm lại con dấu đó.

“Ông ta thật lỗ bịch!”, tôi hét lên và quát tháo ầm ĩ cả căn phòng. Người ta hẳn sẽ không làm mất thể diện của các sĩ quan chỉ huy trước mặt người khác hay làm mất thể diện những ông bố trước mặt con họ bao giờ, nhưng trong tim tôi chẳng có chút lòng trung thành nào đối với người đàn ông này. “Không ai nói cho ông ta biết rằng họ chỉ là những ngư dân sao? Thật phí thời gian khi đem bọn họ về đây! Cậu có nhiệm vụ đi theo để giúp ông ta truy tìm bọn kẻ trộm, quân ăn cướp và những tên xâm lược cho Chính phủ!

Nhìn những người này giống một mối nguy hiểm cho Chính phủ lắm sao?”. Tôi ném lá thư ra cửa sổ.

Đám đông dạt ra trước mặt tôi, cho đến khi tôi đứng giữa đám đông, đối mặt với những tù nhân đáng thương. Bọn họ có vẻ ngần ngại trước thái độ giận dữ của tôi, cậu bé con ngã vào cánh tay của người mẹ. Tôi ra hiệu cho những tên lính canh. “Dọn đường và đưa đám này vào trong sân doanh trại!”. Họ dồn những người bị bắt lại và mở đường để thoát khỏi đám đông, cánh cổng doanh trại khép lại phía sau chúng tôi. “Giờ các cậu giải thích đi”, tôi nói, “không một ai trong các cậu cho ông ta hay những tù nhân này vô hại với ông ta à? Không ai trong các cậu cho ông ta biết sự khác biệt giữa một ngư dân vác lưới đánh cá với bọn kỵ sĩ nông cuồng cưỡi ngựa mang cung sao? Không một ai trong các cậu nói cho ông ta biết rằng những người này thậm chí còn không nói cùng một thứ tiếng sao?”.

Một trong những tên lính canh giải thích. “Khi nhìn thấy bọn tôi tiến đến, họ đã cố lẩn vào đám sậy. Họ thấy quân lính cưỡi ngựa đến nên đã cố chạy trốn. Vì vậy sĩ quan chỉ huy, ngài Đại tá, đã ra lệnh cho chúng tôi bắt lấy bọn họ. Bởi vì họ đang lẩn trốn.”

Tôi đến phải rửa xả vì phát bực. Một tên cảnh sát! Lập luận của một tay cảnh sát!

“Đại tá có nói vì sao ông ta muốn giải họ về đây không? Ông ta có

nói vì sao ông ta không thể thăm vấn họ ở đó không?”

“Không ai trong chúng tôi nói được thứ tiếng của bọn người này, thưa ông.”

Dĩ nhiên là không rồi! Những người sống dọc sông này là thổ dân, thậm chí còn lâu đời hơn cả đám dân du cư. Họ sống dọc theo bờ sông, trong những khu định cư với hai hoặc ba gia đình, họ câu cá, bẫy thú quanh năm và chèo xuồng đến những bờ đất tận phía nam của hồ vào mùa thu để bắt giun đỏ và phơi khô chúng làm mồi câu, họ dựng những túp lều tranh tạm bợ, khoác da thú thay quần áo nên suốt mùa đông chỉ biết rên siết vì lạnh. Họ sống trong nỗi khiếp sợ con người, lẩn lút trong những bờ lau, liệu họ có thể biết gì về một quân đoàn mọi hùng hậu đối đầu với Chính phủ?

Tôi sai một trong những tên lính canh xuống bếp tìm ít thức ăn. Anh ta quay lại với một ổ bánh mì để lại từ hôm qua và đưa nó cho tù nhân già nhất. Ông già nhận ổ bánh mì một cách kính cẩn bằng cả hai tay, ngửi ngửi rồi bẻ nhỏ ra để chia cho những người ngồi xung quanh. Họ ngấu nghiến thứ lộc trời cho này mà không ngược mắt lên. Một người phụ nữ nhỏ miếng bánh mì cô ta đã nhai ra lòng bàn tay và đút cho đứa con ăn. Tôi ra hiệu cho cậu lính canh lấy thêm bánh mì. Chúng tôi đứng nhìn bọn họ ăn như thể họ là những động vật lạ lùng.

“Để bọn họ ở trong sân”, tôi bảo những tên lính canh. “Điều này khá bất tiện cho chúng ta, nhưng chẳng còn nơi nào khác. Nếu tối nay trời lạnh tôi sẽ thu xếp cách khác. Nhớ là phải cho họ ăn. Giao việc gì đó cho họ làm để họ bận luôn tay cho tôi. Cổng phải luôn đóng. Họ sẽ không chạy trốn nhưng tôi không muốn những kẻ rối hơi kéo đến dòm ngó họ.”

Thế là tôi cố vượt giận và làm theo lời chỉ dẫn của Đại tá. Tôi “biệt giam” những tù nhân vô hại của ông. Và chỉ trong một hoặc hai ngày, những con người hoang dã này dường như quên mất họ từng có một ngôi nhà khác. Họ bị cám dỗ bởi thực phẩm miễn phí và dồi dào, đặc biệt là bánh mì, họ thư giãn, mỉm cười với mọi người, di chuyển quanh sân doanh trại từ khoảng đất có bóng râm này đến khoảng đất có bóng râm khác, họ ngủ gà ngủ gật rồi lại thức giấc và phấn khích khi đến giờ ăn. Những thói quen sinh hoạt của họ thật bộc trực và bản thủ. Một góc sân đã trở thành nhà xí, nơi cả đàn ông lẫn đàn bà

thoải mái ngồi chồm hồm đi vệ sinh và một bầy ruồi bay vo ve cả ngày.

“Giao cho chúng một cái mai!”, tôi sai đám lính, nhưng họ không sử dụng nó. Thằng bé con đã trở nên hết sức táo tợn, nó bám cứng lấy nhà bếp để năn nỉ xin cô hầu gái chút đường. Ngoài bánh mì ra thì đường và trà là những thứ vô cùng mới mẻ với họ.

Mỗi sáng, họ lấy một bọc lá trà ép và đun sôi trong một thùng nước chừng bốn gallon^[1] trên chiếc bếp lửa dựng bằng cái kiềng ba chân. Bọn họ vui sướng khi ở đây, quả thực nếu chúng tôi không xua họ đi, họ có thể ở với chúng tôi mãi mãi, vì vậy dường như việc này phần nào đã như họ thoát ra khỏi cuộc sống hoang dã của mình.

Tôi quan sát họ hàng tiếng đồng hồ từ cửa sổ trên lầu những kẻ rỗi hơi khác phải xem qua cánh cổng. Tôi quan sát những người phụ nữ đang bắt chấy, chải mái tóc đen dài và tết đuôi sam cho nhau. Một vài người trong số đó ho khan. Điều đáng chú ý là không có đứa trẻ con nào trong nhóm, ngoại trừ một đứa bé sơ sinh và cậu bé trai kia. Có phải một vài người trong số họ, những người lanh lẹ và tinh táo sau cùng đã thành công trong việc thoát khỏi sự canh giữ của những tên lính hay không? Tôi hi vọng đúng là vậy. Tôi mong rằng khi chúng tôi trả họ về lại những ngôi nhà của họ dọc con sông, họ sẽ có nhiều câu chuyện cường điệu để kể cho những người hàng xóm nghe. Tôi hi vọng rằng sự kiện bị giam cầm lần này sẽ đi vào huyền thoại của bộ tộc họ và được truyền tai từ đời cha ông cho đến cháu chắt. Nhưng tôi cũng hi vọng, những kí ức về thị trấn, với cuộc sống tiện nghi và những thực phẩm kì lạ, không đủ mạnh để cám dỗ họ quay trở lại. Tôi không muốn quản lý thêm một giống hành khát nữa.

Trong một vài ngày, đám ngư dân này là trò tiêu khiển, với tiếng nói lấp bắp lạ lùng, sự thèm ăn vô độ, thói vô tư không biết xấu hổ gần như động vật, và tính nhẹ dạ của họ. Những tên lính canh đi dạo quanh các ô cửa quan sát họ, cười cợt và buông vài câu bình luận tục tĩu về họ mà họ không hiểu được, luôn có những đứa trẻ tì mặt vào những chấn song của cánh cổng, và từ cửa sổ phòng mình, tôi ngó xuống quan sát chăm chú, dù họ không thể thấy tôi phía sau tấm kính.

Sau đó, tất cả chúng tôi không thể thương cảm bọn họ nổi nữa.

Đến ngày thứ năm, mùi hôi cùng âm thanh hỗn loạn từ những trận cãi vã và tiếng ho của họ trở nên quá mức chịu đựng. Có một trận xô xát tồi tệ xảy ra khi một người lính cố lôi một phụ nữ thuộc đám đó vào trong nhà, có lẽ chỉ để chọc chơi, ai mà biết được, và bị ném đá tới tấp. Tin đồn rằng bọn họ bị bệnh và sẽ mang dịch bệnh đến thị trấn bắt đầu lan rộng ra. Mặc dù tôi đã bảo bọn họ đào một cái hố ở một góc sân doanh trại và cho dọn sạch những thứ bẩn thỉu đi, đám người trong nhà bếp vẫn từ chối đưa cho bọn họ dụng cụ ăn uống và bắt đầu quảng thức ăn qua ô cửa như thể bọn họ đúng là thú hoang. Những tên lính canh khóa cánh cửa dẫn đến đại sảnh của doanh trại, những đứa trẻ hiếu kỳ không còn lân la ở cổng nữa. Ai đó đã ném một con mèo chết qua tường trong đêm và gây ra một trận náo động. Suốt những ngày nóng bức dài đằng đẵng, họ thần thờ đi lang thang khắp khoảng sân doanh trại trống trải. Đứa bé cứ khóc và ho suốt khiến tôi phải lẩn vào góc xa nhất trong căn hộ để thoát khỏi âm thanh đó. Tôi viết một lá thư đầy giận dữ cho Cục Ba, đơn vị bảo vệ thường trực của Chính phủ để lên án sự kém cỏi ở một trong những đặc vụ của họ. “Tại sao các ông không cử người có kinh nghiệm về biên giới đi điều tra bạo động biên giới?”, tôi viết. Nhưng tôi đã sáng suốt xé vụn lá thư ra. Tôi tự hỏi nếu mình mở khóa cổng trong đêm tối, những ngư dân đó sẽ trốn đi chứ? Nhưng tôi không làm gì cả. Rồi một ngày nọ, tôi nhận ra rằng em bé đã ngừng khóc. Khi nhìn từ cửa sổ, tôi cũng không thấy gì. Tôi cử một cậu lính canh đi tìm hiểu và anh ta thấy thi hài bé nhỏ nằm dưới mớ quần áo của mẹ nó. Cô ta sẽ không gào khóc, chúng tôi phải tách nó khỏi cô ta.

Sau chuyện đó, cô ta cứ ngồi xồm một chỗ, úp mặt xuống gối cả ngày mà không chịu ăn gì cả. Nhóm người còn lại dường như lảng tránh cô ta. Tôi tự hỏi phải chăng việc chúng tôi mang đứa bé đi chôn đã xâm phạm một phong tục nào đó của họ? Tôi nguyện rửa tên Đại tá Joll vì tất cả những phiền phức và cả sự hổ thẹn lão mang đến cho tôi.

Lúc nửa đêm ông ta trở lại. Tiếng kèn báo hiệu từ các thành lũy đã phá hỏng giấc ngủ của tôi, khu doanh trại ồn ào như ong vỡ tổ khi đám quân nhân chen lấn nhau chộp lấy vũ khí. Đầu óc vẫn đang bị xáo trộn, tôi chậm rãi mặc quần áo. Lúc tôi vào đến quảng trường, đoàn quân đã tiến qua mấy cánh cổng, vài người trong số họ cưỡi ngựa, vài người đi bộ dắt ngựa theo. Tôi đứng tụt lại phía sau trong khi đám đông hiếu kỳ lại vây quanh toán lính, đung chạm và ôm ghì lấy các quân nhân, nói cười phấn khích. “Tất cả đều an toàn!”, ai đó

hét lên. Mãi đến khi chen chân lên được vào giữa đội hình, tôi mới thấy điều mình đang lo sợ. Một chiếc xe ngựa màu đen, rồi một nhóm tù nhân đang lê bước, cổ họ bị trói lại với nhau bằng dây thừng, những dáng hình kì quái trong những tấm áo choàng làm bằng da cừu dưới ánh trăng bàng bạc, phía sau họ là những người lính cuối cùng đang dắt những chiếc xe bò và ngựa thồ.

Khi càng lúc càng nhiều người kéo đến, vài người cầm theo những bó đuốc cháy rực, và những âm thanh hỗn tạp ngày một âm ỉ, tôi quay lưng lại với chiến thắng của Đại tá và trở về dãy phòng mình. Đây là thời điểm tôi bắt đầu nhận thấy những bất lợi của cuộc sống, vì tôi đã lựa chọn cuộc sống đó, trong căn hộ bừa bãi trên những kho thực phẩm và nhà bếp dành cho sĩ quan chỉ huy quân đội vốn bao năm nay rồi vùng này không có, chứ không phải trong căn biệt thự đẹp đẽ với đám phong lữ thảo bên cửa sổ, chủ yếu được thiết kế riêng cho các quan tòa dân sự. Tôi những mong không phải nghe tiếng ồn phát ra từ cái sân bên dưới, nơi lúc này đây, có lẽ, đã vĩnh viễn trở thành một cái sân nhốt tù binh. Tôi cảm thấy mình già cả và mệt mỏi, tôi muốn ngủ. Tôi ngủ bất cứ lúc nào tôi có thể và khi thức dậy, tôi thức dậy một cách miễn cưỡng. Giấc ngủ không còn là một lần tắm táp để gột rửa vết thương và phục hồi sinh lực, mà là một sự lãng quên, một cuộc chạm trán với sự hủy diệt hàng đêm. Tôi nghĩ việc sống trong một căn hộ đã là phiền phức, nhưng không chỉ có thế.

Giả dụ tôi sống trong một căn biệt thự dành cho quan tòa trên con phố yên tĩnh nhất trong thị trấn, chủ trì các phiên tòa vào thứ Hai và thứ Năm, đi săn mỗi buổi sáng, bận rộn với việc nghiên ngẫm những tác phẩm kinh điển mỗi buổi tối, bịt tai trước những hành động của viên cảnh sát mới phát lên này, nếu tôi quyết tâm vượt qua khoảng thời gian tồi tệ và không để lộ ý định của mình, có lẽ tôi đã thôi cảm thấy mình như một người đàn ông đang vẫy vùng trong vòng kim kẹp của cơn sóng dữ, không còn ý chí đấu tranh, ngừng bơi và ngẩng mặt trước biển cả bao la, đối mặt với cái chết. Nhưng như thế mới thấy sự bứt rứt của tôi ngẫu nhiên ra sao và lệ thuộc thế nào vào việc một đứa bé sơ sinh bên dưới cửa sổ phòng tôi mới ngày nọ còn la khóc, sang ngày tiếp theo đã không nghe tiếng khóc nữa. Việc này mang lại cho tôi nỗi hổ thẹn tồi tệ nhất khi tỏ ra hoàn toàn đứng đưng trước sự hủy diệt. Ở mức độ nào đó, tôi biết quá nhiều, và chính vì sự hiểu biết này, một khi tư tưởng người ta đã bị đầu độc, dường như việc tìm lại được chính mình là điều không thể. Lẽ ra tôi không nên xách đèn lồng đi xem chuyện gì đang xảy ra trong cái lều gần kho thóc đó.

Mặt khác, một khi tôi đã cầm chiếc đèn lên, tôi không còn cách nào đặt nó xuống lại nữa. Khúc mắc này vốn dĩ không có khởi đầu, tôi cũng sẽ chẳng thể tìm ra điểm kết thúc.

Đại tá dành cả ngày tiếp theo để ngủ trong phòng ông ta ở nhà trọ, và đám nhân viên nhà trọ phải nhón chân đi rất khế khi làm việc. Tôi cố không để ý đến đọt tù binh mới trong sân doanh trại. Đáng tiếc là, tất cả những cánh cửa của khối doanh trại cũng như cầu thang dẫn lên căn hộ của tôi đều nhìn ra sân. Tôi vội vàng ra khỏi phòng trong ánh mặt trời của buổi sáng sớm, cả ngày vùi đầu vào những công việc thuê mướn ở thành phố và dùng bữa tối với những người bạn. Trên đường trở về nhà, tôi gặp viên Trung úy trẻ đã đi theo hộ tống Đại tá Joll tới sa mạc và chúc mừng anh ta vì đã trở về bình an vô sự.

“Nhưng tại sao anh không giải thích cho Đại tá rằng những ngư dân đó chẳng thể nào giúp gì được cho cuộc điều tra của ông ta?” Anh ta có vẻ bối rối. “Tôi đã nói với ông ấy như vậy”, anh ta nói, “nhưng tất cả những gì ông ta nói là, ‘tù nhân là tù nhân’. Tôi hiểu rằng mình chả có tư cách gì mà tranh cãi với ông ta”.

Ngày hôm sau, viên Đại tá bắt đầu những cuộc thẩm vấn của mình. Tôi từng nghĩ ông ta là loại người lười biếng, một viên chức quan liêu không hơn không kém với những sở thích xấu xa. Giờ tôi mới biết mình đã nhầm to. Trong công việc truy lùng sự thật, ông ta không hề biết thế nào là mệt mỏi. Việc thẩm vấn bắt đầu từ sáng sớm và vẫn còn tiếp diễn lúc tôi trở lại khi trời sập tối. Ông ta đã tranh thủ sự giúp đỡ của một thợ săn, người trong suốt cuộc đời mình đã bắn hạ vô số lợn từ khắp đầu này đến đầu kia con sông và thông thạo hàng trăm từ về ngôn ngữ của những người sống bằng nghề đánh cá. Lần lượt từng ngư dân được đưa vào căn phòng mà Đại tá đã tự bố trí, ông ta hỏi họ có nhìn thấy những chuyến hành quân của đám kỵ sĩ lạ cưỡi ngựa hay không. Ngay cả một đứa bé cũng bị hỏi. “Những người lạ có ghé thăm bố cháu trong đêm không?” (Tôi đoán vậy, dĩ nhiên, dựa vào những gì diễn ra trong căn phòng đó và sự sợ hãi, nỗi hoang mang cùng sự lảng nhục.)

Những tù nhân không được đưa trở lại sân doanh trại mà bị giải đến sảnh chính. Những tên lính đã được chia phiên lần lượt canh giữ. Trong phòng mình với cánh cửa sổ đã khép chặt, giữa cái oi bức ngột ngạt của buổi tối không có gió trời, tôi cố đọc sách và căng tai ra nghe hoặc để không phải nghe những âm thanh của sự bạo lực. Rốt cuộc

thì màn thắm vấn cũng dừng lại vào lúc nửa đêm, không có thêm tiếng sập cửa hay tiếng bước chân nặng nề nào, khoảng sân tĩnh mịch chìm trong ánh trăng, và tôi có thể mặc sức ngủ.

Niềm vui đã rời bỏ cuộc sống của tôi. Ban ngày, tôi đốt thời gian vào việc tiêu khiển với các bản danh sách và những con số, bày ra những công việc lật vạt hòng lấp đầy khoảng thời gian trống còn lại. Vào buổi tối, tôi ăn ở nhà trọ, rồi miễn cưỡng lê bước về nhà lên khu căn hộ nhỏ với những căn phòng được ngăn với nhau bằng các bức vách, nơi nhóm người coi chuồng ngựa ngủ nghỉ và mấy cô điếm chiều chuộng đám đàn ông.

Tôi ngủ say như chết. Khi tôi thức dậy vào lúc tờ mờ sáng, một cô gái đang nằm co tròn trên sàn nhà. Tôi lay cánh tay cô. “Sao em lại ngủ ở đây?”

Cô mỉm cười với tôi. “Không sao. Em cảm thấy hoàn toàn thoải mái.” Đúng thế. Nằm trên tấm trải sàn làm bằng da cừu mềm mại, cô duỗi người ra và ngáp, cơ thể nhỏ nhắn gọn gàng của cô thậm chí còn không lấp đầy được tấm thảm. “Ông đã trần trọc suốt trong lúc ngủ, ông bảo em biến đi, vì vậy em đã quyết định ngủ ở dưới này thì tốt hơn.”

“Tôi bảo em biến đi sao?”

“Vâng, ông chỉ nói mơ thôi. Đừng lo lắng.” Cô leo lên giường nằm cạnh tôi. Tôi ôm ghì cô với lòng biết ơn, không hề có chút dục vọng.

“Tối nay tôi muốn ngủ lại đây nữa”, tôi nói. Cô rúc vào ngực tôi.

Tôi chợt nghĩ rằng bất cứ điều gì tôi nói với cô đều sẽ được lắng nghe với sự cảm thông và ân cần.

Nhưng liệu tôi có thể nói gì với cô đây? “Có những chuyện khủng khiếp diễn ra trong đêm lúc em và tôi đang ngủ?” Con chó rùng rợn xé toạc ruột của bầy thỏ hoang, nhưng trái đất vẫn quay.

Một ngày và một đêm nữa, tôi cố lánh xa vương quốc thương đau. Tôi ngủ vùi trong vòng tay cô gái. Vào buổi sáng, cô lại nằm trên sàn nhà. Cô cười trước sự hoảng hốt của tôi, “Ông dùng cả tay lẫn chân mà xô em ra. Nhưng đừng lo gì cả. Chúng ta không thể khổng

chế được giấc mơ của mình hay những gì ta làm trong giấc ngủ.” Tôi rên rỉ và quay mặt đi. Tôi biết cô đã được một năm và thỉnh thoảng ghé thăm cô hai lần một tuần trong căn phòng này. Tôi cảm thấy rất mến cô, đây có lẽ là điều tốt đẹp nhất có thể mong đợi giữa một người đàn ông luống tuổi và một cô gái chỉ mới đôi mươi, chắc chắn tốt hơn là một thứ đam mê chiếm hữu. Ý định đề nghị cô về sống chung với mình đã từng thoáng qua trong đầu tôi. Tôi cố gắng nhớ xem mình đã gặp cơn ác mộng quái quỷ nào khi đẩy cô ra, nhưng không thể nhớ nổi. “Nếu tôi còn làm thế nữa, nhất định em phải đánh thức tôi dậy nhé”, tôi nói với cô.

Sau đó, khi đang ngồi trong văn phòng của mình ở tòa án, tôi được báo có khách tới thăm. Vẫn đeo cặp kính mát sẫm màu của lão, Đại tá Joll bước vào phòng và ngồi xuống đối diện với tôi. Khi mời trà lão, tôi ngạc nhiên thấy bàn tay mình thật bình tĩnh.

Đại tá Joll nói rằng lão sắp rời đi. Tôi có nên cố che giấu sự vui mừng của mình không? Nhắm nháp từng ngụm trà, ông ta ngồi thẳng lưng và đưa mắt quan sát căn phòng, hàng kệ đựng những bó giấy tờ nối tiếp nhau được buộc bằng dây ruy-băng, đồng hồ sơ quản lý vô cùng tế nhị từ hàng thập kỷ, giá sách nhỏ chứa các loại văn bản luật và bàn làm việc bừa bộn. Ông ta nói tạm thời đã hoàn thành xong việc thẩm vấn, và đang gấp rút thu xếp về lại thủ đô để làm báo cáo. Ông ta khéo léo kiềm chế vẻ đắc thắng. Tôi gật đầu ra hiệu đã hiểu những gì lão nói. “Bất kì điều gì tôi có thể làm để tạo điều kiện thuận lợi cho chuyến đi của ngài...”, tôi nói. Tôi ngập ngừng. Và trong khoảng lặng đó, như một viên đá cuội ném vào lòng hồ, tôi thốt ra câu hỏi.

“Và thưa Đại tá, những cuộc thẩm vấn của ngài với đám dân du cư và thổ dân đó - có thành công như ngài mong đợi không?”

Ông ta chụm đầu ngón tay lại với nhau trước khi trả lời câu hỏi của tôi. Tôi có cảm giác lão biết rằng những cử chỉ điệu bộ màu mè ấy tôi phát cú đến mức nào. “Vâng, Ngài quan tòa, tôi có thể nói rằng chúng ta đã có chút ít thành công. Đặc biệt là khi ngài biết rằng những cuộc thẩm vấn tương tự cũng đang được tiến hành ở các nơi khác dọc biên giới, theo cùng phương thức ấy.”

“Vậy thì tốt. Và ngài có thể cho chúng tôi biết liệu có điều gì phải lo sợ không? Chúng tôi có thể yên tâm ngủ mỗi đêm chứ?”

Khóe miệng ông ta hơi nhếch lên thành một cái cười mỉm. Rồi ông ta đứng lên, cúi chào, quay lưng, và rời đi. Sáng sớm hôm sau, cùng vài kẻ tháp tùng, ông ta khởi hành cuộc hành trình dài về hướng đông để trở về thủ đô.

Suốt một khoảng thời gian thử thách, cả ông ta và tôi đều đã kiếm chế để cư xử với nhau như những con người văn minh. Cả cuộc đời tôi đã tin tưởng vào cái gọi là hành xử có văn hóa, tuy nhiên, trong trường hợp này, tôi không thể phủ nhận, ký ức về cách hành xử đó khiến tôi phát ngán chính mình.

Việc đầu tiên tôi làm là viếng thăm các tù nhân. Mở khóa sảnh doanh trại vốn là nơi giam giữ họ, tôi phát ốm vì cái mùi buồn nôn của mồ hôi và phân người, tôi mở toang tất cả cánh cửa. “Đưa chúng ra khỏi đó!”, tôi hét lên với những tên lính cởi trần đang đứng đực ra đó quan sát tôi khi bọn họ ăn cháo. Từ trong bóng tối u ám, những tù nhân hờ hững nhìn về phía tôi. “Tiến vào và chùi rửa căn phòng kia ngay!”, tôi quát lên. “Tôi muốn mọi thứ sạch sẽ! Xà phòng và nước! Tôi muốn căn phòng lại như trước!”. Những tên lính vội vàng làm theo lệnh, nhưng hẳn đám lính đang tự hỏi vì lí do gì tôi lại trút giận lên đầu họ. Bước ra ánh sáng ban ngày, đám tù nhân chớp chớp và lấy tay che mắt lại. Một trong những phụ nữ cần phải có người dìu. Cô ta run lẩy bẩy như một bà già, dù vẫn còn trẻ. Một số khác quá yếu đến nỗi không đứng lên được.

Lần cuối cùng tôi thấy họ là cách đây năm ngày nếu tôi chắc rằng mình đã thấy họ và không hờ hững miễn cưỡng nhìn lướt qua bọn họ. Họ đã chịu đựng những gì trong năm ngày đó, tôi không biết.

Bị những tên lính gác dồn lại một chỗ, họ túm tụm thành một nhóm nhỏ vô vọng trong góc sân, dân du cư và ngư dân đứng cùng với nhau, ốm yếu, đói khát, bị thương, và sợ sệt. Sẽ tốt biết bao nếu chương đoạn tăm tối trong lịch sử thế giới này chấm dứt ngay lập tức, nếu những con người xấu xí tội nghiệp này bị xóa sổ khỏi bề mặt trái đất và chúng ta thề sẽ bắt tay làm nên một khởi đầu mới, để vận hành một Đế chế trong đó không còn sự bất công và nỗi đau nào nữa. Sẽ chẳng tốn kém là bao nếu dồn bọn họ vào sa mạc (trước tiên phải cho họ ăn một bữa, có lẽ vậy, để có thể tiến hành cuộc hành trình), bắt họ dùng chút tàn lực cuối cùng để đào một cái hố đủ lớn cho cả bọn nằm vào (hoặc thậm chí là đào huyết giùm họ!), và chôn vùi họ ở đó vĩnh viễn, rồi quay trở lại thị trấn nơi có tường bao quanh với những dự

định và bước chuyển biến mới mẻ. Nhưng đó sẽ không phải là cách của tôi. Con người mới của Đế chế phải tin tưởng vào những khởi đầu tươi mới, những chương đoạn tân thời và những trang sử sạch sẽ, tôi vật lộn với câu chuyện của quá khứ, với hi vọng trước khi khép lại, nó sẽ tiết lộ lý do vì sao tôi cho rằng quá khứ đó là đáng bận tâm. Như vậy, việc coi quản luật pháp và trật tự trong giai đoạn này đã được chuyển giao lại cho tôi, tôi ra lệnh phải cho tù nhân ăn uống, gọi bác sĩ vào để ra sức giúp họ và doanh trại phải được trả về đúng nghĩa một doanh trại, những việc này phải được thu xếp để giúp tù nhân khôi phục lại cuộc sống trước đây của họ ngay khi có thể, và chu đáo nhất trong khả năng cho phép.

Chú thích:

[1] Gallon là một đơn vị đo thể tích 1 gallon = 3,785411784 lít

2

QUỖI DƯỚI bóng râm của bức tường doanh trại cách cánh cổng mấy thước, cô quần mình trong cái áo khoác quá khổ, một cái mũ bằng lông thú để mở trước mặt cô nằm dưới đất. Cô có cặp lông mày đen và thẳng cùng mái tóc đen bóng của người thổ dân. Một phụ nữ thổ dân thì xin được gì trong thị trấn? Chẳng có gì ngoài vài đồng xu lẻ trong cái mũ.

Hơn hai lần trong ngày tôi đi ngang qua cô. Mỗi lần như vậy, cô lại chú ý đến tôi một cách lạ lùng, nhìn chăm chăm vào khoảng không phía trước cho đến khi tôi lại gần, rồi thật chậm rãi ngoảnh đầu sang hướng khác. Lần thứ hai tôi thả một đồng xu vào trong cái mũ. “Trời lạnh và tối thế này còn ở ngoài đường sao được”, tôi nói. Cô gật đầu. Mặt trời đang lặn phía sau một đám mây đen, cơn gió từ phương bắc báo hiệu sẽ có một đợt tuyết rơi, quảng trường vắng hoe, tôi bỏ đi.

Ngày kế tiếp, cô không còn ngồi đó nữa. Tôi trao đổi với người gác cổng. “Cả ngày hôm qua có một người phụ nữ ngồi xin ăn ở đây kia. Cô ấy từ đâu đến vậy?”. Cô ta bị mù, anh ta trả lời. Cô ấy là một trong số bọn mọi mà Ngài Đại Tá đưa về. Cô ấy bị bỏ rơi lại.

Vài ngày sau, tôi thấy cô băng qua quảng trường, bước đi một cách chậm chạp và lúng túng với hai cây gậy, tấm áo khoác da cừu kéo lê thành một vệt dài trên nền đất phủ bụi phía sau. Tôi ra lệnh đưa cô đến phòng tôi. Cô đứng trước mặt tôi, chống trên hai cái gậy. “Cởi mũ ra”, tôi nói. Người lính đã đưa cô đến cởi mũ ra cho cô. Chính là cô gái ấy, cô gái có mái tóc đen cắt ngang trước trán, vẫn khuôn miệng rộng đó, và đôi mắt đen nhìn xuyên suốt tôi.

“Họ nói với tôi rằng cô bị mù.”

“Tôi vẫn nhìn được”, cô ta nói. Ánh mắt cô rời khỏi khuôn mặt tôi và dừng lại ở bên phải, đầu đó phía sau tôi.

“Cô từ đâu đến?”. Bất giác tôi đưa mắt ngoái nhìn qua vai mình. Cô ta đang nhìn chăm chăm vào khoảng không trên bức tường trống. Ánh mắt kiên định, không chút lay động. Dù đã biết câu trả lời, tôi vẫn lặp lại câu hỏi. Cô ta chỉ đáp lại bằng sự im lặng.

Tôi bảo tên lính lui ra. Chỉ còn lại hai chúng tôi. “Tôi biết cô là ai”, tôi nói. “Cô ngồi xuống chứ?”

Tôi đón đôi gậy từ tay cô và giúp cô ngồi trên chiếc ghế đầu. Dưới tấm áo khoác, cái quần lạnh rộng nhét trong đôi bốt đế dày. Người cô có mùi khói, mùi áo quần cũ mốc và cả mùi cá nữa. Đôi tay cô chai cứng. “Cô kiếm sống bằng cách ăn xin à?”, tôi hỏi.

“Cô biết mình không được lưu trú trong thị trấn mà.

Chúng tôi có thể trục xuất cô bất cứ lúc nào và đuổi cô về với bộ tộc của mình.”

Cô ta vẫn ngồi nhìn đăm đăm vào khoảng không phía trước một cách bất thường.

“Nhìn tôi đây này”, tôi nói.

“Tôi đang nhìn. Đó là cách tôi nhìn.”

Tôi hươ tay trước mắt cô. Cô ta chớp mắt. Tôi ghé mặt lại gần hơn và nhìn thẳng vào đôi mắt đó. Cô dòi tầm mắt từ bức tường sang phía tôi. Hai tròng mắt màu đen trong veo như trẻ thơ nổi bật trên tròng trắng mờ đục. Tôi chạm tay vào má cô. Cô giật mình.

“Tôi vừa hỏi cô kiếm sống bằng cách nào.” Cô ta nhún vai. “Tôi giặt thuê”.

“Cô sống ở đâu?” “Tôi sống.”

“Chúng tôi không cho phép những kẻ vô gia cư sống trong thị trấn. Mùa đông đang gần kề. Cô phải có chỗ nào để ở. Nếu không cô phải trở lại với tộc của cô.”

Cô ta vẫn ngồi bất động. Tôi biết rằng mình đang nói vòng vo.

“Tôi có thể cho cô một công việc. Tôi cần một người dọn dẹp những căn phòng này ngăn nắp và chăm lo việc giặt là. Người phụ nữ đang đảm nhiệm việc này không vừa ý tôi lắm.

Cô ấy hiểu điều tôi đang đề nghị. Cô ngồi yên không nhúc nhích,

hai bàn tay đặt trong lòng.

“Cô có một mình phải không? Hãy trả lời tôi.” “Vâng”, cô nói gần như thì thầm, rồi hắng giọng, “Đúng thế”.

“Tôi vừa đề nghị cô nên đến đây mà làm việc. Cô không được ăn xin trên đường. Tôi không thể cho phép điều đó. Và cô phải có một nơi để ở. Nếu làm việc ở đây, cô có thể ở phòng dành cho đầu bếp.”

“Ông không hiểu rồi. Ông không muốn một người giống tôi đâu.” Cô ấy mò mẫm tìm gậy của mình. Tôi biết cô không thể nhìn thấy. “Tôi...”, cô giơ ngón tay trở lên, rồi nắm lại và vặn xoắn nó. Tôi không hiểu ý nghĩa của cử chỉ đó.

“Tôi có thể đi chứ?” Cô ta tự dò dẫm tìm đường đến đầu cầu thang, rồi phải chờ tôi đến giúp đi xuống lầu.

Một ngày trôi qua. Tôi nhìn chăm chú khắp quảng trường, nơi gió đang cuốn theo những đám bụi mù mịt. Hai bé trai đang chơi đùa với một cái vòng.

Chúng tung nó lên trong gió. Chiếc vòng xoay tròn bay về phía trước, chậm dần lại, rồi chuyển hướng, quay ngược về trước khi rơi xuống. Hai cậu bé ngược mặt lên trời và chạy theo cái vòng, mái tóc bị hất ngược ra sau để lộ vầng trán sáng sủa.

Tôi tìm thấy cô gái và đứng trước mặt cô. Cô ngồi tựa lưng vào một cây óc chó cổ thụ. Khó mà biết được cô có đang thức hay không. “Đến đây”, tôi nói, và chạm vào bờ vai cô. Cô lắc đầu.

“Đến đây nào”, tôi nói, “không có ai ở ngoài này đâu”. Phủi lớp bụi bám trên mũ và trả nó cho cô, tôi giúp cô bước đi, chậm rãi sánh bên cô lúc băng qua quảng trường. Quảng trường lúc này vắng hoe, chỉ còn người gác cổng đang lấy tay che phía trên mắt để nhìn chúng tôi cho rõ.

Lửa được nhóm lên. Tôi kéo rèm cửa và thắp đèn. Cô từ chối ngồi ghế, nhưng đồng ý bỏ cây gậy qua một bên và quỳ gối ở giữa tấm thảm.

“Việc này không phải như cô nghĩ”, tôi nói. Câu nói được thốt ra

một cách miễn cưỡng.

Phải chăng tôi thực sự sắp bao biện cho chính mình? Mũi cô mím lại, tai cô chắc chắn cũng đang khép chặt, cô không mong cầu gì ở những gã đàn ông già nua cùng lương tâm đang rên xiết của họ. Tôi đi lững thững xung quanh cô, lải nhải về những quy định kỳ quặc của chúng tôi và tự thấy chán ngấy chính mình. Da cô bắt đầu đỏ bừng lên trong hơi ấm của căn phòng kín. Cô kéo mạnh cổ áo choàng xuống để sưởi lửa. Tôi rùng mình nhận ra bản thân chẳng khác mấy so với những kẻ đã tra khảo cô.

“Cho tôi xem chân cô nào”, tôi lên tiếng với một chất giọng khàn lạ lắm tựa tựa giọng mình.

“Cho tôi xem họ đã làm gì đôi chân cô.”

Cô không làm theo nhưng cũng chẳng cản trở tôi. Tôi xoay sở với những sợi dây da và lỗ cài áo khoác, mở tung nó và kéo đôi ủng ra. Đó là một đôi ủng đàn ông quá khổ so với chân cô. Bên trong đôi ủng, chân cô được quấn kín lại không rõ hình dạng.

“Để tôi xem nào”, tôi nói.

Cô bắt đầu tháo đồng băng quấn bản thủ ra. Tôi rời phòng, xuống lầu đến nhà bếp rồi quay trở lại với một cái chậu và bình nước ấm. Cô ngồi chờ trên thảm với đôi chân trần. Cô có bàn chân to cùng những ngón chân tròn trịa, các móng chân cấu bản đầy đặn.

Cô vuốt một ngón tay dọc bên ngoài mắt cá chân. “Chỗ này bị bể xương. Chân kia cũng vậy.” Cô chống tay ngửa người ra sau và duỗi hai chân ra.

“Có đau không?”, tôi hỏi rồi lần tay theo chỗ cô chỉ nhưng không cảm thấy gì.

“Không đau lắm. Vết thương lành rồi. Nhưng có lẽ sẽ nhức khi mùa lạnh đến.”

“Cô nên ngồi yên đó”, tôi nói rồi giúp cô cởi áo khoác ra, đặt cô ngồi lên ghế, đổ nước ấm vào cái chậu và bắt đầu lau rửa bàn chân cho cô. Chúng vẫn còn căng cứng một lúc, nhưng sau đó thả lỏng dần.

Tôi rửa chân cho cô một cách chậm rãi, cảm giác hồi hộp tăng dần. Nắm chặt hai bắp chân chắc nịch của cô, tôi nắn những khớp xương và gân của bàn chân rồi luồn ngón tay mình vào giữa những kẽ ngón chân. Tôi chuyển vị trí sang quỳ gối bên cạnh thay vì trước mặt cô, giữ một cẳng chân giữa khuỷu tay và cạnh sườn, như thế, tôi có thể xoa bóp chân cho cô bằng cả hai tay.

Tôi chìm đắm trong công việc đang mài miết làm đến nỗi không còn nhận thức về sự hiện diện của chính cô gái. Có một miền thời gian trong tôi trống rỗng, thậm chí ngay cả tôi cũng không hiện diện trong đó. Khi tôi trở lại trạng thái tỉnh táo, những ngón tay tôi rã rời, hai chân cô gái buông thõng trong chậu nước, đầu tôi gục xuống.

Tôi lau khô chân phải rồi chuyển sang bên kia, kéo ống quần lên qua đầu gối cô, và cưỡng lại cơn buồn ngủ để bắt đầu rửa chân trái. “Đôi lúc căn phòng này rất nóng”, tôi nói. Chân cô vẫn đè nặng lên hông tôi. Tôi tiếp tục. “Tôi sẽ tìm vài dải băng sạch để quấn chân cho cô”, tôi nói, “nhưng không phải bây giờ”.

Tôi đẩy cái chậu sang một bên và lau khô chân cô. Tôi biết cô đang gắng gượng đứng dậy, nhưng lúc này, tôi nghĩ cô phải tự lo cho chính mình. Tôi nhắm mắt lại. Thật là dễ chịu biết bao khi cứ nhắm nghiền mắt lại, sung sướng tận hưởng trạng thái choáng váng. Tôi nằm dài ra thảm và thiếp đi ngay lúc đó. Nửa đêm thức dậy, tôi thấy người lạnh ngắt và cứng đờ. Lửa đã tắt, cô gái đi rồi.

Tôi quan sát cô ăn. Cô ăn bằng cách của những người mù, chỉ sờ soạng để nhận biết, mắt vẫn nhắm nhắm nhìn vào khoảng không. Cô ăn rất ngon miệng, như một phụ nữ nông thôn trẻ trung khỏe mạnh.

“Tôi không tin cô có thể nhìn thấy”, tôi lên tiếng. “Tôi có thể thấy chứ. Khi tôi nhìn thẳng thì không thấy gì cả, có...” Cô chà tay vào khoảng không trước mặt mô phỏng động tác lau cửa sổ. “Một khoảng mờ”, tôi nói.

“Có một khoảng mờ. Nhưng tôi có thể nhìn thấy những vật ở ngoài tầm mắt. Mắt trái tốt hơn mắt phải. Làm thế nào tôi có thể tìm đường đi nếu tôi không nhìn thấy?”

“Là do chúng gây ra phải không?” “Ừ.”

“Bọn đó đã làm gì cô?”

Cô nhún vai và im lặng. Đĩa thức ăn của cô trống trơn. Tôi múc thêm đậu hằm, món hình như cô rất thích. Cô ăn rất nhanh, ợ lên sau khi cầm cốc đồ uống lên, và mỉm cười. “Ăn đậu làm người ta xì hơi”, cô nói. Căn phòng thật ấm áp, áo khoác của cô treo trong góc, bên dưới là đôi ủng, cô chỉ mặc mỗi áo lót màu trắng và chiếc quần ngắn. Khi cô không nhìn tôi, tôi là một hình thù xám xịt đang di chuyển loanh quanh bất định gần tầm nhìn của cô. Khi cô nhìn tôi, tôi là một cái bóng mờ, một giọng nói, một mùi hương, một khối năng lượng ngày nọ đã ngủ thiếp đi khi đang rửa chân cho cô và ngày tiếp theo lại cho cô ăn món đậu hằm, rồi ngày kế tiếp nữa... cô không biết.

Tôi để cô ngồi, rót nước vào chậu rồi cuộn cái quần lên quá đầu gối cô. Lúc này hai chân cô đã ngập trong nước, tôi có thể nhìn thấy bàn chân trái của cô bị quặp vào trong nhiều hơn bàn chân phải, nên khi đứng, cô phải xoay sở trên hai má ngoài của đôi chân. Mắt cá chân sưng phù, biến dạng, lớp da đã thành sẹo tím tái.

Tôi bắt đầu lau rửa cho cô. Cô lần lượt giơ hai bàn chân lên. Tôi nắn và xoa bóp những ngón chân thả lỏng trong nước xà phòng trắng đục. Chẳng mấy chốc mắt tôi trĩu nặng, đầu gục xuống. Cũng là một niềm lạc thú.

Khi rửa chân cho cô, tôi bắt đầu lau hai cẳng chân. Vì vậy cô phải đứng trong chậu nước và vịn vào vai tôi. Hai tay tôi di chuyển lên xuống từ mắt cá chân đến đầu gối cô, tới rồi lại lui, siết chặt lại, vuốt ve, nắn bóp. Hai cẳng chân cô ngắn và cứng cáp, bắp chân săn chắc khỏe mạnh. thỉnh thoảng những ngón tay tôi di chuyển đến sau đầu gối cô, lần theo những đường gân, nhấn vào chỗ trũng giữa chúng. Ềm tựa lông hồng, những ngón tay tôi lần lên phía sau bắp đùi cô.

Tôi đỡ cô đến giường và lau khô cho cô bằng một chiếc khăn ấm. Tôi bắt đầu cắt và rửa móng chân cho cô, nhưng cơn buồn ngủ chợp ập đến như những con sóng nhấn chìm tôi.

Tôi thấy đầu mình gục xuống, người ngã về phía trước trong trạng thái ngẫn ngờ. Tôi cẩn thận đặt cái kéo cắt móng chân sang một bên. Và rồi, vẫn mặc nguyên quần áo, tôi nằm xuống, đầu kê bên chân cô và ôm chúng trong hai cánh tay, gối đầu mình lên đó và ngủ thiếp đi ngay.

Tôi tỉnh dậy trong bóng tối. Đèn đã tắt, vẫn còn mùi bốc cháy.

Tôi ngồi dậy và mở rèm ra. Cô gái đang nằm ngủ, cuộn tròn người và co hai đầu gối lên đến tận ngực. Khi tôi chạm vào, cô rên nhẹ và cuộn mình chặt hơn.

“Cô đang bị lạnh đó”, tôi nói, nhưng cô không nghe thấy gì. Tôi đắp một tấm chăn lên người cô, rồi thêm một lần chăn nữa.

Đầu tiên là nghi thức tắm rửa, bởi thế lúc này cô đang khóa thân. Tôi rửa chân cô, như trước, hai cẳng chân, rồi hông cô. Bàn tay đầy xà phòng của tôi di chuyển giữa hai đùi cô, một cách thờ ơ, tôi nhận thấy vậy. Cô giơ hai cánh tay lên khi tôi lau nách cô. Tôi lau phần bụng, rồi đến ngực. Tôi hất mái tóc cô qua một bên và lau cổ cho cô, rồi đến cổ họng. Cô nhăn nheo. Tôi dội nước cho sạch xà phòng và lau khô người cô.

Cô nằm trên giường và tôi thoa dầu hạnh nhân lên người cô. Tôi nhắm mắt lại và chìm đắm trong nhịp điệu của sự cọ xát, ngọn lửa vẫn cháy bùng lên và nổ tí tách trong lò sưởi.

Tôi không cảm thấy dục vọng muốn xâm nhập vào cơ thể nhỏ nhắn săn chắc đang sáng lấp lánh trong ánh lửa này. Đã một tuần kể từ lúc chúng tôi đối đáp với nhau. Tôi cho cô ăn, cho cô ở, sử dụng cơ thể cô, nếu đó là điều tôi đang làm, bằng cách thức kì lạ này. Đã từng có những khoảnh khắc cô gồng cứng người trước những tiếp xúc thân mật nào đó, nhưng bây giờ cơ thể cô đã chịu nhượng bộ khi tôi rúc mặt vào phần bụng cô hay ú hai bàn chân cô giữa hai đùi tôi. Cô hoàn toàn nhượng bộ. Thỉnh thoảng cô ngủ vùi trước khi tôi xong việc. Cô ngủ ngon lành như một đứa trẻ.

Về phần tôi, dưới đôi mắt mù của cô và trong sự ấm áp của căn phòng, tôi có thể trần truồng mà không hề xấu hổ, phơi bày hai ống chân khẳng khiu, bộ phận sinh dục thông thẹn, cái bụng phệ, bộ ngực nhão nhoẹt của một lão già và phần cổ họng nhăn nheo như da gà tây. Tôi nhận ra mình đang di chuyển mà chẳng nghĩ ngợi gì khi vẫn lơ lơ như thế, thỉnh thoảng ngồi yên sưởi ấm bên lò sưởi sau khi cô gái đã say ngủ, hoặc ngồi trên ghế đọc sách.

Nhưng thường thì khi đang mơ trốn cô, tôi hay ngủ thiếp đi như chết, rơi vào sự lãng quên, nằm sóng xoài trên người cô, và chùng

một hoặc hai tiếng sau lại thức dậy trong trạng thái choáng váng, hoang mang, cổ họng khô khốc. Những cơn ngủ mê man không mộng mị này với tôi tựa như cái chết, như thể bị bỏ bùa, tựa hồ hư không và nằm ngoài giới hạn thời gian.

Một buổi tối nọ, khi đang thoa dầu lên da đầu để xoa bóp hai bên thái dương và trán cho cô, tôi để ý thấy một bên khoe mắt cô có một nếp nhăn xám xịt như thể có con sâu bướm nằm ngay ở đó và đầu của nó sượt qua mi mắt cô.

“Đây là gì?”, tôi hỏi trong khi dùng móng tay lần theo vết hình con sâu đó.

“Đó là nơi bọn họ đã chạm vào tôi”, cô trả lời và đẩy tay tôi ra. “Có đau không?”

Cô lắc đầu.

“Để tôi xem thử.”

Càng lúc tôi càng chắc chắn rằng, một khi những dấu vết trên cơ thể cô gái chưa được giải mã hết, tôi sẽ không thể buông cô ra được.

Tôi vạch mí mắt cô ra bằng ngón cái và ngón trỏ của mình. Lần theo đến tận ngọn, vết hình con sâu đó bị cắt ngọt nơi vành mí trong màu hồng nhạt. Không còn dấu vết nào khác. Đôi mắt cô vẫn nguyên vẹn.

Tôi nhìn vào mắt cô. Liệu tôi có nên tin rằng, khi chăm chú đáp lại cái nhìn của tôi, cô chẳng thấy gì cả - có lẽ cô nhìn thấy hai bàn chân tôi, vài chỗ trong căn phòng hoặc một quầng sáng lơ mơ, nhưng ở giữa tầm nhìn của cô, nơi tôi đang ngồi, chỉ là một vệt mờ, một khoảng không trống rỗng? Tôi huơ tay một cách chậm rãi trước mặt cô và quan sát hai đồng tử. Tôi không thể thấy được bất kì sự chuyển động nào trong đó. Cô không hề chớp mắt. Nhưng cô mỉm cười. “Tại sao ông làm vậy? Ông nghĩ tôi không thể nhìn thấy à?”. Đôi mắt ấy màu nâu, sẫm đến mức gần như đen.

Tôi hôn phớt lên trán cô. “Bọn họ đã làm gì cô?”, tôi thì thầm. Giọng tôi trầm thấp, tôi mệt mỏi đu đưa chân. “Tại sao cô không muốn nói cho tôi biết?”

Cô lắc đầu. Khi tôi sắp chìm vào quên lãng, những ngón tay vốn đang lướt qua móng cô chợt cảm thấy những lần gợn chong chéo ma quái bên dưới da. “Chẳng có điều gì tồi tệ hơn những thứ chúng ta có thể hình dung”, tôi lầm bầm. Trông cô không có vẻ gì là đang nghe tôi nói. Tôi ngồi sụp xuống đi vắng, kéo cô xuống bên cạnh tôi và ngáp dài. “Kể cho tôi nào”, tôi muốn nói với cô, “đừng biến nó thành điều huyền bí, nỗi đau chỉ là nỗi đau”, nhưng những lời nói như trốn tránh tôi. Cánh tay vòng quanh người cô, môi kề sát phần hõm sau tai cô, tôi vật vã cố thốt nên lời, bóng tối bắt đầu ập xuống.

Tôi giúp cô nguôi ngoai nỗi tủi hổ vì nghề hành khất và đưa cô vào phụ giúp nấu ăn, rửa chén bát trong nhà bếp doanh trại. “Từ bếp đến giường của Quan tòa chỉ vón vẹn mười sáu bậc thang thôi mà” - đó là điều những tên lính bàn tán về mấy cô hầu gái làm trong nhà bếp. Một câu cửa miệng khác của bọn họ là. “Trước khi rời phòng mỗi sáng Quan tòa làm gì? - Ông ta bỏ nhân tình mới nhất của mình vào trong lò.” Thị trấn càng nhỏ thì càng nhiều những lời đồn nhảm tầm phào.

Không có khái niệm chuyện riêng tư ở nơi này. Ngồi lê đôi mách là chuyện thường ngày ở huyện. Ban ngày, cô rửa chén bát, nhặt rau, phụ nướng bánh mì và chuẩn bị khẩu phần ăn nhảm chán lặp đi lặp lại của đám lính. cháo yến mạch, súp và món hầm. Ngoài cô ra còn có những người phụ nữ già đã cai quản nhà bếp rất lâu từ khi tôi bắt đầu làm Quan tòa, và hai cô gái khác, cô trẻ hơn đã leo mười sáu bậc thang lên phòng tôi một hoặc hai lần vào năm ngoái. Lúc đầu, tôi lo rằng hai cô gái đó sẽ vào hùa với nhau để bắt nạt cô, nhưng không, dường như bọn họ làm quen với nhau rất nhanh. Trên đường ra ngoài đi ngang qua cửa nhà bếp, tôi nghe thấy tiếng cười khúc khích và chuyện trò râm ran bị bóp nghẹt bởi không khí nóng nực đầy hơi nước. Tôi thích thú nhận ra một vết nhói vì cảm giác ghen tị đang nhen nhóm trong lòng mình.

“Công việc có làm cô phiền lòng không?”, tôi hỏi. “Tôi thích mấy cô gái đó. Họ rất tử tế.”

“Ít nhất công việc này tốt hơn là đi ăn xin, phải không?”

“Vâng.”

Ba cô gái ngủ cùng nhau trong một căn phòng nhỏ cách nhà bếp

vài gian, nếu họ không ngủ quên ở một nơi nào đó. Đó là căn phòng cô sẽ mò mẫm tìm đường trở về trong bóng tối nếu bị tôi mời ra khỏi phòng vào lúc đêm khuya hoặc sáng sớm. Các cô bạn kia chắc chắn đã bán tán về những cuộc hẹn hò của cô và từng tình tiết sẽ lan ra khắp nơi. Người đàn ông càng lớn tuổi thì những cuộc hẹn hò mây mưa của hắn ta càng trở nên kịch cỡm trong mắt thiên hạ, như một con vật hấp hối đang giãy chết. Tôi không thể đóng vai một gã đàn ông sắt đá hay một gã góa vợ thánh thiện không dục vọng. Những tiếng cười khẩy, những câu bông đùa châm chọc và những cái nhìn ranh mãnh - đó chỉ là một phần của cái giá tôi phải trả.

“Cô có thích sống ở thị trấn không?”, tôi hỏi cô một cách thận trọng.

“Nói chung tôi thấy thích. Có nhiều việc để làm hơn.”

“Cô có nhớ tiếc gì không?” “Tôi nhớ chị gái tôi.”

“Nếu cô thật sự muốn quay về”, tôi nói, “Tôi sẽ đưa cô trở về”.

“Về đâu chứ?”, cô hỏi. Cô nằm ngửa, đôi tay đặt nhẹ nhàng trên ngực. Tôi nằm bên cạnh, nhỏ nhẹ trò chuyện với cô. Giờ nghỉ nào cũng thế, tôi sẽ ở đây, vuốt ve bụng cô, vụng về như một gã ngốc. Khi men say tình ái, nếu có thể gọi như vậy, lụi tàn dần đi, tôi bàng hoàng nhận ra bản thân đang ghì chặt cô gái lãnh đạm này mà chẳng thể nhớ nổi mình đã thêm khát điều gì ở cô và nổi sung với chính mình vì đã ham muốn hay không ham muốn cô.

Bản thân cô hoàn toàn không biết gì về những dao động trong tâm trạng tôi. Sinh hoạt hàng ngày của cô đã bắt đầu đi vào nề nếp, và cô có vẻ bằng lòng về điều đó. Mỗi sáng sau khi tôi rời đi, cô quét dọn và lau bụi bặm trong căn hộ của tôi.

Rồi cô vào bếp phụ làm bữa trưa. Buổi chiều chủ yếu là khoảng thời gian riêng của cô. Sau bữa tối, khi đã cọ rửa sạch sẽ nồi và xoong chảo, chùi sàn nhà, vẩy nước dập lửa trong bếp, cô tạm biệt mấy cô bạn và đi lên cầu thang đến phòng tôi. Cô cởi bỏ quần áo và nằm xuống, chờ đợi những cử chỉ chăm sóc không thể cất nghĩa được của tôi. Có thể tôi ngồi bên cạnh vuốt ve cơ thể cô, chờ đợi một cơn kích thích vốn dĩ chẳng bao giờ thực sự xảy ra.

Có thể tôi chỉ đơn giản thôi tắt đèn và yên lặng nằm xuống với cô. Trong bóng tối, cô nhanh chóng quên đi sự tồn tại của tôi và chìm vào giấc ngủ. Nên tôi cứ thế nằm bên cạnh tấm thân trẻ trung khỏe mạnh, trong khi tấm thân ấy vẫn đang vùi sâu vào giấc ngủ trong tình trạng sung mãn hơn bao giờ hết, thậm chí vận hành ngay cả trên những vết thương không thể chữa lành được, từ đôi mắt đến đôi bàn chân, để một lần nữa trở lại vẹn nguyên.

Tôi cố gắng lục lại trong đầu một hình ảnh nào đó về cô trước đây. Tôi phải tin rằng đã gặp cô vào ngày cô bị những tên lính đưa tới đây, cố bị trói nổi với những tù nhân mọi rợ khác. Tôi biết rằng mình hẳn đã nhìn lướt qua cô khi cô ngồi cùng những người khác trong sân doanh trại chờ đợi bất cứ điều gì sắp xảy ra. Mắt tôi đã lướt qua cô, nhưng tôi không còn giữ kí ức nào về điều đó. Ngày hôm ấy, thân thể cô vẫn chưa mang những dấu vết này, nhưng tôi phải tin rằng trước đây cô không có nó, giống như tôi phải tin rằng cô đã từng là một đứa trẻ, một cô bé con tóc đuôi sam đang chạy tung tăng đuổi theo con cừu cưng ở một tinh cầu nào đó cách xa nơi tôi đang sải bước trong niềm kiêu hãnh của đời mình. Nhưng ý nghĩ đó chẳng làm vui đi sự căng thẳng, hình ảnh đầu tiên về cô trong tôi vẫn là một cô gái ăn xin đang quỳ gối.

Tôi đã không vào trong cô. Ngay từ đầu, dự vọng trong tôi vốn chẳng đi theo hướng đó hay sự lèo lái đó. Việc nhồi nhét cái dương vật khô khan già cỗi của mình vào chỗ nóng rẫy đó làm tôi nghĩ đến chất a xít chua trong sữa, tàn tro trong mật ong và bột phấn trong bánh mì. Nhìn cơ thể trần truồng của hai chúng tôi, tôi không thể tin nổi xưa kia mình từng tưởng tượng hình hài con người giống như một bông hoa bùng nổ từ một cái nhụy trong cơ quan sinh dục. Thân thể cô và tôi như tan ra, nhẹ như mây khói, không có trọng tâm và xoay tròn trong một cơn lốc nơi này rồi đông đặc lại ở một nơi khác hay dày lên ở đâu đó, nhưng thường thì phẳng lì và trống rỗng. Tôi chẳng biết phải làm gì với cô ấy, tựa như một đám mây trên bầu trời không biết phải làm sao với những đám mây còn lại.

Tôi ngắm cô cởi quần áo, hy vọng tìm thấy một chút dấu tích của trạng thái tự do trước kia trong những chuyển động của cô. Nhưng ngay cả cử chỉ kéo áo lót qua khỏi đầu và ném nó sang một bên cũng lúng túng và đầy phòng bị, như thể cô sợ những chướng ngại vật vô hình nào đó sẽ tấn công mình. Nhìn vẻ mặt tôi có lẽ cô biết mình đang bị quan sát.

Tôi đã mua một chú cáo con lông bạc từ người bẫy thú. Nó chỉ mới vài tháng tuổi, vừa mới cai sữa, với hai hàm răng như lưỡi cưa bén ngọt. Ngày đầu tiên, cô dắt nó theo vào nhà bếp, nhưng lửa và tiếng ồn làm nó hoảng sợ nên giờ tôi giữ nó ở trên gác, nó cứ nằm cuộn tròn ở đó cả ngày dưới mớ đồ đạc. Trong đêm thỉnh thoảng tôi nghe tiếng móng vuốt của nó cào sột soạt trên nền nhà bằng gỗ khi nó quanh quẩn trong phòng. Nó uống sữa trong cái đĩa nhỏ và ăn những mẩu thịt nấu chín. Nó không được huấn luyện đi vệ sinh đúng chỗ, nên mấy căn phòng bắt đầu bốc mùi vì những thứ nó thải ra, nhưng vẫn còn quá sớm để thả cho nó chạy ngoài sân. Cứ vài ngày một lần, tôi lại cho gọi cháu trai của người đầu bếp tới, anh ta sẽ trườn ra phía sau tủ và xuống dưới những cái ghế để chùi rửa mớ phân của chú cáo con.

“Nó quả là một con vật nhỏ xinh xắn”, tôi nói. Cô nhún vai. “Động vật thuộc về thế giới hoang dã.”

“Cô muốn tôi mang nó ra hồ và thả nó đi không?” “Ông không thể làm vậy, nó còn quá nhỏ, nó sẽ chết đói hoặc những con chó lớn sẽ bắt nó.”

Vì vậy chú cáo non được ở lại. Thỉnh thoảng tôi thấy cái mõm sắc nhọn của nó thò ra từ góc tối. Còn không thì đó chỉ là một tiếng ồn trong đêm và mùi nước tiểu lan tỏa khắp nơi khi tôi chờ đợi nó đủ lớn để thả nó đi.

“Người ta sẽ đồn thổi rằng tôi nuôi hai con thú hoang trong nhà, một con cáo và một cô gái.”

Cô ấy không hiểu câu nói đùa của tôi, hoặc không thích. Mũi cô mím lại, ánh nhìn vô hồn dán chặt vào tường, tôi biết cô đang cố tròng mắt hết cỡ để tôi biết rằng cô đang giận. Tôi có cảm tình với cô ấy, nhưng tôi có thể làm gì đây? Dù tôi đóng bộ trong chiếc áo Quan tòa như khi ở văn phòng hay đứng đó trần truồng trước mặt cô hoặc mở toang lồng ngực ra cho cô thấy, thì cũng có khác gì đâu. “Tôi xin lỗi”, tôi nói, thốt ra chậm chậm từng từ. Tôi vươn năm ngón tay uể oải ra vuốt tóc cô. “Dĩ nhiên là không giống nhau.”

Tôi lần lượt gặp riêng từng người đàn ông đang làm nhiệm vụ trong lúc những tù nhân bị lấy cung hôm đó để hỏi chuyện. Tôi nhận được một kết quả giống nhau. Họ hầu như không nói chuyện với tù

nhân và không được phép vào trong căn phòng nơi diễn ra những cuộc thẩm vấn nên họ không thể kể cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra trong căn phòng đó.

Nhưng từ những người quét dọn, tôi đã có thể hình dung về căn phòng. “Chỉ có một cái bàn nhỏ, và ghế, ba chiếc ghế, một tấm chiếu trong góc phòng, còn lại hoàn toàn trống trơn... Không có lò sưởi, chỉ có một cái bếp than. Tôi cứ phải đi đổ tro suốt.”

Bây giờ, khi cuộc sống đã trở lại bình thường, căn phòng lại được đưa vào sử dụng hàng ngày. Theo yêu cầu của tôi, bốn tên lính được phân ở trong căn phòng đó phải kéo hết rương hòm của họ ra ngoài hành lang, xếp chồng mấy tấm chiếu ngủ rồi bỏ chén đĩa ly tách lên trên và gỡ mấy cái dây phơi quần áo xuống. Tôi đóng cửa phòng lại và đứng trong căn phòng trống. Không gian tĩnh mịch và lạnh lẽo. Mặt hồ đã bắt đầu đóng băng. Những bông tuyết đầu tiên bắt đầu rơi. Phía xa xa, tôi nghe thấy tiếng chuông từ một chiếc xe ngựa. Tôi nhắm mắt lại và cố gắng hình dung căn phòng ra sao hồi hai tháng trước trong suốt chuyến viếng thăm của tay Đại Tá, nhưng khó mà đắm mình trong suy tưởng khi bốn tên lính trẻ cứ lớn vồn bên ngoài, chà xát hai tay vào nhau cho bớt lạnh, giậm chân và xì xào trò chuyện, nôn nóng chờ tôi ra khỏi phòng, hơi thở nóng hổi của họ tạo thành những tiếng phù phù trong không khí.

Tôi quỳ xuống kiểm tra sàn nhà. Nó sạch sẽ và được quét dọn hàng ngày, hết như trong bất kỳ căn phòng nào ở đây. Phía trên hốc lò sưởi, có muội bồ hóng bám vào tường và trần nhà. Có một vết bồ hóng bị chùi vào tường to bằng cỡ bàn tay tôi. Những bức tường còn lại trống trơn. Tôi có thể tìm kiếm những dấu hiệu gì ở đây? Tôi mở cửa và ra hiệu cho mấy gã lính kê lại đồ đạc của họ.

Lần thứ hai tôi gặp riêng để hỏi chuyện hai lính canh đã làm nhiệm vụ trong sân doanh trại hôm đó.

“Kể cho tôi nghe chính xác chuyện gì đã xảy ra khi bọn tù nhân bị hỏi cung. Hãy cho tôi biết những gì các anh tận mắt nhìn thấy.”

Tên lính cao hơn đáp lời tôi, thẳng thắn có quai hàm rộng và thái độ hăng hái, kiểu người mà tôi luôn ưa thích. “Viên sĩ quan...”

“Viên sĩ quan cảnh sát phải không?” “Vâng...Viên sĩ quan cảnh sát

đi đến hành lang nơi bọn tù bị nhốt ở đó và chỉ định tù nhân. Chúng tôi sẽ bắt những tên ông ta muốn và đưa họ vào phòng hỏi cung sau đó mang họ trở lại.”

“Mỗi lần một người à?” “Không hẳn lúc nào cũng vậy. Có khi hai người.” “Anh biết rằng sau đó một trong những tù nhân ấy đã chết. Anh nhớ người tù đó không? Anh biết họ đã làm gì ông ta không?”

“Bọn tôi nghe nói ông ta đã nổi điên và tấn công họ.”

“Rồi thì?”

“Đó là tất cả những gì chúng tôi nghe ngóng được. Tôi giúp họ đưa ông ta quay lại hành lang. Bọn họ đều ngủ ở đó hết. Lúc đó tiếng thở của ông ta rất lạ, rất sâu và gấp gáp. Đó là lần cuối cùng tôi thấy ông ta. Ngày tiếp theo ông ta chết.”

“Tiếp tục đi. Tôi đang nghe đây. Tôi muốn anh kể cho tôi mọi thứ anh có thể nhớ được.”

Khuôn mặt thẳng nhóc trở nên căng thẳng. Tôi chắc chắn cậu ta đã được dặn phải giữ mồm giữ miệng.

“Người đàn ông đó bị thẩm vấn lâu hơn bất kì ai khác. Sau khi bị vào đó lần đầu, tôi thấy ông ta ngồi một mình trong góc, hai tay ôm đầu.” Cậu ta đưa mắt liếc về phía tên lính canh kia, “Ông ta không ăn gì cả. Ông ta không đói. Con gái ông ta ở bên cạnh. Cô ấy đã cố ép ông ta ăn nhưng ông không chịu”.

“Chuyện gì đã xảy ra với con gái ông ấy?”

“Cô ấy cũng bị hỏi cung, nhưng không quá lâu.” “Tiếp tục đi.”

Nhưng cậu ta không còn gì để kể với tôi nữa. “Nghe này”, tôi nói, “Chúng ta đều biết cô con gái là ai. Cô ấy là cô gái đang ở với tôi. Đó không phải là một bí mật nữa. Bây giờ anh tiếp tục đi, kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra”.

“Tôi không biết, thưa ngài! Hầu hết thời gian tôi không có mặt ở đó.” Cậu ta quay sang bạn mình với vẻ khẩn khoản nhờ nói giúp, nhưng hẳn ta câm lặng. “Thỉnh thoảng có tiếng thét, tôi nghĩ họ đã

đánh cô ấy, nhưng tôi không ở đó. Khi làm xong nhiệm vụ, tôi đi ra ngay theo như yêu cầu.”

“Anh biết rằng hiện tại cô ấy không thể đi lại được. Họ đã làm gãy chân cô ấy. Họ đã làm chuyện đó trước mặt người đàn ông kia, cha cô ấy, phải không?”

“Vâng, tôi nghĩ vậy.”

“Và anh cũng biết rằng cô ấy không thể nhìn thấy rõ nữa. Họ đã làm thế khi nào?”

“Thưa ngài, có quá nhiều tù nhân cần chăm sóc, vài người trong số họ bị bệnh! Tôi đã biết chân cô ấy bị gãy nhưng mãi về sau tôi mới biết chuyện cô ấy bị mù. Khi ấy tôi chẳng thể làm gì hơn được, tôi không muốn dính líu đến một vụ mà mình không hiểu!”

Tên lính bạn cậu ta không có gì để kể thêm. Tôi để họ đi. “Đừng sợ vì anh đã kể cho tôi nghe”, tôi nói với cậu ta.

Trong đêm, giấc mơ ấy lại xuất hiện. Tôi đang lê bước trên một vùng tuyết rộng lớn không có điểm kết thúc, hướng về phía một nhóm trẻ con đang chơi quanh lâu đài tuyết. Khi tôi đến gần, những đứa bé tản đi và tan biến vào không khí.

Chỉ còn lại duy nhất một người, đứa bé đội chiếc mũ trùm đầu đang ngồi xoay lưng lại phía tôi. Đứa bé vẫn tiếp tục vỗ tuyết vào các phía của tòa lâu đài, tôi đi vòng quanh nó cho đến khi có thể nhìn kỹ được bên dưới cái mũ trùm đầu. Khuôn mặt tôi nhìn thấy trống rỗng, không có đường nét, đó là khuôn mặt của một phôi thai hay một con cá heo bé xíu, đó không phải là một khuôn mặt mà là một phần khác của cơ thể con người phình ra dưới da. Nó trắng xoá, đó chính là tuyết. Tôi giờ ra một đồng xu giữa những ngón tay tê cứng.

Mùa đông đã sang. Gió thổi từ hướng bắc, và sẽ không ngừng thổi trong khoảng bốn tháng tới nữa. Tôi đứng bên cửa sổ thì trán vào tấm kính lạnh ngắt, lắng nghe tiếng gió rít qua những mái hiên, hát ngược lên rồi lại giật mạnh xuống một mái nhà lợp bằng ngói lỏng lẻo. Những đợt gió mạnh cuốn theo bụi xô đuổi nhau khắp quảng trường, bụi tấp lào xào vào cửa kính. Những hạt bụi nhỏ li ti bay mù mịt khắp bầu trời, mặt trời hòa vào nền trời màu cam và đỏ hực lên khi lặn

xuống. Thịnh thoảng, những đợt bão tuyết bất ngờ ập đến, chỉ trong chốc lát đã điểm tuyết những đốm trắng li ti khắp mặt đất. Mùa đông đang ngự trị nơi đây. Những cánh đồng trống trải, chẳng ai có lý do gì để ra khỏi những bức tường thị trấn, ngoại trừ vài người kiếm sống bằng việc đi săn. Cuộc diễu binh diễn ra hai lần một tuần của đơn vị đồn trú đã bị hoãn lại, đám lính được phép rời khỏi doanh trại vào sống trong thị trấn nếu muốn, vì ngoài ngũ nghỉ và bù khú họ chẳng có nhiều việc để làm. Khi tôi tản bộ quanh thành lũy vào sáng sớm, phân nửa số chốt canh gác trống trơn và những tên lính gác đang làm nhiệm vụ thì tê cứng vì lạnh, quần người trong những cái áo lông thú, vật vã đấu tranh gắng giơ một tay lên nghiêm chào. Lẽ ra họ có thể sung sướng nằm cuộn mình trên những chiếc giường ấm áp. Chính phủ an toàn trong những ngày mùa đông, xa khỏi tầm mắt của đám người mọi đang quây quần bên lò sưởi và nghiền răng chống lại cái lạnh thấu xương.

Năm nay không có những vị khách mọi viếng thăm. Đã từng có vài nhóm dân du cư ghé qua khu định cư vào mùa đông để cắm trại bên ngoài những bức tường và tiến hành việc trao đổi hàng hóa, họ trao đổi len, da thú, vải nỉ và những sản phẩm làm từ da thú để lấy những món hàng làm từ vải bông, trà, đường, đậu hạt và bột mì. Chúng tôi đánh giá cao những sản phẩm làm từ da thuộc của đám người mọi, đặc biệt là những đôi ủng cứng cáp họ bán. Trước đây, tôi từng khuyến khích việc buôn bán hàng hóa nhưng nghiêm cấm hình thức chi trả bằng tiền. Tôi cũng đã cố đóng cửa những quán rượu không cho họ vào. Trên tất cả, tôi không muốn thấy một nhóm người ăn bám tụ tập ở những vùng ven của thị trấn, nơi đây rấy những người ăn xin và kẻ lang thang đã biến thành nô lệ của rượu mạnh. Khoảng thời gian trước đây, tôi đã luôn buồn phiền khi nhìn thấy họ trở thành nạn nhân của những tên chủ cửa hàng xảo trá lọc lừa, trao đổi hàng hóa của họ để lấy những thứ rẻ tiền từ bọn chủ cửa hàng, say xỉn nằm dài trên những rãnh nước bẩn thỉu, và theo cách đó chính họ đã củng cố vững chắc định kiến của những người đi khai hoang về mình. Bọn người mọi rợ đó lười nhác, đời bại, bẩn thỉu và ngu ngốc. Ở nơi nền văn minh dẫn đến sự suy đồi đức hạnh của những tộc người mọi rợ và tạo ra đám người ăn bám, tôi quyết định sẽ chống lại nền văn minh đó, và tôi kiên quyết thực thi vai trò quản trị của mình dựa trên nhận định ấy. (Tôi, kể nói ra điều này hiện tại đang giữ một cô gái mọi trong giường mình!).

Nhưng năm nay, một bức màn đã buông xuống dọc biên giới.

Chúng tôi quan sát khắp vùng hoang mạc từ các thành lũy. Vì tất cả chúng tôi đều biết, những đôi mắt hau háu hơn cũng đang nhòm ngó ngược lại. Việc trao đổi hàng hóa đã đến hồi kết. Bởi theo tin tức truyền từ thủ đô, cần phải tiến hành bất kì việc gì cần thiết để bảo đảm sự an toàn cho Chính phủ, bất chấp chi phí tốn kém, chúng tôi đã quay trở lại thời kì của những cuộc lùng sục bất ngờ và phòng thủ có vũ trang. Không có gì để làm ngoài việc giữ cho grom kiếm chúng ta sáng bóng, quan sát và chờ đợi.

Tôi đốt thời gian vào những trò tiêu khiển cũ rích. Tôi đọc các tác phẩm cổ điển, tiếp tục làm mục lục cho các bộ sưu tập khác nhau của tôi, so sánh đối chiếu những bản đồ chúng tôi có được về vùng sa mạc phía bắc. Vào những ngày gió không quá mạnh, tôi tham gia cùng những người thợ đào đất để dọn sạch cát dồn lại từ những công trình đào xới, và một hoặc hai lần trong tuần, tôi một mình đi săn linh dương dọc theo bờ hồ vào sáng sớm.

Cách đây một thế hệ, số lượng linh dương và thỏ rừng nhiều đến mức những người dẫn chó đi tuần đã phải tuần tra trên khắp các cánh đồng đến tận đêm để bảo vệ những cây lúa mì non. Nhưng dưới sức ép từ khu định cư, đặc biệt là từ những con chó hoang chạy quanh và săn mồi theo bầy đàn, bầy linh dương đã rút lui về hướng đông và bắc đến cư trú ở những khúc sông thấp và xa bờ hơn. Bây giờ, thợ săn phải chuẩn bị cho cuộc đi săn ít nhất là một giờ trước khi anh ta có thể bắt đầu theo dấu con mồi.

Thỉnh thoảng, trong một buổi sáng may mắn, tôi có thể vực lại tất cả sức mạnh và sự nhanh nhẹn của thời trai trẻ. Tựa một bóng ma, tôi lướt giữa các bụi cây. Chân mang đôi ủng ngâm trong dầu nhờn suốt ba mươi năm, tôi lội băng băng qua nước lạnh. Tôi mặc một tấm da gấu lớn cũ sòn bên ngoài áo khoác. Sương muối phủ kín bộ râu của tôi nhưng những ngón tay tôi vẫn ấm áp trong đôi găng tay hở ngón. Với đôi mắt sáng quắc và thính giác nhạy bén, tôi khịt khịt mũi đánh hơi mồi như một con chó săn và cảm nhận được sự phấn khích thuần túy trong lòng.

Hôm nay, tôi để lại con ngựa loay hoay ở cuối bãi cỏ trong đầm lầy ở phía bờ tây - nam hoang vắng và bắt đầu rẽ lối băng qua những đám lau sậy. Những đợt gió lạnh lẽo và khô rát tấp thẳng vào mắt tôi, mặt trời treo lơ lửng như một quả cam trên đường chân trời với hai sọc màu đen và tía. Gần như ngay lập tức, nhờ một vận may ngớ

ngắn, tôi đột kích được một con sơn dương, một con đực với cặp sừng lớn cong cong, to lớn xù xì trong bộ da khoác mùa đông đang đứng ngang với tôi, loạng choạng khi rướn cổ ra cố đớp những cọng cỏ lau. Từ khoảng cách chưa đến ba mươi bước chân, tôi thấy nó đang điềm tĩnh nhai cỏ với chiếc hàm chuyển động xoay tròn đều đặn và nghe thấy tiếng nước bắn tung tóe khi nó nghịch ngợm thò những móng chân xuống hất nước lên. Tôi có thể thấy được những giọt nước lạnh băng đang chảy rờn rờn xuống chùm lông trên khuỷu móng chân của nó.

Khi tôi đã hoàn toàn hòa mình vào khung cảnh lạnh phắc xung quanh, con sơn dương đực bỗng rướn lên, nó gập hai chân trước dưới ngực, tôi liền lên nòng khẩu súng và ngắm từ sau vai nó. Động tác đó nhuần nhuyễn và nhanh gọn, nhưng có lẽ ánh mặt trời đã phản chiếu trên nòng súng nên khi tiếp đất nó quay đầu lại và nhìn thấy tôi. Những móng guốc của nó chạm vào lớp băng dưới chân kêu lách cách, hàm nó ngừng nhai, chúng tôi nhìn nhau chăm chăm.

Tôi không thấy tim mình đập nhanh hơn. Rõ ràng việc con sơn dương đực này chết không quan trọng đối với tôi.

Nó lại nhai tiếp, hai hàm chỉ nghiền một cái, rồi ngừng lại. Trong không gian tĩnh lặng như tờ của buổi sáng, tôi nhận thấy một thứ tình cảm mơ hồ thấp thoáng đâu đó bên rìa ý thức của mình. Với con sơn dương đang đứng sững bất động trước mắt tôi, dường như đây là lúc để quan sát hết thảy, thậm chí nhìn lại bản thân và xem xét điều gì đã làm mất đi hứng thú của buổi đi săn. Nhận thức rằng đây không còn là một cuộc đi săn sáng sớm nữa mà chỉ là khoảnh khắc hoặc con sơn dương đực chết một cách kiêu hãnh trên mặt băng vì mất máu hoặc già thợ săn già để vượt mất con mồi của mình, rằng trong thời khắc thời gian như ngừng trôi này, các vì tinh tú đã được định hình và ở nơi đó, những sự kiện không phải còn là chính nó mà chỉ tượng trưng cho những thứ khác. Tôi đứng phía sau lùm cây nhỏ, cố gắng rũ sạch cảm giác cáu bẳn lạ thường này, mãi đến khi con sơn dương xoay mình lại và chỉ trong một thoáng vẩy đuôi cùng một cú cất vó gọn gàng, nó đã mất hút vào trong đám sậy cao.

Tôi mệt mỏi lê bước vô định cả giờ liền trước khi quay về.

“Trước đây chưa bao giờ tôi có cảm giác không sống một cuộc đời của riêng mình với những nguyên tắc tự đặt ra”, tôi kể cô nghe và cố

tìm cách diễn đạt chuyện vừa xảy ra. Cô vốn không quen với kiểu nói chuyện như thế này, khi tôi gần như đang ép cô phải trả lời. “Tôi không hiểu”, cô nói và lắc đầu. “Ông không muốn bán con sơn dương đó hả?”

Có một khoảng lặng kéo dài giữa hai chúng tôi. “Nếu ông muốn làm gì đó, ông sẽ làm”, cô nói một cách quả quyết. Cô đang cố gắng diễn đạt cho dễ hiểu, nhưng có lẽ cô định nói rằng, “Nếu ông thực sự muốn làm điều gì, thì ông đã làm rồi”. Trong thứ ngôn ngữ tạm bợ chúng tôi dùng để giao tiếp với nhau, chẳng hề có sắc thái chung nào. Cô thích những gì thực tế, tôi để ý thấy vậy, và những câu châm ngôn theo lối thực dụng, chứ không thích tưởng tượng, chất vấn và ước đoán, chúng tôi là một đôi đũa lệch. Có lẽ những đứa trẻ trong tộc người mọi được nuôi dạy như thế. Sống theo kiểu thuộc lòng, bằng sự khôn ngoan từng trải của cha ông được kế thừa từ đời này qua đời khác.

“Và em”, tôi nói. “Em có làm bất cứ điều gì mình muốn không?” Tôi đánh hơi thấy sự buông thả của mình khi bị ngôn từ đưa đẩy đi quá xa một cách nguy hại. “Em ở đây, trên giường cùng với tôi bởi vì em muốn thế ư?”

Cô trần truồng nằm đó, làn da được bôi dầu của cô rực lên một màu vàng đầy sức sống trong ánh lửa.

Có những khoảnh khắc - lúc này đây tôi cảm nhận được sự bắt đầu của một trong số đó - khi mà ham muốn của tôi đối với cô ấy, thường rất mơ hồ, lấp ló trong một hình thù tôi có thể nhận ra. Bàn tay tôi khuấy động, vuốt ve cô và ôm quanh bầu ngực cô.

Cô ấy không trả lời câu hỏi của tôi, nhưng tôi lao vào, ôm siết cô và thì thầm vào tai cô với chất giọng khản đặc, “Nào, nói cho tôi biết tại sao em ở đây.”

“Bởi vì tôi chẳng biết phải đi đâu khác.” “Và tại sao tôi muốn em ở đây?”

Cô ấy vặn vẹo trong cái ôm ghì của tôi, nắm chặt tay lại chặn giữa ngực cô ấy và ngực tôi. “Vì ông cứ muốn trò chuyện suốt”, cô phàn nàn. Khoảnh khắc giản dị ấy qua đi, chúng tôi tách ra và nằm yên lặng bên cạnh nhau. Con chim nào có lòng dạ để hót trong một bụi mận gai

chứ? “Ông không nên đi săn nếu ông không có hứng thú.”

Tôi lắc đầu. Đó không phải là ý nghĩa của câu chuyện tôi kể cho cô ấy, nhưng tranh cãi thì có ích gì? Tôi giống như một gã giáo viên kém cỏi, cố moi câu trả lời bằng phương pháp gợi mở tế nhị, trong khi lẽ ra tôi nên huých toẹt hết sự thật với cô.

Cô nói, “Ông cứ hỏi hoài chuyện đó, vì thế giờ tôi sẽ kể cho ông. Đó là một cái nĩa, một loại nĩa chỉ có hai răng. Trên hai cái răng đó có mấy nốt gờ nhỏ để làm nó bớt sắc. Bọn họ nung nó trong than cho đến khi nó nóng lên, rồi chích nó vào da thịt ông, để làm ông bị bỏng. Tôi đã thấy những vết bỏng đó trên cơ thể những người bị họ đóng dấu.”

Đây có phải là điều tôi đã hỏi? Tôi muốn phản đối nhưng rồi lại thôi, thay vào đó, tôi chỉ ngồi lắng nghe và cảm thấy lạnh hết cả người.

“Họ không đốt thật. Họ dọa sẽ đốt mù mắt tôi, nhưng họ không làm vậy. Người đàn ông dí cái nĩa nung đỏ đó sát vào mặt tôi và buộc tôi nhìn nó. Họ giữ hai mí mắt tôi mở to. Nhưng tôi không có gì để khai với họ. Thế thôi.”

“Đó là lúc mắt tôi bắt đầu hỏng. Sau đó tôi không thể nhìn rõ nữa. Tôi nhìn chỗ nào cũng thấy ở giữa chỉ là một khoảng mờ nhòe, tôi chỉ thấy được phía ngoài rìa. Khó tả lắm.”

“Nhưng bây giờ nó đang khá dần rồi. Mắt trái đang từ từ nhìn rõ lại. Chuyện chỉ có vậy.”

Tôi đưa cả hai tay ôm lấy khuôn mặt cô và nhìn sâu vào đôi mắt bất động của cô, nơi hình ảnh phản xạ của chính đôi mắt tôi đang chăm chú nhìn xoáy trở lại một cách nghiêm nghị.

“Vậy còn chỗ này?”, tôi nói và chạm vào vết sẹo trông giống như con sâu ở góc mắt cô.

“Không gì cả. Chỗ đó là bị que sắt nung đụng vào. Nó làm bỏng nhẹ thôi. Không đau.” Cô đẩy tay tôi ra. “Cô thấy thế nào về bọn người đã đối xử như vậy với cô?” Cô nằm suy nghĩ một lúc lâu. Rồi cô nói, “Tôi chán nói chuyện rồi.”

Ngoài ra, có những lúc tôi phải chịu đựng cơn bực bội khi bị bó buộc trong tình tự quen thuộc, thoa dầu bóng lên người cô, chà xát cơ thể cô rồi ngủ gà ngủ gật, cuối cùng đầu óc rơi vào trạng thái lãng quên. Tôi ngừng lại xem mình đã bao giờ cảm thấy chút khoái lạc nào ở cơ thể bướng bỉnh và lạnh lùng của cô, và thậm chí để biết liệu lòng mình có chút kích thích muốn cưỡng dâm cô chẳng. Tôi trở nên chán chường, cáu kỉnh, cô gái xoay lưng lại và ngủ thiếp đi.

Một buổi tối nọ, trong lúc buồn rầu ủ rũ, tôi ghé qua mấy gian phòng ở tầng hai của nhà trọ. Khi đang leo lên chiếc cầu thang ọp ẹp phía ngoài, một gã đàn ông lạ mặt hối hả đi xuống lướt qua tôi, đầu cúi gằm. Tôi gõ cánh cửa thứ hai dọc theo hành lang và bước vào. Căn phòng vẫn y nguyên như trong trí nhớ của tôi. Chiếc giường được dọn dẹp gọn gàng, phía trên là cái kệ đầy những đồ trang trí và nữ trang rẻ tiền, hai ngọn nến đang cháy, hơi ấm lan tỏa từ cái ống sưởi lớn chạy dọc theo bức tường, mùi hương hoa cam đượm trong không khí. Cô gái đang ngồi trang điểm trước gương. Giật mình vì tôi vào bất ngờ, nhưng cô vẫn nhoẻn miệng cười chào tôi và cài chốt cửa lại. Dường như không có gì tự nhiên hơn việc đặt cô ấy ngồi lên giường và bắt đầu cởi quần áo. Rũ vai mấy cái, cô đã giúp tôi lột trần cơ thể thon thả của mình. “Em nhớ ông biết nhường nào!”, cô thở dài. “Tôi rất vui sướng khi trở lại đây!”, tôi thầm thì. Và thật dễ chịu khi được nghe những lời ngọt ngào gian dối ấy!

Tôi ôm siết cô ấy, vùi mình vào thân thể cô, chìm đắm trong sự bối rối uỷ mị của cô ấy. Một tấm thân khác, khép kín và chán ngắt, đang nằm ngủ trên giường tôi ở một căn phòng phía xa, một thân thể mà tôi dường như không thể hiểu nổi. Khi đang đắm chìm trong những khoái lạc ngọt ngào này, tôi không thể hình dung nổi điều gì đã lôi kéo mình đến với cơ thể thuộc chủng tộc khác kia. Cô gái đang trong vòng tay tôi kích động, thở hổn hển và rên rỉ khi lên đỉnh. Mỉm cười trong lạc thú rồi chìm vào một cơn mơ ngủ chập chờn, tôi chợt nhận ra rằng lúc này mình thậm chí còn không thể hình dung ra được khuôn mặt của cô gái mọi kia. “Cô ta còn chưa tiến hóa hết!”, tôi tự nói với chính mình. Mặc dù ngay khi ý nghĩ đó bắt đầu trôi thoáng qua, tôi đã giữ nó lại. Tôi tưởng tượng ra đôi mắt nhắm nghiền và khuôn mặt khó gần của cô ấy đang mờ dần đi bởi làn da cô. Trống rỗng, giống như một quả đấm dưới bộ tóc giả màu đen, khuôn mặt ấy dần phồng lên quá khổ so với cổ và cơ thể trống rỗng bên dưới nó, không có khe hở, cũng chẳng có lối vào. Tôi rùng mình khiếp sợ trong vòng tay con chim cái bé nhỏ của mình và ôm ghì cô.

Quá nửa đêm, tôi nói lỏng vòng tay cô ấy và luồn ra, cô rên rĩ nhưng không bị thức giấc. Tôi mặc lại quần áo trong bóng tối, đóng cửa lại phía sau và dò dẫm đi xuống cầu thang rồi vội vã đi về nhà trên lớp tuyết lạo xạo dưới chân và những cơn gió lạnh lẽo cản đường.

Tôi thấp một cây nến và nghiêng người trên hình hài mà dường như trong chùng mực nào đó, tôi đã trở thành nô lệ cho người ấy. Tôi nhẹ nhàng lần theo những đường nét gương mặt cô trên đầu ngón tay. Xương hàm rõ nét, gò má cao, miệng rộng. Thật nhẹ nhàng, tôi chạm vào hai mí mắt cô. Tôi biết chắc cô đã thức giấc, dù cô không phản ứng gì.

Tôi nhắm mắt, hít một hơi thật sâu để làm dịu đi tâm trạng rồi bời hiện tại, và tập trung hoàn toàn vào việc cảm nhận cô dưới những ngón tay mỏng trớn. Cô có đẹp không? Tôi chợt nhận ra, cô gái tôi vừa từ biệt vẫn để lại mùi hương da thịt trên người tôi, rất đẹp, không phải nghi ngờ gì về điều đó. Cơn khoái lạc của tôi khi ở trong cô ấy càng tăng lên vì cơ thể nhỏ bé thanh tao và cả dáng vẻ, chuyển động của nó. Nhưng với thân thể đang nằm bên tôi bây giờ, tôi không thể nói chắc chuyện gì được. Tôi chẳng xác định được chút liên hệ nào giữa bản năng đàn bà của cô và ham muốn của tôi. Tôi thậm chí còn không dám chắc rằng liệu tôi có thêm khát cô.

Tất thấy mọi hành vi gọi tình của tôi đều theo kiểu gián tiếp. Tôi vờn quanh cô ấy, chạm vào khuôn mặt cô, mỏng trớn vuốt ve cơ thể cô, mà không vào trong cô hay cảm thấy khao khát điều đó. Tôi chỉ vừa trở về từ giường của người phụ nữ mà suốt cả năm trời quen biết cô ấy, chưa một giây phút nào tôi thấy hoài nghi về sự ham muốn của mình. Ham muốn cô ấy nghĩa là quấn chặt lấy cô và đi vào trong cô, xuyên thủng lớp vỏ ngoài của cô và khuấy động sự tĩnh lặng trong cô thành một cơn bão khoái cảm, rồi rút ra, lắng xuống và chờ đợi sự ham muốn tự phục hồi.

Nhưng ở người phụ nữ này, cứ như thể không có gì bên trong, chỉ là một mặt phẳng mà tôi tới lui sục sạo cố tìm lối vào. Phải chăng những gã tra khảo cô cũng cảm thấy điều này khi săn tìm sự thật, bất kể họ có nghĩ nó ra sao? Lần đầu tiên tôi cảm thấy một nỗi thương hại lạnh lùng dành cho họ. Quả là một lầm lẫn tất yếu sẽ xảy ra khi tin rằng mình có thể đốt cháy, xé nát hoặc đột nhập vào thể xác bí ẩn của kẻ khác! Cô gái nằm trên giường của tôi, nhưng chẳng có lý do hay ho

nào giải thích được tại sao phải là một cái giường. Tôi cứ xử với cô gần như với một người tình - Tôi cởi quần áo và tắm cho cô, vuốt ve cô, ngủ bên cạnh cô - nhưng thay vào đó, nếu tôi trói chặt cô vào ghế và đánh đập, thì cũng chẳng kém thân mật.

Đến một độ tuổi nhất định, không phải gã đàn ông nào cũng gặp chuyện tương tự như đang xảy ra với tôi, một tiến trình xuống dốc từ hành vi tình dục phóng đảng trở thành hành động thù hận vì bất lực. Nếu có sự thay đổi trong nền tảng đạo đức của mình, hẳn tôi sẽ cảm thấy nó, tôi cũng sẽ không đánh bạo làm cuộc thử nghiệm cốt để yên lòng như sáng nay. Tôi vẫn vậy, vẫn là tôi trước đây, nhưng dưới sự phá huỷ của thời gian, những chuyện ngẫu nhiên vô định cứ từ trên trời rơi xuống đầu tôi. Tấm thân này nằm trên giường tôi, vì thế tôi phải chịu trách nhiệm, hoặc có lẽ là vậy, nếu không thì tại sao tôi lại giữ bốn phận ấy? Có thể trong thời điểm hiện tại, hoặc cũng có thể mãi mãi, đơn giản là tôi dường như luôn thấy hoang mang, dù đang nằm ngủ bên cô, quấn cô trong tấm chăn hay chôn cô trong tuyết cũng vậy thôi. Thế nhưng khi cúi xuống lướt nhẹ đầu ngón tay trên trán cô, tôi lại cẩn thận không để cho lớp sáp mà tôi đang thoa lên người cô tràn ra.

Dù cô có phỏng đoán tôi đã ở đâu, tôi cũng không được quyền quyết định, nhưng đêm tiếp theo, khi tôi gần như say sưa chìm đắm trong tiết điệu nhịp nhàng của việc thoa dầu bóng và xoa bóp cơ thể cô. Tôi cảm thấy bàn tay mình bị giữ lại, cô ấy nắm tay tôi và dẫn dắt nó lần xuống giữa hai chân cô. Bàn tay tôi nằm yên ở chỗ kín của cô trong chốc lát, rồi tôi lại xoa thêm dầu ấm lên ngón tay và bắt đầu mon trón thân thể cô. Cơ thể cô bỗng trở nên căng cứng, cô cong người lại và rùng mình đẩy tay tôi ra. Tôi tiếp tục xoa bóp cho cô đến khi cảm thấy dễ chịu và cơn buồn ngủ dần kéo đến.

Tôi không thấy chút hứng thú nào, ngay cả trong lúc này đây, phút giây thân mật nhất từ trước đến nay giữa hai chúng tôi. Nó không đưa tôi đến gần cô hơn và dường như với cô cũng vậy. Tôi quan sát khuôn mặt cô ấy vào buổi sáng tiếp theo. Nó trống rỗng. Cô mặc quần áo và xuống bếp bắt đầu một ngày của mình.

Tôi băn khoăn. “Tôi phải làm gì để lay chuyển được em đây?” Tôi nghe thấy những lời đó văng vẳng trong đầu, và những tiếng rì rầm ấy như sắp bật ra thành tiếng. “Không ai thuyết phục được em à?”. Và tôi giật mình hoảng hốt khi nhìn thấy câu trả lời mà mình đã chờ đợi bao

lâu nay thể hiện trong hình ảnh của một khuôn mặt bị phủ kín bởi một đôi mắt côn trùng vô hồn đen láy, trong đôi mắt đó không có hình ảnh phản chiếu nào, ngoại trừ hai hình ảnh phản chiếu của tôi đang trừng trừng nhìn lại chính mình.

Không thể tin nổi điều ấy, tôi lắc đầu một cách điên cuồng. “Không! Không! Không”, tôi gào lên với chính mình.

Đó là tôi, kẻ đang cố dùng sự phù phiếm để ru vỗ bản thân tin vào những ý nghĩa và sự tương hợp. Sự đòi hỏi nào đang lấn khuất trong tôi? Tôi sẵn lòng những bí mật và câu trả lời của chúng, cho dù chúng kì quái đến nhường nào, như một mục già cặm cụi đọc mật ngữ trên những lá trà. Giữa tôi và những kẻ chuyên tra khảo chẳng có mối liên hệ nào, chúng ngồi chờ như lũ gián trong những hầm rượu tối om. Sao tôi có thể tin được một cái giường không chỉ là cái giường, hay cơ thể đàn bà còn là gì khác nữa ngoài một miền lạc thú? Tôi phải định ra khoảng cách giữa mình với Đại tá Joll! Tôi sẽ không phải đau khổ vật vã vì những tội lỗi của ông ta!

Tôi bắt đầu ghé thăm cô gái ở lữ quán thường xuyên. Có nhiều lúc trong ngày, ở văn phòng của tôi, sau phòng xử án, khi tâm hồn treo ngược cành cây và chìm đắm vào những cơn mơ tình ái, rồi nóng bừng và cương lên vì phấn khích, tôi chầm chậm hồi tưởng về tấm thân trẻ trung đầy mộng tưởng nhục dục của cô ấy, rồi lại phải miễn cưỡng tự nhắc mình nhớ đến đồng giấy tờ công việc chán ngấy hay đi ngang qua cửa sổ và nhìn mãi xuống đường. Tôi nhớ những năm đầu tiên được bổ nhiệm ở đây, tôi thường giấu mặt sau chiếc áo choàng, rong ruổi ở những góc tối của thị trấn đến tận hoàng hôn như thế nào, nhớ đến những khi thỉnh thoảng một bà nội trợ bận luôn tay vươn người qua khung cửa sổ mở nửa chừng để đáp lại ánh nhìn của tôi không chút kiêng dè, ánh lửa lập lòe hắt ra từ lò sưởi phía sau, hay việc tôi thích chuyện vãn với những cô gái trẻ đang dạo chơi thành những nhóm hai hay ba người, mua nước trái cây cho họ, sau đó có thể sẽ dẫn theo một cô lẫn vào bóng tối tới chỗ nhà kho cũ nơi có đồng bao tải chất thành giường. Bạn bè tôi vẫn hay nói rằng nếu có điều gì đáng ghen tị khi bị phân công về nơi biên ải, thì đó là chuẩn mực đạo đức dễ dãi ở các ốc đảo, những đêm hè dài ngát hương, và những cô gái mắt to đen láy ân cần dễ chịu. Trong nhiều năm, tôi mang bộ dạng no đủ của một con lợn đực thuộc tầng lớp thượng lưu. Sau này, xu hướng tình dục bừa bãi đó được điều chỉnh thành những mối quan hệ kín đáo hơn với các quản gia và mấy cô gái ở trọ đôi khi

lên cầu thang vào phòng tôi, nhưng thông thường, các cô vẫn ở dưới lầu phụ việc bếp núc, hay mỗi quan hệ bất chính lén lút với các cô gái ở lầu quán. Tôi phát hiện ra rằng, càng bớt dính đến đàn bà, tôi càng dành nhiều thời gian hơn cho công việc, sở thích riêng, đó là thú vui sưu tầm cổ vật và vẽ bản đồ.

Không chỉ có thế, có những khoảnh khắc rất đáng lo ngại giữa các cuộc vui hoan lạc, tôi bỗng cảm thấy bản thân bị mất phương hướng, như một người kể chuyện bất thần quên mất mạch truyện. Tôi rùng mình khi nghĩ tới hình ảnh quả tim của mấy lão già ham vui béo phì ngừng đập vì làm việc quá sức, họ sẽ qua đời trong vòng tay của bạn tình với lời xin lỗi vẫn còn trên môi, rồi sau đó bị khiêng ra ngoài và vứt vào một con hẻm tối tăm để tránh tai tiếng cho quán trọ. Việc lên đỉnh tự bản thân nó trở nên xa xôi, mơ hồ và kỳ cục. Đôi khi, tôi bị khựng lại, lại có lúc tôi làm liên tục một cách máy móc tới khi hết giờ. Suốt nhiều tuần và nhiều tháng, tôi lui về sống đời độc thân. Niềm lạc thú khi xưa với hơi ấm và những đường nét trên thân thể đàn bà không rời bỏ tôi, nhưng một nỗi khó xử khác đã xuất hiện. Tôi có thực sự muốn đi vào trong và đòi hỏi chiếm hữu những tạo vật xinh đẹp đó không? Dục vọng luôn đi kèm những lâm ly bi đát khó lòng chối cãi khi xa cách và chia ly. Và không phải lúc nào tôi cũng hiểu được tại sao một phần thân thể mình, với sự đam mê nhục dục và những hứa hẹn viễn vông không thể lý giải nổi, lại cần được chú ý hơn những phần khác như một niềm ham muốn. Đôi khi, tôi thấy nhu cầu tình dục của mình dường như là một sự tồn tại hoàn toàn khác, một sinh vật ngu ngốc sống ký sinh trên người tôi, khi trở dậy mạnh mẽ, lúc lại suy yếu đi, tụt vào ham muốn của bản thân nó và ghim chặt vào da thịt tôi bằng những móng vuốt sắc nhọn mà tôi không tài nào gỡ ra được. Tại sao ta phải mang theo người qua hết phụ nữ này đến phụ nữ khác, tôi hỏi. Chỉ bởi vì mi sinh ra đã không có chân?

Có khác biệt gì với mi không nếu mi mọc rễ trong một con mèo hay con chó, thay vì bên trong ta?

Nhưng những lúc khác, và đặc biệt là vào năm ngoái, cô gái có biệt danh là Ngôi sao ở quán trọ, người luôn khiến tôi liên tưởng tới một con chim, lại một lần nữa khiến tôi tìm lại được lạc thú xác thịt trước đây và cảm nhận cảm giác cực khoái khi xưa khi đi vào trong cô ấy. Vì thế tôi nghĩ rằng. “Chỉ đơn thuần là vấn đề tuổi tác, do chu kỳ khao khát và lãnh đạm trong một cơ thể đang từ từ nguội lạnh và tàn

lụi mà thôi.

Hồi mình còn trẻ, chỉ cần nghe mùi đàn bà là đã tớn lên rồi, giờ đây rõ ràng chỉ cô nào ngọt ngào nhất, trẻ trung nhất, mới mẻ nhất mới có khả năng đó. Rồi đến một ngày nào đó, cũng sẽ đến lượt các cậu bé.” Và với sự chán ghét, tôi cứ thế đón chờ những năm cuối đời ở ốc đảo mênh mông này.

Ba đêm liên tiếp, giờ đây tôi ghé thăm cô ấy trong căn phòng nhỏ của cô, đem theo ít quà cáp như dầu cây canaga, đồ ngọt, và cả hũ trứng cá hun khói mà tôi biết là lúc một mình cô ấy sẽ ngấu nghiến cho bằng hết. Khi được tôi ôm hôn, cô nhắm nghiền mắt lại, run rẩy vì thứ có lẽ là khoái cảm đang dâng trào lên trong cơ thể.

Ông bạn đầu tiên giới thiệu cô ấy cho tôi nói về ngón nghề của cô. “Dĩ nhiên chỉ là diễn trò”, ông ta nói, “nhưng cô này khác ở chỗ cô ta tin vào vai diễn của mình”. Bản thân tôi thì không quan tâm. Bị hút hồn bởi trò diễn của cô ấy, giữa những cơn rung động, run rẩy và rên rỉ, tôi mở mắt, sau đó lại đắm chìm trong dòng sông hoan lạc tăm tối của riêng mình.

Sau ba ngày làm tình mệt nhoài, nhắc người không nổi, tôi hoàn toàn choáng váng, mơ màng. Trở về dãy phòng của mình sau nửa đêm và lăn vào giường, tôi không để ý tới thân hình đang nằm bất động bên cạnh. Nếu sáng ra cô dậy sửa soạn làm tôi thức giấc thì tôi làm bộ ngủ cho tới khi cô rời đi.

Một lần, tình cờ đi ngang qua cửa nhà bếp đang mở, tôi liếc nhìn vào. Qua làn hơi nước, tôi thấy một cô gái chắc hẳn đang ngồi ở bàn chuẩn bị đồ ăn. “Mình biết đó là ai”, tôi ngạc nhiên tự nhủ, tuy vậy, hình ảnh cứ bám riết lấy tâm trí tôi khi băng qua sân là đồng bí ngòi xanh trên cái bàn trước mặt cô ấy.

Thật thộn trọng, tôi cố hướng sự chú ý của mình từ những trái bí quay về đôi tay đang xắt chúng, và từ đôi tay lên khuôn mặt. Và chính tôi cũng nhận ra sự miễn cưỡng và do dự của mình. Sự chú ý của tôi vẫn bám chặt lấy những trái bí ngòi và những tia sáng lấp lánh trên lớp vỏ ướt của chúng. Tâm trí tôi vẫn ở đó như thể là ý muốn riêng của nó. Bởi thế, tôi bắt đầu đối diện với sự thật về những gì mình đang cố làm là quên cô đi. Tôi nhận ra rằng nếu mình lấy một cây bút chì và phác thảo khuôn mặt cô, tôi sẽ không biết bắt đầu từ đâu. Vì cô

thực sự nhạt nhòa chẳng? Ráng tập trung tâm trí vào cô, tôi thấy một thân hình đội mũ, khoác tấm áo choàng nặng nề không ra hình thù gì đang đứng không vững, người ngã ra phía trước, hai chân giang rộng dựa vào cặp nạng. Quả là xấu xí, tôi nhủ thầm.

Từ “xấu xí” thốt ra khỏi miệng tôi. Dù rất ngạc nhiên vì từ đó nhưng tôi vẫn không thể cưỡng lại được. Cô ta xấu xí, xấu xí.

Trở về vào đêm thứ tư trong tâm trạng khó chịu, tôi làm ầm lên trong phòng mà không quan tâm liệu mình có làm ai giật mình thức giấc hay không. Buổi tối thật thảm hại, dự vọng vừa được khơi nguồn trở lại đã đứt mạch. Ném đôi giày xuống sàn nhà và leo lên giường, tôi vụng vụng tìm cách gây chuyện, muốn tìm ra một kẻ để trút giận, đồng thời cũng xấu hổ vì sự trẻ con quá mức của mình. Tôi không thể hiểu nổi người đàn bà kè bên đang làm gì trong cuộc sống của mình. Nghĩ đến cảm giác ngây ngất lạ thường từng có nhờ vào cơ thể khiếm khuyết của cô ta, toàn thân tôi như bị vắt kiệt, như thể bao đêm rồi tôi đã làm tình với một con bù nhìn bằng rom bọc da. Tôi đã từng thấy được điều gì nơi cô? Tôi cố gắng hồi tưởng lại hình ảnh trước đây khi những bác sĩ trị thương bắt đầu chăm sóc cô. Ánh mắt tôi khó mà bỏ sót lúc cô ngồi cùng những tù nhân mọi rợ khác trong sân vào cái ngày họ bị giải về đây. Đầu đó trong những nếp nhăn của bộ não, tôi tin rằng ký ức vẫn ở đó, nhưng tôi không thể nhớ lại được. Tôi có thể nhớ người đàn bà với đứa con, tôi vẫn nhớ đứa bé đó. Tôi có thể nhớ từng chi tiết. Cái mép khăn choàng len xơ xác, những lọn tóc tơ bết mồ hôi. Tôi có thể nhớ đôi tay xương xẩu của người đàn ông đã chết, tôi thậm chí còn tin rằng nếu cố gắng tôi có thể mừng rỡ trông lại khuôn mặt của ông ta. Nhưng bên cạnh ông, nơi lẽ ra là chỗ của cô, chỉ có một khoảng không trống rỗng.

Giữa đêm, tôi choàng dậy khi cô lay tôi và dư âm của một tiếng rên khe khẽ vẫn còn vọng lại trong không trung. “Ông la hét trong lúc ngủ”, cô nói. “Ông khiến tôi giật mình thức giấc.” “Tôi la hét gì vậy?”

Cô ta lầm bầm điều gì đó, rồi quay lưng lại với tôi.

Sau đó, trong đêm, cô lại đánh thức tôi. “Ông lại gào thét.”

Ngơ ngẩn, bối rối và cả giận dữ nữa, tôi cố kiểm điểm bản thân nhưng chỉ thấy một vùng xoáy và sự lãng quên nơi tâm vùng xoáy đó.

“Mơ gì à?”, cô hỏi.

“Tôi không nhớ nổi bất kỳ giấc mơ nào cả.”

Có lẽ nào giấc mơ về đứa trẻ mặc áo trùm đầu xây lâu đài tuyết đã quay trở lại? Nếu đúng vậy, chắc hẳn chút dư vị, dư hương hay dư ảnh của giấc mơ sẽ đã ám ảnh tôi.

“Có vài chuyện tôi phải hỏi cô”, tôi nói. “Cô có nhớ khi được dẫn tới đây, đưa vào sân trại, lần đầu tiên không? Lính gác bảo bọn cô ngồi xuống. Cô ngồi chỗ nào? Cô ngồi đối diện với cái gì?”

Qua cửa sổ, tôi có thể thấy những đám mây đang trôi nhanh qua mặt trăng. Từ trong bóng tối bên cạnh tôi, cô nói. “Họ cho chúng tôi ngồi với nhau trong bóng mát. Tôi ngồi kế bên cha tôi.”

Tôi hồi tưởng hình ảnh cha cô. Trong im ắng, tôi cố tái tạo lại hơi nóng, bụi bặm, và mùi bốc ra từ tất cả những cơ thể mệt mỏi đó. Tất cả những gì tôi nhớ được là dưới bóng của bức tường doanh trại, tôi đã sắp chỗ cho các tù nhân, từng người một.

Tôi đã xếp người đàn bà cùng với đứa trẻ, chiếc khăn choàng len của cô ta, bộ ngực trần của cô ta. Đứa trẻ rên rỉ, tôi nghe thấy tiếng rên rỉ, nó quá mệt tới mức không thể bú nổi. Người mẹ dơ bẩn, đói khát, nhìn tôi băn khoăn không biết tôi có động lòng thương xót không. Tiếp đến là hai bóng dáng mơ hồ, mù mờ nhưng hiện hữu. Tôi biết rằng nếu nỗ lực, bằng nửa phần trí nhớ và nửa phần tưởng tượng, tôi có thể mường tượng lại tất cả. Sau đó là tới cha của cô gái, đôi tay xương xẩu của ông ta khoanh trước ngực. Chiếc nón bị lệch xuống che cả mắt, nhưng ông ta không nhìn lên. Bây giờ tôi chuyển qua khoảng trống bên cạnh ông ta.

“Cô ngồi phía bên nào của cha cô?” “Tôi ngồi bên phải ông ấy.”

Khoảng không phía bên phải người đàn ông vẫn trống trơn. Cố gắng tập trung tinh thần một cách đầy khó nhọc, tôi thậm chí có thể thấy từng viên sỏi ở dưới đất bên cạnh ông ta và kết cấu của bức tường đằng sau.

“Nói cho tôi biết cô đang làm gì lúc đó.”

“Không làm gì cả. Tất cả chúng tôi đều rất mệt.

Chúng tôi đã đi bộ từ trước bình minh. Chúng tôi chỉ dừng lại nghỉ một lần. Tất cả chúng tôi đều mệt và khát.”

“Cô có thấy tôi không?”

“Có, tất cả chúng tôi đều thấy ông.”

Tôi ngồi bó gối và cố tập trung. Khoảng không bên cạnh người đàn ông vẫn trống rỗng nhưng một chút cảm nhận mơ hồ về sự hiện diện của cô gái, dù chỉ là thoáng qua, đã bắt đầu xuất hiện. “Ngay bây giờ!”, tôi hồi thúc bản thân. Bây giờ tôi mở mắt và cô sẽ ở đó! Tôi mở mắt. Trong ánh sáng mờ, tôi nhận ra hình dáng của cô bên cạnh tôi. Bị cảm xúc cuốn đi, tôi vươn tay chạm vào tóc cô và khuôn mặt cô. Không hề có dấu hiệu sự sống đáp lại. Cứ như tôi đang vuốt ve một cái bình đựng tro cốt hay một quả bóng, thứ gì đó chỉ là vỏ rỗng.

“Tôi đã luôn cố gắng nhớ lại hình ảnh của cô trước khi tất cả những chuyện này xảy ra”, tôi nói. “Nhưng khó quá. Thật tiếc là cô không thể nói với tôi.”

Tôi không hề mong đợi một sự cự tuyệt, và đúng là nó không xảy ra.

Một nhóm lính nghĩa vụ mới đã tới để thay thế những người vừa hoàn thành ba năm nghĩa vụ ở biên giới và sẵn sàng trở về nhà. Toán lính được dẫn dắt bởi một viên sỹ quan chỉ huy trẻ, người sẽ gia nhập bộ tham mưu ở đây.

Tôi mời anh ta cùng hai đồng nghiệp đến ăn tối với tôi ở quán trọ.

Buổi tối trôi đi khá thoải mái. Thức ăn ngon, đồ uống phong phú, vị khách của tôi có nhiều chuyện để kể về chuyến đi của mình khi tiếp nhận nhiệm vụ trong một mùa khắc nghiệt ở nơi hoàn toàn xa lạ với anh ta. Anh ta đã mất ba người trên đường đi, anh ta kể. Một người rời lều trong đêm để đi vệ sinh và không bao giờ quay lại, hai người nữa đào ngũ ngay trong khu vực của ốc đảo, lén lút bỏ trốn vào bãi lau sậy. Những kẻ gây chuyện - anh ta gọi họ như vậy, những kẻ mà anh ta không hề tiếc nuối khi phải loại bỏ. Dù vậy, phải chăng tôi

không cho rằng sự đào ngũ của bọn họ là điều ngu xuẩn?

Tôi hỏi lại một cách ngờ ngẩn rằng “Anh có biết tại sao họ đào ngũ không?” “Không”, anh ta trả lời. Bọn họ được đối xử công bằng, mọi người đều được đối xử như nhau, nhưng dù sao họ cũng chỉ là lính nghĩa vụ...” Anh ta nhún vai. “Họ lẽ ra nên đào ngũ sớm hơn”, tôi gợi ý. “Vùng quê xung quanh đây không hề mền khách. Nếu bây giờ vẫn chưa tìm được chỗ ẩn náu, thì có lẽ họ đã chết rồi.”

Chúng tôi nói về lũ mọi. Anh ta tin rằng trong một đoạn hành trình, anh ta đã bị lũ mọi theo đuôi từ xa, anh ta bảo thế. “Anh có chắc chúng là lũ mọi không?”, tôi hỏi. “Còn có thể là ai khác chứ?”, anh ta đáp. Hai đồng đội của anh ta tán thành điều đó.

Tôi thích nhiệt huyết nơi chàng trai trẻ này cũng như sự quan tâm của anh ta tới diện mạo mới của vùng biên giới. Chiến tích của cậu ta trong việc đưa quân đến vào cái mùa khắc nghiệt này thật đáng khen ngợi. Khi những người đi cùng viện có đã quá trễ và cáo từ, tôi nài ép cậu ta ở lại. Quá nửa đêm, chúng tôi vẫn ngồi nói chuyện và uống rượu. Tôi nghe những tin tức mới nhất từ thủ đô, nơi đã rất lâu tôi không được thấy. Tôi kể cho anh ta về một vài nơi mà tôi vẫn hồi tưởng với nỗi nhớ mong. Các khu vườn có lều che nơi nhạc công trình diễn trước những đoàn người đang tản bộ và tiếng chân người lạo xạo trên thảm lá dẻ mùa thu, một cây cầu mà tôi nhớ rằng từ nơi ấy người ta có thể thấy bóng trăng phản chiếu trên mặt nước gợn sóng quanh những bức tường như một đóa hoa thiên diểu.

“Có tin đồn trong Bộ chỉ huy của lũ đoàn”, anh ta nói, “rằng sẽ có một cuộc tổng tiến công đánh tan lũ mọi vào mùa xuân để đẩy lùi chúng khỏi vùng biên giới về lại vùng rừng núi”.

Tôi thấy tiếc vì phải cắt ngang dòng hồi ức. Không muốn kết thúc buổi tối với một cuộc cãi vã ồn ào, tuy thế, tôi vẫn đáp lại, “Tôi chắc rằng nó chỉ là tin đồn. Họ không thể có ý định nghiêm túc với việc đó. Lũ người mà chúng ta gọi là bọn mọi sống nay đây mai đó, di cư giữa những vùng trũng thấp và cao nguyên hàng năm, đó là lối sống của chúng rồi. Chúng sẽ không bao giờ chịu bị dồn lại sống co cụm trong vùng núi.”

Anh ta nhìn tôi lạ lẫm, lần đầu tiên trong tối hôm đó, tôi cảm thấy có một hàng rào ngăn cách, rào cản giữa khối quân sự và khối dân sự.

“Nhưng chắc hẳn”, anh ta nói, “thắng thắn mà nói, ý nghĩa của cuộc chiến này chính là kẻ thắng sẽ áp đặt lựa chọn lên đầu kẻ thua”. Anh ta thăm dò tôi với vẻ kiêu ngạo không che giấu của một viên sĩ quan trẻ vừa tốt nghiệp học viện quân sự. Chắc anh ta nhớ lại tin đồn đang lan rộng rằng tôi đã từ chối hợp tác với một viên sĩ quan của Cục. Tôi nghĩ mình biết những gì anh ta thấy ngay trước mắt. Một viên quản lý dân sự nhỏ nhoi đã hết thời, sau nhiều năm ở khu vực kém phát triển này trong tình trạng biếng nhác bẩm sinh và lối suy nghĩ lạc hậu, sẵn sàng đánh đổi sự an toàn của cả Đế chế để lấy một nền hòa bình tạm thời đầy bất ổn.

Anh ta rướn người tới trước, ra vẻ bối rối cung kính rất trẻ con. Tôi càng lúc càng tin rằng anh ta đang trêu đùa tôi. “Thưa ngài, hãy trao đổi riêng cho tôi biết”, anh ta lên tiếng, “lũ mọi bất mãn vì điều gì? Chúng muốn gì ở chúng ta?”

Lẽ ra phải thận trọng, nhưng tôi đã không làm thế. Lẽ ra tôi nên ngập ruồi, né tránh câu hỏi của anh ta rồi kết thúc buổi tối, nhưng tôi nhận ra mình sắp cắn câu. (Không biết bao giờ tôi mới học được cách giữ mồm giữ miệng?).

“Chúng muốn chấm dứt việc mở rộng những khu định cư trên vùng đất của chúng. Suy cho cùng, bọn đó muốn lấy lại đất của mình. Chúng muốn tự do chẵn thả gia súc giữa các đồng cỏ như trước đây.” Chưa đến nỗi quá muộn để kết thúc bài thuyết giảng. Thay vào đó, bị đầu độc bởi cơn thịnh nộ, tôi nghe thấy mình cao giọng và buông lỏng bản thân một cách đáng tiếc. “Tôi sẽ không nói gì về những cuộc đột kích nhắm vào bọn họ gần đây, hoàn toàn vô lý, và tiếp theo đó là những hành vi tàn ác bất chính vì sự an toàn của Đế chế đang bị đe dọa, hay ít nhất đó là những gì người ta nói với tôi. Sẽ mất nhiều năm để phục hồi lại những thiệt hại gây ra chỉ trong vài ngày đó. Nhưng hãy cho qua chuyện này, để tôi nói với anh những gì mà tôi thấy thất vọng trên cương vị của một người quản lý, ngay trong thời kỳ hòa bình, cả khi những mối quan hệ ở vùng biên giới đều tốt đẹp. Có một thời điểm trong năm, anh biết đó, khi dân du mục ghé chỗ chúng ta để buôn bán. À, hãy đi tới bất kỳ gian hàng nào trong chợ thời điểm đó để xem những ai bị cân thiếu và bị lừa đảo, bị mắng nhiếc hay bắt nạt. Hãy thử xem ai buộc phải để những người phụ trong gia đình ở lại trong lều vì sợ họ sẽ bị lính tráng làm nhục. Hãy xem ai nằm say khướt trong máng xối và ai đá anh ta vào chỗ đó. Đó là sự khinh miệt lũ mọi rợ, sự khinh miệt thấy rõ từ tên đầy tớ giữ ngựa tầm thường

hay một người nông dân nghèo hèn nhất, sự khinh miệt mà tôi, trong cương vị là một Quan tòa, đã phải đấu tranh với nó suốt hai mươi năm. Làm sao anh có thể xóa bỏ sự khinh miệt đó, đặc biệt là khi nó chẳng bắt nguồn từ lý do nào đáng kể ngoài những khác biệt trong cách cư xử nơi bàn ăn, hay do đường nét mi mắt không giống nhau? Liệu tôi có nên nói với anh những điều mà đôi khi tôi mong muốn? Tôi ước rằng lũ mọi đó sẽ nổi dậy và dạy cho chúng ta một bài học, để chúng ta có thể học cách tôn trọng họ. Chúng ta nghĩ về vùng đất này như thể đây là đất của chúng ta, một phần của Đế chế chúng ta - đây là tiền đồn, là nơi định cư, là trung tâm giao thương của chúng ta. Nhưng những người này, lũ mọi này hoàn toàn không nghĩ như vậy. Chúng ta đã ở đây hơn một trăm năm, chúng ta khai hoang đất từ sa mạc, xây dựng các công trình thủy lợi và gieo trồng ruộng vườn, xây những ngôi nhà kiên cố, và dựng một bức tường bao quanh thị trấn của chúng ta, nhưng họ vẫn cho rằng chúng ta chỉ là khách lạ, những kẻ đến rồi đi. Có những bô lão trong bộ lạc còn nhớ câu chuyện cha mẹ mình đã kể về ốc đảo trước kia rằng. Thậm chí trong mùa đông, đó vẫn là một nơi rợp bóng mát bên hồ nước với hàng đàn gia súc. Đó là điều bọn mọi vẫn kể về ốc đảo, có thể họ vẫn còn ‘thấy’ nó, như thể chưa từng có một tác đất bị đào lên hay chẳng viên gạch nào xây chồng lên viên gạch khác. Họ không hề nghi ngờ chuyện một ngày nào đó không xa, chúng ta sẽ đóng gói xe hàng và ra đi, trở về bất cứ nơi nào mà chúng ta xuất phát, rằng những công trình xây dựng của chúng ta sẽ trở thành nhà cho lũ chuột và thằn lằn, rằng những con thú của họ sẽ gặm cỏ trên những cánh đồng mà chúng ta đã gieo trồng. Anh cười sao? Liệu tôi có nên nói với anh điều gì đó không? Mỗi năm nước hồ mặn hơn một chút. Có một nguyên nhân rất đơn giản - đừng bận tâm nó là cái gì.

Lũ mọi biết sự thật này. Ngay lúc này đây, chúng đang tự thuyết phục mình, ‘Hãy kiên nhẫn, một ngày không xa, cây trồng của chúng ta sẽ héo rũ vì muối, chúng ta sẽ không thể tự túc nổi khoản lương thực và chúng ta sẽ phải cuốn xéo.’ Đó là những gì chúng đang nghĩ. Rằng chúng sẽ trụ được lâu hơn chúng ta.”

“Nhưng chúng ta sẽ không đi đâu hết”, chàng trai bình thản nói. “Ông có chắc không?”

“Chúng ta sẽ không đi, vì thế chúng đã làm to. Ngay cả khi cần phải dùng vệ binh để tiếp tế cho khu định cư, chúng ta cũng sẽ không đi. Bởi vì khu định cư biên giới là phòng tuyến đầu tiên của Đế chế.

Lũ mọi hiểu ra điều này càng sớm càng tốt.”

Khác với vẻ ngoài dễ gần, trong lối suy nghĩ của anh ta có sự cứng nhắc hẳn là thừa hưởng từ trường quân sự. Tôi thở dài. Tôi chẳng đạt được gì cả sau khi thả lỏng bản thân. Những hiềm nghi tệ hại nhất của anh ta ắt hẳn đã được khẳng định. Rằng tôi biến chất và lạc hậu. Và sau cùng, liệu tôi có tin vào những gì chính mình vừa nói? Tôi có thực sự mong chờ lối sống của bọn mọi lên ngôi. Ngu muội, nhếch nhác, chung sống với dịch bệnh và chết chóc? Nếu chúng tôi biến mất, lũ mọi có chiều chiều bỏ công khai quật tàn tích của chúng tôi không? Chúng có bảo tồn những tập tài liệu điều tra dân số và đồng số cái thuộc về những nhà buôn ngũ cốc của chúng tôi trong chiếc hộp thủy tinh, hay dành cả đời để giải mã những bức thư tình của chúng tôi chẳng? Liệu sự phẫn nộ của tôi đối với bài học mà Đế chế đã dạy có hơn gì sự giận dỗi của một ông già không muốn những năm tháng an nhàn cuối đời ở vùng biên bị phá vỡ? Tôi cố gắng lái cuộc trò chuyện sang những chủ đề thích hợp hơn, như chuyện bầy ngựa, những chuyến đi săn, thời tiết. Nhưng đã muộn, anh bạn trẻ của tôi muốn rút lui, và tôi phải sắp xếp thanh toán hóa đơn cho việc giải sầu tối đó.

Lũ trẻ lại chơi trong tuyết. Ở giữa đám trẻ, là hình dáng cô bé ấy quay lưng lại với tôi trong chiếc mũ trùm che kín đầu. Nhiều lần tôi cố tiến đến, nhưng cô lại biến mất khỏi tầm nhìn đằng sau màn tuyết đang rơi. Chân tôi lún sâu trong tuyết tới mức gần như không thể nhấc lên. Mỗi bước đi đều vô cùng vất vả. Đây là trận tuyết rơi tồi tệ nhất trong tất cả những giấc mơ.

Khi tôi cố tới chỗ chúng, lũ trẻ ngừng chơi và ngược lên nhìn tôi. Chúng quay khuôn mặt lạnh lợi nghiêm trang về phía tôi và thở ra những làn hơi nước trắng xóa. Trên đường đi về phía cô gái, tôi cố mỉm cười và chạm vào chúng, nhưng toàn thân đã đóng băng, tôi sẽ không nở nổi nụ cười, dường như có một lớp băng phủ kín miệng tôi. Tôi giơ tay để gỡ chúng xuống. Tôi thấy bàn tay đeo găng dày cộm, bên trong là những ngón tay đã đông cứng vì lạnh, khi chạm găng tay vào mặt, tôi không có cảm giác gì cả. Bằng những cử chỉ nặng nhọc, tôi mở đường băng qua lũ trẻ.

Bây giờ tôi đã thấy rõ việc cô gái đang làm. Cô ta đang xây một pháo đài tuyết, một thị trấn có tường bao quanh mà tôi nhận ra từng chi tiết. Chiến lũy với bốn tháp canh, cánh cổng với chốt của lính gác một bên và những con đường, nhà cửa, quảng trường lớn cùng

những doanh trại ở một góc. Và đây chính là nơi tôi đang đứng! Nhưng quảng trường vắng tanh, cả thị trấn trắng xóa và vắng lặng như tờ. Tôi chỉ vào giữa quảng trường. “Em nên đặt vài người ở đây!”, tôi muốn nói vậy nhưng không một âm thanh nào phát ra từ miệng tôi, nơi chiếc lưỡi như một con cá bị đóng băng trên dòng sông. Cô không trả lời. Đầu gối cô khụy xuống và quay khuôn mặt giấu kín trong vành mũ về phía tôi.

Vào khoảnh khắc cuối cùng này, tôi sợ cô sẽ là một sự thất vọng, rằng khuôn mặt mà cô cho tôi thấy sẽ có nét trì độn, bóng nhẫy, tựa như một cơ quan nội tạng vốn không được tạo hóa sinh ra để phơi ra ngoài cho mọi người nhìn thấy. Nhưng không, cô là chính mình, một cô gái mà tôi chưa từng gặp, một đứa trẻ đang mỉm cười với hàm răng sáng lấp lánh và đôi mắt đen tuyền. “Vậy ra đây là những gì đáng ra sẽ thấy!”, tôi tự nhủ. Tôi muốn nói với cô như vậy với cái miệng đóng băng vụng về của mình.

“Sao em có thể đắp được lâu đài tuyết đẹp đến thế với đôi tay vẫn đang đeo găng?”, tôi muốn hỏi. Cô hòa nhã mỉm cười vì những điều tôi vừa làm bầm. Rồi cô quay lại với pháo đài mình đang xây trong tuyết.

Tôi tỉnh dậy giữa cơn mơ, lạnh cứng người. Nhưng còn một tiếng đồng hồ nữa trời mới sáng, ngọn lửa lò sưởi đã tắt, da đầu tôi tê dại vì lạnh. Cô gái ngủ bên cạnh tôi nằm cuộn tròn như quả bóng. Rồi khỏi giường và quần quanh người cái áo choàng rộng, tôi bắt đầu nhóm lại lửa.

Giấc mơ đã ăn sâu cắm rễ trong tôi. Đêm này qua đêm khác, tôi trở lại nơi quảng trường hoang vắng ngập đầy tuyết, nặng nhọc lê bước về phía bóng người ở chính giữa quảng trường, mỗi lần lại tái xác nhận rằng thị trấn mà cô đang xây lên không hề có bóng dáng của sự sống.

Tôi hỏi cô gái về các chị em của cô. Cô có hai chị em, cô em, theo lời của cô, “rất xinh đẹp, nhưng đãng trí”. “Thế cô không muốn gặp lại chị em của mình lần nữa sao?”, tôi hỏi. Sự ngập ngừng đến kỳ lạ lơ lửng trong bầu không khí giữa chúng tôi. Chúng tôi cùng mỉm cười. “Tất nhiên rồi”, cô trả lời.

Tôi cũng hỏi về khoảng thời gian sau khi cô bị giam giữ, lúc tôi

không biết cô đang sống trong thị trấn này dưới sự quản lý của tôi. “Mọi người đã đối xử tốt với tôi khi biết rằng tôi bị bỏ lại. Tôi từng ngủ lại ở quán trọ một thời gian trong thời gian chờ chân lành lại. Có một người đàn ông từng chăm sóc cho tôi. Bây giờ thì anh ta đã đi rồi. Anh ta là người giữ ngựa.” Cô cũng nhắc đến người đàn ông đã cho cô đôi ủng mà cô mang khi đến gặp tôi lần đầu tiên. Tôi hỏi về những người đàn ông khác. “Ừ, còn có những người khác. Tôi không được lựa chọn. Bắt buộc phải như vậy.”

Sau buổi nói chuyện này, mối quan hệ với đám lính nghĩa vụ trở nên căng thẳng hơn. Khi rời khỏi căn hộ để tới tòa án mỗi sáng, tôi đi ngang qua một trong những đoàn duyệt binh hiếm hoi. Tôi chắc rằng trong số những người đàn ông vũ trang đến tận rằng đang đứng nghiêm đó, có những tên đã ngủ với cô. Không phải tôi tưởng tượng ra việc họ đang che miệng cười thầm. Nhưng ngược lại, tôi cũng chưa từng thấy họ đứng nhận nhin chịu đựng hơn thế, giữa những cơn gió lạnh buốt quét qua sân.

Sức chịu đựng của họ chưa bao giờ đáng trân trọng như lúc này. Tôi biết họ sẽ nói với tôi nếu có dịp, rằng chúng ta đều là đàn ông, và có thằng đàn ông nào mà không mê muội vì phụ nữ. Tuy vậy, mỗi tối tôi đều cố về nhà trễ hơn để tránh gặp cả một dây đàn ông ở cánh cửa bếp.

Đã có tin tức về hai lính đào ngũ của viên trung úy. Một người đặt bẫy săn thú tình cờ phát hiện ra họ chết cồng trong một chỗ ẩn náu đơn sơ gần con đường cách nơi này không tới 30 dặm về phía đông. Mặc dù viên Trung úy định kê xác họ ở đó “ba mươi dặm để đến đó và ba mươi dặm quay lại trong thời tiết thế này. Thật là đường xa vạn dặm chỉ vì những kẻ đã chết rồi, ông không nghĩ vậy sao?”, tôi thuyết phục anh ta cử đến một nhóm người. “Họ phải được an táng”, tôi nói. “Ngoài ra, như vậy sẽ có lợi cho tinh thần đồng đội của lính tráng. Bọn họ không nên cho rằng bản thân cũng có thể chết trong sa mạc và bị bỏ mặc ở đó. Chúng ta phải làm tất cả những gì có thể để khóa lấp đi nỗi sợ hãi của họ khi rời bỏ thế giới tuyệt đẹp này. Rốt cuộc, chính chúng ta đã dẫn họ vào cảnh hiểm nguy.” Vậy là nhóm người rời đi, và hai ngày sau quay lại với những cái xác cồng queo đông cứng như đá trên một chiếc xe thô. Tôi vẫn cảm thấy lạ khi những gã ấy lại lánh xa cách nhà hàng trăm dặm, xa rời nơi trú ngụ ấm áp với nguồn lương thực cả ngày đường, nhưng tôi không bận tâm suy nghĩ thêm về vấn đề đó. Đứng bên cạnh ngôi mộ ở một nghĩa trang tuyết phủ,

trong lúc những nghi thức cuối cùng được thực hiện và những đồng đội may mắn hơn của người chết bỏ mũ xuống đứng nghiêm canh gác, tôi tự nhủ rằng bằng việc nhất quyết hành xử đúng đắn với mấy nắm xương tàn kia, tôi đang cố gắng giúp những chàng trai trẻ này thấy rằng cái chết không phải là sự hủy diệt, rằng chúng ta sống như những người cha, người con trong tâm trí của những người mà chúng ta biết. Nhưng có phải tôi tham gia lễ tang chỉ vì lợi ích của họ không? Không phải tôi cũng đang tự giúp bản thân cảm thấy thanh thản hơn sao? Tôi đề nghị được đảm nhận việc viết thư thông báo cho cha mẹ họ về sự bất hạnh của từng người. “Công việc đó dễ dàng hơn đối với một người lớn tuổi”, tôi nói.

“Ông không muốn làm gì khác sao?”, cô hỏi. Bàn chân cô đặt trong lòng tôi. Tôi đang lơ đãng và đắm chìm vào nhịp điệu chà xát và xoa bóp cái mắt cá chân sưng phồng của cô. Câu hỏi của cô khiến tôi ngạc nhiên. Đó là lần đầu tiên cô ta nói thẳng vào vấn đề như vậy. Tôi nhún vai, mỉm cười, cố gắng chìm lại vào cơn mê, cơn buồn ngủ đã gần kề, và thật miễn cưỡng nếu bị đánh thức.

Bàn chân ngọc ngậy trong bàn tay tôi, trở nên hoạt bát và thúc nhẹ vào háng tôi. Tôi mở mắt nhìn tấm thân trần truồng ánh lên màu vàng trên giường.

Cô nằm khoanh tay đỡ lấy đầu, âm thầm theo dõi tôi theo cái cách giờ đây đã trở nên quen thuộc với tôi, và để lộ ra bộ ngực săn chắc và vòng eo mịn màng căng tràn sức sống của một con thú non. Những ngón chân của cô tiếp tục thăm dò, nhưng chúng chẳng nhận lại phản ứng nào từ phía quý ông đứng tuổi đang uể oải quỳ trước mặt cô trong chiếc áo choàng màu mận.

“Lúc khác”, tôi nói, chiếc lưỡi uốn éo từng từ một cách ngớ ngẩn. Dù biết rõ điều này là dối trá, nhưng tôi vẫn thốt ra, “Có thể là lần sau đi.”

Sau đó tôi nâng chân cô đặt qua một bên và duỗi thẳng người nằm xuống bên cạnh cô. “Đàn ông luống tuổi không cần phải giữ đức hạnh, vậy thì tôi có thể nói gì?” Đó là một câu đùa vô duyên được nói ra một cách vụng về, và cô không hiểu nó. Cô mở tung áo choàng của tôi ra và bắt đầu mơn trớn. Một lúc sau, tôi đẩy tay cô ra.

“Ông tới chỗ những đứa con gái khác”, cô nói nhỏ. “Ông tưởng tôi

không biết sao?”

Tôi ra hiệu thật dứt khoát để cô im lặng.

“Ông cũng đối xử với họ như vậy sao?”, cô ta thì thầm, và bắt đầu thốn thức.

Dù trái tim tôi đồng cảm với cô, tôi không thể làm gì hơn được. Nhưng đó thật là một sự sỉ nhục đối với cô! Cô thậm chí không thể rời căn hộ mà không loạng choạng và lóng ngóng khi mặc đồ vào. Lúc này trông cô giống một tù nhân hơn bao giờ hết. Tôi vỗ nhẹ tay cô và đắm chìm trong nỗi u sầu.

Đó là đêm cuối cùng chúng tôi ngủ chung giường. Tôi khiêng cái giường nhỏ qua phòng khách và ngủ ở đó. Sự gần gũi thân xác giữa chúng tôi đã chấm dứt. “Từ lúc này”, tôi nói. “Cho đến hết mùa đông. Tốt hơn là như vậy.” Cô chấp nhận lý do này mà không nói một lời nào. Khi tôi về nhà vào buổi tối, cô mang trà cho tôi và quỳ gần cái khay để phục vụ tôi. Sau đó cô quay lại bếp. Một giờ sau, cô dò dẫm theo sau một cô gái bưng khay đồ ăn tối lên cầu thang. Chúng tôi cùng ăn. Sau bữa ăn, tôi tiếp tục công việc nghiên cứu hoặc đi ra ngoài vào buổi tối để nối lại các mối quan hệ xã hội bị bỏ bê. Chơi cờ ở nhà bạn bè hoặc chơi bài với những sĩ quan ở quán trọ. Tôi cũng ghé thăm các tầng trên của quán trọ một, hay hai lần, nhưng cảm giác có lỗi làm tôi mất hứng. Lúc nào tôi trở về, cô gái cũng ngủ rồi, và tôi phải nhón chân bước khẽ như một ông chồng vừa đi ăn vụng về.

Cô thích nghi với hoàn cảnh mới mà không ca thán một lời. Tôi tự nhủ rằng cô không phản kháng vì được nuôi dạy bởi lũ mọi rợ. Nhưng tôi thì biết gì về sự giáo dục của bọn mọi rợ? Điều tôi gọi là sự phục tùng biết đâu chỉ là sự lãnh đạm. Với một kẻ ăn xin, một đứa trẻ mồ côi cha, thì dù tôi ngủ một mình hay không cũng có sao đâu, miễn là cô ta có một mái nhà che nắng mưa và thức ăn bỏ bụng? Cho đến giờ, tôi vẫn thích ý tưởng rằng cô không thể không xem tôi là một người đàn ông bị chi phối bởi đam mê, dù cảm xúc đó có biến thái hay khó hiểu tới đâu chẳng nữa. Và trong sự yên lặng đầy hồi hộp vốn phần nhiều tạo nên sự giao hảo giữa chúng tôi, cô chẳng có lựa chọn nào khác ngoài cảm nhận ánh mắt của tôi đặt trên người cô với sức nặng của cả cơ thể. Tôi không muốn nghiêng về khả năng lối giáo dục thổ dân đã dạy một cô gái rằng không nhất thiết phải đáp ứng mọi ý thích bất chợt của đàn ông, bao gồm cả sự xao lãng một cách thất

thường, mà phải nhìn nhận đam mê tình dục, dù là ở loài ngựa hay loài dê, đàn ông hay phụ nữ, chỉ như một thực tế giản đơn của cuộc sống với những cách thức và mục đích rõ ràng nhất. Nhờ đó hành động khó hiểu của một kẻ ngoại tộc đứng tuổi, người đã đưa cô thoát khỏi cuộc sống lang thang đầu đường xó chợ và đem cô về căn hộ của ông ta, để giờ đây ông ta có thể hôn chân cô, hăm dọa cô, bôi lên người cô những thứ dầu kỳ cục, bỏ rơi cô, rồi quay lại ngủ trong vòng tay cô cả đêm, và giờ lại chán nản ngủ riêng, dường như đó chẳng thể là gì khác ngoài dấu hiệu của sự bất lực, thiếu quyết đoán và sự chán ghét những ham muốn của riêng ông ta.

Trong khi tôi không thể ngăn bản thân mình nhìn nhận cô như một cơ thể tàn phế đầy sẹo và không còn lành lặn, thì có lẽ giờ đây cô thực sự đã trở thành cơ thể thiếu toàn vẹn đó, và chỉ cảm nhận về sự khiếm khuyết đó như một con mèo thấy mình có móng vuốt thay vì những ngón tay. Tôi sẽ cố đón nhận ý nghĩ này một cách nghiêm túc.

Còn đơn giản hơn những gì tôi muốn nghĩ, có thể cô cũng có nhiều cách để nhìn nhận tôi như một người bình thường.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

3

Không gian mỗi buổi sáng râm ran tiếng vỗ cánh của lũ chim bay đến từ phương nam, lượn vòng trên mặt hồ trước khi hạ cánh xuống vùng đầm lầy ngập mặn. Những lúc lặng gió, tạp âm chói tai của tiếng quàng quạc, tiếng ngỗng trời và tiếng quác quác đập vào tai chúng tôi như tiếng ồn từ một thành phố hỗn loạn trên mặt nước. Ngỗng xám, thiên nga, vịt trời mareca, vịt đuôi nhọn, vịt trời, le le, vịt mào.

Những chú chim nước đầu tiên đã quay trở lại sau chuyến di cư, như báo hiệu một mùa xuân đến sớm, chút hơi ấm trong gió, vẻ long lanh như pha lê của mặt hồ đóng băng. Mùa xuân đang về rồi, thời điểm thích hợp để gieo trồng đang cận kề.

Lúc này cũng là mùa đặt bẫy sắn. Trước bình minh, từng tốp đàn ông ra hồ để chăng lưới. Giữa buổi sáng, họ quay về với mẻ lưới nặng trĩu. Những con chim bị vắn cổ, chân treo lủng lẳng thành hàng trên mấy thanh sào, hoặc bị nhốt sống trong những cái lồng gỗ, kêu gào giận dữ, dẫm đạp nhau, thỉnh thoảng cũng có một con thiên nga lớn im lìm bị lẫn vào giữa chúng. Đó là hậu đãi của thiên nhiên. Mọi người sẽ được ăn uống no đủ trong nhiều tuần tới.

Tôi phải soạn hai văn bản trước khi ra về. Văn bản đầu tiên được gửi đến chính quyền thị trấn. “Nhằm khắc phục những thiệt hại gây ra bởi sự đánh phá của Cục Ba”, tôi viết, “và khôi phục một số thiệt chí vốn có trước đây, tôi sẽ thực hiện một chuyến đi ngắn tới chỗ lũ mọi”. Tôi ký và đóng dấu bức thư.

Tôi chưa biết văn bản thứ hai sẽ viết về cái gì. Một bản di... chúc? Hay hồi ký? Một lời thú tội? Sử ký về ba mươi năm ở vùng biên?

Cả ngày hôm đó, tôi ngồi mơ màng ở bàn làm việc, không rời mắt khỏi tờ giấy trắng trơn, chờ đợi câu chữ tuôn ra. Ngày thứ hai cũng trôi qua như vậy.

Đến ngày thứ ba thì tôi bỏ cuộc, cất lại hết giấy má vào ngăn kéo, và chuẩn bị cho chuyến đi. Nghe có vẻ hợp lý nếu một người đàn ông không biết làm gì với phụ nữ trên giường cũng không thạo viết lách.

Tôi chọn ba người tháp tùng. Có hai người là lính nghĩa vụ trẻ

được cắt đặt để phục vụ tôi. Người thứ ba lớn tuổi hơn, là dân địa phương, một tay thợ săn kiêm lái buôn ngựa, và tôi đã dùng tiền riêng để trả công cho anh ta. Tôi gọi họ đến cùng lúc vào buổi chiều trước khi xuất phát. “Tôi biết rằng đây không phải là thời điểm thuận lợi để lên đường”, tôi nói với họ. “Đang lúc thời tiết khắc nghiệt, gần cuối mùa đông, nhưng vẫn chưa tới mùa xuân. Nhưng nếu chần chừ thêm nữa, chúng ta sẽ không tìm được đám du mục trước khi họ bắt đầu chuyển di cư.” Họ không thắc mắc gì thêm.

Với cô gái, tôi chỉ nói đơn giản, “Tôi sẽ đưa cô trở lại với bộ tộc mình, hoặc ở nơi gần đó nhất mà tôi có thể, bởi lúc này họ đang tàn sát khắp nơi”. Cô không có vẻ gì là hân hoan. Tôi đặt cạnh cô chiếc áo choàng lông dày tôi sắm cho cô mặc trong chuyến đi, cùng với một cái nón thêu theo lối thổ dân làm bằng da thỏ, đôi giày mới và găng tay mới.

Sau khi tự ép mình phải nhận lấy trách nhiệm, tôi dễ ngủ hơn và thậm chí cảm thấy trong lòng mình có điều gì đó như là niềm vui.

Chúng tôi ra đi vào mùng ba tháng Ba, một đám lộn xộn toàn trẻ con và lũ chó hộ tống chúng tôi qua cánh cổng xuống con đường tới bờ hồ. Sau khi băng qua đập thủy lợi và rời khỏi con đường dẫn tới bờ sông để men theo con đường bên phải chẳng bao giờ có ai khác đi qua ngoài đám thợ săn và những người đặt bẫy chim, đoàn hộ tống của chúng tôi bắt đầu giảm dần, cho tới khi chỉ còn hai thằng nhóc cứng đầu phía sau chúng tôi, đứa này cố bám theo lâu hơn đứa kia.

Mặt trời đã mọc nhưng không tỏa ra chút hơi ấm nào. Gió tạt mạnh từ phía bên kia hồ khiến mọi người chảy nước mắt. Xếp thành một hàng dọc gồm bốn người đàn ông, một phụ nữ và bốn con ngựa thồ kiên trì đi ngược gió men theo đường vòng, chúng tôi rờn rợn ra khỏi cái thị trấn được bao bọc bởi thành lũy và những cánh đồng trống trải, và cả những chú bé đang đánh nhau.

Kế hoạch của tôi là cứ xuôi theo con đường này cho tới khi vòng qua bờ hồ về phía nam, sau đó, rẽ sang phía đông bắc, băng qua sa mạc tới những thung lũng chặn thả súc vật nơi cư dân phương bắc tránh mùa đông. Đây là một lộ trình ít gặp, bởi khi di chuyển theo đoàn, đám dân du cư thường men theo lòng con sông đã khô cạn từ lâu theo một vòng cung rộng từ phía đông sang phía nam.

Tuy nhiên, lộ trình này sẽ giúp thời gian của chuyến đi giảm từ sáu tuần xuống còn một hay hai tuần. Tôi chưa từng đích thân khảo nghiệm lộ tuyến này.

Vì vậy, trong ba ngày đầu tiên, chúng tôi khổ sở tiến về phía nam rồi đến hướng đông. Một vùng đồng bằng địa hình đất sét bị gió bào mòn trải dài phía bên phải chúng tôi, nơi rìa xa nhất của nó lẫn vào những đám mây bụi màu đỏ rồi hòa vào bầu trời ửng vàng mờ sương. Ở phía bên trái của chúng tôi là vùng đầm lầy bằng phẳng um tùm lau sậy và một cái hồ vẫn còn đóng băng ở chính giữa. Những cơn gió thổi qua băng tuyết khiến hơi thở của chúng tôi đóng băng ngay lập tức, đến nỗi thay vì cưỡi ngựa, nhiều phen chúng tôi phải đi bộ rất lâu dưới sự che chắn của lũ ngựa. Cô gái quấn khăn choàng cổ che kín mặt và núp dưới yên ngựa, dò dẫm theo sau người dẫn đường của mình.

Củi chất đầy trên hai con ngựa thồ, nhưng chúng tôi phải dành số gỗ này để dùng trong sa mạc. Có lần, bị cát lún ngập cả nửa người, chúng tôi phải bám vào một cây thánh liễu xò tán rộng như một cái gò, sau đó, chúng tôi chặt nó ra thành từng khúc làm củi, còn những lúc khác chúng tôi thường phải dùng tạm mấy bó lau sậy khô. Ngủ cạnh nhau trong cùng một lều, tôi và cô gái cuộn tròn trong chiếc áo choàng lông để chống lại cái lạnh.

Trong những ngày đầu tiên của cuộc hành trình, chúng tôi vẫn được ăn đầy đủ. Chúng tôi đã mua thịt muối, bột, đậu, trái cây khô, và có thú rừng để săn bắn. Nhưng chúng tôi phải dùng nước một cách dè xẻn. Ở đây, nước từ đầm lầy trong vùng nước cạn phương Nam quá mặn không thể uống nổi. Một người trong nhóm đàn ông phải đào sâu hết mức có thể, khoảng hai mươi hay ba mươi bộ^[2], để chọc thủng mặt băng, hay tốt hơn là có thể phá vỡ đồng băng. Nhưng ngay cả nước băng tan cũng quá đắng và mặn chát tới mức chỉ có thể pha uống cùng trà đỏ thật đặc. Mỗi năm, nước hồ càng trở nên mặn hơn khi dòng sông ăn vào hai bờ và đem theo muối cùng phen vào trong hồ. Bởi vì nước hồ không chảy ra ngoài nên khoáng chất ngày càng tích tụ trong lòng hồ, đặc biệt là ở phía nam, nơi con nước bị những dải cát chia tách theo từng mùa. Sau con nước lớn vào mùa hè, dân chài lại thấy những con cá chép nằm phơi bụng ở những chỗ nước cạn.

Người ta nói rằng chẳng còn thấy con cá rô nào hết. Khu định cư này sẽ ra sao nếu hồ nước trở thành một vùng biển chết?

Sau một ngày uống trà pha từ nước mặn, tất cả chúng tôi, trừ cô gái, bắt đầu mắc chứng tiêu chảy. Tôi là người bị nặng nhất. Tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ khi phải thường xuyên dừng lại, cởi và mặc đồ phía sau đăm ngựa bằng những ngón tay lạnh cóng, trong khi mọi người phải chờ đợi. Tôi cố uống ít hết mức có thể, đến mức những ý nghĩ trên người cứ ám ảnh trong đầu tôi khi đang ngồi trên yên ngựa. Một thùng tô nô đầy cạnh nguồn nước, và nước từ tuyết sạch đang bắn tóe ra từ chiếc gáo. Những buổi đi săn như thường lệ hay đi săn với chim ưng, những lần đi chơi gái, những bài rèn luyện về tính cách đã cho thấy cơ thể tôi đang yếu ớt như thế nào.

Sau những cuộc hành quân dài, xương tôi đau nhức, khi đêm xuống, tôi mệt tới mức ăn không thấy ngon miệng chút nào. Tôi nhọc nhằn lết từng bước một cho tới khi không thể đưa bàn chân này lên trước bàn chân kia được nữa thì mới leo lên yên ngựa, giấu mình trong chiếc áo choàng và ra hiệu cho một người tiến lên dẫn đường trên lối đi vốn đã mờ mịt. Gió cuốn không ngừng và gào thét rít lên với chúng tôi trên những lớp băng, chúng thổi khắp tứ phương từ một nơi vô định, che kín cả bầu trời trong một đám mây bụi màu đỏ. Không thể tránh được đám mây bụi ấy, nó chui vào quần áo chúng tôi, bám đầy da chúng tôi và lọt trong hành lý. Bụi dính cả vào lưỡi nên khi ăn chúng tôi thường phải khạc ra và nghiến răng kèn kẹt. Không phải không khí mà chính bụi bặm đã trở thành môi trường sống của chúng tôi.

Chúng tôi xuyên qua đám bụi như cá bơi trong nước. Cô gái không hề phàn nàn. Cô ăn nhiều, không bị bệnh và ngủ một cách ngon lành cả đêm, cuộn tròn như quả bóng vì thời tiết lạnh đến nỗi tôi có thể ôm một con chó để cảm thấy dễ chịu hơn. Cô cưỡi ngựa cả ngày mà không cần nhả một lời. Có lần, khi ngược nhìn lên, tôi thấy cô đang vừa cưỡi ngựa vừa ngủ gục với khuôn mặt an lành như một đứa trẻ.

Vào ngày thứ ba, rìa của vùng đất đầm lầy đã bắt đầu bẻ ngoặt ngược lên phía bắc, và chúng tôi biết rằng mình đã vòng qua bờ hồ. Chúng tôi cắm trại sớm và dành ra vài giờ trước khi trời tối để nhặt càng nhiều củ vụn càng tốt làm chất đốt, trong khi lũ ngựa đang gặm cỏ non lần cuối trên bãi cỏ đầm lầy lơ thơ.

Đến buổi bình minh ngày thứ tư, chúng tôi bắt đầu băng qua lòng hồ cổ xưa trải rộng thêm bốn mươi dặm về phía bên kia đầm lầy.

Vùng đất này hoang vu hơn bất kỳ nơi nào mà chúng tôi từng thấy. Không có gì sống nổi trên vùng hồ bị nhiễm mặn này, nơi lòng hồ trời sụt thành những chỏm nhọn hình lục giác trong suốt như pha lê rộng khoảng một bộ. Và nơi này cũng thừa hiểm nguy. Khi băng qua những khoảng đất bằng phẳng bất thường, con ngựa dẫn đầu đoàn đột nhiên bị sụp xuống xuyên lớp băng và chìm sâu tới tận ngực trong chất lỏng màu xanh hôi hám, người đàn ông đang dẫn nó đứng khựng lại giữa không trung trong chốc lát trước khi bị rớt xuống. Chúng tôi cố gắng lôi họ ra, móng guốc của con ngựa đập xuống làm lớp băng mặn ở phía trên vỡ ra thành từng mảnh, lỗ hổng rộng ngoác ra và một mùi hôi lờ lợ bay khắp nơi.

Chúng tôi chưa vượt qua được cái hồ, lúc này chúng tôi mới nhận ra. Nó trải dài ngay dưới chân chúng tôi, có khi dưới một tầng đất phủ sâu nhiều bộ, lúc thì dưới một lớp muối mỏng giòn như giấy da. Đã bao lâu rồi mặt trời không chiếu xuống vùng nước chết chóc này? Chúng tôi nhóm lửa trên một vùng đất rắn hơn để sưởi ấm cho người đàn ông đang lạnh run và hong khô quần áo của anh ta. Anh ta lắc đầu. “Tôi luôn lắng nghe, thận trọng đối với những lớp bề mặt màu xanh, nhưng tôi chưa từng thấy chuyện như vậy xảy ra trước đây”, anh ta nói. Anh ta là người dẫn đường của chúng tôi, người duy nhất trong đoàn từng đi về phía đông của hồ nước. Sau chuyện này, chúng tôi thúc ngựa còn hăng hơn trước, khẩn trương thoát khỏi cái hồ chết chóc vì sợ sẽ bị mất hút trong một thứ chất lỏng còn lạnh hơn cả tuyết, lớp khoáng chất yếm khí ngằm dưới mặt đất. Những chiếc áo choàng căng phồng sau lưng, chúng tôi ngẩng cao đầu tiến vào trong gió, chọn một lối đi phía trên những tảng băng muối nứt vỡ lởm chởm và tránh những vùng đất bằng. Băng qua con sông bụi lừng lững trôi cắt ngang vòm trời, mặt trời tỏa sáng như một quả cầu màu cam, nhưng chẳng tỏa ra chút hơi ấm nào. Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi chèn đồng dây căng lều vào những tảng muối cứng như đá và đốt củi một cách phung phí, cũng như các thủy thủ, chúng tôi cầu mong được thấy đất liền.

Vào ngày thứ năm, chúng tôi bỏ lại mặt hồ ở đằng sau và băng qua một dải muối mịn óng ánh như tinh thể, đất và đá tiếp nối ngay sau đó.

Tất cả trở nên phấn khởi, kể cả lũ ngựa vốn cả chặng đường vượt qua bãi muối không được ăn gì ngoài vài nắm hạt lanh và một xô đầy nước lợ. Thể trạng của chúng xuống dốc thấy rõ.

Về phần những người đàn ông, họ không hề ca cẩm. Thịt tươi đang hết dần, nhưng vẫn còn thịt muối và đậu khô, rất nhiều bột và trà, những thực phẩm chính trên đường. Ở mỗi chặng dừng, chúng tôi lại pha trà và chiên những cái bánh bơ nhỏ, miếng ngon hấp dẫn trong cơn đói. Cánh đàn ông tự lo liệu việc nấu nướng. Vì cảm thấy ngại ngùng trước cô gái, không chắc chắn về vị trí hiện tại của cô ta và những việc chúng tôi đang làm để đưa cô về chỗ lũ mọi, họ gần như không nói chuyện với cô, tránh nhìn cô, và dĩ nhiên là không nhờ cô giúp chuyện bếp núc. Tôi không thúc ép cô ấy hòa nhập mà chỉ hi vọng rằng sự gượng gạo sẽ biến mất trên đường đi. Tôi chọn những người này bởi vì họ giỏi chịu đựng, tử tế và có thiện chí. Họ theo tôi một cách thoải mái hết sức có thể trong điều kiện như thế này, dù rằng bây giờ tấm áo giáp bóng nhoáng đẹp đẽ mà hai tân binh mặc khi chúng tôi băng qua cánh công, đang được buộc trong bó hàng trên lưng những con ngựa thồ và bao kiếm của họ thì chứa đầy những cát.

Những dải cát phẳng bắt đầu trời lên thành từng ụ cát. Chúng tôi nhích lên chậm chạp khi cứ phải dò dẫm khó nhọc hết đi lên rồi lại đi xuống bên rìa các ụ cát. Đây hẳn là điều kiện địa hình tồi tệ nhất với lũ ngựa, vì mỗi khi chúng nặng nề cất bước về phía trước thì chỉ nhích được có vài inch, vó của chúng lún sâu trong cát. Tôi nhìn người dẫn đường, nhưng tất cả những gì anh ta có thể làm là nhún vai. “Nó kéo dài hàng dặm, chúng ta phải vượt qua, không có con đường nào khác.” Đứng trên đỉnh một ụ cát, lấy tay che mắt và dõi nhìn về phía trước, tôi không thấy gì ngoài những xoáy cát cuồn cuộn.

Tối hôm đó, một con ngựa trong đàn không chịu ăn. Sáng hôm sau, ngay cả khi bị quật roi tới tấp nó vẫn không chịu đứng dậy. Chúng tôi phân bổ lại hàng hóa và bỏ đi một ít củi đốt. Trong lúc những người khác đang làm việc, tôi đứng ở đằng sau. Tôi có thể thề rằng con vật biết điều gì sắp xảy ra. Mắt nó đảo liên hồi khi thấy bóng con dao. Khi máu tuôn ra từ cổ, nó cố đứng lên rũ hết cát rồi đi xiêu vẹo một, hai bước theo hướng gió thổi trước khi ngã xuống. Tôi đã từng nghe nói rằng, trong cảnh túng quẫn cùng cực, bọn mọi còn uống máu từ cổ ngựa của chúng. Liệu chúng tôi có còn sống sót để tiếc nuối số máu chảy tràn phí phạm trên cát này không?

Vào ngày thứ bảy, cuối cùng thì chúng tôi cũng bỏ lại những ụ cát ở đằng sau, chúng tôi phát hiện ra rằng, giữa khung cảnh hoang vắng nhuộm màu nâu xám nhạt nhòa, có một dải màu xám đậm hơn. Đến gần hơn nữa, chúng tôi nhận ra là nó trải dài nhiều dặm từ đông sang tây.

Thậm chí còn có bóng dáng còi cọc đen đúa của những cái cây. Chúng tôi đã gặp may, người dân đường nói rằng. Hẳn là ở đây phải có nước.

Chúng tôi đang đứng trong lòng một hồ nước mặn lâu đời và giáp với biển. Những cây lau sậy đã héo, trắng nhợt và giòn tới gốc mọc kín quanh nơi đã từng là bờ hồ.

Những cây bạch dương cũng đã chết từ lâu.

Chúng chết từ cách đây rất nhiều năm, khi nước ngầm rút xuống sâu tới mức rễ không thể vươn tới được.

Chúng tôi dỡ hàng từ lưng lừa ngựa thồ và bắt đầu đào. Khi đào được hai bộ, chúng tôi chạm vào một lớp đất sét cứng màu xanh. Dưới nữa là lớp cát, và sau đó là một lớp đất sét khác, rõ ràng là rất dẻo. Đến độ sâu bảy bộ, tim tôi đập dồn dập và tai thì ù đi, tôi phải bỏ qua lượt đào của mình. Ba người đàn ông tiếp tục cặm cụi xúc đất ra khỏi cái hố và bỏ vào cái lều vải buộc bốn góc.

Ở độ sâu mười bộ, nước bắt đầu ngập quanh chân họ. Nước ngọt và không có dấu hiệu của muối. Chúng tôi mỉm cười rạng rỡ với nhau. Nhưng nước gom lại rất chậm và đất hai bên thành hố phải được xúc ra liên tục khi họ đào sâu xuống. Tới gần chiều muộn, chúng tôi mới có thể vét sạch phần nước lợ trong hồ và rót đầy nước ngọt vào những cái túi da. Khi màn đêm sắp buông xuống, chúng tôi hạ cái thùng vào giếng và cho lừa ngựa uống nước.

Trong khi đó, sẵn có một lượng lớn gỗ bạch dương, đám đàn ông đã đào hai cái bếp lò nhỏ đầu lưng vào nhau trong lớp đất sét và chất gỗ đốt một đồng lửa ở trên để nung khô đất sét. Khi lửa tắt bớt, họ có thể cời thêm than vào trong cái bếp lò và bắt đầu nướng bánh mì. Cô gái đứng nhìn họ làm, dựa người trên mấy cây nạng mà tôi đã cột chặt vào những miếng gỗ tròn để giúp cô đi trong cát. Trong sự tự do và thoải mái của một ngày tốt lành và hứa hẹn được nghỉ ngơi như

hôm nay, mọi người bắt đầu trò chuyện tự nhiên. Cánh đàn ông đùa giỡn với cô gái và khơi nguồn tình bạn giữa họ. “Tối đây ngồi đi, xem đàn ông chúng tôi nấu nướng ra sao!” Cô mỉm cười đáp lại họ cùng với cử chỉ nâng cằm lên, mỗi mình tôi biết rằng cô đang cố để nhìn rõ hơn. Một cách thận trọng, cô ngồi xuống bên cạnh họ cùng hưởng hơi ấm từ những cái lò đất sét.

Ngồi một mình trong mép lều, cách xa cái lò và tránh gió lạnh với một cái đèn dầu nhấp nháy bên cạnh, tôi vừa lắng nghe vừa ghi lại những sự kiện trong ngày vào sổ nhật trình. Mọi người vẫn tiếp tục bông đùa bằng đủ thứ ngôn ngữ bồi nơi vùng biên, và cô ấy không bỏ sót từ nào. Tôi ngạc nhiên trước sự lưu loát, nhanh nhẩu và tự tin nơi cô, thậm chí còn xúc động vì hãnh diện. Không chỉ là nhân tình của một lão già, mà còn tỏ ra là một phụ nữ quyến rũ và dí dỏm! Có thể nếu tôi biết cách dùng thứ ngôn ngữ tếu táo đùa cợt vui vẻ với cô ngay từ đầu, chúng tôi đã có thể thân thiện hơn với nhau. Nhưng như một thằng ngốc, thay vì cho cô những ngày dễ chịu, tôi lại khiến tâm trạng cô bị đè nặng với sự u ám. Thành thực mà nói, thế giới hẳn chỉ thuộc về các ca sĩ và vũ công! Những nỗi đau phù phiếm, sự u sầu vô ích và niềm ân hận rộng tuếch!

Tôi thôi tắt đèn rồi ngồi chống cằm nhìn đăm đăm về phía đồng lửa và lắng nghe tiếng bao tử đang sôi lên.

Tôi ngủ một giấc trong tình trạng hoàn toàn kiệt sức. Khi cô gái kéo rìa cái chăn choàng lớn bằng da gấu, tôi gần như không thể nhắc người lên dù đã bị đánh thức. “Một đứa trẻ bị cảm lạnh lúc nửa đêm” - đó là những gì tôi nghĩ trong cơn mụ mị, rồi lại kéo cô vào trong vòng tay mình và thiu thiu ngủ. Hình như tôi đã thiếp đi một lúc. Sau đó, tôi tỉnh hẳn khi cảm thấy tay cô mò dưới áo mình, lưỡi cô liếm vào tay tôi. Một cơn hưng phấn tình dục chạy qua người tôi, tôi ngáp, duỗi thẳng người, và mỉm cười trong bóng tối. Tay của cô tìm thấy thứ nó đang tìm. “Vậy thì sao?”, tôi nghĩ. “Sẽ thế nào nếu chúng ta vùi thân ở đâu đó ngoài kia? Ít ra hãy để ta không phải chết khổ chết sở!” Bên dưới lớp áo ngủ, cô không mặc gì cả. Tôi nhắc người lên nằm ở trên cô, cơ thể cô ấm áp và căng cứng, sẵn sàng đón tôi, trong một phút, năm tháng lẫn khôn vô nghĩa bay biến, và tôi lại trôi vào cơn mê nhục dục êm ái. Khi thức dậy, thần trí tôi trống rỗng tới mức nỗi sợ hãi bắt đầu dâng lên trong lòng tôi. Phải chú tâm nỗ lực biết bao nhiêu tôi mới nhận ra tình hình của mình lúc này. Nằm trên giường, trong lều, một đêm, một thế giới và một thân thể nằm vắt ngang trên

người. Mặc dù tôi đang nằm xoải trên người cô với sức nặng của một con bò chết, cô vẫn ngủ, hai cánh tay siết hờ quanh lưng tôi. Tôi thả lỏng người khỏi cô, chỉnh đốn lại quần áo của cả hai và cố gắng trấn tĩnh lại. Ngay lúc đó, tôi không thể hình dung ra viễn cảnh nhỏ trại vào ngày mai, trở lại ốc đảo, và bắt đầu sống những ngày cuối đời với một cô dâu trẻ trung, nằm ngủ bình yên bên cạnh cô, làm cha của những đứa con của cô và dõi theo từng mùa đổi thay trong căn biệt thự dành riêng cho Quan tòa. Tôi không thấy ngỡ ngàng khi nghĩ rằng nếu cô chưa từng qua đêm với cánh thanh niên quanh đống lửa, hẳn cô sẽ không nhận ra rằng mình cần tôi. Biết đâu sự thật là khi tôi ôm cô trong vòng tay, cô lại tưởng mình đang ôm một người trong số họ. Tôi chăm chú lắng nghe suy nghĩ đó văng vẳng trong đầu mình, nhưng không thể nghe thấy tiếng trái tim nói lên cho thấy tôi bị tổn thương.

Cô gái đang ngủ, tay của tôi trở tới trở lui trên vùng bụng nhẵn nhụi của cô, vuốt ve đùi cô. Đã xong, tôi thấy thỏa mãn. Cùng lúc đó, tôi thực sự tin rằng chuyện sẽ không tốt đẹp như vậy nếu tôi không phải rời xa cô trong vài ngày tới. Nói thẳng ra thì, nếu không phải thế thì khoái cảm mà tôi có được với cô và dư vị xa xôi của nỗi khoái cảm mà lòng bàn tay tôi vẫn còn cảm nhận được hẳn sẽ chẳng sâu sắc đến thế. Trái tim tôi sẽ không đập liên hồi và máu tôi sẽ không dồn lên nhiều hơn trước khi cô chạm vào tôi. Tôi ở bên cô không phải vì bất kỳ lạc thú nào cô hứa hẹn hay mang lại cho tôi, mà vì những nguyên do khác mà đến giờ tôi vẫn còn mù mờ. Ngoại trừ việc tôi chẳng thể quên được rằng khi nằm trên giường, trong bóng tối, thì hai bàn chân khập khiễng và đôi mắt mất đi một nửa thị lực - dấu vết mà bọn tra khảo để lại trên người cô, sẽ dễ dàng bị quên lãng. Vì thế điều này có nghĩa, tôi muốn một người phụ nữ vẹn nguyên, và những khoái lạc của tôi trong cô vẫn sẽ bị gián đoạn cho đến khi những vết tích trên thân thể cô được xóa nhòa và cô lại trở lại nguyên vẹn như xưa, hay chuyện đó cho thấy (tôi không hề ngó ngàng, cứ để tôi nói ra hết đã) rằng chính những vết tích trên người cô đã kéo tôi về phía cô, nhưng tôi thất vọng nhận ra rằng chúng không đủ tàn bạo? Là quá nhiều hay quá ít. Liệu tôi muốn chính cô hay những dấu vết của quá khứ đang in trên thân thể cô? Tôi nằm nhìn chăm chăm vào khoảng không tối mịt hồi lâu, dù tôi biết rằng mái lều chỉ cách mình tầm một cánh tay. Không một suy nghĩ, hay sự cắt nghĩa rõ ràng nào về nguồn gốc của sự thèm muốn khiến tôi phải lo lắng, dù chúng có tréo ngoe thế nào. “Chắc do mình mệt quá thôi”, tôi nghĩ. “Hoặc là tất cả những gì có thể cắt nghĩa được vốn đã bị xếp nhầm chỗ rồi.” Mối tôi chuyển động,

muốn nói ra rồi lại âm thầm lựa chọn ngôn từ. “Cũng có thể là do mình bắt buộc phải chịu đựng những điều không được nói ra.” Tôi chú tâm vào gợi ý cuối cùng này mà không biết bản thân có đồng tình hay không. Ngôn từ ngày càng trở nên mơ hồ đối với tôi, và rồi chúng bỗng chốc chẳng có ý nghĩa gì nữa. Tôi thở dài sau một ngày lê thê hay giữa những đêm tưởng như bất tận. Sau đó tôi quay sang cô gái, ôm lấy cô và kéo cô lại sát bên tôi. Cô ngáy khi đang ngủ, rồi chẳng mấy chốc tôi cũng ngủ theo cô.

Chúng tôi dừng lại nghỉ vào ngày thứ tám, vì tình trạng của lũ ngựa lúc này quá tệ. Chúng ngấu nghiến nhai đám thân sậy đã chết khô.

Chúng nốc đầy một bụng nước và xì hơi hàng loạt. Chúng tôi đã cho chúng ăn những hạt lanh cuối cùng và cả một chút bánh mì của chúng tôi. Nếu không tìm được bãi cỏ nào trong một hay hai ngày tới, chúng sẽ chết.

Chúng tôi bỏ lại cái giếng và gò đất đã đào lại đằng sau để tiến về phương bắc. Tất cả chúng tôi đều đi bộ, trừ cô gái. Chúng tôi đã bỏ lại tất cả những gì có thể bỏ được để giảm nhẹ gánh hành lý cho lũ ngựa, nhưng chúng tôi không thể sống sót mà không có lửa, nên chúng vẫn phải thờ theo những bó củi cồng kềnh.

“Khi nào chúng ta mới thấy những ngọn núi?”, tôi hỏi gã đàn ông dẫn đường.

“Một ngày. Hai ngày. Khó mà nói được. Trước đây tôi chưa từng đi qua vùng này.” Anh ta đã đi săn dọc theo phía đông bờ hồ và vùng ngoại biên của sa mạc dù chẳng có lý do gì phải băng qua đó. Tôi chờ đợi và cho anh ta thời gian để nhớ lại, nhưng trông anh ta có vẻ bình thản, anh ta không tin rằng chúng tôi đang gặp nguy hiểm. “Có thể hai ngày nữa chúng ta sẽ thấy những ngọn núi, và sau đó, mất một ngày để chúng ta tới đó.” Anh ta đảo mắt, nhìn chăm chú vào đám mây mù màu nâu che phủ đường chân trời. Anh ta không hỏi chúng tôi sẽ làm gì khi tới dãy núi.

Chúng tôi tới tận cùng vùng bình nguyên hoang vắng đầy sỏi đá và vượt qua một loạt những mòm đá tới vùng trung du, nơi có những trảng cỏ úa sau mùa đông. Đám ngựa thờ ngoạm giật cỏ và nhai ngấu nghiến. Chúng tôi thấy thật sự nhẹ nhõm khi nhìn chúng ăn.

Tôi giật mình choàng tỉnh lúc nửa đêm với nỗi sợ hãi kinh khủng choán hết tâm trí, rằng có điều gì đó không ổn. Ở bên cạnh tôi, cô gái ngồi dậy. “Cái gì vậy?”, cô nói.

“Nghe thử xem. Gió đã ngừng thổi.”

Đi chân trần và cuộn mình trong một cái khăn choàng bằng lông thú, cô bò theo tôi ra khỏi lều. Tuyết lác đác rơi. Khắp mặt đất là một màu trắng xoá dưới ánh trăng tròn mờ mờ trong mây. Tôi giúp cô đứng lên và đứng ôm cô, nhìn chăm chăm lên không trung nơi những bông tuyết rơi xuống, sau một tuần gió giật không ngớt vào tai chúng tôi, giờ đây không gian im lặng đến mức tưởng chừng có thể chạm vào. Những người đàn ông trong căn lều thứ hai bước ra nhập bọn với chúng tôi. Tất cả mỉm cười một cách ngớ ngẩn với nhau. “Tuyết mùa xuân”, tôi nói, “đợt tuyết cuối cùng của năm”. Họ gật đầu. Ở gần đó, một con ngựa đứng lắc mình rũ tuyết xuống khiến chúng tôi giật mình.

Giữa hơi ấm của căn lều chìm trong tuyết phủ, tôi lại làm tình với cô. Cô chỉ thụ động và tự điều chỉnh cho hòa hợp với tôi. Lúc mới bắt đầu, tôi chắc chắn rằng lần này thật đúng thời điểm, tôi ôm chặt cô với cảm giác khoái lạc và kiêu hãnh mãnh liệt nhất trong đời, nhưng được nửa đường, có vẻ như tôi lệch pha với cô ấy, và việc làm tình cứ đuối dần. Trục giác của tôi rõ ràng là có vấn đề. Ngọn lửa tình trong tim tôi vẫn không ngừng sưởi ấm cô gái giờ đang ngủ vùi trong vòng tay tôi. Sẽ còn lần khác, mà không thì tôi cũng chẳng nghĩ là mình sẽ bận tâm.

Một giọng nói vang lên qua khe cửa lều. “Thưa ngài, ngài phải dậy ngay!”

Tôi sững sốt nhận ra mình đã ngủ quá nhiều. Chính do sự tỉnh mịch, tôi tự nghĩ. Như thế chúng tôi đã chết lạng trong yên tĩnh.

Tôi nhanh chóng ra khỏi lều đón ánh sáng ban ngày. “Nhìn kìa, thưa ngài!”, người đàn ông đánh thức tôi nói và chỉ về phía đông bắc. “Thời tiết xấu đang tiến về phía chúng ta!”

Phía trên vùng đất mênh mông tuyết, một đám mây đen khổng lồ đang cuộn xoáy hướng về phía chúng tôi. Vẫn còn cách nhiều dặm xa, nhưng có thể thấy rõ nó đi đến đâu là nuốt chửng mặt đất đến đấy.

Phần trên của nó bị những đám mây âm u che khuất. “Một cơn bão!”, tôi hét lên. Tôi chưa bao giờ thấy thứ gì đáng sợ như vậy. Những người đàn ông nhanh chóng hạ lều xuống. “Mang những con ngựa vào, buộc chúng vào đây và để chúng ở giữa!” Những cơn gió lốc đầu tiên đã xô tới chỗ chúng tôi, tuyết bắt đầu cuộn lên và bay bay.

Cô gái chống gậy đứng bên cạnh tôi. “Cô có thấy nó không?”, tôi nói. Cô chăm chú nhìn quanh theo cách của mình và gật đầu. Đám đàn ông bắt đầu hạ cái lều thứ hai xuống. “Cuối cùng thì tuyết rơi chẳng phải là tín hiệu tốt gì cho cam.” Cô không đáp.

Mặc dù tôi nghĩ là mình nên giúp một tay, nhưng tôi không thể rời mắt khỏi bức tường khổng lồ màu đen đang gầm gừ đe dọa đổ ập lên chúng tôi với tốc độ của một con ngựa đang phi nước đại. Gió ngày càng mạnh lên, làm chúng tôi đứng ngả nghiêng, lại là tiếng gió rít quen thuộc bên tai chúng tôi.

Tôi tự đứng vững lại. “Nhanh nào, nhanh nào!”, tôi vừa vỗ tay vừa gọi to. Một người đàn ông quỳ gối xếp lại vải lều, cuộn lại những miếng nỉ lót, sắp xếp gọn ghẽ vải giường, trong khi hai người khác gom lũ ngựa lại. “Ngồi xuống!”, tôi hét lên với cô gái, và nhanh chóng giúp mọi người gói ghém đồ đạc. Bức tường bão đã chuyển đám mây đen kịt thành một đám hỗn độn những cát, tuyết và bụi xoay tròn cuồn cuộn.

Rồi ngay sau đó, gió rít lên thành một tiếng gầm, nón của tôi bị văng ra khỏi đầu, và cơn bão lao vào chúng tôi. Tôi bị quật nằm sấp xuống bẹp dí. Không phải tại cơn gió mà là một con ngựa bị xổng ra, chạy hoảng loạn xung quanh với hai tai cụp lại và đôi mắt đảo liên hồi. “Bắt lấy nó!”, tôi hét lên. Câu nói bị thổi bạt thành một tiếng thì thầm, đến mức chính tôi cũng không thể nghe thấy chúng. Lũ ngựa biến mất khỏi tầm nhìn như một bóng ma.

Cùng lúc ấy, cái lều bị cuốn văng cao lên trời. Tôi nhào người vào đồng dây đã được cuộn lại, giữ chặt chúng, gầm gừ với cơn giận dữ chính mình. Sau đó, tôi nhích từng bước về phía cô gái, kéo theo đồng dây bằng cả tay và chân. Giống như là bò ngược dòng nước đang chảy siết.

Đôi mắt, mũi và miệng tôi nghẹn cứng vì cát, tôi ráng sức thở.

Cô gái đứng đó, đôi tay mở ra như đôi cánh choàng qua cổ hai con ngựa. Cô dường như đang nói chuyện với chúng. Mặc dù đôi mắt chúng đầy sợ hãi, chúng vẫn đứng yên.

“Lều của chúng ta mất rồi!”, tôi gào vào tai cô, vẫy một cánh tay lên trời.

Cô quay lại. Dưới cái nón, khuôn mặt cô được quấn kín trong một cái khăn trùm màu đen, ngay cả đôi mắt cô cũng được che lại. “Lều mất rồi!”, tôi lại hét lên. Cô gật đầu.

Trong năm tiếng đồng hồ, chúng tôi tụ lại sau đồng củi đốt và lũ ngựa khi cơn gió mang theo băng, tuyết, mưa, cát và đá vụn quất qua người chúng tôi. Chúng tôi ê ẩm người vì cơn lạnh thấm vào tận xương. Bị phơi ra ngoài cơn gió, hai bên sườn lũ ngựa phủ đầy tuyết. Chúng tôi cùng ép sát lại, cả người và vật, để san sẻ hơi ấm và cố gắng chịu đựng.

Đến giữa ngày, gió lặng đột ngột như thể có một cánh cổng vừa được khép lại ở nơi nào đó. Tai chúng tôi ong ong trước sự yên tĩnh đầy lạ lẫm. Lẽ ra chúng tôi nên cử động tay chân đã bị tê cứng, phải sạch người ngòm, chất hàng lên lũ ngựa, làm mọi việc cho máu lưu thông trong tĩnh mạch của chúng tôi, nhưng tất cả những gì chúng tôi muốn là nằm thêm một chút trong cái ổ của mình. Một sự thờ ơ vô cùng nguy hiểm! Giọng nói khọt khẹt thoát ra từ cổ họng tôi. “Cố lên, các chàng trai, hãy chất hàng nào.”

Những ụ cát chỉ dẫn vị trí nơi những hành lý vừa bay mất của chúng tôi bị chôn vùi. Tìm theo hướng gió, chúng tôi vẫn không thấy dấu hiệu gì của cái lều bị mất. Chúng tôi giúp lũ ngựa ổn định trở lại và chất hàng lên chúng. Cái lạnh trong cơn bão dữ dội chẳng là gì so với sau khi nó đi qua, sự giá buốt ấy đang phủ lên chúng tôi như một cái nắp đậy bằng băng. Hơi thở của chúng tôi đóng thành sương muối, chúng tôi run rẩy trong đôi giày của mình. Sau ba bước đảo qua đảo lại không vững, con ngựa ở đằng trước khụy xuống trên chân sau. Chúng tôi đỡ đồng củi đốt mà nó đang mang sang một bên và nâng nó dậy bằng một cái sào, thậm chí thúc nó dậy. Tôi tự nguyện rửa bản thân, không phải lần đầu, vì đã vạch ra một hành trình khó khăn với một người hoa tiêu không rành đường trong một mùa nguy hiểm thế này.

Ngày thứ mười. Không khí ẩm dần lên, trời trong hơn, và gió đã dịu đi. Chúng tôi đang lê lét qua vùng đồng bằng thì người dẫn đường gào lên và chỉ. “Đến rặng núi rồi!”, tôi nghĩ, và tim tôi nảy lên. Nhưng anh ta không thấy núi rùng. Nơi phía xa chỗ anh ta chỉ vào là người, những người cưỡi trên lưng ngựa. Còn ai nữa ngoài đám mọi! Tôi quay sang cô gái đang lóng ngóng trên lưng con ngựa tôi đang dắt. “Chúng ta sắp đến nơi rồi”, tôi nói. “Có một nhóm người phía trước, ta sẽ sớm biết họ là ai.” Gánh nặng của mấy ngày qua không còn đè nặng lên đôi vai tôi nữa. Tiến về phía trước, tăng tốc độ, tôi hướng cả đoàn tiến về phía những bóng người nhỏ xíu ở phía xa kia.

Sau chừng nửa tiếng đồng hồ đuổi theo họ, chúng tôi mới nhận ra rằng mình không hề đến gần họ hơn. Lúc chúng tôi di chuyển, họ cũng di chuyển. “Họ làm lơ chúng ta”, tôi nghĩ vậy, và cân nhắc xem có nên đốt một đống lửa hay không. Nhưng lúc tôi bảo mọi người nghỉ chân thì ba chấm đen kia dường như cũng dừng lại, rồi ngay khi chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình, họ cũng bắt đầu di chuyển.

“Hay họ là ảo ảnh của chúng ta, ảo giác do ánh sáng chằng?”, tôi tự hỏi. Chúng ta không thể thu hẹp khoảng cách. Họ đã bám theo chúng ta từ khi nào? Hay họ nghĩ rằng chúng ta đang bám đuổi họ?

“Thôi dừng đi, đuổi theo đám đó cũng chẳng để làm gì”, tôi nói với mấy người trong đoàn. “Để xem họ có chịu gặp riêng một người trong chúng ta hay không.” Thế là tôi leo lên lưng con ngựa của cô gái và tiến về phía những người lạ một mình. Trong một thoáng, họ có vẻ như đang đứng yên, dõi theo và chờ đợi. Rồi họ lại bắt đầu rút đi, mờ dần trên rìa đám mây bụi. Tôi cố thúc ngựa, nhưng con ngựa đã quá đuối nên chỉ có thể lê từng bước một. Tôi từ bỏ ý định đuổi theo, xuống ngựa và đợi những người đồng hành đuổi kịp mình.

Để bảo toàn sức ngựa, chúng tôi cứ rút ngắn dần chặng đường đi. Chiều hôm đó, chúng tôi đi không quá sáu dặm băng qua vùng đất rắn bằng phẳng, ba người cưỡi ngựa phía trước chúng tôi vẫn lượn lờ trong tầm mắt, trước khi chúng tôi hạ trại. Lũ ngựa có một giờ để gặm đám cỏ xác xơ cần cỗi, sau đó chúng tôi buộc chúng gần lều và chia phiên gác. Đêm xuống, những ngôi sao xuất hiện trên nền trời mờ mịt. Chúng tôi ngồi bệt quanh đống lửa để sưởi, tay chân nhưc mủi rã rời và miễn cưỡng chen chúc vào chung một lều. Nhìn về phương bắc, tôi thề rằng mình đã thấy ánh sáng lập lờ của một đám lửa khác, nhưng khi tôi cố chỉ cho mấy người khác xem thì tất cả chỉ

còn là một màn đêm đen kịt.

Ba người đàn ông tình nguyện ngủ ở ngoài để chia phiên gác đêm. Tôi thấy thật cảm động. “Chỉ trong vài ngày tới”, tôi nói, “cho đến khi trời ấm hơn”. Chúng tôi ngủ chập chờn, bốn cơ thể ép sát vào nhau trong một cái lều đôi, cô gái e lệ đến ngủ ở phía ngoài cùng.

Tôi thức dậy trước bình minh và dõi về phương bắc. Khi mặt trời mọc, những vệt hồng và tím bắt đầu chuyển sang màu vàng, những đốm đen kia lại hiện ra trên vùng đồng bằng trống trải, không phải ba mà là tám, chín, mười, cũng có thể là đến mười hai.

Tận dụng một cây sào và chiếc áo trắng, tôi làm một cái cờ và cưỡi ngựa tiến về phía nhóm người lạ. Gió đã lặng, trời đã trong, tôi vừa đi vừa đếm. Mười hai bóng người bé xíu trên sườn dốc, và ở phía xa đằng sau họ là một vệt xanh mờ mờ, dấu vết của một rặng núi. Thế rồi tôi thấy những bóng người bắt đầu dịch chuyển. Họ xếp thành hàng và leo lên con dốc như một đàn kiến. Đến đỉnh dốc thì họ nghỉ chân. Một cơn gió xoáy cuốn theo bụi mờ che khuất họ, rồi họ lại hiện ra, mười hai người đàn ông cưỡi ngựa nơi đường chân trời. Tôi tiến đến, ngọn cờ trắng tung bay trên vai. Dù không hề rời mắt khỏi đỉnh dốc, tôi chẳng biết họ đã biến mất lúc nào.

“Đơn giản là chúng ta cứ kệ xác họ”, tôi nói với đoàn của mình. Chúng tôi chất đống lên lưng ngựa và tiếp tục hành quân về phía dãy núi. Dù hành trang ngày một nhẹ đi, chúng tôi vẫn thấy đau lòng khi phải buộc lũ ngựa gầy còm đi tiếp.

Cô gái bị chảy máu, cô đã đến kì kinh nguyệt. Không cách nào giấu được chuyện đó, cô không có khoảng riêng tư nào, dù chỉ là một bụi cây thưa nhất để nấp vào. Cô thấy khó chịu, cánh đàn ông cũng bực mình. Vẫn là những đồn đoán xưa rích. Phụ nữ đến tháng là điềm xui, cho cả trồng trọt và săn bắn, đến bọn ngựa cũng gặp vận đen. Họ đâm ra ủ rũ. Họ muốn cô tránh xa lũ ngựa, chuyện đó vốn không thể được, họ cũng không muốn cô đụng đến thức ăn của họ. Cảm thấy hổ thẹn, cô thui thủi một mình suốt ngày và đến lúc ăn tối cũng không nhập bọn. Sau khi ăn xong, tôi xúc một tô đậu và bánh hấp mang đến lều cho cô.

“Ông không cần phải phục vụ em”, cô nói. “Thậm chí em còn không nên vào lều. Nhưng em chẳng biết đi đâu nữa.” Cô không hỏi vì

sao mình bị tránh né.

“Không có gì đâu”, tôi nói rồi đưa tay vuốt má cô, ngồi lại một lúc và nhìn cô ăn.

Không cách gì ép đám đàn ông ngủ chung lều với cô. Họ ngủ bên ngoài, giữ cho lửa cháy và thay phiên nhau canh chừng. Đến sáng, để họ yên lòng, tôi tiến hành một lễ tẩy uế nhanh gọn với cô gái vì tôi đã làm vấy bẩn mình khi ngủ chung với em. Dùng một cành cây, tôi vạch một đường trên cát, dẫn cô bước qua nó, rửa sạch tay cả hai, rồi lại dẫn cô băng qua vạch đó trở về lều. “Sáng mai ông lại phải làm thế nữa”, cô nói nhỏ. Sau mười hai ngày rong ruổi, chúng tôi lại gần gũi hơn hàng mấy tháng trời sống chung phòng.

Chúng tôi đã đến chân đồi. Bỏ xa chúng tôi, những người lạ trên lưng ngựa đang lê bước trên con đường phía trước mặt, nơi lòng sông cạn uốn khúc. Chúng tôi từ bỏ ý định bắt kịp họ. Giờ chúng tôi đã hiểu rằng họ không chỉ dẫn trước mà còn đang bám theo chúng tôi.

Khi địa hình xuất hiện thêm nhiều đá lởm chởm, chúng tôi càng đi chậm hơn. Khi dừng lại nghỉ chân, hay mất dấu những người lạ nơi khúc quanh của dòng sông, chúng tôi không sợ họ biến mất nữa.

Thế rồi, sau khi vượt qua một đỉnh dốc, vồ về lũ ngựa, vừa thúc vừa đẩy và ra sức kéo, chúng tôi bất ngờ vượt lên trên họ. Từ sau những tảng đá, họ xuất hiện từ một rãnh đất khuất nẻo, toán đàn ông cưỡi trên những con ngựa non lông dài, chừng hơn mười hai người, khoác áo choàng và mũ lông cừu, gương mặt họ nâu sẫm vì dãi dầu sương gió, đôi mắt nhỏ, chính là bọn mọi bằng xương bằng thịt trên mảnh đất của tổ tiên chúng.

Tôi đứng đủ gần để ngửi được mùi của họ. Mồ hôi lẫn mùi ngựa, mùi khói, mùi da thuộc thô. Một người trong số họ chìa khẩu súng hỏa mai cổ xưa dài gần bằng thân người có chân giá gắn gần nòng súng vào ngực tôi. Tim tôi ngừng đập. “Đừng”, tôi thì thầm. Hết sức thận trọng, tôi buông dây cương con ngựa đang cưỡi và đưa đôi tay không ra. Cũng chậm rãi như thế, tôi quay lưng lại, cầm cương ngựa lên, và trầy trật bước thấp bước cao xuống dốc núi, dẫn con ngựa đi xuống thêm ba mươi bước về lại chân dốc nơi những người đồng hành của tôi đang chờ.

Đám mọi đứng đó nổi bật trên nền trời phía trên chúng tôi. Chỉ có tiếng tim tôi đập, tiếng lữ ngựa thở phì phò và tiếng gió hú, ngoài ra không còn một âm thanh nào khác. Chúng tôi đã băng qua biên giới của Đế chế. Từ giờ phút này, không thể coi nhẹ được nữa.

Tôi đỡ cô gái xuống ngựa. “Nghe cho kỹ nhé”, tôi dặn. “Tôi sẽ đưa em lên trên dốc để em nói chuyện với họ. Đem theo nạng của em nữa, mặt đất mấp mô đấy, không còn lối khác để lên đâu. Một khi đã nói chuyện với họ rồi thì em có thể quyết định mình muốn làm gì. Nếu em muốn đi với họ, nếu họ đưa em về với gia đình thì cứ theo họ. Nếu em quyết định cùng chúng tôi trở về, em có thể quay lại với chúng tôi. Em hiểu không? Tôi không ép em làm gì cả.”

Cô gật đầu. Cô đang rất bồn chồn.

Vòng một tay quanh người cô, tôi dìu cô lên con dốc đầy đá sỏi. Đám mọi không nhúc nhích. Tôi đếm được cả thấy ba khẩu súng trường, những người còn lại mang theo loại súng ngắn quen thuộc với tôi. Khi chúng tôi lên đến đỉnh dốc, họ hơi lùi về phía sau.

“Em thấy họ không?”, tôi vừa hỏi vừa thở dốc. Vẫn lờ đờ lạ lùng như vậy, cô quay đầu lại.

“Không rõ lắm”, cô đáp.

“Mù. Từ mù trong ngôn ngữ của em nói thế nào?” Cô nói cho tôi. Tôi hướng về phía đám mọi.

“Mù”, tôi lên tiếng, chạm vào mi mắt mình. Họ chẳng phản ứng gì. Cây súng đặt giữa đôi tai con ngựa vẫn chĩa về phía tôi. Đôi mắt của người cầm súng sáng lên vui vẻ. Khoảng lặng càng kéo dài hơn.

“Nói với họ đi”, tôi bảo cô. “Cho họ biết vì sao chúng ta đến đây. Kể họ nghe chuyện của em. Cho họ hay sự thật.”

Cô nhìn nghiêng sang tôi và hơi mỉm cười. “Ông thực bụng muốn em kể sự thật cho họ nghe không?”

“Cứ kể thật đi. Còn gì khác nữa chứ?”

Nụ cười vẫn không rời môi cô. Cô lắc đầu, im lặng. “Em thích kể

gì thì cứ kể. Chỉ là, vì tôi đã đi xa hết mức có thể để đưa em trở lại đây, tôi mong được hỏi ý em hết sức rõ ràng về việc quay lại thị trấn với tôi. Tùy em chọn lựa.” Tôi siết chặt cánh tay em. “Em hiểu ý tôi chứ? Đó là điều tôi muốn.”

“Tại sao?”, đôi môi cô thốt lên êm dịu đến chết người. Cô biết điều này làm tôi bối rối, nó làm tôi bối rối ngay từ đầu. Người đàn ông mang súng từ từ tiến tới cho đến khi gần như đứng sát phía trên chúng tôi. Cô lắc đầu.

“Không. Em không muốn về lại nơi đó nữa.”

Tôi bò xuống dốc. “Đốt lửa lên, pha trà đi, chúng ta sẽ nghỉ ở đây.” Tôi ra lệnh cho mấy người trong đoàn.

Từ trên đó, trong cơn giông tố cuộn trào, những lời nói êm dịu của cô gái đến tai tôi tiếng được tiếng mất. Cô dựa người vào đôi nạng, những người kia xuống ngựa và vây quanh cô. Tôi không nghe ra tiếng nào. “Thật phí quá”, tôi nghĩ. “Những đêm dài chẳng biết làm gì ấy, giá mà nàng dạy mình ngôn ngữ của nàng! Giờ thì đã quá muộn.”

Từ trong chiếc túi vẫn đeo bên yên ngựa, tôi lôi ra hai chiếc đĩa bạc mà mình đã mang theo qua hoang mạc. Tôi gỡ súc vải lụa ra bọc bên ngoài ra. “Tôi muốn em giữ lấy mấy thứ này”, tôi nói. Tôi cầm tay cô sờ lên đó để cô có thể cảm nhận được chất lụa mượt mà, những chi tiết chạm trổ hình cành lá và những con cá quấn quýt nhau trên chiếc đĩa bạc. Tôi cũng mang theo bọc hành lý nhỏ của cô. Bên trong có gì tôi không rõ. Tôi đặt nó xuống đất. “Họ sẽ đưa em đi đến nơi về đến chốn chứ?”

Cô gật đầu. “Ông ấy nói tầm giữa mùa hè. Ông ta cần thêm một con ngựa nữa. Để em cưỡi.”

“Nói với ông ta là chúng tôi còn cả một chặng đường dài khắc nghiệt đang chờ nữa. Lũ ngựa của chúng tôi đã xuống sức lắm rồi, tự ông ấy cũng thấy điều đó. Em hỏi xem thay vì vậy ta có thể mua ngựa của họ không. Nói là ta sẽ trả bằng bạc.”

Em dịch lại cho người đàn ông đứng tuổi trong khi tôi đứng đợi. Những người đồng hành của ông đều xuống ngựa nhưng ông vẫn

ngồi trên lưng ngựa, khẩu súng trường cũ to đùng nằm trong bao đeo trên lưng. Bàn đạp, yên, cương, dây cương. Không bằng kim loại, mà từ xương và gỗ hơ lửa cho chắc rồi khâu lại bằng cước hoặc buộc bằng dây da. Che thân bằng lông cừu và da thú và từ khi còn ẵm ngửa đã được nuôi bằng thịt và sữa, xa lạ với chất vải bông êm ái, trông chờ vào dưỡng chất thiên nhiên từ quả và hạt. Đây chính là những người đã bị sự bành trướng của Đế chế xua ra khỏi những dải đồng bằng và dồn vào trong rừng núi. Trước đây tôi chưa từng gặp những người phương bắc trên đất của họ trong thế bình đẳng. Những dân mọi tôi quen thấy là đám người đến ốc đảo để đổi chác hàng hóa, và một số ít cắm lều dọc dòng sông, hay những tù nhân khốn khổ của Joll. Thật xấu hổ, mà cũng tình cờ làm sao khi có dịp đến đây hôm nay! Một ngày nào đó, con cháu tôi sẽ thu thập những đồ đạc tạo tác của đám người này, như đầu tên, cán dao chạm trổ và mấy chiếc đĩa bằng gỗ, để trưng bày cạnh những quả trứng chim và đồng thư tịch bí ẩn của tôi. Và giờ tôi đang đứng đây, đóng vai trò cầu nối giữa những người trong tương lai và những người từ quá khứ, đưa trả người của họ về, cùng lời tạ lỗi, một tấm thân chúng tôi đã vất kiệt - một người trung gian, một con chó rừng của Đế chế đội lột cừu!

“Ông ta bảo không được.”

Tôi lấy một thỏi bạc nhỏ trong túi mình giơ ra cho ông xem.

“Nói là cái này để trả cho một con ngựa.”

Ông ta cúi xuống, cầm lấy thỏi bạc lấp lánh, và thận trọng cắn vào nó, rồi nó biến mất sau lớp áo choàng của ông ta.

“Ông ấy nói không. Miếng bạc để trả cho con ngựa ông ta không lấy. Ông ta không lấy ngựa của em, thay vào đó ông lấy bạc.”

Tôi suy nghĩ thì nổi khùng, nhưng tranh cãi thì có ích chi? Cô ấy đang rời đi, cô sắp đi rồi. Đây là lần cuối cùng nhìn cô thật rõ, mặt đối mặt, để nhìn rõ những nhịp đập của trái tim mình, để cố hiểu cô thực sự là ai. Tôi biết, sau này mình sẽ bắt đầu hồi tưởng lại hình ảnh cô từ những mảnh ký ức tùy thuộc vào những ham muốn đáng ngờ của mình. Tôi vượt má cô, cầm lấy tay cô. Vào giữa buổi sáng trên sườn đồi hút gió này, tôi tuyệt nhiên không nhận thấy chút dấu vết nào của những ham muốn tình dục mê muội vẫn cuốn lấy tôi hàng đêm khi chạm vào thân thể cô, hay thậm chí dấu vết của sự thân mật gần gũi

phát sinh dọc hành trình. Chỉ còn cảm giác trống vắng, và nỗi quạnh hiu đến mức tôi cảm thấy cô độc và lẻ loi đến vậy. Khi tôi siết chặt bàn tay em, em không đáp lại. Tôi chỉ thấy thật rõ ràng những gì trước mắt. Một cô gái đậm người với khuôn miệng rộng và mái tóc cắt ngang trước trán đang ngược lên nhìn trời qua đôi vai tôi, một người xa lạ, một vị khách từ những miền xa giờ đang trên đường về nhà sau một cuộc viếng thăm chẳng lấy gì làm vui. “Tạm biệt”, tôi nói. “Tạm biệt”, em đáp. Giọng em cũng chẳng có sinh khí hơn giọng tôi. Tôi bắt đầu leo xuống dốc, khi tôi xuống tới chân dốc, họ đã đỡ lấy đôi nạng từ tay em và giúp em leo lên lưng một con ngựa nhỏ.

Trước khi mọi người kịp nhận ra, mùa xuân đã đến rồi. Khí trời mát dịu, khắp nơi tràn ngập màu xanh mơn mớn của những ngọn cỏ non mới nhú, những cơn gió vùng sa mạc cuộn cuộn sau bước chân chúng tôi. Nếu lúc này chúng tôi mới rời ốc đảo thay vì khởi hành từ hai tuần trước, chúng tôi có thể đi nhanh hơn và không phải mạo hiểm tính mạng. Mặt khác, nếu khởi hành muộn như vậy liệu chúng tôi có đủ may mắn để tìm thấy bọn mọi không? Ngay hôm nay, chắc là vậy, họ đang gập lều, chất hàng lên xe rồi dắt díu bầy đàn đi theo đợt di cư mùa xuân. Tôi không hề sai lầm khi chấp nhận rủi ro, dù tôi biết mấy anh lính này đang trách tôi. “Đưa chúng tôi ra ngoài này vào mùa đông!” Tôi mừng tượng họ nói thế.

“Lẽ ra chúng tôi không bao giờ nên theo ông!” Và hẳn lúc này họ đã nhận ra rằng mình chẳng phải một phần của phái đoàn hòa giải với bọn mọi như tôi từng ám chỉ, mà chỉ đơn thuần là đội hộ tống cho một người đàn bà, một tù nhân mọi bị vớt lại, một người chẳng có giá trị gì, hoặc là nhân tình của ông Quan tòa cũng nên?

Chúng tôi cố theo sát lộ trình cũ hết sức có thể, dựa vào hướng sao. Tôi đã suy tính đầu vào đấy. Gió đã ở lại phía sau, thời tiết cũng ấm lên, hàng thồ trên lưng ngựa đã nhẹ bớt và chúng tôi biết mình đang ở đâu, chẳng có lý do gì cầm chân chúng tôi cả. Nhưng tại điểm dừng chân đêm đầu tiên, đã có chuyện xảy ra. Tôi bị gọi đến đồng lửa trại, nơi một người lính trẻ chán chường đang ngồi úp mặt vào đôi tay. Cậu ta đã tháo ủng, và miếng băng trên chân cậu ta bị hở ra.

“Ngài nhìn chân anh ta xem”, người dẫn đường của bọn tôi lên tiếng.

Chân phải của cậu ta sưng phù và tấy đỏ. Tôi hỏi cậu trai, “Đau ở

đâu?” Cậu ta nhấc chân lên và giơ cho tôi xem phần gót chân đầy máu và mũ đóng thành mảng. Thậm chí tôi còn ngửi được cả mùi thối rữa át hẳn mùi miếng băng vải bấn bó chân.

“Chân cậu bị thế này bao lâu rồi?”, tôi gào lên. Cậu ta giấu mặt đi.

“Sao cậu không nói gì hết hả? Chẳng phải ta đã dặn dò tất cả các cậu rằng phải giữ cho bàn chân sạch sẽ, rằng cậu phải thay băng hai ngày một lần và giặt chúng đi, sau đó tra thuốc mỡ lên các chỗ bong rồi băng bó lại sao?”

“Đâu phải khi không mà ta dặn như thế! Cậu sẽ đi đứng kiểu gì đây với tình trạng chân căng thế này?”

Cậu trai không đáp. “Cậu ấy không muốn làm chậm chân chúng ta”, bạn của cậu ta thì thào.

“Cậu ta không muốn cản trở chúng ta nhưng giờ thì chúng ta phải tải cậu ta suốt chặng đường về đây!”, tôi to tiếng. “Đun nước đi, trông chừng cho cậu ta rửa sạch chân và băng bó lại!”

Tôi nói chẳng sai. Đến sáng hôm sau, khi mọi người cố giúp xô ửng vào, cậu ta không thể giấu nổi vẻ đau đớn. Với cái chân bị băng bó trong một cái túi buộc kín, cậu ta có thể đi cà nhắc trên đoạn đường bằng, nhưng hầu hết hành trình cậu ta phải cưỡi ngựa.

Chúng tôi sẽ rất sung sướng khi chuyến đi này kết thúc. Chúng tôi đã chán ngấy những người đồng hành rồi.

Trong ngày thứ tư, chúng tôi băng qua lòng một cái phá cạn trơ và từ đó đi theo hướng đông nam thêm vài dặm trước khi đến được vùng nước cũ với lùm cây bạch dương vững chãi vây quanh. Chúng tôi nghỉ lại một ngày ở đó, để dồn sức cho chặng đường cam go nhất. Bọn tôi rán một tảng bánh bơ và luộc một nồi đầy mẻ đậu cuối cùng để làm món nghiền.

Tôi giữ suy nghĩ ấy cho riêng mình. Khi tôi lại gần, mấy tay kia nói nhỏ lại rồi im bật. Mọi người trong đoàn chẳng ai còn chút cảm giác hào hứng như trước đó nữa, không chỉ vì đích đến của nó thật đáng thất vọng - vòng vèo trên hoang mạc rồi lại trở về trên chặng đường y hệt - mà còn vì sự hiện diện của cô gái đã kích thích cánh đàn ông

ganh đua nhau phô bày giới tính, sự ganh đua mà giờ đây đã nguội dần thành nỗi căm ghét nhắm vào tôi vì tôi đã lôi họ vào chuyến đi liều lĩnh điên rồ này, nhắm vào lũ ngựa cứng đầu, nhắm vào người bạn đường với bàn chân bị thương đã làm chậm chân họ, nhắm vào đám hành lý nặng nề họ phải mang theo, thậm chí nhắm vào chính họ. Tôi chính là một ví dụ khi vác chiếc giường xếp của mình ra ngoài ngủ cạnh đống lửa dưới trời sao, và thấy cái lạnh lẽo của cảnh màn trời chiếu đất còn dễ chịu hơn hơi ấm ngọt ngào trong một chiếc lều cùng ba gã đàn ông cẩu kính. Đêm tiếp sau đó, chẳng ai thèm xung phong cắm lều và cả bọn đều phải ngủ ngoài trời.

Đến ngày thứ bảy, chúng tôi băng qua những ruộng muối bỏ hoang. Chúng tôi đã mất thêm một con ngựa nữa. Phát ngân món đậu và bánh bột chán ngắt lặt đi lặt lại, đám đàn ông đã đòi hạ sát nó để ăn. Tôi cho phép họ làm thế nhưng không dự phần. “Tôi sẽ ra xem lũ ngựa”, tôi nói. Mặc cho họ thưởng thức bữa tiệc. Cho phép tôi không ngăn họ tưởng tượng rằng cái họ đang cắt chính là cổ tôi, cái họ lôi ra chính là lòng ruột tôi, cái họ đang bẻ chính là xương cốt tôi. Biết đâu sau đó họ sẽ trở nên thân thiện hơn.

Tôi nghĩ thế trong niềm mong mỏi lại được làm những công việc thường nhật quen thuộc, và chờ đợi một mùa hè đang đến, với những giấc ngủ trưa dài đầy mộng mị, những lần chuyện gẫu với bạn bè dưới tán cây óc chó khi trời chập tối, với mấy cậu bé phục vụ trà và nước chanh cùng những cô nàng ưa nhìn ăn diện đẹp để cặp đôi cặp ba điếu qua trước mặt chúng tôi trên quảng trường. Chỉ trong những ngày kể từ khi chia tay cô gái ấy thôi, vì tôi nhận ra gương mặt em đang quánh lại trong hồi ức của mình, nó trở nên mờ đục, trơ bóng, tựa hồ phủ một lớp vỏ bí mật bên ngoài nó. Khi lê bước qua cánh đồng muối, tôi chợt cảm thấy ngạc nhiên với chính bản thân mình, tại sao tôi lại có thể yêu một người đến từ vương quốc xa xôi đến thế.

Giờ tôi chỉ muốn sống một đời an nhàn trong cái thế giới thân quen, chết trên chiếc giường của mình và được mấy người bạn già tiễn đưa đến nghĩa trang.

Từ phía xa cách chừng mười dặm, chúng tôi có thể nhận ra đỉnh chiếc tháp canh in trên nền trời, trong lúc chúng tôi vẫn đang ở trên con đường mòn phía nam hồ nước thì màu đất son của những bức tường thành đã bắt đầu nổi bật trên không gian sa mạc xám ngắt một màu. Tôi liếc nhìn mấy người đàn ông đang đứng sau mình. Không

thể giấu được sự phấn khích của mình, họ cũng bước nhanh hơn về phía trước. Suốt ba tuần, chúng tôi chưa hề tắm hay thay đồ, người ngòm hôi rình, da dẻ khô sạm và đen đúa vì nắng gió. Chúng tôi mệt nhoài, nhưng vẫn bước đi như những người đàn ông. Ngay cả cậu nhóc vốn vẫn cà nhắc dọc đường về, giờ cũng ưỡn ngực tiến về phía trước trên bàn chân băng bó của mình. Tình huống có thể tệ hơn. Chuyện cũng có thể khá hơn, nhưng cũng có thể còn tệ hơn. Ngay cả lũ ngựa, bụng trướng lên vì đám cỏ đầm lầy, trông như cũng phục hồi sinh lực.

Trên các cánh đồng, những mầm xanh mùa xuân đầu tiên đã bắt đầu vươn lên. Âm thanh mơ hồ của tiếng kèn đồng vọng đến tai chúng tôi, ánh mặt trời lóe lên trên những chiếc mũ sắt của cánh đàn ông cưỡi ngựa trong đoàn người chào đón chúng tôi xếp hàng dài từ cánh cổng. Nhìn chúng tôi hết như lũ bù nhìn. Lẽ ra ở mấy dặm cuối, tôi nên bảo mấy tay tùy tùng mặc giáp vào thì hơn. Nhìn những người cưỡi ngựa tiến về phía chúng tôi, tôi mong rằng họ sẽ thúc ngựa phi nước đại, bắn chỉ thiên và hò reo. Nhưng thái độ của họ vẫn cứ điềm nhiên như vậy, tôi chợt nhận ra đó không phải là một đoàn đón tiếp, lũ trẻ không theo chân họ. Họ chia thành hai tốp vây quanh chúng tôi, tôi chẳng biết mặt ai trong số đó, ánh mắt của họ lạnh lùng, họ không thèm trả lời nghi vấn của tôi mà áp giải chúng tôi qua cánh cổng trở về như thể tù binh. Chỉ khi chúng tôi xuất hiện trên quảng trường và nhìn thấy rất nhiều lều trại và nghe tiếng ồn ào huyên náo chúng tôi mới hiểu ra một điều: Quân đội đã đến đây, chiến dịch chống lại bọn mọi đang được tiến hành như đã báo trước.

Chú thích:

[2] Bộ: là đơn vị của hệ đo lường Anh, 1 bộ = 0,3048 mét

MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG NGỒI Ở BÀN CỦA TÔI trong văn phòng phía sau phòng xử án. Tôi chưa từng gặp anh ta trước đây, nhưng nhìn quân hàm của anh ta trên chiếc áo chèn màu xanh tím, tôi biết rằng anh ta thuộc Cục Ba của Đội Bảo an Nhân dân. Dưới khuỷu tay anh ta là một chồng hồ sơ bìa nâu buộc dây hồng, một bộ đang mở trước mặt. Tôi nhận ra đồng hồ sơ này. Chúng lưu thông tin về thuế và số tiền thuế thu được kể từ năm mười năm trước. Anh ta thực sự có thể kiểm tra chúng sao? Anh ta đang tìm kiếm thông tin gì? Tôi nói, “Anh có cần tôi giúp gì không?”

Anh ta lơ đãng như không nghe thấy, và hai người lính đứng nghiêm đang áp giải tôi cũng như thế làm bằng gỗ đá. Tôi còn lâu mới phàn nàn. Sau hàng tuần trong sa mạc, tôi đã quen chịu đựng sự nhàn rỗi mà chẳng thấy khó khăn gì. Bên cạnh đó, tôi còn cảm thấy một niềm hân hoan chớm nhẹ trước viễn cảnh tình bạn giả dối giữa tôi và bên Cục có thể đang đi đến hồi kết.

“Tôi có thể nói chuyện với Đại tá Joll không?”, tôi nói. Hỏi hù họa vậy thôi, có ai nói rằng Joll đã trở lại đâu.

Anh ta không trả lời, tiếp tục giả vờ như đang đọc tài liệu. Trông anh ta khá dễ coi, với hàm răng trắng đều đặn và đôi mắt xanh rất đẹp.

Nhưng tự phụ, tôi nghĩ. Tôi hình dung anh ta ngồi trên giường bên cạnh một cô gái, gồng lên khoe cơ bắp của mình để tận hưởng sự ngưỡng mộ từ cô. Loại đàn ông điều khiển cơ thể mình như cái máy, tôi lại tưởng tượng, không hề biết rằng cơ thể cũng có nhịp độ riêng của nó. Một lát nữa thôi, anh ta sẽ nhìn tôi từ phía sau khuôn mặt bất động đẹp trai ấy, qua đôi mắt trong veo kia như một nghệ sĩ nhìn từ sau một chiếc mặt nạ.

Anh ta rời mắt khỏi đồng tài liệu và ngược lên. Đúng như tôi đã nghĩ. “Anh vừa đi đâu về?”, anh ta hỏi.

“Tôi vừa mới trở về sau một hành trình dài. Tôi thật áy náy vì đã không ở đây khi anh đến để tỏ lòng mến khách. Nhưng giờ tôi đã trở lại, và tất cả những gì của tôi là của anh.”

Quân hàm của anh ta cho thấy anh ta là một Chuẩn úy. Một Chuẩn úy trong Cục Ba. Nghĩa là sao? Không chừng là năm năm đánh đập người, coi thường cảnh sát chính quy và việc tuân thủ pháp luật, một sự ghê tởm đối với những người nói chuyện ôn hòa nhã nhặn như tôi. Nhưng có thể tôi đã bắt công khi đánh giá anh ta - Tôi đã cách xa thủ đô một thời gian dài.

“Ông đã âm mưu cấu kết với kẻ thù”, anh ta nói. Thế là giờ bài rồi đây. “Âm mưu cấu kết”. Anh ta đã kết luận thế.

“Chúng tôi đang sống rất bình yên ở đây”, tôi nói, “chúng tôi không có kẻ thù”. Lặng yên một lúc.

“Trừ khi tôi đã sai”, tôi nói. “Trừ khi chúng ta là kẻ thù.”

Tôi không chắc anh ta có hiểu ý mình hay không. “Đang có chiến tranh giữa bọn thổ dân và chúng ta”, anh ta nói. Tôi ngờ rằng anh ta chưa từng nhìn thấy một tên mọi nào trong đời.

“Anh đi lại với họ vì mục đích gì? Ai cấp phép cho anh rời nơi công tác?”

Tôi làm ngơ sự khiêu khích của anh ta. “Đó là chuyện cá nhân”, tôi nói. “Anh sẽ phải tin lời tôi thôi. Tôi không định bàn thêm về chuyện này, ngoại trừ một điều rằng chức danh Quan tòa của quận không phải là một vị trí có thể bị bãi miễn như một tên gác cổng.”

Có một dòng suối trên đường hai tên lính canh áp giải tôi về nơi giam giữ. “Tôi hy vọng các anh sẽ cho phép tôi tẩy rửa”, tôi nói, nhưng họ lờ đi. Thì thôi vậy.

Tôi biết rõ lý do vì sao mình lại hân hoan như vậy. Mối liên kết giữa tôi và những người lính của Chính phủ đã đứt đoạn, tôi đã đặt mình vào vị trí đối lập, sự ràng buộc bị phá vỡ, tôi thành người tự do. Ai có thể không mỉm cười chứ? Nhưng niềm vui đó thật nguy hiểm làm sao!

Không đời nào có được sự cứu rỗi dễ dàng như thế. Và có nguyên nhân nào ẩn sau sự chống đối của tôi chẳng? Có phải tôi không dễ bị kích động để phản ứng lại trước cảnh một kẻ mọi mới chiếm bàn làm việc và táy máy xem tài liệu của mình? Và sự tự do mà tôi sắp vứt bỏ,

nó có giá trị gì với tôi? Trong năm nay, liệu tôi có thực sự tận hưởng sự tự do vô tận khi hơn bao giờ hết, tôi thực sự làm chủ cuộc sống của mình để tiếp tục sống theo ý mình? Ví dụ. Tự do nghĩ về bất kỳ cô gái nào mình thích, vợ hoặc nàng hầu, con gái hay nô lệ, thậm chí là tất cả cùng lúc hoặc không ai cả, khi tôi muốn, bởi vì tôi không có trách nhiệm gì với em ngoại trừ những điều tôi chợt cảm thấy lúc này hay lúc khác. Với áp lực của thứ tự do như thế, ai lại không đón mừng khi được giải phóng khỏi sự tù túng? Sự phản kháng của tôi chẳng có gì là quả cảm hay anh hùng cả - hãy nhắc tôi không được quên điều này dù chỉ một giây.

Đó chính là căn phòng mà năm ngoái người ta đã dùng để thẩm vấn trong doanh trại. Tôi đứng sang một bên khi người ta kéo những cuộn thảm ngủ của đám lính đang ngủ ở đây ra ngoài và chất đống ở cửa.

Ba nhân viên của tôi, vẫn dơ bẩn và tả tơi, ló ra từ nhà bếp nhìn chăm chú. “Các anh đang ăn gì vậy?”, tôi kêu lên. “Mang cho tôi một ít trước khi người ta nhốt tôi lại!” Một trong số họ chạy lóc cóc đến mang theo tô cháo hạt kê nóng hổi của mình. “Cầm đi”, anh ta nói. Những người lính gác ra hiệu cho tôi đi vào. “Chờ một chút”, tôi nói, “Để anh ta mang cái giường xếp của tôi đến, rồi tôi sẽ không làm phiền các anh nữa”. Họ chờ trong khi tôi đứng dưới vạt nắng, múc cháo ăn như một kẻ chết đói. Cậu bé với cái chân đau đang mỉm cười đứng ngay cạnh tôi với một bát trà. “Cảm ơn”, tôi nói. “Đừng lo lắng, họ sẽ không làm gì cậu đâu, cậu chỉ làm những gì đã được yêu cầu thôi.” Kẹp chiếc giường xếp và tấm lông gấu cũ của mình dưới nách, tôi bước vào phòng giam. Những vết bồ hóng vẫn còn trên bức tường nơi từng đặt cái lò than. Cánh cửa đóng lại và bóng tối phủ xuống.

Tôi ngủ suốt ngày suốt đêm, hầu như không bị quấy rầy bởi tiếng cốc liên tục sau bức tường ở phía tôi nằm hay tiếng rộn ràng ngoài xa của mấy chiếc xe cút kít và tiếng quát tháo của những người lao động. Trong mơ, tôi lại thấy mình trong sa mạc, đang lê bước qua một không gian vô tận hướng về một đích đến mơ hồ. Tôi thở dài và liếm môi.

“Âm thanh ồn ào kia là tiếng gì vậy?”, tôi hỏi khi người lính gác mang thức ăn đến. “Họ đang phá sập những ngôi nhà xây áp vào bức tường phía nam doanh trại”, anh ta trả lời. “Họ đang mở rộng doanh trại và xây những phòng giam đúng nghĩa.”

“Ừ nhỉ”, tôi nói. “Đóa hoa đen của nền văn minh cũng đến lúc mãn khai rồi.”

Anh ta chẳng hiểu gì.

Không có cửa sổ, chỉ có một lỗ trống phía trên cao của bức tường. Nhưng sau một hai ngày, mắt tôi đã quen với việc thiếu sáng. Tôi phải che mắt mình lại khi người ta mở tung cánh cửa và đưa thức ăn cho tôi, mỗi sáng và mỗi chiều.

Thời gian dễ chịu nhất trong ngày là lúc sáng sớm, khi tôi tỉnh giấc và nằm nghe tiếng chim hót đầu ngày ở ngoài kia và ngắm nhìn qua lỗ thông gió hình vuông khi bóng đêm nhường chỗ cho tia sáng xám nhạt đầu tiên.

Khẩu phần ăn của tôi cũng giống như những người lính bình thường. Cứ hai ngày một lần, doanh trại lại khóa cổng một tiếng và tôi được ra ngoài để tắm và tập thể dục. Luôn luôn có những gương mặt áp vào song cửa, há hốc mồm xem cảnh xuống dốc của người vốn một thời kiêu hãnh. Tôi nhận ra nhiều người, nhưng không ai chào tôi.

Ban đêm, khi tất thảy im lặng như tờ, bọn gián bò ra thăm dò. Tôi nghe, hoặc giả tôi tưởng tượng, tiếng lách cách từ những đôi cánh cứng của chúng, tiếng chân bò vội vàng ngang qua sàn gạch. Chúng bị hấp dẫn bởi mùi từ cái xô trong góc phòng, của những mẩu thức ăn vương vãi trên sàn, và không nghi ngờ gì nữa, chúng cũng bị thu hút bởi mùi của cái núi thịt đang bốc ra một phức hợp mùi của cuộc sống và sự suy tàn này. Một đêm nọ, tôi bị đánh thức bởi bước chân rất nhẹ của một con đang bò qua cổ mình. Từ đó trở đi, tôi thường bị giật mình thức dậy trong đêm, co rúm người lại, phải sạch thân mình, và ảo giác rằng nó vẫn đang giương râu thăm dò trên môi, trên mắt tôi. Những khởi đầu như thế dần dần trở thành sự ám ảnh. Tôi đã bị cảnh cáo.

Suốt ngày tôi nhìn chăm chăm vào những bức tường trắng, không thể thuyết phục bản thân rằng chỉ bằng một cái nhìn chăm chú. Dấu vết của toàn bộ nỗi đau và sự suy sụp chúng mang đến sẽ không trở thành hiện thực, hoặc nhắm mắt lại, cố gắng điều chỉnh thính giác để nghe được những âm thanh vô cùng mơ hồ, như tiếng khóc của tất cả những người đã từng bị hành hạ ở đây vẫn vang lên giữa các bức

tường. Tôi cầu nguyện một ngày nào đó, những bức tường này sẽ bị san bằng và những tiếng vọng đêm ngày ấy cuối cùng cũng có thể được giải phóng, mặc dù thực khó mà làm ngơ tiếng ồn của bức tường gạch đang được xây dựng ở khoảng cách gần đến thế.

Tôi khát khao mong chờ những lúc được ra ngoài tập thể dục, khi tôi có thể cảm thấy gió mơn man trên mặt và đất dưới chân mình, nhìn thấy những khuôn mặt khác và nghe tiếng người nói chuyện. Sau hai ngày cô độc một mình, môi tôi đã chùng xuống và trở nên vô dụng, giọng nói của tôi có vẻ lạ lẫm với cả chính mình. Thực vậy, con người sinh ra không phải để sống đơn độc! Một ngày của tôi chỉ xoay quanh giờ ăn của mình một cách vô nghĩa. Tôi ăn uống thô tục như một con chó. Cuộc sống dã man đã biến tôi thành một con vật.

Tuy nhiên, chỉ vào những ngày trống rỗng khi tôi hoàn toàn đối diện với chính mình, tôi mới có thể quay sang hồi tưởng lại bóng ma của đám người đã bị giam giữa những bức tường này, những người đàn ông và phụ nữ ấy sau một lần vào đây đã không còn cảm thấy muốn ăn và không thể tự bước đi.

Lúc nào cũng có một đứa trẻ đang bị đánh đập ở đâu đó. Tôi nghĩ đến một cô gái dù vẫn đang là một đứa trẻ con đã bị mang vào đây và chịu sự đánh đập trước mắt cha mình, đã phải nhìn cảnh cha mình bị làm nhục ngay trước mặt, và hiểu rằng cha biết mình đang chứng kiến điều đó.

Hoặc có thể ngay lúc đó, em đã không thể nhìn được nữa, và phải nhận biết bằng những cách khác. Giọng nói hoảng hốt của cha em khi ông van xin chúng ngừng lại, chẳng hạn.

Tôi cảm thấy mình luôn tránh né những gì liên quan đến chuyện đã xảy ra ở nơi này.

Sau đó cô gái không còn cha nữa. Cha em đã tự kết liễu mình, ông đã chết. Ất hẳn là lúc mà em không nói chuyện với cha nữa, ông đã lao vào bọn người thẩm vấn mình, nếu có chút sự thật nào trong câu chuyện của chúng, và vồ lấy chúng như một con thú hoang cho đến khi bị đánh gục.

Tôi ngồi giữa sàn nhà trong ánh sáng buổi ngày yếu ớt, nhắm mắt hàng giờ, cố gọi lại hình ảnh nhạt nhòa của người đàn ông ấy trong

trí nhớ của tôi. Tất cả những gì tôi thấy chỉ là một nhân vật “cha”, đó có thể là bất kỳ người cha nào biết một đứa con của mình đang bị đánh đập mà ông không thể bảo vệ nó. Ông không thể làm tròn bổn phận với người mình yêu thương. Vì vậy ông biết rằng mình không bao giờ được tha thứ. Nhận thức được trách nhiệm của người cha và sự kết tội ấy vượt quá khả năng chịu đựng của mình, không lạ gì khi ông muốn chết.

Tôi đã bảo trợ cô gái, đề nghị bóng gió rằng mình sẽ là cha của em. Nhưng tôi đã làm điều đó quá muộn, lúc ấy em đã không còn niềm tin ở những người cha.

Tôi muốn làm điều hợp lẽ, tôi muốn chuộc lỗi, tôi sẽ không từ bỏ sự thôi thúc đúng đắn này, bất kể nguyên nhân có nhiều động cơ đáng ngờ. Sẽ luôn có một nơi để ăn năn và chuộc lỗi. Tuy nhiên, lẽ ra tôi không nên cho phép mở cửa thị trấn để đón những kẻ xác quyết rằng còn nhiều điều quan trọng hơn những chuẩn mực đạo đức tốt đẹp.

Chúng lột trần cha em ra và làm cho ông đau đớn không nói nên lời ngay trước mắt em, chúng làm em tổn thương nhưng ông không thể ngăn chuyện đó được (trong một ngày tôi bận rộn với sổ sách trong văn phòng). Kể từ đó, em - không - còn là một con người trọn vẹn, không còn là một em gái trong mắt chúng ta nữa. Những mối cảm thông nào đó đã chết, những cơn xúc động nhất định trong lòng đã không còn khả dĩ với cô. Tôi cũng vậy, nếu sống đủ lâu trong phòng giam này cùng với những hình bóng ám ảnh của nó. Ngoài bóng ma của người cha và con gái, còn có người đàn ông mà ngay dưới ánh đèn cũng không chịu cởi kính đen ra khỏi mắt và cả người phụ tá cung cấp than cho lò, thì tôi cũng sẽ bị tiêm nhiễm và trở thành một sinh vật không tin vào điều gì cả.

Vậy nên tôi tiếp tục lao vào xoay quanh hình ảnh nhỏ nhoi của cô gái, lần lượt gán từng ý nghĩa thực sự vào đó. Em dựa vào hai chiếc nạng ngược nhìn hờ hững lên cao. Em đã thấy gì? Đôi cánh chở - che của một chú hải âu bảo vệ hay hình thù đen đũi của một con quạ hèn nhát ngại tấn công khi con mồi của nó vẫn còn thở?

Mặc dù đám lính canh đã nhận lệnh là không được nói gì với tôi, cũng không khó để chấp nối những mẩu chuyện rời rạc tôi nghe thấy trong những lần được ra ngoài sân đi dạo thành một câu chuyện mạch lạc. Mọi chuyện gần đây nhất đều nói về đám cháy dọc theo

dòng sông. Năm ngày trước, nó chỉ là một vệt mờ đậm hơn so với dải bụi mù phía tây bắc. Kể từ lúc đó, nó đã từ từ lan dần theo bờ sông, đôi khi tàn đi, nhưng luôn luôn bùng cháy trở lại, và lúc này, từ thị trấn, người ta có thể thấy nó rõ như một tấm màn liệm màu nâu trên vùng châu thổ nơi dòng sông đổ ra hồ.

Tôi có thể đoán được chuyện gì đã xảy ra. Ai đó đã khẳng định rằng ở khu vực bờ sông có quá nhiều nơi trú ẩn cho bọn mọi, rằng dòng sông sẽ là một chiến lũy bảo vệ tốt hơn nếu như bờ sông được phát quang sạch sẽ. Vậy nên họ đã đốt các bụi cây, và vì gió thổi từ phía bắc, đám lửa đã lan rộng khắp thung lũng nông toét. Tôi đã từng thấy những đám cháy rừng trước đây. Ngọn lửa lan rất nhanh qua bãi sậy, hàng cây bạch dương cháy bùng lên như những ngọn đuốc. Các loài động vật đủ nhanh: linh dương, thỏ rừng, mèo rừng có thể thoát thân, hàng đàn chim hoảng loạn bay tủa ra, mọi thứ còn lại đều bị thiêu rụi. Nhưng cũng có khá nhiều vùng đất cằn cỗi trải dài theo bờ sông mà lửa hiếm khi cháy lan qua được. Vì vậy rõ ràng trong trường hợp này, hẳn phải có một nhóm người đang theo dõi ngọn lửa dọc theo bờ sông để bảo đảm nó cháy liên tục. Họ không thêm bận tâm rằng một khi mặt đất đã được phát quang, gió sẽ bắt đầu xói mòn đất và sa mạc sẽ tăng thêm. Lực lượng viễn chinh chống lại người mọi chuẩn bị chiến dịch như vậy đó, tàn phá đất đai, lãng phí sản nghiệp của chúng tôi.

Những cái kệ đã được dọn dẹp, quét bụi và lau chùi sạch bong. Trên mặt bàn sáng loáng với một lớp nước bóng dày chẳng có gì ngoài một cái đĩa đựng những viên thủy tinh nhỏ nhiều màu. Căn phòng sạch như lau. Một bình hoa dâm bụt được đặt trên cái bàn trong góc phòng, làm không khí tràn ngập hương hoa. Trên sàn nhà là một tấm thảm mới. Văn phòng của tôi chưa từng bắt mắt như vậy trước đây.

Tôi đứng chờ bên cạnh người lính canh trong chính bộ quần áo mình đã mặc lúc trở về sau chuyến đi, quần lót của tôi được giặt một hai lần gì đó, nhưng áo khoác thì vẫn còn ám mùi khói gỗ. Tôi nhìn nằng nậy múa qua những đóa hoa hạnh bên ngoài cửa sổ, và thấy hài lòng.

Một lúc lâu sau anh ta bước vào, ném xoạch một xấp giấy lên bàn, và ngồi xuống. Anh ta nhìn tôi chằm chằm chẳng nói một lời. Anh ta đang cố gắng, dù có phần hơi quá phô trương, gây chút ấn tượng gì

đó nơi tôi. Việc cần thận bố trí lại văn phòng của tôi từ một chốn bừa bộn bụi bặm thành một nơi gọn gàng trống trải như thế này, bộ dáng vênh vác khệnh khạng khi đi ngang căn phòng của anh ta và sự xấc láo có chủ ý anh ta dùng khi thăm vấn tôi, tất cả nói lên điều gì đó. Không chỉ chuyện lúc này anh ta là người chịu trách nhiệm ở đây (làm sao tôi có thể đấu tranh nổi?) mà còn chuyện anh ta biết cách cư xử trong một văn phòng, thậm chí anh ta còn biết làm thế nào để thể hiện một sự tao nhã vừa đủ. Sao anh ta lại cho rằng tôi đáng để anh ta phải nhọc công trình diễn thế này? Bởi vì cho dù quần áo bốc mùi và râu tóc bù xù, tôi vẫn xuất thân từ một gia đình cơ bản, bất kể bị sa sút khinh rẻ đến đâu ở nơi không ai biết đến này? Có phải anh ta sợ rằng tôi sẽ cười nhạo nếu anh ta không tự bực mình trong cái vỏ trang trí lượm lặt được, chắc chắn là vậy, khi quan sát kỹ lưỡng văn phòng của cấp trên anh ta trong Cục? Anh ta sẽ không tin tôi nếu tôi nói rằng điều đó chẳng quan trọng. Tôi phải cẩn thận để chớ có mỉm cười.

Anh ta hăng giọng. “Tôi sắp đọc cho ông nghe những lời khai mà chúng tôi đã tập hợp được, ông Quan tòa”, anh ta nói, “để cho ông biết mức độ nghiêm trọng của những lời buộc tội mình”. Anh ta ra hiệu và người lính canh rời khỏi phòng.

“Một lời khai viết. ‘Sự quản lý của ông ta rất không thỏa đáng. Những quyết định của ông ta thể hiện rõ sự độc đoán, nhiều nguyên đơn có lúc phải chờ hàng tháng mới được đưa ra xét xử, và ông ta không duy trì một hệ thống kế toán đúng tiêu chuẩn nào cho vấn đề tiền nong.’” Anh ta đặt tờ giấy xuống. “Tôi có thể kể ra rằng một cuộc kiểm tra đã xác nhận hệ thống kế toán của ông có nhiều điều không đúng quy cách.”

‘Bất chấp việc mình là viên chức chính quyền cao nhất của thị trấn, ông ta đã vướng vào mối quan hệ bất chính với một phụ nữ đứng đường và việc này lấy đi hầu hết năng lực hoạt động của ông ta, làm phương hại đến việc thực hiện bốn phận của một quan chức. Mối quan hệ bất chính này làm suy giảm uy tín của chính quyền trung ương về mặt đạo đức bởi vì người phụ nữ liên quan đã từng được nhiều người lính thông thường chiếu cố và được miêu tả trong nhiều câu chuyện tục tĩu.’ Tôi sẽ không nhắc lại những câu chuyện này.

“Để tôi đọc cho ông nghe một lời khai khác nữa.

‘Vào ngày một tháng ba, hai tuần trước khi lực lượng viễn chinh

đến, ông ta ra lệnh cho tôi và hai người khác (được nêu tên) chuẩn bị ngay lập tức cho một hành trình dài. Lúc bấy giờ, ông ta không nói chúng tôi sắp đi đâu. Chúng tôi đã rất bất ngờ khi biết rằng cô gái người mọi cũng sẽ đi cùng, nhưng chúng tôi không hỏi gì cả. Chúng tôi cũng ngạc nhiên bởi sự chuẩn bị vội vàng ấy. Chúng tôi không hiểu tại sao không thể chờ đến mùa xuân khi băng tuyết tan. Mãi đến sau khi trở về, chúng tôi mới hiểu được mục đích của ông ta là cảnh báo cho bọn mọi về chiến dịch sắp xảy ra...

Chúng tôi gặp bọn mọi khoảng vào ngày mười tám tháng ba. Họ đã hội ý rất lâu mà không để chúng tôi tham gia.

Họ cũng trao đổi quà tặng cho nhau. Lúc này chúng tôi bàn riêng với nhau xem nên làm gì nếu ông ta ra lệnh cho chúng tôi theo bọn mọi. Chúng tôi quyết định sẽ cự tuyệt và tự tìm đường về nhà.

... Cô gái trở về với tộc người của mình. Ông ta đã mù mị vì cô nàng, nhưng cô ta không thích ông ta.’”

“Vậy đó.” Anh ta cẩn thận đặt mớ giấy tờ xuống bàn và vuốt thẳng các mép giấy. Tôi im lặng. “Tôi chỉ đọc mấy đoạn trích thôi. Cốt để cho ông hình dung được mọi chuyện. Thật tệ khi chúng tôi phải nhúng tay vào chuyện của chính quyền địa phương. Thậm chí đó còn không phải là phận sự của chúng tôi.”

“Tôi sẽ tự bào chữa cho mình trước tòa án.” “Vậy sao?”

Tôi không ngạc nhiên với những gì họ đang làm. Tôi biết rất rõ những gợi ý mập mờ và sự thay đổi trong âm sắc có trọng lượng ra sao đối với việc gây ảnh hưởng, hay phải chất vấn theo cách nào để bức cung. Họ sẽ sử dụng luật lệ để đối phó với tôi ở mức tối đa, sau đó chuyển sang các biện pháp khác. Đó chính là cách của Cục. Với những người không tuân thủ quy chế, luật pháp chỉ là một trong nhiều công cụ sẽ được viện đến.

Tôi nói, “Không ai dám nói những điều như vậy trước mặt tôi cả. Ai là người viết lời khai đầu tiên đó?”

Anh ta xua tay rồi ngồi thẳng trở lại. “Điều đó không quan trọng. Ông sẽ có cơ hội đối chất thôi.” Vậy là chúng tôi ngồi yên quan sát nhau trong sự tĩnh lặng của buổi sáng, cho đến lúc anh ta vỗ tay gọi

người lính canh vào đưa tôi đi.

Tôi nghĩ về anh ta rất nhiều trong cảnh tĩnh mịch nơi phòng giam, cố gắng để hiểu thái độ thù địch của anh ta, gắng đặt mình vào vị trí của anh ta để kiểm điểm bản thân. Tôi nghĩ về sự chăm chút của anh ta đối với văn phòng của tôi. Anh ta không đơn giản là hất mớ giấy tờ của tôi vào một góc và gác chân lên bàn, mà thay vào đó ôm việc vào người chỉ để cho tôi thấy anh ta có khiếu thẩm mỹ cao. Tại sao? Một người đàn ông có vòng hông của một cậu bé và cánh tay vạm vỡ của một tên lưu manh đường phố bị nhét vào bộ đồng phục xanh nhạt mà Cục đã tự sản xuất cho họ. Tự phụ, khao khát được ngợi khen, tôi chắc vậy. Một kẻ hám gái, khó chiều và cũng chẳng chiều chuộng ai. Người từng được dạy rằng chỉ có nước dấm lên một núi xác người mới hòng tiến thân nổi. Kẻ luôn mơ rằng một ngày nào đó sẽ dấm chân lên cổ tôi và ấn xuống. Còn tôi? Tôi lại thấy thật khó để ghét lại anh ta. Con đường tiến thân hẳn là rất khó khăn cho những người trẻ không có tiền, không được nâng đỡ, cùng với việc thiếu sự giáo dục tối thiểu, người ta có thể sa chân vào thế giới tội phạm dễ dàng như gia nhập lực lượng của chính quyền (nhưng liệu còn cơ quan chính quyền nào tốt hơn Cục để họ có thể chọn lựa!).

Tuy nhiên, tôi không hề thấy dễ chịu trước nỗi tủi hổ khi bị giam giữ. Đôi khi, tôi ngồi trên tấm thảm của mình nhìn chăm chăm vào ba cái đốm trên tường và cảm thấy mình bị cuốn về phía những câu hỏi này đến hàng ngàn lần “Tại sao chúng lại thẳng hàng như vậy? Ai đã bôi chúng lên đó, liệu chúng có ẩn ý gì không?” hoặc nhận ra bản thân đang đi đi lại lại trong phòng và đếm “một - hai - ba - bốn - năm - sáu - một - hai - ba...”, hay đang xoa xoa tay lên mặt trong vô thức, tôi nhận ra mình đã để cho họ biến thế giới của bản thân trở nên nhỏ nhoi đến đâu, tôi đã ngày càng giống súc vật hay một cỗ máy đơn giản như thế nào, tựa một cái bánh xe đồ chơi trẻ con chẳng hạn, với tám hình vẽ nhỏ ghi tên trên vành. Cha, người tình, kỹ sĩ, kẻ trộm...

Rồi tôi phản ứng lại bằng những hành động trong cơn cuồng loạn kinh hoàng như chạy quanh phòng giam hoa tay múa chân, tự bút râu mình, dẫm chân xuống sàn, làm bất kỳ điều gì để tự thức tỉnh, để nhắc nhở mình về thế giới bên ngoài vốn vô cùng đa dạng và phong phú.

Còn có những sự lãng nhục khác nữa. Tôi yêu cầu được cấp quần áo sạch nhưng họ lờ đi. Tôi chẳng có gì để mặc ngoài những thứ

mang theo bên mình.

Mỗi khi đến ngày tập thể dục, dưới sự trông chừng của lính canh, tôi giặt một thứ, cái áo sơ mi hay đôi chiếc quần đùi, bằng nước bẩn và lạnh, rồi mang nó về phòng giam để hong khô (cái áo sơ mi tôi phơi ngoài sân đã mất hai ngày sau đó). Tôi luôn nghĩ thấy mùi quần áo ẩm mốc do không được phơi ngoài nắng.

Và tệ hơn thế. Bởi chế độ ăn uống nghèo nàn chỉ có súp, cháo yến mạch và trà, dần dần việc đi tiêu trở nên rất khổ sở với tôi. Tôi không đi được, bị táo bón và trướng bụng trong nhiều ngày mới có thể ngồi xổm trên cái thùng và chịu đựng sự đau đớn, nổi đau xé của các mô liên quan đến việc bài tiết này.

Không ai đánh tôi, không ai bỏ đói tôi, không ai khạc nhổ vào tôi. Làm sao tôi có thể xem mình như một nạn nhân của sự ngược đãi khi những nỗi khổ tôi phải chịu nhỏ nhặt như vậy? Ấy vậy mà tất cả nỗi khổ khổ sở càng trở nên hèn mọn bởi chính sự vất vả của chúng. Tôi nhớ mình đã mỉm cười khi cánh cửa đóng lại sau lưng và chiếc chìa khóa xoay trong ổ lần đầu tiên. Dường như chẳng có sự trừng phạt lớn nào khi chuyển từ sự cô đơn trong cuộc sống hàng ngày thành sự cô độc ở phòng giam nơi tôi có thể mang theo mình cả một trời nghĩ suy và ký ức. Nhưng giờ thì tôi bắt đầu hiểu tự do sơ đẳng là thế nào. Tôi được phép có những tự do gì? Tự do chọn giữa ăn hay chịu đói, chọn giữ yên lặng hoặc tự nói lảm nhảm với chính mình hay đập cửa và gào lên. Nếu khi họ nhốt tôi ở đây, tôi là đối tượng của sự bất công, một sự bất công nhỏ, thì giờ đây tôi chẳng khác gì một khối thịt, xương và máu bất hạnh.

Cậu cháu trai của người đầu bếp mang suất ăn đến cho tôi. Tôi chắc là cậu không hiểu tại sao vị Quan tòa già lại bị giam một mình trong căn phòng tối, nhưng cậu bé không hỏi một câu nào. Cậu kiêu hãnh vươn người bước vào, tay mang cái khay, trong khi người lính canh giữ cánh cửa mở. “Cảm ơn cháu”, tôi nói, “ta rất vui khi cháu đến, ta đang đói quá...” Tôi đặt tay lên vai cậu bé, khóa lấp khoảng cách giữa chúng tôi bằng tiếng người, trong khi cậu ta nghiêm trang chờ tôi ném thử và tỏ ý hài lòng. “Bà cháu hôm nay có khỏe không?”

“Bà khỏe, thưa ông.”

“Còn con chó? Nó đã trở lại chưa?” (Từ bên kia sân vọng đến

tiếng bà cậu ta gọi.)

“Chưa, thưa ông.”

“Mùa xuân mà, cháu biết đấy, đó là mùa hẹn hò. Những con chó đi chơi, chúng ở bên ngoài nhiều ngày, rồi trở lại mà không cho ta hay chúng đã ở đâu cả. Cháu không phải lo lắng, nó sẽ trở về thôi.”

“Vâng, thưa ông.”

Tôi ném thử món súp, vì cậu ta muốn tôi làm thế, và chép môi. “Nói với bà cháu ta cảm ơn vì bữa tối, ngon lắm.”

“Vâng, thưa ông.” Tiếng gọi lại vọng đến. Cậu bé thu dọn cốc đĩa của bữa sáng và chuẩn bị đi.

“Và nói cho ta biết. Những người lính đã trở lại chưa?”, tôi hỏi nhanh.

“Chưa, thưa ông.”

Tôi giữ cửa mở và đứng một lúc ở ngưỡng cửa lắng nghe tiếng hót líu lo cuối cùng của chim chóc trên những tán cây bên dưới bầu trời tím ngắt bao la trong khi đĩa trẻ bung cái khay bằng qua sân. Tôi chẳng có gì để cho cậu ta, thậm chí là một cái cúc áo. Tôi thậm chí không có thời gian để chỉ cho cậu ta biết làm thế nào để bẻ khớp ngón tay cho nó kêu cái “rắc” hay làm sao để xỉ mũi bằng tay.

Tôi đang quên đi cô gái. Dần chìm vào giấc ngủ, tôi lạnh người khi phát hiện ra rằng một ngày đã trôi qua mà tôi không hề nghĩ đến cô. Tệ hơn, tôi không thể nhớ rõ trông em ra sao nữa.

Dường như luôn có một nỗi hoang mang trải dài trong đôi mắt và một sự trống rỗng bao phủ khắp người em. Tôi nhìn chăm chăm vào bóng tối mong chờ một ảnh tượng thành hình. Nhưng ký ức duy nhất tôi có thể tin tuyệt đối là đôi tay trơn dầu của mình lướt trên hai đầu gối, rồi bắp chân và mắt cá của em. Tôi cố hồi tưởng những lần thân mật hiếm hoi giữa chúng tôi nhưng lại lẫn lộn chúng với mảng ký ức cùng những tấm thân ấm áp khác mà suốt đời tôi đã tự nhấn chìm mình trong đó. Tôi đang quên em, và quên, tôi biết, có chủ ý.

Không phải từ phút giây tôi dừng chân trước mặt em ở cổng doanh trại và đưa em về, tôi đã biết vì sao mình cần em, và giờ đây tôi kiên trì dốc lòng chôn vùi em trong quên lãng. Tay lạnh thì tim cũng lạnh, tôi nhớ đến câu ngạn ngữ ấy, áp lòng bàn tay vào má, thở dài trong bóng tối.

Trong giấc mơ, có ai đó đang quỳ bên dưới bức tường. Quảng trường khá vắng vẻ, gió cuốn bụi mù thành từng đám. Em rúc sâu trong cổ áo choàng, kéo mũ thấp xuống để che mặt.

Tôi đứng bên em. “Em đau ở đâu?”, tôi hỏi. Tôi cảm nhận từng chữ hình thành trong miệng mình, rồi nghe thấy chúng thoát ra yếu ớt, vô hình, như thể lời của ai khác nói.

Em vụng về đưa chân ra trước và sờ vào mắt cá. Em nhỏ bé đến nỗi gần như lọt thỏm trong chiếc áo choàng của đàn ông mà em đang mặc. Tôi quỳ xuống, cởi đôi tất len rộng thùng thình của em và tháo băng ra. Đôi chân đặt trước mặt tôi trong bụi bặm, trông quái gở, dị thường, như hai con cá bị mắc cạn, hai củ khoai tây khổng lồ.

Tôi nhắc một chân đặt lên đùi mình và bắt đầu xoa. Nước mắt tuôn ra từ làn mi em và lăn xuống má. “Đau lắm!”, em rên rỉ bằng giọng yếu ớt. “Suyt”, tôi nói, “tôi sẽ giữ ấm cho em.” Tôi nhắc chân kia lên và ôm cả hai lại. Gió trút bụi xuống chúng tôi, cát bám vào răng tôi. Tôi thức giấc vì nướu răng đau nhức và miệng chảy máu. Vẫn còn đang đêm, mặt trăng vẫn tối. Tôi nằm một lúc nhìn lên khoảng tối trước mặt, rồi lại trôi vào giấc mơ.

Tôi bước vào cổng doanh trại và đối mặt với một cái sân mênh mông như sa mạc.

Chẳng có hy vọng đến được phía bên kia, nhưng tôi cứ lê chân đi, bồng theo cô gái, chiếc chìa khóa duy nhất tôi có để thoát khỏi mê cung, đầu em tựa trên vai tôi, đôi chân tê liệt của em rũ xuống phía bên kia.

Có những giấc mơ khác trong đó nhân vật tôi gọi là - cô gái - thay đổi hình dạng, giới tính, chiều cao. Trong một giấc mơ, có hai hình ảnh khơi lên nỗi kinh hoàng trong tôi. Đồ sộ và trống rỗng, chúng cứ lớn mãi lớn mãi cho đến khi lấp đầy không gian nơi tôi ngủ. Tôi thức dậy, ngạt thở, la hét, cổ họng khản đặc.

Mặt khác, hoạt động trong những ngày này cũng nhạt thếch như món cháo yến mạch vậy.

Đời tôi chưa từng phải quan tâm đến sinh hoạt thường ngày nhiều đến thế này. Với áp lực từ nhu cầu ăn uống và khả năng vận động cơ bản, cùng với sự nhàm chán của việc sống cho qua ngày, tôi chẳng còn để ý gì đến thông tin về những biến cố của thế giới bên ngoài, hay khía cạnh đạo đức, luân lý trong hoàn cảnh của mình, nếu có thể gọi như vậy, thậm chí cả triển vọng được tự bảo vệ mình ở tòa án. Tôi bị cảm lạnh. Đời tôi giờ chỉ quẩn quanh trong những sổ mũi và hắt hơi, trong nỗi khổ sở của một thân thể ốm đau và mong được khỏe lại.

Một buổi chiều nọ, âm thanh mơ hồ từ tiếng bay nạo trát không đều tay của cánh thợ xây ở phía bên kia bức tường bỗng ngừng lại. Đang nằm trên tấm nệm, tôi động tai lên. Có tiếng u u vắng vắng trong không trung, một âm nhiều yếu ớt trong buổi chiều yên tĩnh không thể tự biến thành những tiếng động rõ ràng, nhưng vẫn làm tôi căng thẳng và bồn chồn. Một cơn bão chẳng? Dù đã ép sát tai vào cánh cửa, tôi vẫn không thể nghe thấy gì. Sân doanh trại vắng vẻ.

Một lúc sau, tiếng những cái bay lại tiếp tục vang lên xoèn xoẹt.

Đến chiều tối, cánh cửa mở ra và người bạn nhỏ của tôi bước vào cùng với phần ăn tối. Tôi thấy cậu bé đang tha thiết muốn nói với tôi điều gì đó, nhưng người lính canh đã vào cùng với cậu và đứng đó đặt một tay trên vai cậu bé. Thế nên chỉ có đôi mắt của cậu trò chuyện với tôi, sáng rỡ vì phấn khích. Tôi dám thề là chúng nói rằng những người lính đã trở về. Trong trường hợp đó, tại sao lại không thổi kèn và hoan hô? Tại sao không có màn diễu ngựa nước kiệu qua quảng trường lớn? Tại sao không có âm thanh chuẩn bị cho một bữa tiệc mừng? Tại sao người lính canh theo sát cậu bé đến thế và lại đuổi cậu đi trước khi tôi có thể đặt một nụ hôn lên cái đầu cạo trọc của cậu ta? Cậu trả lời rõ ràng là những người lính đã trở về, nhưng không phải về trong chiến thắng. Nếu vậy, tôi phải cẩn thận.

Tối hôm đó, âm thanh huyền ảo và tiếng người nói ồn ào vọng ra từ sân trong. Những cánh cửa mở ra rồi đóng sầm lại, tiếng chân rầm rập tới lui. Tôi nghe rõ một trong số những câu chuyện mà người ta đang bàn tán. Không phải về chiến lược hay bọn mọi mà về những cái chân đau nhức và thân xác suy kiệt, một cuộc cãi vã về việc những

người ốm phải có giường nằm. Trong vòng một giờ, tất cả lại trở nên yên ắng.

Cái sân vắng vẻ. Nghĩa là chẳng có tù nhân nào. Chí ít thì điều này cũng là lý do để vui sướng.

Đã giữa buổi sáng mà tôi vẫn chưa nhận được bữa ăn nào. Tôi đi đi lại lại trong phòng, bụng sôi ùng ục như một con bò đói ăn. Nghĩ đến cháo yến mạch mặn và trà đen, nước miếng tôi chảy ra không ngừng.

Cũng chẳng có dấu hiệu gì chứng tỏ rằng tôi sẽ được cho ra ngoài, mặc dù hôm nay là ngày tập thể dục. Những người thợ xây đang làm việc trở lại, từ sân vọng lên những âm thanh của các hoạt động hàng ngày. Tôi thậm chí còn nghe cả tiếng người nấu bếp gọi cháu trai của mình. Tôi đập cửa nhưng không ai chú ý.

Rồi vào giữa trưa, chiếc chìa khóa kêu loẹt xoẹt trong ổ và cánh cửa mở ra.

“Ông muốn gì?”, người lính canh phòng giam của tôi hỏi. “Tại sao ông đập cửa suốt như vậy?”. Anh ta hẳn phải ghét tôi biết bao! Phải trông chừng một cánh cửa đóng kín và coi sóc những nhu cầu căn bản của người khác hàng ngày trời! Anh ta cũng bị cướp mất tự do, và nghĩ rằng tôi là kẻ cướp.

“Anh không cho tôi ra ngoài hôm nay sao? Tôi chưa có gì để ăn cả.”

“Vì thế mà ông gọi tôi hả? Ông sẽ có thức ăn. Hãy học lấy một chút nhẫn nại. Dù sao thì ông cũng quá béo.”

“Chờ đã. Tôi phải đổ cái xô của mình. Nó bốc mùi quá rồi. Tôi muốn lau chùi sàn. Tôi cũng muốn giặt áo quần nữa. Tôi không thể đứng trước mặt ông Đại tá trong bộ quần áo bốc mùi như thế này. Điều đó sẽ chỉ làm ông ta thêm chán những người canh gác tôi thôi. Tôi cần nước nóng, xà phòng và một miếng giẻ lau. Hãy để tôi đổ cái xô này ngay và đi lấy một ít nước nóng ở nhà bếp.”

Suy đoán của tôi về viên đại tá hẳn là đúng, vì anh ta không phủ nhận lời tôi.

Anh ta mở cánh cửa rộng hơn và đứng tránh sang một bên. “Nhanh lên đây!”, anh ta nói.

Chỉ có một phụ nữ lo liệu việc rửa chén trong nhà bếp. Cô ta hoảng vía giật mình khi hai chúng tôi bước vào, thực ra thì còn suýt bỏ chạy. Người ta đã bàn tán với nhau những chuyện gì về tôi chứ?

“Lấy cho ông ta một ít nước nóng”, người lính canh ra lệnh. Cô ta cúi chào và quành đến cái lò nơi luôn có một vạc nước sôi lớn.

Tôi nói với người lính canh sau lưng mình, “Cái xô - tôi sẽ tìm một cái xô để lấy nước”. Chỉ với vài bước dài, tôi băng qua gian bếp tới hốc tường tối mờ mờ, nơi chứa giẻ lau và chổi cùng những bao bột, muối với hạt kê xay, đậu hạt và đậu hà lan phơi khô. Trên một cái đỉnh cao ngang đầu người là chiếc chìa khóa của căn hầm treo sườn cừu.

Tôi đã bỏ nó vào túi ngay lập tức. Quay lại với cái xô gỗ trong tay, tôi giữ nó để cô gái múc nước sôi vào. “Cô khỏe không?”, tôi hỏi. Tay cô ta run rẩy đến nỗi tôi phải cầm lấy cái môi trong tay cô. “Cô có thể làm ơn cho tôi xin ít xà phòng và một miếng giẻ cũ?”

Quay trở lại phòng giam, tôi cởi đồ và tắm bằng thứ nước ấm xa xỉ. Tôi giặt một cái quần đùi dự phòng, thứ đang bốc mùi như hành thối, vắt ráo rồi treo nó lên cái đỉnh sau cánh cửa, và đổ hết nước trong xô ra sàn nhà lát gạch. Rồi tôi nằm dài chờ đêm xuống.

Chiếc chìa khóa xoay nhẹ nhàng trong ổ. Ngoài tôi, có bao nhiêu người biết rằng chìa khóa của căn hầm có thể dùng để mở cửa phòng giam của tôi cũng như cái tủ búp phê lớn trong sảnh chính của doanh trại, rằng chìa khóa của dãy phòng trên nhà bếp là bản sao của chìa khóa cửa kho vũ khí, và chìa khóa của cầu thang tòa tháp phía tây bắc cũng mở được cầu thang tòa tháp phía đông bắc, tủ búp phê nhỏ trong sảnh, và cái cửa sập bên trên ống nước ở sân trong? Chẳng ai mất ba mươi năm chôn vùi vào cuộc sống vụn vặt ở khu định cư bê tọ này một cách vô ích cả.

Những ngôi sao nhấp nháy trên bầu trời đêm trong veo. Ánh lửa lập lòe trên quảng trường xa xa xuyên qua những chấn song của cổng trại. Bên cạnh cái cổng, nếu căng mắt ra, tôi có thể nhận ra một bóng người trong bóng tối, một người đàn ông đang ngồi dựa vào tường

hoặc cuộn tròn trong giấc ngủ. Liệu anh ta có nhìn thấy tôi trong ô cửa của phòng giam không?

Trong vài phút, tôi dừng lại cảnh giác. Anh ta không động đậy. Lúc ấy tôi bắt đầu men theo bức tường, đôi chân trần của tôi tạo ra những âm thanh xào xạc trên khoảnh sân rải sỏi.

Tôi rẽ ngoặt ở góc tường và đi ngang cửa nhà bếp. Cánh cửa tiếp theo dẫn đến căn hộ cũ của tôi ở tầng trên. Nó đã bị khóa. Cánh cửa thứ ba và cuối cùng vẫn đang mở. Nó là cửa của căn phòng nhỏ thỉnh thoảng được dùng như một phòng bệnh, đôi khi chỉ là chỗ ở cho quân lính. Ép mình xuống sàn, đưa tay ra trước dò dẫm, tôi bò về phía khoảng vuông xanh mờ mờ của khung cửa sổ có lắp chấn song, lo sợ vấp phải những người đang rình rập xung quanh mình.

Một âm thanh khác lạ vang lên. Tiếng thở gấp của người lính đang ngủ ngay dưới chân tôi, mỗi lần thở ra lại rên rỉ nho nhỏ. Cậu ta đang mơ chằng? Tôi dừng lại khi cậu ta tiếp tục thở hổn hển và rên rỉ trong bóng tối như kéo bề cách tôi chỉ vài inch. Rồi tôi bò qua.

Tôi đứng bên cửa sổ nhìn ra phía quảng trường của thị trấn, có chút mong chờ những đốm lửa trại, những tàu ngựa được buộc cương và những nhánh cây to chất đống, hàng dây lều trại. Nhưng ở đó hầu như chẳng có gì cả. Chỉ có đám than hồng của đống lửa duy nhất đang tàn, và có lẽ cả ánh sáng yếu ớt của hai căn lều trắng phía xa dưới những ngọn cây.

Vậy là lực lượng viễn chinh chưa trở lại! Hay cũng có thể là những người ít ỏi nơi đây là tất cả những gì còn lại của nó? Tim tôi ngừng đập khi nghĩ đến khả năng đó.

Nhưng làm sao có chuyện đó được! Những người này chưa từng ra mặt trận. Tình huống xấu nhất là họ đi loanh quanh trên vùng thượng du, săn lùng những người chần cừ không có khí giới, hãm hiếp phụ nữ, cướp bóc nhà cửa và xua đuổi gia súc của người ta, còn khả quan nhất là họ không gặp được ai cả - hiển nhiên không gặp những tộc người mọi đã kết bè với nhau chọc giận Cục Ba khiến họ phải vào cuộc bảo vệ chúng ta.

Mấy ngón tay phớt nhẹ như cánh bướm chạm vào gót chân tôi. Tôi quỳ xuống. “Tôi khát”, một giọng nói khẩn khoản cất lên. Đó

chính là cậu thanh niên đang thờ dốt.

Thì ra cậu ta chưa ngủ.

“Yên lặng nào, con trai”, tôi thì thầm. Nhìn thật kỹ, tôi có thể thấy lòng trắng của đôi mắt đang ngược lên. Tôi sờ vào trán cậu thanh niên. Cậu ta đang bị sốt. Tay cậu ta lần lên nắm lấy tay tôi. “Nãy giờ tôi khát quá!”, cậu ta nói.

“Tôi sẽ mang nước đến cho cậu”, tôi thì thầm vào tai cậu ta, “nhưng cậu phải hứa giữ yên lặng mới được. Ở đây đang có nhiều người ốm, họ cần được ngủ.”

Cái bóng bên ngoài cổng vẫn không nhúc nhích. Có lẽ chẳng ai ngồi đó, biết đâu chỉ là cái bao tải cũ hay một đồng củi. Tôi đi nhón chân qua đám sỏi đến chỗ máng nước nơi những người lính thường tắm rửa. Nước không sạch lắm nhưng tôi không vịn nổi cái ống dẫn ra. Một cái ca móp méo treo bên cạnh máng nước. Tôi múc đầy một ca và nhón chân trở lại.

Cậu trai cố gắng ngồi dậy nhưng quá yếu. Tôi đỡ cậu và cho cậu uống nước.

“Chuyện gì đã xảy ra?”, tôi thì thầm. Một trong những người đang ngủ trở mình. “Cậu bị thương hay bị ốm?”

“Tôi nóng quá!”, cậu ta rên rỉ. Cậu ta muốn hất cái chăn của mình sang một bên nhưng tôi ngăn lại. “Cậu phải chảy mồ hôi cho hết sốt”, tôi thì thầm. Cậu ta chậm chạp lắc đầu. Tôi nắm cổ tay cậu ta cho đến khi cậu ta lại chìm vào giấc ngủ.

Mỗi ô cửa gỗ có ba chấn song. Tất cả cửa sổ ở tầng dưới của doanh trại đều được đóng chấn song. Tôi chống chân lên khung cửa, nắm lấy chấn song ở giữa, và ráng sức kéo. Tôi toát mồ hôi và căng thẳng, một cơn đau nhói lên sau lưng, nhưng song cửa vẫn không suy suyển. Rồi thành linh khung cửa bị nứt và tôi phải bám chặt lấy nó để khỏi ngã ra sau. Cậu trai lại bắt đầu rên rỉ, một người đang ngủ khác đằng hắng. Tôi suýt la hoảng vì cơn đau bất ngờ kéo đến khi tôi dồn trọng lượng lên chân phải của mình.

Cửa sổ vẫn đang mở. Ép song cửa qua một bên, tôi chui đầu và

vai qua khoảng trống, xoay xở để trèo ra, và cuối cùng ngã lộn xuống đất ở phía sau dãy bụi cây được cắt tỉa gọn gàng chạy dọc theo bức tường phía bắc doanh trại. Chẳng nghĩ được gì khác ngoài cơn đau, tôi chỉ mong được nằm ở tư thế thoải mái nhất có thể, nằm nghiêng một bên với đầu gối co lên cằm. Trong vòng ít nhất một giờ, thay vì tiếp tục cuộc đào thoát của mình, tôi lại nằm đó, nghe tiếng thở dài của những người đang ngủ qua khung cửa sổ còn mở, nghe giọng cậu trai đang tự lầm bầm với chính mình. Những cục than hồng cuối cùng của đồng lửa trên quảng trường đã tàn. Người và gia súc đang ngủ say. Chỉ còn một lúc nữa là đến bình minh, thời khắc lạnh nhất. Tôi cảm thấy hơi đất lạnh giá đang ngấm vào tận xương. Nếu nằm lâu hơn, tôi sẽ bị cồng và bị đưa trở lại phòng giam trong buổi sáng bằng xe đẩy. Như con ốc sên bị thương, tôi bắt đầu bò dọc theo bức tường về phía khoảng tối của con đường đầu tiên dẫn đến quảng trường.

Cánh cổng dẫn đến khoảng đất nhỏ phía sau quán trọ ngã nghiêng mục nát trên mấy thanh bản lề của nó. Chỗ này sặc mùi thối rữa. Vỏ rau củ, xương, rác bẩn và tro từ nhà bếp đổ ra đây được vùi xuống đất, nhưng đất cũng đã ú rác, cứ đào để vùi rác tuần này thì lại lật lên rác của tuần trước. Ban ngày, ruồi nhặng bay nhan nhản, đến chạng vạng tối thì họ nhà gián tung hoành.

Bên dưới cầu thang gỗ dẫn lên ban công và phòng gia nhân là một hốc tường để chứa gỗ, nơi lũ mèo nấp vào trốn mưa. Tôi bò vào và co ro trên một cái bao cũ. Nó có mùi khai, và hẳn là đầy bọ chét, tôi lạnh đến nỗi răng đánh vào nhau lập cập, nhưng vào lúc này toàn bộ tâm trí tôi chỉ nghĩ đến một điều là làm dịu đi cơn đau trên lưng.

Tôi bị đánh thức bởi tiếng bước chân huyền não trên cầu thang. Trời đã sáng. Đầu óc lơ mơ nặng trĩu, tôi nằm co ro trong cái ổ của mình. Có ai đó mở cánh cửa bếp. Đàn gà chạy nhốn nháo khắp mọi góc ngách. Việc tôi bị phát hiện chỉ là chuyện sớm muộn.

Tôi lấy hết can đảm leo lên cầu thang, nhưng vẫn co rúm lại dù đã cố sức. Người ta sẽ thấy tôi như thế nào trong cái áo sơ mi và quần dài dơ bẩn, cả đôi chân trần và bộ râu rối bù nữa? Tôi sẽ giống một người giúp việc, cầu trời là vậy, hoặc một tên giữ ngựa đang trở về nhà sau một cuộc chè chén thâu đêm.

Hành lang vắng vẻ, cửa phòng cô gái đang mở. Căn phòng vẫn ngăn nắp và sạch sẽ như mọi khi. Tắm tắm lông trên sàn bên cạnh

giường, bức màn kẻ ô đỏ trên cửa sổ, cái rương lớn được đẩy sát vào đầu kia bức tường cùng với một giá áo quần ở trên. Vùi mặt vào làn hương trên quần áo em và nghĩ về cậu bé mang thức ăn cho mình, nghĩ đến lần tôi đặt tay lên vai cậu ta, tôi cảm thấy khả năng chữa lành vết thương của sự tiếp xúc ấy chảy trong thân thể vốn đã trở nên cằn cỗi vì nỗi cô đơn lạ thường của mình.

Giường ngủ đã được dọn. Vuốt lên tấm khăn trải giường, tôi tưởng tượng mình có thể cảm thấy dư âm hơi ấm của em còn vương lại. Không gì làm tôi vui sướng hơn việc được cuộn tròn trên giường của em, tựa đầu lên chiếc gối của em, quên đi những khổ sở của mình, mặc kệ cuộc truy bắt giờ này hẳn là đã được phát động, và chìm vào quên lãng giống như cô gái nhỏ trong truyện. Sáng nay, sức hút của sự mềm mại, của hơi ấm và hương thơm đã mời gọi tôi tha thiết biết bao! Với một tiếng thở dài, tôi quỳ xuống và ép mình chui xuống gầm giường.

Nằm úp mặt xuống dưới, tôi bị ép giữa sàn nhà và những thanh giát giường chặt đến nỗi mỗi khi nhúc nhích hai vai, cái giường lại bị nâng lên, tôi cố trấn an bản thân trong một ngày lẫn trốn.

Tôi lơ mơ ngủ rồi lại thức, lênh đênh giữa những giấc mộng mơ hồ. Đến giữa buổi sáng, trời nóng đến mức không thể ngủ được nữa. Tôi cố nằm trong nơi trú ẩn chật chội đầy bụi của mình càng lâu càng tốt, mồ hôi đầm đề. Rồi thì, mặc dù tôi đã cố nén lại, nhưng cũng đến lúc tôi cần phải đi tiêu. Tôi rên rỉ nhích từng inch ra ngoài và ngồi xổm xuống cái chậu đi tiểu. Lại một lần nữa, đau như xé. Tôi chùi nhẹ bằng chiếc khăn tay trắng mới trộm được, nó đầy máu. Căn phòng bốc mùi. Ngay cả tôi, người đã sống hàng tuần với một xô nước bẩn trong góc phòng, cũng thấy ghê người. Tôi mở cửa và đi tập tễnh dọc theo hành lang.

Ban công hướng ra hàng dãy mái nhà, xa hơn nữa là bức tường phía nam và hoang mạc trải dài đến tận chân trời tím tấp. Không thấy ai ngoại trừ một phụ nữ đang bệ vệ bước đi bên kia ngõ hẻm. Một đứa trẻ bò theo sau bà ta, nó đang đẩy đẩy thứ gì đó trong đất mà tôi không nhìn rõ. Cái mông nhỏ xinh xắn của nó chổng lên trời. Khi người phụ nữ quay lưng lại, tôi bước ra khỏi chỗ nấp và đổ cái xô xuống đồng rác thải bên dưới. Bà ta chẳng để ý gì.

Một cơn mê sắp sửa phủ xuống thị trấn. Công việc buổi sáng đã

xong. Tiên liệu được nhiệt độ ban trưa, mọi người hẳn đang nghỉ ngơi trong khoảng sân có bóng râm hay những căn phòng mát lạnh. Tiếng nước chảy róc rách ở những rãnh nước bên đường êm dần rồi tắt hẳn. Tôi chỉ còn nghe được mỗi tiếng lèng xèng từ chiếc búa của người đóng móng ngựa, tiếng gù gù của những con chim gáy, và ở nơi nào đó xa xa vọng đến tiếng trẻ con khóc.

Tôi thở dài nằm xuống giường trong hương hoa ngọt ngào gọi bao nhung nhớ. Ý tưởng cùng cả thị trấn chìm vào giấc ngủ trưa thật quá cảm dỗ! Những ngày này, những ngày xuân nóng bức đã chuyển sang hè - tôi thấy mình dễ bị sa vào không khí uể oải của chúng biết bao! Làm sao tôi có thể chấp nhận rằng tai họa đã ập xuống đời mình khi trái đất vẫn tiếp tục từng vòng quay lặng lẽ của nó. Tôi dễ dàng tin rằng, khi bóng nắng bắt đầu dài ra và hơi thở đầu tiên của gió làm xôn xao vòm lá, mình sẽ tỉnh giấc và ngáp rồi mặc đồ và đi xuống cầu thang, băng qua quảng trường đến văn phòng, gật đầu chào bạn bè và những người hàng xóm gặp trên đường, rằng tôi sẽ mất chừng một hay hai giờ dọn dẹp bàn làm việc, khóa nó lại, rằng đời cứ thế trôi đi như trước giờ vẫn vậy. Quay lại với thực tại, tôi gắng sức lắc đầu rồi chớp mắt để nhận ra rằng khi nằm ở đây, mình là kẻ bị truy lùng, rằng để làm tròn nhiệm vụ, những người lính sắp đến đây lôi tôi đi và lại giam tôi ngăn cách với bầu trời và những con người khác.

“Tại sao?”, tôi úp mặt vào gối rên rỉ, “Sao lại là tôi?” Chẳng có ai trên đời này mơ hồ và ngây ngô với cuộc đời như tôi. Đúng là một đứa trẻ! Tuy nhiên, nếu có thể, họ sẽ giam tôi cho đến khi mục ruỗng, phó mặc thân tôi cho những chủ ý hèn hạ tùy hứng của họ. Rồi một ngày không báo trước, lại mang tôi ra xét xử tội vàng tại một trong các phiên xử kín họ thực hiện nhân danh quyền hạn khẩn cấp, với viên đại tá nhỏ con cứng nhắc là chủ tọa và tay sai của ông ta đọc lời buộc tội, cùng hai sĩ quan trẻ trong vai trò hội thẩm viên để tăng thêm vẻ hợp pháp cho các thủ tục tố tụng trong một phòng xử án vắng tanh, và sau đó, đặc biệt nếu họ đã thất bại, nhất là khi bọn mọi đã làm họ bẽ mặt, họ sẽ quy kết cho tôi tội mưu phản - tôi có cần nghi ngờ chẳng? Từ phòng xử án cho tới nơi hành quyết, họ sẽ kéo tôi - giầy giụa và khóc lóc, hoang mang như trong ngày mình chào đời, đến phút cuối cùng vẫn bám víu vào niềm tin rằng người vô tội sẽ không bị hại.

“Mình đang sống trong một giấc mơ!”, tôi tự nói với chính mình. Tôi đọc lớn từng tiếng, tập trung để cố nắm bắt ý nghĩa của chúng,

“Mình phải thức dậy!”.

Tôi cố gắng hình dung trong đầu hình ảnh những người vô tội mà tôi biết. Cậu bé nằm trần truồng dưới ánh đèn với hai bàn tay kẹp giữa đùi, những tù nhân người mọi ngòi xôm trên nền đất đầy bụi, che mắt lại và chờ đợi bất cứ điều gì sắp xảy ra. Sao lại có chuyện vô lý đến mức con quái vật đã giày xéo họ cũng sẽ chà đạp tôi? Tôi thực sự tin rằng mình không sợ chết. Mà điều làm tôi sồn lòng là nỗi nhục nhã khi phải chết một cách ngớ ngẩn và ngu ngốc thế này.

Nhiều giọng nói xôn xao, của cả đàn ông và phụ nữ, vọng lên từ dưới sân. Vội vàng trốn vào nơi ẩn náu của mình, tôi nghe thấy những tiếng chân bước nặng nề lên cầu thang. Họ đi tới đầu kia của ban công, sau đó từ từ trở lại, dừng một lúc trước mỗi cánh cửa. Những bức tường ngăn giữa các phòng ngủ trên tầng lầu này, nơi nghỉ đêm của người giúp việc và là nơi các binh sỹ của quân đồn trú có một đêm riêng tư, chỉ được bồi các dải giấy tường. Tôi có thể nghe rõ tiếng những kẻ săn đuổi mình lần lượt xô tung cánh cửa. Tôi ép mình vào tường, hy vọng hẳn ta không đánh hơi được tôi.

Những bước chân vòng qua góc quanh rồi xuôi theo hành lang. Cánh cửa phòng tôi được mở ra, giữ yên trong vài giây, rồi đóng lại. Thế là tôi đã qua được một ải.

Có tiếng bước chân nhanh hơn, nhẹ hơn. Ai đó đang đi vội qua hành lang và bước vào phòng. Đầu quay sang phía khác, tôi thậm chí không thể nhìn thấy bàn chân cô ấy, nhưng tôi biết cô gái này. Đây là thời điểm tôi nên bước ra, cầu xin cô ấy che giấu tôi cho đến khi màn đêm buông xuống để tôi có thể tìm cách ra khỏi thị trấn và đến bờ hồ. Nhưng làm sao tôi có thể thực hiện điều đó? Ngay khi chiếc giường ngừng nhấp nhô và tôi xuất hiện, cô ấy hẳn sẽ bỏ chạy và la lên kêu cứu. Và ai dám chắc rằng cô ấy sẽ che giấu cho một trong những gã đàn ông đã từng ghé lại căn phòng này, một khách làng chơi đã góp phần nuôi sống cô, một tên đàn ông thất thế, một kẻ đào tẩu? Mà chắc gì cô ấy còn nhận ra tôi? Bước chân cô bối rối đi quanh phòng, dừng nơi này một lúc, dừng nơi kia một chút. Tôi không thể cắt nghĩa được hành động của cô. Tôi vẫn nằm yên, thở nhẹ, mồ hôi nhỏ xuống đầm đìa.

Thình lình cô đi mất. Tiếng cầu thang cọt két, rồi tất cả lại lặng yên.

Một khoảng tĩnh lặng cũng bao trùm lấy tôi. Một phút sáng suốt đã giúp tôi nhận ra tình thế lố bịch như thế nào. Tất cả những chuyện chạy trốn và ẩn náu này, thật ngớ ngẩn khi nằm dưới gầm giường vào một buổi chiều nóng nực để chờ đợi cơ hội trốn đến bãi sậy, rồi chắc chắn sẽ phải sống nhờ vào trứng chim và cá tự tay mình săn bắt, ngủ trong một cái hố dưới đất và kiên nhẫn chờ cho đến khi giai đoạn này của lịch sử nặng nề trôi qua, và vùng biên giới lại ngủ yên như trước. Tôi thực sự không còn là chính mình nữa, tôi nhận ra bản thân đã quá hoảng loạn, từ lúc ở trong phòng giam, khi tôi nhìn thấy người bảo vệ túm chặt vai cậu bé để nhắc nhở cậu không được nói gì với tôi. Và tôi biết rằng dù hôm ấy có chuyện gì xảy ra chẳng nữa thì mình cũng là người có lỗi. Khi bước vào phòng giam, tôi là người đàn ông tỉnh táo và hiểu rõ tính kiên định vì chính nghĩa của mình, dù khả năng có hạn, tôi vẫn tiếp tục tìm kiếm chính nghĩa. Nhưng sau hai tháng sống giữa bầy gián, chẳng thấy gì ngoài bốn bức tường và một vết bồ hóng bí ẩn, không có mùi gì ngoài mùi hôi của chính cơ thể mình, không có ai để chuyện trò ngoài một hình bóng có đôi môi bị phong kín trong mơ. Tôi gần như không còn hiểu rõ chính mình. Đôi khi nổi khát khao được tiếp xúc với con người chế ngự tôi mạnh mẽ đến mức tôi buột miệng rên lên. Tôi đã mong đợi biết bao cuộc gặp ngắn ngủi với cậu bé mỗi sáng và tối, đó là tất cả những gì tôi có! Nằm trong vòng tay phụ nữ trên một chiếc giường tử tế, có thức ăn ngon, được tản bộ dưới ánh nắng mặt trời, những điều này dường như quan trọng hơn nhiều so với quyền tự xác định ai là bạn ai là thù mà không cần cảnh sát chỉ bảo! Sao tôi có thể cho là mình đúng khi không một người dân nào trong thị trấn chấp thuận cuộc hôn nhân của tôi với cô gái mọi, hay liệu có ai không cảm thấy oán giận tôi nếu những cậu trai địa phương bị giết bởi cô gái mọi mà tôi bảo trợ? Và việc chịu đựng những trò của bọn mặc cảnh phục xanh còn có ý nghĩa gì nếu tôi không tuyệt đối kiên định với niềm tin của mình? Dù tôi có khai thật với người thẩm vấn, thuật lại từng lời chuyển đi đến chỗ bọn mọi, kể cả khi họ bị thuyết phục và tin tôi, họ vẫn sẽ tiếp tục công việc ác độc của mình, vì một tín điều rằng sự thật tuyệt đối chỉ được khai ra trong cảnh khốn cùng nhất. Tôi đang chạy trốn sự đau đớn và cái chết. Tôi chưa có kế hoạch gì cả. Nếu lẫn trốn trong đám lau sậy, tôi sẽ chết đói trong vòng một tuần, hoặc bị hun khói. Thực lòng mà nói, tôi chỉ đơn giản muốn tìm chút thoải mái khi tìm về với chiếc giường êm ái và những vòng tay thân thiết duy nhất tôi còn giữ được.

Tiếng bước chân lại xuất hiện. Tôi nhận ra tiếng chân linh hoạt của cô gái, lần này có cả bước chân một người đàn ông đi cùng. Họ

bước vào phòng. Giọng nói cho thấy đó chỉ là một cậu trai mới lớn. “Em không nên để họ đối xử với mình như thế! Em không phải là nô lệ của họ!”, cậu nói vẻ giận dữ.

“Anh không hiểu đâu”, cô trả lời. “Dù sao thì bây giờ em cũng không muốn nói về chuyện này.” Im lặng một lúc, rồi thêm những âm thanh thân mật hơn.

Tôi đỏ mặt. Thật không thể chịu được khi tôi lại ở đây để chứng kiến cảnh này. Tuy nhiên, như một anh chồng bị cầm súng trong hài kịch, tôi nín thở, càng lúc càng thấy hổ thẹn.

Một trong hai người ngồi xuống giường. Đôi giày rớt bịch xuống sàn nhà, tiếng quần áo sột soạt, hai tấm thân nằm duỗi trên giường, ngay sát trên tôi, chỉ cách một inch. Những thanh giát giường oằn lại, ép xuống lưng tôi. Tôi xấu hổ bịt chặt tai trước những lời họ nói với nhau, nhưng không thể ngăn mình nghe thấy những rung động và tiếng rên rỉ khi cô gái chìm trong hoan lạc, âm thanh tôi vẫn nhớ rất rõ, từ cô gái tôi đã từng mến chuộng.

Những thanh giát giường ép xuống mạnh hơn, tôi cố hết sức nép chặt người trên sàn, chiếc giường bắt đầu kêu cọt két. Mồ hôi đầm đìa, cảm thấy nhục nhã và ghê tởm khi cảm thấy mình đang bị kích thích ngoài ý muốn, tôi rên lên. Tiếng rên trầm dài cố nén thoát ra khỏi cổ họng tôi và hòa lẫn vào hơi thở hỗn hển của họ mà không gây chú ý.

Rồi chuyện đó cũng xong. Thở hắt ra rồi từ từ chậm lại, thôi co thắt và động cựa, họ mệt lử nằm bên nhau chìm vào giấc ngủ, trong khi tôi khổ sở, người cứng đờ, và vẫn hoàn toàn tỉnh táo, chờ đợi cơ hội để trốn đi. Lúc này ngay cả gà vịt cũng đang lơ mơ ngủ, thời điểm chỉ có mặt trời ngự trị. Không khí trong căn phòng áp mái nhỏ xíu này đã dần trở nên ngột ngạt. Tôi chưa ăn uống gì cả ngày trời rồi.

Đẩy chân vào tường, tôi nhích dần ra cho đến khi có thể rón rén ngồi dậy. Căn bệnh đau lưng của người già lại xuất hiện.

“Xin lỗi,” tôi thì thầm. Họ đã thực sự thiếp đi, như những đứa trẻ, một cậu trai và một cô gái, trần truồng, tay trong tay, mồ hôi lấm tấm, khuôn mặt thanh thản và vô tư. Nỗi hổ thẹn gấp bội bao trùm lấy tôi. Vẻ đẹp của cô gái không khơi dậy ham muốn trong tôi, trái lại, việc

tấm thân già ì ạch nặng mùi (sao họ có thể không ngủ thấy?) này đã từng ôm em trong vòng tay dường như càng trở nên ghê tởm hơn bao giờ hết. Tôi đã làm gì suốt thời gian ấy, ép thân mình lên những đũa tre mềm mượt như cánh hoa - không chỉ cô gái này, mà cả em nữa? Lẽ ra tôi nên ở yên trong thế giới thô lỗ và mục nát xứng với mình, giữa những phụ nữ mập ú hôi nách và cáu bẩn và những cô gái điếm có cái ấy vừa to vừa nhão. Tôi nhón chân bước ra ngoài, tập tễnh bước xuống cầu thang trong ánh nắng mặt trời chói chang.

Cánh cửa bếp phía trên đang mở. Một phụ nữ già, lưng còng và móm mém, đứng ăn gì đó trong một cái nồi gang. Mắt chúng tôi gặp nhau, bà ngừng tay, tay vẫn cầm cái thìa, mồm há hốc. Bà nhận ra tôi. Tôi đưa tay chào và mỉm cười - thật ngạc nhiên khi dễ dàng nở nụ cười như thế. Rồi cái thìa lại đưa lên, đôi môi ngậm lấy nó, rồi bà nhìn sang chỗ khác, tôi tiếp tục đi.

Cánh cổng phía bắc đã bị đóng và chặn lại. Tôi leo lên cầu thang đến đài quan sát trên một góc tường thành và thềm thường nhìn không chớp mắt vùng quê yêu dấu. Vành đai xanh trải dài dọc theo bờ sông giờ lốm đốm những mảng đen, vùng xanh nhạt hơn là những đầm lầy nơi đám sậy đang đâm chồi, và mặt hồ lấp loáng.

Tuy nhiên có gì đó không ổn. Tôi đã bị chia tách với thế giới bao lâu rồi, hai tháng hay mười năm? Những cánh đồng lúa non dưới bức tường thành lẽ ra giờ này phải mọc cao đến nửa thước rồi. Nhưng không phải vậy. Cả đám cây non còi cọc ngả vàng, trừ nơi vùng bờ phía tây của khu vực có kênh thủy lợi. Gần phía bờ hồ là các cánh đồng lớn trơ trọi, và một dải những đụn lúa xám nằm cạnh bờ kênh.

Trước mắt tôi, những cánh đồng hoang phế, quảng trường rợp nắng và con đường vắng tanh trở thành một điềm gở. Thị trấn đang bị bỏ hoang - còn khả năng nào được nữa? Và những tiếng động tôi nghe cách đây hai đêm ắt là tiếng ồn ào của những người ra đi chứ không phải của người vừa đến! Tim tôi đập loạn lên (Vì hoảng sợ? Hay vì biết ơn?) khi nghĩ đến đó. Nhưng hẳn tôi đã nhầm. Khi nhìn kỹ hơn xuống quảng trường, tôi có thể thấy hai cậu bé đang yên lặng chơi bắn bi dưới những cây dâu tằm, và từ cảnh tôi thấy nơi quán trọ, cuộc sống vẫn tiếp diễn như thường lệ.

Trong ngọn tháp phía tây nam, một cậu lính gác ngồi trên cái ghế cao lơ đãng nhìn chăm chăm vào vùng hoang mạc. Tôi chỉ cách cậu ta

một bước chân khi cậu nhìn thấy tôi và giật mình.

“Xuống đi”, cậu ta nói bằng một giọng đều đều, “ông không được phép lên đây”. Trước đây tôi chưa bao giờ gặp cậu ta. Từ khi rời phòng giam của mình, tôi nhận ra mình chưa từng gặp lại một người lính nào thuộc lực lượng đồn trú cũ. Sao quanh đây chỉ toàn người lạ thế này?

“Cậu không biết tôi?”, tôi hỏi. “Xuống đi.”

“Tôi sẽ xuống, nhưng trước tiên tôi muốn hỏi cậu một câu rất quan trọng. Cậu thấy đó, ngoài cậu ra chẳng có ai ở quanh đây để hỏi cả - mọi người dường như đang ngủ hoặc đã rời đi.”

Điều tôi muốn hỏi là. “Cậu là ai? Tất cả những người tôi từng biết đâu cả rồi? Điều gì đã xảy ra trên những cánh đồng héo úa ngoài kia? Như thế đã có một trận lụt. Nhưng tại sao lại có lũ lụt chứ?” Cậu ta nheo mắt trước những câu hỏi tới tấp của tôi. “Tôi xin lỗi khi hỏi những câu ngớ ngẩn như vậy, chỉ vì tôi đã bị sốt, và bị nhốt trên giường”, những lời chống chế kì quặc tuôn ra vô cùng tự nhiên, “và hôm nay là ngày đầu tiên tôi được phép rời giường. Đó là lý do tại sao... ”.

“Phải cẩn thận nắng buổi trưa đấy, bố à”, cậu ta nói. Đôi tai cậu ta vênh ra dưới chiếc mũ quá khổ. “Lúc này tốt nhất bố nên ở trong nhà nghỉ ngơi đi.”

“Ừ... Phiền cậu cho tôi một ít nước nhé?” Cậu ta chuyền cho tôi chai nước của mình và tôi uống chỗ nước ấm áp ấy, cố gắng không để lộ ra cơn khát cháy cổ của mình. “Nhưng hãy nói tôi nghe, chuyện gì đã xảy ra vậy?”

“Là bọn mọi. Chúng đã phá phần bờ đê ở đằng kia khiến những cánh đồng bị ngập. Không ai nhìn thấy chúng cả. Chúng đợi đêm khuya mới mò ra. Sáng hôm sau thì cánh đồng đã trở thành cái hồ thứ hai.” Đã nhồi sẵn tẩu thuốc của mình, giờ cậu ta đưa nó mời tôi. Tôi nhã nhặn khước từ “Tôi sẽ lại bắt đầu ho mất, và điều đó không tốt cho tôi”. “Vâng, các chủ ruộng rất không vui. Họ nói rằng vụ mùa đã tiêu tùm và quá muộn để trồng lại.”

“Tệ thật. Thế nghĩa là một mùa đông khốn nạn đang chờ đây.

Chúng ta sẽ phải hết sức thắt lưng buộc bụng.”

“Phải, con không ghen tỵ với nhân dân các bố đâu. Chúng có thể phá hoại tiếp, phải không, đám mọi ấy. Chúng có thể làm ngập những cánh đồng này bất kỳ lúc nào chúng muốn.”

Chúng tôi nói về bọn mọi và mưu toan gian trá của chúng. Chúng không bao giờ chiến đấu trực diện, cậu ta nói. Cách tấn công của chúng là lén đến từ đằng sau và thọc một dao vào lưng bạn. “Tại sao chúng không thể để chúng ta yên? Bọn đó có lãnh thổ riêng của mình rồi, phải không?” Tôi hướng câu chuyện về những ngày xa xưa, khi bình yên từng trải khắp vùng biên. Cậu ta gọi tôi là “bố”, cách những người dân quê bày tỏ sự kính trọng, và lắng nghe tôi như đang lắng nghe một ông già lắm cảm, tôi nghĩ, dù gì thì cũng tốt hơn là nhìn chăm chăm vào khoảng không suốt ngày.

“Hãy nói cho tôi biết”, tôi bảo, “hai đêm trước tôi nghe có tiếng ky binh và tưởng là đội viễn chinh chủ lực đã trở lại”.

“Không phải”, cậu ta cười lớn, “đó chỉ là một vài người được họ đưa về lại. Họ chở những người đó bằng một trong những chiếc xe ngựa lớn. Chắc hẳn đó là tiếng động bố đã nghe thấy. Những người ấy bị bệnh vì nước uống - nước ở đó rất tệ, con nghe nói vậy - thế nên họ đưa mấy người đó về lại”. “Tôi hiểu rồi! Tôi đã không hiểu nổi đó là chuyện gì. Nhưng cậu nghĩ bao giờ thì quân chủ lực trở lại?”

“Sớm thôi, ắt phải sớm thôi. Người ta không thể sống được chỉ nhờ cây trái mọc ngoài ấy, phải không? Con chưa từng thấy cái xứ nào chết chóc như vậy.”

Tôi leo xuống các bậc thang. Cuộc chuyện trò vừa xong khiến tôi cảm thấy mình gần như được kính trọng. Thật lạ lùng khi không ai cảnh báo cậu ta rằng hãy coi chừng một lão già béo bệu ăn vận rách rưới! Hoặc có lẽ cậu ta đã bị chuyển lên đó từ tối qua và không được ai nói cho hay? Ai mà nghĩ đến chuyện tôi có thể nói dối tron tru đến thế! Đã giữa buổi chiều.

Cái bóng của tôi lướt đi bên cạnh mình như một vũng mực. Dường như tôi là sinh vật duy nhất đang di chuyển bên trong bốn bức tường này. Tôi phấn khởi đến mức muốn hát lên. Ngay cả cơn đau lưng cũng không còn ảnh hưởng gì.

Tôi mở cánh cổng bên nhỏ và đi ra ngoài. Cậu bạn dõi theo tôi từ trên tháp canh. Tôi vẫy tay, và cậu ta vẫy lại. “Bố sẽ cần một cái mũ đó!”, cậu ta gọi với theo. Tôi vỗ cái đầu trần của mình, nhún vai, và mỉm cười. Mặt trời lặn xuống.

Vụ lúa xuân quả thật đã hỏng rồi. Bùn nâu ẩm áp ì ọp giữa những ngón chân tôi. Đây đó vẫn còn những vũng nước. Nhiều cây non đã bị nước cuốn bật lên khỏi mặt đất. Khắp nơi chuyển sang một màu vàng của lá. Khu vực gần hồ bị tàn phá nặng nề nhất. Không còn cây nào sống sót, thực ra các chủ đất đã bắt đầu gom các đụn lúa chết chất đống để đốt. Trên những cánh đồng phía xa, mặt ruộng cao thêm chừng vài inch đã tạo nên sự khác biệt hoàn toàn. Nên khoảng một phần tư hoa màu có thể được cứu thoát.

Cái công sự, bức tường thấp đắp bằng bùn dài gần hai dặm để kiểm soát mực nước hồ khi con nước mùa hè dâng lên quá cao, đã được tu sửa, nhưng gần như toàn bộ hệ thống kênh rạch và cửa đập phức tạp để chia nước khắp các cánh đồng đã bị cuốn trôi. Đập nước và bánh xe quay nước bên bờ hồ vẫn chưa bị phá hư, mặc dù chẳng thấy bóng dáng con ngựa vẫn thường kéo bánh xe đâu cả. Có thể thấy rằng hàng tuần làm việc vất vả đang chờ đợi cánh nhà nông. Và bất cứ lúc nào, công sức của họ cũng có thể trở thành công cốc bởi một vài người mang theo mấy cái thùng! Làm sao chúng tôi có thể thắng một cuộc chiến như thế? Mấy cuốn cẩm nang quân sự về các cuộc hành quân, càn quét và những cuộc đột kích ác liệt trong lòng địch thì có giá trị gì, khi chúng ta có thể phải đổ máu hy sinh ở quê nhà?

Tôi men theo con đường cũ lượn vòng sau bức tường phía tây trước khi lả người trên một con đường chẳng dẫn đến đâu ngoài những tàn tích phủ đầy cát. Trẻ con có còn được phép chơi ở đó không nhỉ, tôi tự hỏi, hay các ông bố bà mẹ đã nhốt chúng ở nhà với những câu chuyện về đám người mọi ẩn náu trong các hố trũng? Tôi liếc nhìn lên tường thành, nhưng người bạn của tôi trong tháp canh dường như đã đi ngủ.

Tất cả những hố khai quật chúng tôi thực hiện năm ngoái đã bị cát chảy lấp kín hết. Chỉ có những cây cột góc nhô lên đây đó trong cảnh hoang tàn, nơi người ta phải tin rằng đã từng có người sống ở đó. Tôi tìm vội một hố trũng và ngồi nghỉ. Tôi không cho rằng ai đó sẽ đến đây tìm tôi. Tôi có thể dựa vào cái cột cổ xưa với những nét chạm khắc cá heo và sóng biển đã mờ này, bị phồng rộp bởi ánh nắng mặt

trời, bị phơi khô trước gió rồi cuối cùng chết cứng vì sương giá, và chẳng bị phát hiện cho đến một kỷ nguyên bình yên xa xăm nào đó, trẻ con của ốc đảo trở lại sân chơi của chúng và tìm thấy bộ xương lộ ra vì gió của một cư dân sa mạc cổ xưa trong mớ quần áo rách bươm không thể nhận dạng được.

Tôi rùng mình tỉnh lại. Mặt trời khổng lồ đỏ rực lơ lửng ở chân trời phía tây.

Gió mạnh dần. Cát bay đã dồn đống ngay bên cạnh tôi. Hơn tất cả, tôi chỉ cảm thấy cơn khát của mình. Viễn cảnh tôi đã tưởng tượng ra về việc qua đêm ở đây với những hồn ma, run rẩy vì lạnh, chờ mong những bức tường và ngọn cây quen thuộc hiện ra lần nữa từ trong bóng tối, thật không chịu được. Chẳng có gì chờ đợi tôi bên ngoài tường thành ngoài cơn đói. Trốn chui trốn lủi từ hố này qua hố nọ như một con chuột, tôi thậm chí sẽ đánh mất cả vẻ ngoài vô tội. Tại sao tôi lại làm thay việc của kẻ thù? Nếu chúng muốn giết tôi, ít nhất hãy để chúng phải gánh chịu tội lỗi. Nỗi sợ hãi u ám của những ngày qua không còn xâm chiếm tôi nữa. Có lẽ cuộc chạy trốn này không đến nỗi vô ích nếu nó vực dậy trong tôi lòng oán hận, dù chỉ là rất mơ hồ.

Tôi lắc cánh cổng vào sân trại. “Này, biết tôi là ai không? Tôi vừa mới nghỉ phép về, giờ hãy cho tôi vào.”

Ai đó chạy đến. Trong ánh sáng mờ mờ, chúng tôi chăm chú nhìn nhau qua chấn song cửa. Đó chính là người được giao nhiệm vụ canh giữ tôi. “Im nào!”, cậu ta thì thầm qua kẽ răng, và kéo chốt cổng. Phía sau cậu ta có nhiều tiếng xì xào, mọi người đang tụ tập lại.

Cậu ta chộp lấy cánh tay tôi đi nhanh qua sân. “Ai vậy?”, người nào đó hỏi to. Tôi đã chực trả lời, lấy cái chìa khóa ra vẩy vẩy thì chợt nhận ra rằng hành động ấy có lẽ quá khinh suất. Nên tôi chờ trước cửa phòng cũ của mình cho đến khi người canh giữ tôi mở nó ra, đẩy tôi vào trong và đóng cửa lại sau lưng chúng tôi. Trong bóng tối, tôi nghe giọng anh ta rít lên vì điên tiết. “Nghe đây, nếu ông nói với bất kỳ ai về chuyện trốn ra ngoài, tôi sẽ làm cho đời ông khổ đốn! Hiểu không? Tôi sẽ khiến ông phải trả giá! Ông không được nói gì cả! Nếu có ai đó hỏi ông về buổi chiều nay, hãy nói rằng tôi đưa ông ra ngoài đi dạo, để tập thể dục, không nói gì thêm nữa. Ông có hiểu ý tôi không?”

Tôi gỡ bàn tay anh ta ra khỏi cánh tay mình và lách ra. “Anh thấy tôi trốn đi và tị nạn chỗ bọn mọi dễ dàng như thế nào rồi đó”, tôi thì thầm. “Anh nghĩ tại sao tôi quay trở lại? Anh chỉ là một người lính quèn, anh chỉ có thể chấp hành mệnh lệnh. Vậy đó. Hãy động não đi.” Anh ta túm lấy cổ tay tôi, và một lần nữa, tôi gỡ ra. “Hãy nghĩ xem tại sao tôi quay lại và sẽ ra sao nếu tôi trốn luôn. Anh không thể trông mong những người ở Cục Ba sẽ thông cảm, tôi chắc anh biết điều đó. Hãy nghĩ xem chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi lại bỏ trốn lần nữa.” Giờ thì tôi nắm lấy tay

anh ta. “Nhưng anh đừng lo, tôi sẽ không nói. Hãy dựng lên bất cứ chuyện gì anh thích và tôi sẽ nói hết như thế. Tôi biết cảm giác hoảng sợ là như thế nào.” Một khoảng yên lặng đầy ngờ vực kéo dài, “Anh có biết tôi muốn gì nhất không?”, tôi nói. “Tôi muốn có ít đồ ăn thức uống. Tôi đói gần chết, tôi chưa ăn gì suốt cả ngày hôm nay.” Thế rồi mọi chuyện lại bình thường như trước. Sự giam cầm vô lý lại tiếp diễn. Tôi nằm ngửa ra nhìn lên ô trống phía trên sáng lên và tối dần từng ngày. Tôi lắng nghe những âm thanh từ xa vọng đến, tiếng cái bay của người thợ xây, tiếng búa của người thợ mộc vọng qua bức tường. Tôi ăn uống và, như những người khác, tôi chờ đợi.

Thoạt tiên là tiếng súng trường từ phía xa, âm thanh nhỏ như tiếng súng đồ chơi.

Rồi ở gần hơn, ngay trong thành lũy, hàng loạt tiếng súng bắn trả vang lên. Có tiếng bước chân chạy tán loạn qua sân doanh trại. “Bọn mọi!”, ai đó hét to, nhưng tôi nghĩ anh ta đã nhầm. Át mọi tiếng ồn, chiếc chuông lớn bắt đầu vang lên từng hồi.

Quy gối áp tai vào chỗ khe nứt trên cánh cửa, tôi cố tìm hiểu xem chuyện gì đang diễn ra.

Tiếng ồn từ quảng trường mới đầu là tiếng hét hỗn loạn, sau đó dần dậy lên thành một khối âm ã, không thể nghe ra được âm thanh riêng biệt nào. Cả thị trấn hẳn đang tràn ra ngoài chào đón, hàng ngàn người dân vui sướng hân hoan. Những tràng súng trường vẫn vang lên chát chúa. Rồi cao độ của tiếng vang thay đổi, cao hơn và kích động hơn. Thấp thoáng đâu đó nổi lên âm thanh lạnh lạnh của những chiếc kèn đồng.

Sự cảm dỗ quả thật quá lớn. Tôi có gì để mất chứ? Tôi mở khóa

cửa. Ánh sáng chói lòa đến nỗi tôi phải nheo nheo và đưa tay che mắt. Tôi băng qua sân, đi qua cổng, và hòa vào đám đông. Tiếng súng trường và hò reo hoan nghênh vẫn vang dậy. Người phụ nữ mặc đồ đen đứng bên cạnh túm cánh tay tôi để giữ thăng bằng và kiểm soát nhìn. “Ông có nhìn thấy không?”, bà ta hỏi. “Có, tôi nhìn thấy những người trên lưng ngựa”, tôi đáp, nhưng bà không nghe thấy.

Tôi nhìn thấy một hàng dài kỵ binh đi qua cổng tiến đến trung tâm quảng trường rồi xuống ngựa giữa những lá cờ bay phấp phới. Bụi mù mịt khắp quảng trường, nhưng tôi thấy họ đang hớn hởi và tươi cười. Một người trong số họ đưa hai tay lên cao trong men chiến thắng, người khác vẫy vẫy một vòng hoa. Họ đi chậm, vì đám đông chen lấn khắp xung quanh, cố gắng chạm vào họ, tung hoa, vui sướng đưa tay lên quá đầu rồi vỗ tay, tự quay vòng vòng trong tâm trạng ngất ngây. Trẻ con vụt qua tôi, luồn qua chân người lớn để đến gần những người hùng của chúng. Hết loạt súng này đến loạt súng khác vang lên từ ngoài lũy, theo sau là dòng người vui mừng hân hoan.

Một số kỵ binh không xuống ngựa. Dẫn đầu bởi một hạ sỹ trẻ có gương mặt trang nghiêm, mang lá cờ vàng xanh của tiểu đoàn, đoàn quân vượt qua đám đông chen chúc đến đầu kia quảng trường và bắt đầu diễu vòng quanh đồn lũy, dân chúng từ từ tràn theo.

Tiếng nói lan như lửa cháy từ người này sang người khác. “Bọn mọi!”.

Ngựa của người cầm cờ được dắt bởi một người đàn ông đang vung một thanh gậy nặng để mở đường. Phía sau anh ta là một chiến binh khác đang kéo một sợi dây thừng, đầu kia của sợi dây buộc vào cổ một hàng người, là đám người mọi, hoàn toàn trần truồng, hai tay ôm mặt một cách lạ lùng như thể ai trong số họ cũng đang bị đau răng. Trong chốc lát, tôi không hiểu cử chỉ đó, tại sao họ cứ miệt mài nhón chân theo sau người dẫn đầu, cho đến khi thấy một tia sáng kim loại lóe lên, tôi lập tức hiểu ra. Một dây thép trơn xuyên qua hai lòng bàn tay và hai lỗ thủng chọc trên má từng người. “Cái đó khiến chúng ngoan ngoãn như cừu”, tôi nhớ lại lời một người lính kể khi anh ta nhìn thấy trò đó. “Chúng chẳng nghĩ được gì khác ngoài việc giữ yên chỗ đó.” Tim tôi quặn đau.

Giờ thì tôi biết rằng mình không nên rời khỏi phòng giam.

Tôi phải khéo léo quay lại, tránh bị bắt gặp bởi hai kẻ đang đi cuối đoàn diễu hành và được hộ tống bởi đoàn kỵ binh, một là viên chỉ huy trẻ tuổi đầu trần, lần đầu biết mùi chiến thắng, và người còn lại đang đứng sát cạnh hắn, tên gầy và đen hơn sau hàng tháng trời tham gia chiến dịch, Đại tá cảnh sát Joll.

Đoàn diễu hành đã đi hết một vòng, mọi người ai nấy đều có cơ hội nhìn thấy mười hai tù nhân khốn khổ, để chứng minh cho con cái mình thấy rằng người mọi là có thật. Giờ thì tôi miễn cưỡng nối đuôi đám đông đi dần về phía cổng lớn, nơi một toán lính đang xếp vòng cung chặn đường, cho đến khi đám đông bị ép từ cả hai phía và không nhúc nhích gì được nữa.

“Có chuyện gì vậy?”, tôi hỏi người bên cạnh. “Tôi không biết”, anh ta nói, “nhưng hãy giúp tôi nhắc thẳng bé lên xem sao.” Tôi giúp anh ta nâng đứa nhỏ anh đang bế lên vai. “Con có thấy gì không?”, anh ta hỏi đứa trẻ.

“Dạ có.”

“Họ đang làm gì vậy?”

“Họ đang bắt bọn mọi ấy quỳ xuống. Rồi họ sẽ làm gì chúng?”

“Bố không biết. Hãy chờ xem”

Chậm rãi và mạnh bạo, với tất cả sức lực của mình, tôi quay người và bắt đầu chen ra ngoài. “Xin lỗi... xin lỗi...”, tôi nói. “Nóng quá, tôi sắp bệnh mất.”

Lần đầu tiên tôi thấy nhiều người ngoái lại, những ngón tay chỉ trở.

Tôi phải quay trở lại phòng giam của mình. Chỉ là chuyện nhỏ, nó sẽ không ảnh hưởng gì, thậm chí chẳng ai thèm để ý tới. Tuy nhiên, vì bản thân mình, chỉ vì quyền lợi cá nhân, tôi phải trở lại căn phòng tối tăm lạnh lẽo và khóa cửa lại, bẻ cong chìa khóa và bịt tai lại trước mọi âm thanh của sự khát máu nhân danh lòng yêu nước rồi mím chặt môi và không bao giờ lên tiếng nữa. Mà biết đâu, có thể tôi đã không công bằng với những đồng bào cùng thị trấn, có thể chính phút giây này người thợ sửa giày đang ở nhà khai thùng rượu cuối cùng, hát u

ừ một mình và say sưa tận hưởng. Có thể những bà nội trợ đang bóc vỏ đậu trong bếp, kể chuyện để giữ yên đám con cái hiếu động của mình. Biết đâu cánh nông dân vẫn đang thông thả tính chuyện sửa sang nương nước. Nếu vẫn còn những người dân như thế, thật đáng tiếc là tôi không biết họ. Ngay lúc này, khi tôi sắp bước ra khỏi đám đông, điều quan trọng hơn hết là không bị vấy bẩn bởi sự tàn bạo sắp sửa xảy ra và không tự đầu độc chính mình bởi sự căm ghét bất lực với bọn thủ phạm. Tôi không thể cứu được các tù nhân, vậy thì cứ để tôi tự cứu lấy chính mình.

Nếu điều đó được nói ra và nếu trong tương lai xa, có ai đó hứng thú muốn tìm hiểu về cuộc sống của chúng tôi, chí ít hãy để họ kết luận rằng nơi vùng biên giới xa xôi nhất của Đế chế ánh sáng, đã từng tồn tại một người không có trái tim mọi rợ.

Tôi đi qua cổng khu doanh trại vào sân nhà tù của mình. Đến cái máng xối ở giữa sân, tôi nhặt một cái xô rỗng và lấy đầy nước. Ôm cái xô sóng sánh nước phía trước, tôi quay trở lại phía sau đám đông lần nữa. “Xin lỗi”, tôi nói, và xô đầy. Người ta mắng chửi tôi, rồi dạt ra, cái xô nghiêng ngả và nước bắn ra tung tóe, tôi xông lên phía trước, chẳng mấy chốc tôi đã lên đến đầu hàng, ở ngay sau lưng những người lính đang cầm gậy nối nhau thành hàng, đứng dẹp ra thành một khoảng trống cho tiết mục trừng phạt làm gương.

Bốn người trong số các tù nhân đang quỳ trên mặt đất. Tám người còn lại, vẫn bị buộc vào nhau, ngồi xồm trong bóng râm của bức tường thành chăm chú theo dõi, hai tay ôm mặt.

Những người tù quỳ sát bên cạnh nhau dọc theo một cây sào nặng và dài. Một sợi dây thừng nhỏ chạy từ khoen thép xuyên qua miệng người thứ nhất, vòng xuống dưới cây sào, vòng lên chui qua khoen thép của người thứ hai, rồi lại vòng xuống cây sào, lên khoen thép thứ ba, vòng xuống dưới, xỏ qua cái khoen thứ tư. Tôi nhìn thấy một người lính từ từ siết chặt sợi dây và các tù nhân cúi người thấp hơn cho đến khi quỳ hẳn xuống, mặt chạm vào cây sào. Một người trong số họ oằn vai đau đớn và rên rỉ. Những người khác im lặng, tâm trí của họ hoàn toàn tập trung vào việc nhích theo sợi dây thừng để không bị cái khoen thép xé rách da thịt.

Kẻ dùng tay ra hiệu chỉ đạo người lính chính là Đại tá Joll.

Cho dù tôi chỉ là một trong hàng ngàn người chen chúc trong đám đông, và ông ta vẫn mang kính đen như mọi khi, nhưng tôi nhìn ông ta chăm chăm với khuôn mặt hùng hực chất vấn đến mức tôi biết ông ta đã ngay lập tức nhìn thấy tôi.

Từ sau lưng, tôi nghe rõ ràng hai tiếng “Quan tòa”. Tôi đã tưởng tượng ra nó hay là những người biết tôi đứng sát bên?

Viên Đại tá bước lên phía trước. Lần lượt cúi xuống từng tù nhân, ông ta xoa một nắm đất lên tám lưng trần của anh ta và viết một từ bằng mẩu than. Tôi đọc những chữ được viết ngược. KẼ THÙ... KẼ THÙ... KẼ THÙ... KẼ THÙ. Ông ta bước lùi lại và đứng khoanh tay. Ở khoảng cách chưa tới hai mươi bước chân, ông ta và tôi lẳng lặng nhìn nhau.

Rồi màn tra tấn bắt đầu. Đám lính dùng những cây gậy màu xanh to chắc nịch giáng xuống họ với những âm thanh nặng nề như tiếng đập chày giặt quần áo, làm hằn lên những vết lằn đỏ trên lưng và mông của các tù nhân. Cứ thế, đám tù nhân từ từ duỗi chân ra cho đến khi nằm ép sát bụng xuống đất, trừ người rên lên lúc này giờ đang thở dốc sau mỗi cú đánh.

Than đen và đất nâu bắt đầu loang ra hòa vào mồ hôi và máu. Trò này, theo tôi hiểu, là đánh cho đến khi lưng họ bay hết chữ.

Tôi nhìn khuôn mặt của một bé gái đứng hàng đầu trong đám đông đang nắm áo mẹ. Cô bé tròn mắt, ngậm ngón tay cái trong mồm. Im lặng, hoảng sợ và tò mò, cô bé nhìn cảnh những người đàn ông to lớn trần truồng bị đánh đập. Trên mỗi gương mặt xung quanh, ngay cả ở những người đang cười, tôi đều thấy biểu hiện tương tự. Không căm thù, không khát máu, mà là sự tò mò mãnh liệt đến mức cơ thể họ bị vắt kiệt, chỉ có đôi mắt còn sinh động và ánh lên sự thèm muốn trò mới mẻ và khát máu.

Những người lính thi hành việc đánh đập đã thấm mệt. Một người đứng chống nạnh thở hổn hển, mỉm cười, ra hiệu với đám đông. Viên Đại tá nói gì đó. Cả bốn người họ ngừng tay và tiến về phía trước đưa gậy của mình ra mời mọc khán giả.

Một cô gái đang che mặt cười rúc rích bị bạn bè đẩy lên phía trước.

“Lên đi, đừng sợ!”, họ động viên cô ta. Một người lính đưa cô ta cây gậy và dắt đến chỗ đó. Cô gái đứng bối rối, xấu hổ, một tay vẫn che mặt. Tiếng la ó, cọt nhả và những lời khuyên tục tĩu ném về phía cô. Cô ta nâng cái gậy lên, giáng mạnh xuống mông người tù, rồi thả gậy xuống và chạy vội về chỗ trong tiếng vỗ tay âm ỉ.

Thế rồi người ta tranh nhau mấy cây gậy, bọn lính hầu như không thể giữ trật tự nổi, tôi không thể thấy những người tù trên mặt đất nữa vì đám đông đang tràn lên phía trước để giành lượt đánh hoặc chỉ để xem cảnh tra tấn cho gần hơn. Tôi đứng đó với cái xô đặt giữa hai chân mình, chẳng ai thèm ngó đến.

Rồi trận đòn roi kết thúc, toán lính quay lại làm nhiệm vụ, đám đông ủa về chỗ cũ, hí trường được tái lập, mặc dù có vẻ chật hẹp hơn trước.

Đại tá Joll cầm một cái búa đưa lên cao quá đầu, giơ ra trước đám đông, một cái búa bốn pound^[3] vẫn thường dùng để đóng cọc dựng lều. Một lần nữa, ông ta và tôi lại nhìn nhau chăm chăm. Tiếng lao xao lắng xuống.

“Đừng!”, tôi nghe lời đầu tiên thoát ra khỏi cổ mình, khàn khàn, không đủ lớn.

Rồi lặp lại. “Đừng!”, lần này tiếng nói vang như chuông phát ra từ ngực tôi.

Người lính đứng phía trước tôi tránh sang một bên. Đứng trong khu đất trống, tôi đưa cao hai tay lên trấn an đám đông. “Đừng! Đừng! Đừng!”. Khi tôi quay sang Đại tá Joll, ông ta đang đứng khoanh tay cách tôi chưa tới năm bước chân. Tôi chỉ vào ông ta. “Ông!”, tôi gào lên. Hãy nói hết tất cả. Hãy biến ông ta thành mục tiêu trút giận. “Ông đang tha hóa những người này!”.

Ông ta không đáp mà cũng chẳng hề nao núng. “Ông!”, tay tôi chìa vào ông ta như một khẩu súng. Giọng tôi vang khắp quảng trường.

Thế rồi xung quanh lặng phắc, hoặc có thể tôi say máu quá nên chẳng còn nghe thấy gì nữa.

Có thứ gì đó đâm sầm vào tôi từ phía sau. Tôi nằm sổng soài trên mặt đất, thờ hồn hên và cảm thấy vết đau cũ nhói lên trên lưng mình. Một cây gậy giáng xuống người tôi. Đưa tay ra đỡ, bàn tay tôi lãnh một đòn chí chết.

Điều cốt yếu bây giờ là tôi phải đứng lên, bất kể nỗi đau đón làm việc ấy trở nên khó khăn thế nào. Tôi đứng dậy và nhìn xem kẻ đã đánh mình là ai. Đó là gã đàn ông to con mang quân hàm Trung sĩ vừa tham gia vụ đánh đập. Gập mình lấy đà, mũi phập phồng, anh ta đứng dậy vung gậy lên cao chuẩn bị cho cú đánh kế tiếp. “Đợi đã!”, tôi hồn hên đưa bàn tay bị thương ra. “Tôi nghĩ anh đã đập gãy nó rồi!”. Hắn ta giáng xuống, và tôi lãnh một cú vào cánh tay. Tôi che cánh tay, cúi thấp đầu và cố gắng dò dẫm về phía hắn và níu chặt. Những cú nện giáng mạnh xuống đầu và vai tôi. Không sao. Tôi chỉ muốn có vài giây để kết thúc những gì mình đang nói vì tôi đã bắt đầu. Tôi túm riết cái áo chèn của hắn và kéo ghì hắn vào mình. Dù cố giãy ra, hắn không thể dùng đến cái gậy của mình nữa, tôi lại gào lên qua vai hắn.

“Dừng dừng thứ đó”, tôi hét lên. Cái búa nằm yên trên hai cánh tay khoanh lại của viên Đại tá. “Đến đánh thú người ta còn không dùng búa, đến con vật cũng không!” Trong một cơn thịnh nộ khủng khiếp trào dâng, tôi tấn công gã Trung sĩ và đẩy hắn ra.

Sức mạnh thần thánh này là của tôi. Chẳng mấy chốc nó sẽ cạn đi. Hãy để tôi sử dụng nó một cách hữu ích trong khi nó vẫn còn đó! “Nhìn đi!”, tôi hét lớn. Tôi chỉ vào bốn người tù đang nằm ngoan ngoãn trên mặt đất, kề sát miệng vào cây sào, tay ôm lấy mặt như những con khỉ, không hề biết đến cái búa, không biết chuyện gì đang xảy ra sau lưng mình, mà chỉ cảm thấy nhẹ nhõm khi dấu vết ô nhục đã bị đánh bay khỏi lưng và hy vọng rằng sự trừng phạt đã chấm dứt. Tôi giơ bàn tay bị gãy của mình lên trời. “Nhìn đây!”, tôi hét lên. “Chúng ta là phép màu vĩ đại nhất của tạo hóa! Nhưng chỉ sau mấy đòn, thân xác kỳ diệu này không thể tự phục hồi được nữa! Làm sao...!” Tôi không tìm ra được từ ngữ thích hợp. “Hãy nhìn những người này!”, tôi bắt đầu lại.

“Người ư!”. Những tiếng nói phát ra từ đám đông đang nghển cổ lên nhìn đám tù nhân, thậm chí nhìn đàn ruồi bắt đầu đậu xuống những lằn roi đang rỉ máu trên người họ.

Tôi nghe tiếng gậy vụt đến và quay lại đỡ nó. Nó quật ngang vào

mặt tôi. “Mình mù rồi!”, tôi nghĩ, quờ quạng khi mắt bỗng chốc tối sầm. Tôi nuốt máu chảy xuống, có gì đó đang lan ra trên mặt tôi, mới đầu như hơi lửa ấm, rồi dần thành một cơn đau dữ dội. Tôi đưa hai tay ôm mặt và dò dẫm bước loạng choạng, cố không thét lên hay gục xuống.

Tôi không thể nhớ mình định nói gì tiếp theo. Điều kỳ diệu của tạo hóa... Tôi cố tiếp tục với ý tưởng ấy nhưng nó lẩn tránh tôi như một làn khói. Tôi chợt nghĩ rằng, chúng ta dẫm đạp lên các loài côn trùng dưới chân mình, chúng cũng là những phép màu của tạo hóa, bộ cánh cứng, giun, gián, kiến đều kỳ diệu theo những lối riêng.

Tôi bỏ tay khỏi mắt và một thế giới xám xịt lại hiện ra chao đảo trong nước mắt. Tôi quá đôi vui mừng đến mức không còn thấy đau đớn nữa. Khi bị hai tên tóm lấy khuỷu tay áp tải về phòng giam, rẽ lối qua đám đông đang xì xầm, tôi thậm chí còn nhận thấy mình đang mỉm cười.

Nụ cười ấy, niềm vui chan chứa ấy, đã gây ra một rắc rối không nhỏ. Tôi biết rằng chúng đã phạm sai lầm khi đối phó với tôi quá sơ sài. Bởi vì tôi không phải là một nhà diễn thuyết. Tôi sẽ nói gì nếu chúng để tôi tiếp tục? Nói rằng đập nát chân một người còn tệ hơn là giết anh ta nơi chiến trường ư? Rằng mọi người đều bị ô nhục khi cho phép một cô gái đánh một người đàn ông? Rằng cảnh dã man ấy đã hủy hoại những trái tim trong sáng? Những lời chúng ngăn tôi nói ra có thể thực sự rất ngớ ngẩn, khó có thể thức tỉnh được đám đông. Rốt cuộc, tôi đang bảo vệ điều gì ngoài nguyên tắc cũ rích là phải đối xử tử tế với tù binh, và tôi đang đấu tranh chống lại cái gì ngoài trừ lối hành xử suy đồi hiện nay khi người ta giết cả những kẻ đang quỳ gối, hoang mang và nhục nhã? Tôi có dám đối diện với đám đông để đòi công lý cho đám tù nhân người mọi ngớ ngẩn đang nằm sắp giữa sân kia không? Công lý, một khi từ này được nói ra, mọi chuyện sẽ kết thúc ở đâu? Thét lên “Đừng!” thì dễ hơn. Chịu ăn đòn và trở thành người hy sinh vì nghĩa cũng dễ hơn. Đút đầu mình vào máy chém còn dễ hơn đòi công lý cho bọn mọi. Bởi những lý lẽ ấy có thể dẫn đến đâu ngoài việc hạ vũ khí và mở lối cho những kẻ đã bị chúng ta cưỡng đoạt đất đai vào thị trấn? Vị Quan tòa cũ, người bảo vệ lẽ luật, kẻ thù của Quốc gia theo một cách nào đó, bị hành hung và bắt giam, vẫn kiên định với cách sống chính trực, không khỏi giữ trong lòng những hồ nghi như thế.

Tôi biết mình đã bị dập mũi, và có lẽ chỗ xương má bị rách thịt do cây gậy quật vào cũng bị nứt. Mắt trái thì sưng húp.

Khi tình trạng tê liệt vơi dần, cứ một hai phút cơn đau lại kéo đến, dữ dội đến mức tôi không thể nằm yên nổi nữa. Khi cơn đau lên đến đỉnh điểm, tôi ôm mặt chạy quanh phòng, rên rỉ như một con chó, giữa các cơn đau, tôi hít sâu vào, cố gắng tự chủ để không gào khóc cho thêm nhức. Dường như tôi nghe được những âm thanh huyền ảo dâng lên rồi lắng xuống từng đợt từ đám đông ở quảng trường, nhưng có thể đó chỉ là sự âm ỉ lòng bùng trong tai mình.

Họ mang bữa tối đến cho tôi như mọi khi, nhưng tôi không thể ăn nổi. Tôi chẳng thể đứng yên một chỗ, cứ đi đi lại lại và vắn vẹo người để khỏi phải thét lên, xé quần áo, tự cấu xé mình, hay làm bất cứ điều gì mà người ta vẫn làm khi đã đến giới hạn chịu đựng. Tôi khóc, và cảm thấy nước mắt chảy xuống những vết thương chưa khép miệng đau nhức nhối. Tôi cứ ngân nga mãi bài hát cũ về người cưỡi ngựa và bụi cây bách, níu lấy những lời hát tôi còn nhớ ngay cả khi chúng chẳng còn ý nghĩa gì nữa. “Một, hai, ba, bốn...”, tôi đếm. Sẽ là một chiến thắng trứ danh, tôi nói với chính mình, nếu mình qua được đêm nay.

Sáng sớm hôm sau, choáng váng vì kiệt sức đến mức đi loạng choạng, cuối cùng tôi cũng suy sụp và khóc lóc thảm thiết như một đứa trẻ. Tôi ngồi một góc, quay mặt vào tường và khóc, nước mắt chảy dài không thôi. Tôi khóc mãi, cùng với cơn đau đến rồi đi theo chu kỳ của riêng nó. Cứ thế, giấc ngủ chợt đến với tôi như sét đánh. Tôi tỉnh dậy, kinh ngạc trước ánh sáng mỏng manh ảm đạm của buổi sáng, và co ro trong một góc phòng, không có chút ý niệm nào, dù là mờ nhạt nhất, về thời gian đã trôi qua. Mặc dù những cơn đau vẫn còn đó, tôi cảm thấy mình có thể chịu đựng được nếu cứ ngồi yên. Thực ra, tôi đã quen với nó rồi. Có thể chẳng mấy chốc, nó sẽ trở thành một phần của tôi, như hơi thở vậy.

Thế là tôi nằm dựa vào tường lạng lẽ, kẹp bàn tay bị thương dưới nách cho đỡ đau, và lại chìm vào giấc ngủ, chìm trong một mớ hỗn loạn các hình ảnh bay lả tả như những chiếc lá, tôi gạt đi tất cả, chỉ mãi miết kiếm tìm một ảnh hình duy nhất. Đó là hình bóng cô gái. Em đang quỳ gối quay lưng lại phía tôi, trước lâu đài tuyết hay lâu đài cát vừa mới đắp. Em mặc một cái váy màu xanh thẫm. Khi đến gần, tôi thấy em đang xây phần bên trong lâu đài.

Em biết tôi đang đến gần và quay lại, hóa ra tôi đã nhầm, thứ em vừa xây không phải lâu đài mà là một cái lò đất. Khói cuộn lên từ ống khói phía sau. Em chìa tay đưa cho tôi thứ gì đó, tôi miễn cưỡng nhìn chăm chú vào khối hình kì quái đó qua làn sương mù. Tôi đã lắc đầu thật mạnh nhưng vẫn không nhìn rõ.

Em đang đội một chiếc mũ tròn thêu chỉ vàng, tóc tết đuôi sam lớn vắt qua vai. Có một sợi dây vàng tết trong bím tóc. “Sao em mặc đẹp vậy?”, tôi muốn nói rằng, “Tôi chưa bao giờ thấy em dễ thương như thế này”. Em cười với tôi, hàm răng thật đẹp, đôi mắt đen huyền trong trẻo làm sao! Và giờ tôi đã thấy thứ em đưa cho tôi là một ổ bánh mì, vẫn còn nóng hổi, với lớp vỏ thô nứt nẻ đang bốc khói. Sự biết ơn dâng trào trong tôi. Tôi muốn hỏi em rằng, “Một cô bé như em học làm bánh giỏi như vậy ở đâu trên sa mạc?”. Tôi mở rộng vòng tay để ôm cô em vào lòng, và bừng tỉnh khi nước mắt làm nhức nhối vết thương trên má. Rồi lại ngay lập tức mù mịt chìm vào giấc ngủ, nhưng tôi không thể quay về với giấc mơ ấy hay ném chiếc bánh mì làm tôi thèm nhỏ dãi.

Đại tá Joll ngồi sau bàn làm việc trong văn phòng của tôi. Chẳng có cuốn sách hay tập hồ sơ nào, căn phòng hoàn toàn trống trơn, ngoại trừ một bình hoa tươi.

Viên Chuẩn úy đẹp trai mà tôi không biết tên đến nhắc cái rương bằng gỗ tuyết tùng đặt lên bàn rồi bước lùi lại.

Đưa mắt nhìn xuống chỗ tài liệu, viên Đại tá nói. “Cái rương gỗ này là một trong số những thứ được tìm thấy trong căn hộ của anh. Tôi muốn anh xem kỹ nó. Những thứ trong đó không bình thường. Nó chứa xấp xỉ ba trăm mảnh vụn bằng gỗ bạch dương trắng, mỗi miếng có diện tích 8 inch x 2 inch, nhiều miếng được quấn dây dài chung quanh. Gỗ khô và giòn. Một số dây quấn còn mới, một số đã cũ đến mục nát.”

“Nếu tháo sợi dây ra, người ta sẽ thấy tấm thẻ tách làm đôi để lộ hai mặt phẳng bên trong. Trên bề mặt này, có những ký tự rất lạ.”

“Tôi nghĩ anh sẽ nhất trí với sự mô tả này”

Tôi nhìn chăm chăm cặp kính râm. Ông ta tiếp tục, “Kết luận rằng những tấm thẻ gỗ ấy chứa nội dung trao đổi giữa anh và bọn mọi có

về hợp lý, chúng tôi không biết là từ khi nào. Tôi chờ anh giải thích những thông điệp đó nói gì và những người kia là ai”.

Ông ta lấy ra một tấm thẻ từ cái rương và búng nhẹ nó trượt qua mặt bàn bóng loáng về phía tôi.

Tôi nhìn vào những dòng ký tự viết bởi một người xa lạ đã chết từ đời thuở nào.

Tôi thậm chí không biết là nên đọc từ phải sang trái hay từ trái sang phải. Trong những buổi chiều dài mê mải với bộ sưu tập của mình, tôi đã phân ra hơn bốn trăm loại ký tự khác nhau trong số di cảo, có thể đến bốn trăm năm mươi. Tôi không rõ ý nghĩa của chúng là gì. Phải chăng mỗi ký tự có một ý nghĩa duy nhất, vòng tròn nghĩa là mặt trời, hình tam giác tượng trưng cho phụ nữ, làn sóng có nghĩa là hồ, hay một vòng tròn đơn giản chỉ là một hình tròn, một tam giác chính là một tam giác, một làn sóng nghĩa là một làn sóng? Mỗi ký tự có tương ứng với một vị trí của lưới, môi, cổ họng, hay phổi khi chúng phối hợp với nhau phát ra những âm thanh của thứ ngôn ngữ vô cùng phong phú đã mai một của người mọi? Hay bốn trăm ký tự của tôi chỉ là những ký tự trang trí của một kho tài liệu cơ bản gồm hai mươi hay ba mươi loại mà chúng tôi quá ngu ngốc không hiểu được bản nguyên mẫu của nó?

“Ông ta gửi lời chào đến con gái của mình”, tôi nói. Tôi ngạc nhiên trước giọng mũi lè nhè của mình. Ngón tay tôi lần theo dòng ký tự từ phải sang trái. “Người con ông ta bảo rằng đã không gặp trong một thời gian dài. Ông mong cô con gái hạnh phúc và giàu có và hy vọng rằng mùa chăn nuôi cừu vừa rồi đã trôi qua tốt đẹp. Ông có một món quà cho cô, ông nói, rằng ông sẽ giữ nó cho đến khi gặp lại cô. Ông gửi những yêu thương. Không dễ gì đọc được chữ ký của ông. Nó có thể đơn giản là Cha của con hoặc một từ gì đó khác, một cái tên.”

Tôi với tay đến cái rương và lấy ra một tấm thẻ nữa. Đang ngồi sau Joll với một cuốn sổ ghi chép để mở đặt trên đầu gối, viên Chuẩn úy chăm chú nhìn sững vào tôi, cây bút chì của anh ta đã sẵn sàng trên giấy.

“Tấm này viết như sau”, tôi nói, “Cha rất tiếc phải báo tin xấu. Những người lính đã đến đưa anh con đi. Cha đã đến pháo đài mỗi ngày để cầu xin cho anh con được thả về. Cha để đầu trần, ngồi trong

đám bụi bặm. Ngày hôm qua, lần đầu tiên họ cho một người đàn ông ra nói chuyện với cha. Ông ta nói rằng anh con không còn ở đó nữa. Ông bảo anh con đã bị chuyển đi nơi khác. Cha hỏi, “Đi đâu?” Nhưng ông ta không trả lời. Đừng nói cho mẹ con biết, mà hãy cùng cha cầu nguyện cho sự an toàn của anh con”.

“Và bây giờ chúng ta hãy xem tấm thẻ kế tiếp này nói gì.” Cây bút chì vẫn im lìm trên giấy, anh ta chưa viết gì, anh ta vẫn không động đậy. “Bọn cha đã đi mang anh con về ngày hôm qua. Họ chỉ cho bọn cha một căn phòng, nơi anh con nằm trên bàn, bị bọc kín trong một tấm vải.” Joll chậm rãi dựa vào lưng ghế. Viên Chuẩn úy gấp cuốn sổ lại và hơi nhồm dậy, nhưng Joll ra hiệu ngăn anh ta lại. “Họ muốn cha mang anh con đi như thế, nhưng cha cứ khăng khăng đòi nhìn xem đã. Điều gì sẽ xảy ra nếu ông giao nhầm xác cho tôi?, cha hỏi. Ở đây ông có nhiều thế này cơ mà, xác của những thanh niên trẻ can đảm. Thế rồi cha mở tấm vải phủ và thấy đó đúng là anh con. Cha thấy trên mỗi mí mắt có một mũi khâu. Tại sao các ông lại làm như vậy?, cha hỏi. Đó là luật của chúng tôi, ông ta trả lời. Cha xé toang tấm vải ra và thấy những vết thâm tím khắp thân thể anh con, hai bàn chân anh con sưng phồng và bị gãy. Chuyện gì đã xảy ra với nó?, cha hỏi. Tôi không biết, ông ta đáp, trong giấy tờ không nói đến chuyện đó, nếu có thắc mắc gì ông phải tới gặp ngài Trung sĩ, nhưng ông ta rất bận. Bọn cha đã phải chôn anh con ở đây, bên ngoài pháo đài, vì cái xác đã bắt đầu thối rữa. Con làm ơn kể với mẹ và hãy cố an ủi bà.”

“Giờ hãy xem miếng tiếp theo này nói gì. Nhìn này, chỉ có một ký tự duy nhất. Nó là từ chiến tranh, trong ngôn ngữ của người mọi, nhưng nó cũng có những nghĩa khác nữa. Nó có thể được hiểu là sự báo thù, nếu ông xoay ngược lại như thế này, nó còn có thể đọc là công lý. Không thể hiểu rõ cụ thể người ta muốn nói gì. Đó là một phần đa nghĩa của tiếng mọi.”

“Tương tự như vậy, với những tấm thẻ còn lại.” Tôi thọc bàn tay lành lặn vào cái rương và khua khoắng. “Chúng tạo nên một bộ ký tự. Chúng có thể được đọc theo nhiều trật tự khác nhau. Hơn thế nữa, mỗi tấm thẻ có thể có nhiều cách đọc. Kết hợp với nhau, chúng có thể được đọc như một tờ nhật báo địa phương, hoặc một kế hoạch chiến tranh, hoặc có thể quay ngược chúng và đọc thành một thiên sử về những năm cuối của Đế chế - ý tôi là Đế chế cũ. Không có sự thỏa thuận nào giữa các học giả về phương thức dịch những di cảo này của người mọi cổ đại. Có thể tìm thấy những bộ tương tự được chôn khắp

nơi trên sa mạc. Tôi tìm thấy bộ này cách đây chưa đến ba dặm, trong tàn tích của một tòa nhà công cộng. Nghĩa địa cũng là một địa điểm tốt khác để tìm kiếm, mặc dù không phải lúc nào cũng dễ dàng tìm ra huyết mộ của người mọi. Người ta khuyên rằng chỉ đào ngẫu nhiên thôi, biết đâu ngay dưới chân mình, ông sẽ tình cờ phát hiện được những mẩu nhỏ, những mảnh vỡ, hay đồ tượng niệm của người đã khuất. Trong không khí cũng vậy. Không trung lúc nào cũng đầy tiếng thở dài và than khóc. Chúng không bao giờ tan đi, nếu chú tâm lắng nghe với một đôi tai đầy cảm thông, ông có thể nghe thấy chúng vang vọng mãi trong vũ trụ kia. Đêm tối là thời điểm thích hợp nhất. Có những lúc ông thấy khó ngủ, chính vì ông đã nghe được những tiếng kêu than của người đã khuất, cũng như những bút tích của họ, ông muốn hiểu thế nào cũng được.

Cảm ơn ông, tôi đã dịch xong.”

Tôi đã theo dõi Joll suốt buổi. Ông ta không hề nhúc nhích, ngoại trừ việc đặt tay lên tay áo người thuộc cấp khi tôi đề cập đến Đế chế và ông ta nhòe dầy, sẵn sàng tấn công tôi.

Nếu ông ta đến gần tôi, tôi sẽ tấn ông ta với tất cả sức lực của mình. Tôi sẽ không biến vào lòng đất mà không lưu lại dấu ấn của mình trên người chúng.

Viên Đại tá nói, “Ông không biết thái độ của mình làm tôi ón đến thế nào đâu. Ông là viên chức duy nhất chúng tôi từng phải làm việc chung ở vùng biên giới không hết mình hợp tác. Thực lòng mà nói, tôi phải cho ông hay rằng tôi chẳng hứng thú gì với mấy miếng gỗ này.” Ông ta phất tay chỉ những tấm thẻ nằm rải rác trên bàn. “Chúng rất giống những quân bài bằng gỗ. Tôi biết mấy bộ lạc khác ở vùng biên thường đánh bài bằng thẻ gỗ. Tôi yêu cầu ông cân nhắc một cách tỉnh táo. Ông sẽ có thứ tương lai gì ở nơi này? Ông không thể được phép tại vị. Ông đã tự làm ô danh mình. Ngay cả khi ông rút cuộc không bị khởi tố...”

“Tôi đang chờ ông khởi tố tôi đây!”, tôi hét lên. “Khi nào thì ông sẽ làm vậy? Khi nào thì ông sẽ đưa tôi ra tòa? Khi nào thì tôi sẽ có cơ hội để tự biện hộ?” Tôi đang trong cơn giận dữ. Chuyện á khẩu trước đám đông chẳng còn làm khó nổi tôi. Nếu tôi phải đương đầu với những người này ngay lúc này, một cách công khai, trong một phiên tòa công bằng, tôi sẽ tìm được lời lẽ để làm họ bẽ mặt.

Chỉ là vấn đề về thể chất và sức khỏe. Tôi cảm thấy những lời nói đầy nhiệt huyết phập phồng trong ngực mình. Nhưng họ sẽ không đưa một người ra tòa khi anh ta còn đủ mạnh mẽ và khỏe khoắn để đánh bại họ. Họ sẽ giam tôi trong bóng tối cho đến khi trở thành một kẻ mất trí nói năng lảm nhảm, một cái bóng của chính mình, rồi họ mới đẩy tôi ra trước một phiên tòa xử kín và giải quyết xong những thủ tục pháp lý mà họ đã quá chán ngán trong vòng năm phút.

“Trong thời gian khẩn cấp, như anh biết đấy”, viên Đại tá nói, “sự thi hành công lý nằm ngoài tầm tay của dân sự và thuộc quyền kiểm soát của Cục”.

Ông ta thở dài, “Này ông Quan tòa, đừng như ông tin rằng chúng tôi không dám đưa ông ra tòa bởi vì e rằng ông là một nhân vật quá nổi tiếng trong thị trấn này. Tôi nghĩ ông không biết mình đã mất đi những gì khi xao lãng nhiệm vụ, lánh xa bằng hữu để kết bạn với những người thấp kém. Chẳng ai trong số những người tôi đã từng nói chuyện chưa từng cảm thấy bị sỉ nhục bởi lối sống của ông”.

“Chuyện đời tư của tôi không liên quan đến ông!”

“Tuy nhiên, tôi có thể nói với ông rằng, quyết định của chúng tôi về việc cách chức ông đã được hầu hết các bộ phận hoan nghênh. Cá nhân tôi không thù ghét gì ông. Mấy ngày trước đây, khi tôi mới trở lại, tôi đã xác định rằng tất cả những gì tôi muốn ở ông chỉ là câu trả lời rõ ràng cho một câu hỏi đơn giản, sau đó ông có thể tự do trở về với nàng hầu của mình.”

Tôi chợt nhận ra sự xúc phạm ấy có lẽ không phải là vô cớ, rằng có thể vì những lý do khác nhau, hai người đàn ông này sẽ vui mừng khi tôi mất bình tĩnh. Bùng bùng phần nộ, từng thớ thịt căng lên, tôi giữ yên lặng.

“Tuy nhiên, đừng như ông có một tham vọng mới”, ông ta tiếp tục. “Đừng như ông muốn tạo dựng tên tuổi mình như một Quý ngài Chính trực, người sẵn sàng hy sinh tự do cá nhân cho nguyên tắc đạo đức của mình.”

“Nhưng tôi hỏi ông. Ông có tin rằng đó là điều các đồng bào nhìn thấy ở ông sau màn trình diễn lối bịch của ông trên quảng trường ngày hôm kia? Tin tôi đi, với những người dân trong thị trấn này, ông

không phải là Quý ngài Chính trực, mà chỉ là một thằng hề, một lão điên. Ông bần thiú và hôi hám, họ có thể ngửi thấy mùi của ông từ cả dặm. Ông trông như một lão ăn mày, một người nhặt rác. Họ không muốn ông quay lại dưới bất kỳ tư cách nào. Ông không còn tương lai ở đây.”

“Tôi đồn rằng ông muốn được nhớ đến như một người hy sinh vì chính nghĩa. Nhưng ai sẽ là người đưa ông vào sử sách? Những sự cố ở vùng biên này chẳng có ý nghĩa gì. Chẳng mấy chốc, chúng sẽ qua đi và biên giới sẽ ngủ yên chừng khoảng hai mươi năm nữa. Chẳng ai hứng thú với lịch sử của một vùng khi ho cò gáy.”

“Chẳng có sự cố nào ở biên giới trước khi ông đến”, tôi nói.

“Điều đó thật vô lý”, ông ta đáp. “Đơn giản là ông chẳng biết gì về sự thật. Ông đang sống trong thế giới của quá khứ. Ông nghĩ chúng ta đang đối phó với những nhóm nhỏ dân du cư hiền hòa. Thực tế là chúng ta đang đương đầu với một kẻ thù có tổ chức hẳn hoi. Nếu lúc đó ông đi cùng lực lượng viễn chinh thì tự ông đã thấy được điều đó rồi.”

“Những tù nhân tội nghiệp ông đưa vào... có phải họ là kẻ thù mà tôi phải khiếp sợ? Ý ông là vậy đúng không? Chính ông mới là kẻ thù, Đại tá!”. Tôi không thể kiềm chế bản thân được nữa. Tôi giọng nắm đấm xuống bàn. “Ông chính là kẻ thù, ông đã gây ra cuộc chiến, và cho họ tất cả tử sĩ họ cần - không phải mới lúc này mà từ một năm về trước, khi ông thực hiện những hành động mọi rợ dơ bẩn đầu tiên của mình tại đây! Lịch sử sẽ ủng hộ tôi!”

“Nhảm nhí. Sẽ chẳng có lịch sử nào cả, chiến dịch này quá tầm thường.” Ông ta trông có vẻ điềm tĩnh, nhưng tôi biết mình đã làm ông ta lo lắng.

“Ông là một kẻ tra tấn ghê tởm! Ông đáng bị treo cổ!”

“Câu đó để Quan tòa nói đi, Quý ngài Chính trực”, ông ta lẩm bẩm.

Chúng tôi trừng trừng nhìn nhau.

“Bây giờ”, ông ta vừa nói vừa xếp mớ tài liệu trước mặt mình, “tôi

muốn có lời khai về mọi chuyện đã xảy ra giữa ông và bọn mọi trong lần gần nhất ông đến thăm bọn họ trái phép.”

“Tôi từ chối.”

“Tốt lắm. Cuộc phỏng vấn của chúng ta đã kết thúc.” Ông ta quay sang người thuộc cấp. “Anh chịu trách nhiệm về ông ta.” Ông ta đứng lên, bước ra ngoài. Chỉ còn lại tôi với viên Chuẩn úy.

Chưa từng được tẩy trùng hay đắp thuốc, vết thương trên má tôi sưng phồng và bị nhiễm trùng. Một lớp mảy cứng như con sâu bướm lớn đóng vảy bên ngoài. Mắt trái tôi híp lại, mũi sưng phồng thành một khối đau nhức không ra hình thù gì. Tôi phải thở bằng miệng.

Tôi nằm trong mùi ối mưa nồng nặc, toàn bộ tâm trí chỉ nghĩ đến nước. Đã hai ngày rồi tôi chẳng có gì để uống.

Sự chịu đựng của tôi có hạn. Thậm chí đau đớn chỉ là một phần nhỏ những gì tôi gọi là sự chịu đựng. Điều tôi buộc phải chịu là đau hàng trước những nhu cầu sơ đẳng nhất của cơ thể mình. Nhu cầu được uống, đi tiểu, và nằm tư thế nào cho đỡ đau nhất. Khi Chuẩn úy Mandel và người của anh ta đưa tôi trở lại đây lần đầu tiên, bật đèn rồi đóng cửa lại, tôi tự hỏi không biết một ông già phong lưu béo mẫm có thể chịu đau đớn đến mức nào nhân danh quan điểm lập dị của ông ta về việc Đế chế nên hành xử như thế nào. Nhưng những kẻ tra tấn tôi không quan tâm đến mức độ đau đớn. Họ chỉ hứng thú với việc cho tôi thấy ý nghĩa của việc sống trong một thân thể, một thân thể đúng nghĩa, một thân thể vốn chỉ có thể áp ủ những ý niệm về công lý trong điều kiện nó vẫn còn nguyên vẹn và hoàn hảo, và sẽ quên chúng rất nhanh khi bị giữ chặt đầu và đẩy vào thực quản một cái ống rồi bơm vào hàng xô nước muối cho đến khi phát sặc, nôn ọe, quần quai và tự động bài tiết. Họ không ép buộc tôi phải kể ra những gì tôi và đám người mọi nói với nhau. Nên tôi không có cơ hội ném những lời lẽ khoa trương đã chuẩn bị sẵn vào mặt họ. Họ đến phòng giam để cho tôi thấy giá trị của nhân tính, và chỉ trong chừng một tiếng, họ đã cho tôi thấy quá nhiều.

Đây cũng không phải là chuyện ai chịu đựng được lâu nhất. Tôi đã từng nghĩ thầm rằng họ đang ngồi trong một phòng khác bàn về mình. Họ đang nói chuyện với nhau “Còn bao lâu nữa thì thẳng cha mới quy phục? Chừng độ một giờ nữa chúng ta quay lại xem sao.”

Nhưng không phải như vậy. Họ không viện đến một hệ thống phức tạp đầy những đau đớn và sự thiếu thốn để khuất phục tôi. Trong hai ngày, tôi không có thức ăn và nước uống. Vào ngày thứ ba, tôi được cho ăn. “Tôi xin lỗi”, người mang thức ăn đến cho tôi nói, “chúng tôi quên mất”. Không phải sự ác độc làm họ quên. Những người tra tấn tôi cũng có cuộc sống riêng, tôi không phải là trung tâm trong thế giới của họ. Có lẽ thủ hạ của Mandel ngày ngày phải đếm số bao trong kho lương thực hoặc đi tuần tra kiểm soát tiến độ đào đắp, làm bầm một mình than phiền thời tiết nóng nực. Còn Mandel thì tôi chắc anh ta thà đánh bóng cái thắt lưng da và từng cái khóa của nó hơn là dành thời gian cho tôi. Khi không vui, anh ta đến cho tôi một bài học về bản chất con người. Tôi có thể chống đỡ sự tấn công ngẫu nhiên của họ trong bao lâu? Và điều gì sẽ đến nếu tôi không chịu nổi nữa, khóc lóc và quỳ gối, trong khi sự tra tấn vẫn cứ thế tiếp diễn?

Họ triệu tôi xuống sân. Tôi đứng trước họ che đậy sự lỏa lồ của mình và ôm lấy bàn tay bị đau như một con gấu già mệt mỏi bị chế ngự bởi những trò quấy nhiễu suốt. “Chạy”, Mandel hô. Tôi chạy vòng quanh sân dưới ánh nắng mặt trời gay gắt. Khi tôi chậm lại, anh ta đánh vào mông tôi bằng cái ba toong của mình và tôi lại chạy nhanh hơn. Những người lính bỏ giấc ngủ trưa và ngồi trong bóng râm nhìn ra, những người rửa bát đĩa mở cánh cửa bếp, đám trẻ con nhìn chăm chăm qua những thanh chắn song ngoài cổng. “Tôi không thể!”, tôi há hốc mồm. “Tim tôi!” Tôi ngừng lại, cúi đầu, ôm lấy ngực. Mọi người kiên nhẫn chờ tôi hồi sức. Rồi cái gậy thọc vào tôi và tôi chạy lóng ngóng, chẳng nhanh hơn một người đi bộ.

Còn không tôi sẽ làm trò cười cho họ xem. Họ giăng một sợi dây thừng ngang tầm đầu gối để tôi nhảy qua nhảy lại. Họ gọi cháu trai người đầu bếp đến và cho cậu bé nắm một đầu dây. “Giữ chắc nó”, họ bảo, “chúng ta không muốn ông ấy hụt chân”. Đứa trẻ nắm chặt đầu dây của mình bằng cả hai tay, tập trung vào nhiệm vụ quan trọng này, chờ tôi nhảy. Tôi do dự. Đầu nhọn của cây ba toong tìm đúng chỗ giữa hai mông tôi và thọc vào. “Nhảy đi”, Mandel gằn giọng. Tôi chạy, nhảy lên một quãng thấp tè, vấp vào sợi dây thừng và đứng đó. Tôi bốc mùi như phân. Tôi không được phép tắm rửa. Ruồi nhặng bám theo tôi khắp nơi, vo ve quanh vết thương lở loét trên má tôi, đậu xuống khi tôi đứng yên trong chốc lát. Động tác xua tay trước mặt để đuổi ruồi của tôi trở thành phản xạ như con bò phất đuôi vậy. “Bảo ông ta lần sau phải khá hơn”, Mandel nói với cậu bé. Cậu bé mỉm cười và nhìn đi nơi khác. Tôi ngồi bệt xuống đất chờ trò kế tiếp.

“Cháu có biết nhảy không?”, anh ta hỏi cậu bé, “Đưa sợi dây cho ông kia rồi bảo ông ta chỉ cho cháu cách nhảy”. Tôi nhảy.

Nỗi thống khổ vì sự hổ thẹn đè nặng lên tôi khi lần đầu tiên phải ra khỏi cái ổ dơ dáy của mình và đứng trần truồng trước những kẻ ăn không ngồi rồi hoặc chường thân ra nhúc nhắc chạy quanh làm trò tiêu khiển cho họ. Giờ tôi đã vượt qua sự hổ thẹn. Tâm trí tôi chuyển hết sang mối đe dọa mỗi khi đầu gối bủn rủn hay trái tim nghẹt lại và tôi phải đứng yên, cứ mỗi lần như thế, tôi lại ngạc nhiên khám phá ra rằng sau một lúc nghỉ ngơi và chịu đau một chút, tôi lại có thể di chuyển được, lại bật người, nhảy lên hay bò và chạy thêm một lúc nữa. Có khi nào rồi sẽ đến lúc tôi nằm xuống và nói, “Giết tôi đi... tôi thà chết còn hơn tiếp tục”? Đôi khi tôi nghĩ rằng mình sắp đến giới hạn đó, nhưng tôi luôn luôn nhầm.

Chẳng có chút tôn nghiêm nào an ủi tôi trong những trò này. Khi mơ thấy những cảnh nhục nhã tầm thường nhất, tôi lại bị tỉnh giấc trong đêm. Dường như tôi không được phép chết theo cách nào khác, ngoại trừ như một con chó trong góc phòng.

Rồi một ngày, họ mở tung cửa và tôi bước ra ngoài đối diện với, không phải hai người đàn ông, mà cả một toán lính đang đứng nghiêm. “Đây”, Mandel nói, và đưa cho tôi một cái áo ngủ in hoa của phụ nữ. “Mặc nó vào đi.”

“Tại sao?”

“Tốt thôi, nếu ông muốn trần truồng, thì cứ để vậy đi”

Tôi tròng cái áo ngủ qua đầu. Nó chỉ che được đến nửa đùi. Tôi thoáng thấy hai cô hầu gái trẻ nhất quay nhanh vào bếp, cười rúc rích như điên.

Cổ tay tôi bị bẻ quặt ra sau lưng và trói lại. “Đã đến lúc rồi, thưa Quan tòa”, Mandel thì thầm vào tai tôi. “Hãy gắng sức cư xử như một con người.” Tôi chắc rằng mình có thể ngửi được mùi rượu trong hơi thở của anh ta.

Họ áp tải tôi ra khỏi sân. Dưới hàng cây dâu tằm, nơi những quả chín mọng rơi xuống khiến mặt đất nhuộm màu tím sẫm, có một nhóm người đang chờ. Đám trẻ con leo trèo giữa các cành cây. Khi tôi

đến gần, mọi người đột nhiên im lặng.

Một người lính tung một đầu sợi dây gai đầu màu trắng mới tinh lên không trung, đưa trẻ chụp lấy, thắt một vòng trên một nhánh cây, rồi thả nó xuống.

Tôi biết rằng đây chỉ là một trò khác, một cách mới để giết thời gian buổi chiều của những người đã chán mấy trò hành hạ cũ. Dù vậy ruột gan tôi vẫn rối bời.

“Ông Đại tá đâu?”, tôi thều thào. Chẳng ai thèm để ý.

“Ông có muốn nói gì không?”, Mandel hỏi. “Nói bất kỳ điều gì ông muốn. Chúng tôi cho ông cơ hội này.”

Tôi nhìn vào đôi mắt xanh trong veo của anh ta, chúng trong như thể có một cặp thấu kính pha lê gắn vào nhãn cầu. Anh ta nhìn lại tôi. Tôi không biết anh ta thấy điều gì. Nghĩ về anh ta, tôi đã tự nói thầm hai từ tra tấn... kẻ tra tấn, nhưng đó là những từ lạ lẫm, và tôi càng lặp lại, chúng càng trở nên xa lạ, cho đến khi nằm lại trên đầu lưỡi tôi như những hòn đá. Có thể người đàn ông này, và người phụ tá anh ta dẫn theo, cùng viên Đại tá của họ, là những kẻ tra tấn, có lẽ đó là nhiệm vụ của họ trên ba tờ phiếu lương tại một phòng tài vụ nào đó ở thủ đô, mặc dù nhiều khả năng trên phiếu lương, người ta gọi họ là nhân viên an ninh. Nhưng khi tôi nhìn vào anh ta, tôi chỉ thấy một đôi mắt xanh trong veo, vẻ ưa nhìn hơi cứng nhắc, hàm răng hơi dài bởi nước bọt hơi ngắn. Anh ta đối phó với linh hồn tôi. Mỗi ngày, anh ta gạt da thịt tôi qua một bên và phơi bày linh hồn tôi ra ngoài ánh sáng, anh ta có lẽ đã thấy nhiều linh hồn trong quãng đời làm việc của mình, nhưng dường như anh ta cũng chẳng quan tâm đến các phần hồn đó nhiều hơn người ta quan tâm đến một trái tim trên bàn phẫu thuật.

“Tôi đang rất cố gắng để hiểu cảm giác của anh về tôi”, tôi nói. Tôi không thể không làm bầm, giọng tôi run rẩy, tôi sợ và mồ hôi ướt đẫm mình mẩy. “Tôi chẳng biết phải nói gì với những người này, nên thay vì cơ hội được nói chuyện với họ, tôi sẽ lấy làm cảm kích nếu anh nói với tôi vài lời. Nhờ đó, tôi có thể hiểu được tại sao anh lại cống hiến cho công việc này và anh cảm thấy thế nào về tôi, người đã bị anh xúc phạm nghiêm trọng và hình như sắp bị giết ngay bây giờ.”

Tôi kinh ngạc khi thấy những lời phát biểu trau chuốt này buột ra khỏi miệng mình. Tôi điên hay sao mà định khiêu khích như vậy?

“Ông thấy bàn tay này chứ hả?”, anh ta nói. Anh ta đưa tay ra cách mặt tôi chừng vài phân. “Khi tôi trẻ hơn”, anh ta gập những ngón tay, “tôi từng có khả năng đâm ngón tay này”, anh ta dựng ngón trỏ lên, “xuyên qua vỏ một quả bí ngô”. Anh ta đặt đầu ngón tay lên trán tôi và ấn xuống. Tôi lùi lại một bước.

Họ thậm chí còn chuẩn bị sẵn cho tôi một cái mũ, trùm một cái bao qua đầu và buộc một sợi dây quanh cổ tôi. Nhìn xuyên qua cái bao thừa, tôi thấy họ đem cái thang ra và dựng nó dựa vào một nhánh cây. Tôi được dẫn đến đó, chân đặt lên bậc thấp nhất, cái thòng lọng trông vào dưới tai tôi. “Bây giờ trèo lên đi”, Mandel nói.

Tôi quay đầu lại và nhìn thấy hai dáng người lờ mờ đang giữ đầu kia của sợi dây. “Tôi không thể leo khi tay tôi bị trói”, tôi nói. Tim tôi đập thình thịch. “Trèo lên đi”, anh ta nói, giữ chặt cánh tay tôi. Sợi dây thừng căng ra. “Giữ chắc nó”, anh ta ra lệnh.

Tôi leo lên, anh ta leo sau tôi và chỉ đường. Tôi đếm được mười bậc thang. Lá quét qua mặt tôi. Tôi dừng lại, anh ta siết tay tôi chặt hơn. “Ông nghĩ là chúng tôi đang đùa à?”, anh ta hỏi. Anh ta nghiêng răng nói với một con thỉnh nộ tôi không hiểu nổi. “Ông tưởng tôi nói cho vui chắc?”

Mắt tôi cay xè vì mồ hôi bên trong cái bao. “Không”, tôi nói, “tôi không nghĩ là anh đang đùa”. Chừng nào sợi dây còn căng, tôi biết là họ vẫn muốn chơi tôi. Nếu sợi dây bị buông chùng, và tôi trượt chân, tôi sẽ chết.

“Vậy ông muốn nói gì với tôi?”

“Tôi muốn nói rằng chuyện giữa tôi và những người bộ tộc mọi chẳng liên quan gì đến quân tình cả. Đó là việc cá nhân. Tôi đi để đưa cô gái về với gia đình cô ta. Chẳng vì mục đích gì khác.”

“Chuyện ông muốn nói với tôi chỉ có thế?”

“Tôi muốn nói là không ai đáng phải chết.” Trong cái áo ngủ và cái bao lơ lửng, với sự hèn nhát tởm lợm trong miệng, tôi nói, “Tôi muốn

sống. Như mọi người đều muốn sống. Sống, sống và sống. Bất chấp mọi chuyện”.

“Chùng đó chưa đủ.” Anh ta buông cánh tay tôi ra. Tôi đang đưa trên bậc thang thứ mười, sợi dây giúp tôi giữ thăng bằng. “Ông biết không?”, anh ta nói, rồi rút xuống khỏi cái thang, để tôi lại một mình.

Không phải mồ hôi mà là nước mắt.

Có tiếng sột soạt trong đám lá gần đó. Một giọng trẻ con cất lên, “Bác có thấy không, bác ơi?”

“Không.”

“Này, bọn khỉ, xuống đây!”, ai đó gọi từ bên dưới. Qua sợi dây thừng kéo căng, tôi có thể cảm thấy sự rung động khi bọn trẻ đi chuyển trên những cành cây.

Và tôi cứ đứng đó một lúc lâu, giữ thăng bằng cẩn thận trên bậc thang, cảm thấy sự dễ chịu của gỗ nơi lòng bàn chân, cố gắng không lắc lư và giữ cho độ căng của sợi dây thừng ổn định nhất có thể.

Đến khi nào đám đông rời việc mới chán việc xem một người đàn ông đứng trên cái thang? Tôi sẽ đứng đây cho đến khi gân cốt rã rời, hứng chịu bão giông, mưa đá và lũ lụt, để sống.

Nhưng giờ thì sợi thừng bắt đầu căng ra, tôi thậm chí có thể nghe được tiếng ken két khi nó cứa lên vỏ cây, cho đến khi tôi phải duỗi ra để nó khỏi thít vào họng mình.

Đây không phải là một cuộc khảo nghiệm tính kiên nhẫn, vậy thì. Nếu đám đông không thỏa mãn, luật chơi sẽ hay đổi. Nhưng đổ lỗi cho đám đông thì có ích gì? Con dê tế thần đã được xướng tên, một cuộc vui đã được công bố, luật chơi vẫn còn bỏ ngỏ. Ai lại bỏ lỡ không tụ tập xem trò vui chứ? Trong những trò hạ nhục, giằng vặt đau đớn và chết chóc của chế độ mới này, tôi phản đối điều gì ngoài sự thiếu đứng đắn của chúng? Ngoài việc chuyển khu chợ trời hỗn loạn đến ngoại ô của thị trấn cho hợp lẽ lối cách đây hai mươi năm, vai trò quản lý của tôi còn được nhớ đến bởi điều gì nữa đây? Tôi cố gắng thốt lên điều gì đó, một tiếng kêu hoảng loạn, hoặc một tiếng thét inh tai, nhưng sợi dây thừng đã siết chặt đến mức cổ tôi bị bóp nghẹt,

ngheñ lời. Máu chảy lũng bùng trong tai tôi. Tôi cảm thấy ngón chân mình không bám chắc được nữa. Tôi đu đưa nhẹ trong không trung, đụng vào cái thang mà bàn chân tôi đang níu chặt lấy. Tiếng ong ong trong tai tôi dần chậm lại rồi lại trở nên âm ã, cho đến khi tôi chỉ còn nghe được mỗi âm thanh ấy.

Đứng trước viên Đại tá già, tôi nheo mắt lại vì gió, chờ ông ta lên tiếng. Khẩu súng cổ vẫn đặt giữa hai tai con ngựa ông ta đang cưỡi, nhưng nó không chĩa vào tôi. Tôi cảm nhận được sự mênh mông của bầu trời bao trùm chúng tôi, và sự bao la của sa mạc.

Tôi nhìn môi ông ấy. Ông ta có thể lên tiếng bất cứ lúc nào. Tôi phải lắng nghe thật cẩn thận để nắm bắt từng âm một, rồi sau đó tự nhẩm lại cho mình nghe, nghiền ngẫm chúng, và cuối cùng có thể tìm thấy câu trả lời cho một thắc mắc đã bay vụt khỏi tâm tưởng tôi như một chú chim từ giây phút này.

Tôi có thể nhìn thấy từng cọng lông trên bờm ngựa, từng nếp nhăn trên khuôn mặt ông ta, từng viên đá và rãnh đất trên sườn đồi.

Cô gái với mái tóc đen thắt bím buông trên vai theo kiểu dân mọi dưng ngựa phía sau ông ta. Cúi đầu xuống, cô cũng chờ ông ta nói.

Tôi thở dài. “Thật đáng tiếc”, tôi nghĩ. “Giờ thì quá muộn rồi.”

Tôi đang đu đưa. Ngọn gió nhẹ cuốn cái áo lót của tôi lên và vờn quanh tấm thân trần trụi của tôi. Tôi chùng xuống, bênh bồng. Trong bộ đồ phụ nữ.

Hắn thứ đang chạm mặt đất chính là chân tôi, mặc dù chúng đã hoàn toàn tê liệt và mất hết cảm giác. Tôi cẩn thận nằm duỗi ra, sóng xoài, nhẹ như một chiếc lá. Thứ từng thít chặt lấy đầu tôi giờ đã nói lỏng ra.

Một cơn ớn lạnh từ từ xuất hiện trong tôi. Tôi thở. Mọi thứ ổn cả.

Rồi cái bao trùm đầu được gỡ ra, mặt trời làm tôi lóa mắt, tôi bị dựng dậy, mọi thứ cứ đập dềnh trước mắt, tôi ngất đi.

Từ bay vang lên đâu đó nơi ranh giới ý thức của tôi. Phải, thực vậy, tôi đang bay.

Tôi đang nhìn vào đôi mắt xanh của Mandel. Mỗi anh ta mấp máy nhưng tôi không nghe được lời nào. Tôi lắc đầu, và một khi đã bắt đầu làm thế, tôi nhận ra mình không thể dừng lại.

“Tôi đang nói là”, anh ta nói, “bây giờ chúng tôi sẽ bày cho ông bay theo kiểu khác”. “Lão ta không nghe được đâu”, người nào đó nói. “Ông ta nghe được”, Mandel trả lời. Anh ta rút thông lọng ra khỏi cổ tôi và buộc nó vào sợi dây trói tay. “Kéo ông ta dậy.”

Nếu tôi có thể gồng cứng tay mình, nếu tôi đủ mềm dẻo để co một chân lên và móc nó quanh sợi dây thừng, tôi sẽ có thể treo ngược người và không bị đau. Đó là ý nghĩ cuối cùng của tôi trước khi họ bắt đầu nhấc bổng tôi lên. Nhưng tôi yếu ớt như một đứa trẻ, hai cánh tay bị bẻ quặt sau lưng, và khi chân rời khỏi mặt đất, tôi cảm thấy một cơn đau xé khủng khiếp ở hai vai như thể toàn bộ cơ bắp đã rách toạc. Tiếng kêu khan thê thảm đầu tiên buột ra khỏi họng tôi, nghe như tiếng một cơn mưa sỏi trút xuống. Hai cậu bé nhảy xuống từ chạc cây và nắm tay nhau chạy mất, không hề quay đầu lại. Tôi cứ kêu rống lên, không cách nào im được, âm thanh thoát ra khỏi cái cơ thể tự biết rằng mình đang bị hủy hoại đến mức không thể phục hồi lại được và thét lên hoảng sợ. Ngay cả khi tất cả bọn trẻ trong thị trấn đều nghe thấy tiếng kêu thảm của tôi, tôi cũng không thể ngừng lại được. Chúng ta hãy cầu nguyện một điều duy nhất rằng chúng không bắt chước những trò chơi của người lớn, nếu không ngày mai sẽ có một tai họa khi những cơ thể nhỏ bé treo lủng lẳng trên cây. Có kẻ nào đó đẩy tôi và tôi bắt đầu đung đưa theo một vòng cung cách mặt đất chừng ba tấc, như một con bướm già khổng lồ với đôi cánh bị dính vào nhau, gằm gào, và kêu thét lên. “Lão ta đang gọi lũ bạn mọi của mình”, có tiếng bình phẩm. “Thì mày đang nghe tiếng mọi đó thôi.” Có tiếng cười.

Chú thích:

[3] Pound hay cân Anh là một đơn vị đo khối lượng truyền thống của Anh, Hoa Kỳ và một số quốc gia khác. Hiện nay giá trị được quốc tế công nhận chính xác là: 1 pound = 0,45359237 kg

Bọn mọi đợi đến đêm mới xuất hiện. Trước khi trời tối, con cừu cuối cùng phải được đưa vào chuồng, những cánh cổng gài lại, mỗi phiên gác đều cắt cử một người thông báo giờ giấc. Nghe đồn rằng, suốt đêm, đám người mọi với bản tính cướp bóc và giết chóc đã ăn vào máu luôn lảng vảng rình mò khắp nơi. Trong mơ, lũ trẻ con thấy các cửa chớp bị cạy ra và những khuôn mặt mọi rợ liếc qua khe cửa. “Bọn mọi đang ở đây!”, lũ trẻ la lên, và không cách gì đỡ được chúng. Quần áo biến mất khỏi dây phơi đồ, thức ăn biến mất khỏi các chạn, dù chúng đã được khóa kỹ. Người ta cho rằng bọn mọi đã đào một đường hầm dưới những bức tường, chúng đến và đi bất cứ lúc nào chúng muốn, lấy những gì chúng thích, không ai còn được an toàn nữa. Nông dân vẫn ra đồng làm việc, nhưng họ đi thành từng tốp, không bao giờ tách riêng. Họ không còn tâm trí đâu mà làm việc. Mọi người nói rằng bọn mọi chỉ chực chờ đến lúc thu hoạch vụ mùa là chúng sẽ lại tràn đến.

Tại sao quân đội không ngăn nổi bọn mọi?, người ta ca thán. Cuộc sống ở vùng biên đã trở nên thật khó khăn. Họ nhắc đến việc quay lại Cố hương, nhưng rồi lại nhớ ra rằng đường về không an toàn bởi có bọn mọi. Không thể mua được trà và đường ở cửa hàng nữa do đám chủ đã găm hàng lại. Những ai còn nhiều thực phẩm thì phải đóng cửa nhà mà ăn vì nơm nớp sợ hàng xóm sinh lòng ghen ăn tức ở.

Ba tuần trước, một bé gái đã bị cưỡng hiếp. Bạn bè của cô bé, đang chơi trong nương thủy lợi, không hề nhớ tới cô bé cho tới khi nó quay lại, chảy máu, thất thần. Trong nhiều ngày, cô bé nằm trong nhà cha mẹ mình, ngó đăm đăm lên trần nhà. Không gì có thể thuyết phục cô bé kể lại đầu đuôi câu chuyện. Cứ khi nào đèn tắt là cô bé lại khóc thút thít. Bạn bè của cô bé khẳng định rằng một tên mọi-rợ đã làm điều đó. Chúng thấy hấn ta chạy trốn vào đám lau sậy. Chúng nhận ra hấn là một tên mọi bởi vẻ xấu xí của hấn ta. Giờ thì tất cả lũ trẻ bị cấm chơi bên ngoài cánh cổng, và những người nông dân mang theo gậy gộc và giáo mác khi đi làm đồng.

Mọi người càng ác cảm với bọn mọi, tôi lại càng ẩn kín hơn trong cái góc riêng, hi vọng rằng sẽ chẳng ai nhớ tới mình.

Đã lâu lắm rồi kể từ khi lực lượng viễn chinh số hai, với cờ xí, kèn hiệu, áo giáp sáng chói, cưỡi đàn ngựa chiến hiên ngang quét sạch lũ mọi ra khỏi thung lũng và dạy cho chúng một bài học mà từ chúng đến đời con cháu chúng sẽ không bao giờ quên. Từ đó đến nay, không hề có một công văn hay thông cáo nào cả. Sự hăng hái của thời kỳ có những cuộc điều binh hàng ngày trên quảng trường, những buổi diễn tập của kỵ binh, biểu diễn bắn súng trường, cũng đã tan biến từ lâu. Thay vào đó là bầu không khí ngập tràn những tin đồn đáng ngại. Vài người nói rằng xung đột đã nổ ra khắp cả vùng biên giới hàng ngàn dặm, bọn mọi phương bắc và phương tây đã sáp nhập với nhau, và quân đội của Đế chế dần trải quá mỏng, một ngày gần đây, họ sẽ bắt buộc phải từ bỏ tuyến phòng thủ ở những tiền đồn xa xôi như chỗ này để tập trung nguồn lực cho việc bảo vệ khu trung tâm.

Những người khác thì nói rằng, chúng ta không nhận được tin gì mới về cuộc chiến vì quân đội của chúng ta đã tiến sâu vào lãnh thổ kẻ thù và phải tập trung vào chiến sự gian khổ nên không thể gửi tin đi. Họ nói chẳng bao lâu nữa, vào lúc không ngờ nhất, quân ta sẽ hành quân trở về, dù mệt mỏi nhưng là trong khúc khúc hoàn, và chúng ta sẽ sống trong hòa bình.

Trong cái đồn nhỏ bị bỏ không chưa bao giờ có nhiều người say xỉn và lên mặt với người dân địa phương đến vậy. Đã xảy ra tình trạng lính tráng đi vào các cửa tiệm, lấy những gì họ muốn rồi bỏ đi mà không trả tiền. Với các chủ tiệm, có ấn chuông báo động cũng vô ích khi mà tội phạm chính là người bảo vệ? Những người chủ cửa hàng ca cẩm với Mandel, người đang nắm giữ lực lượng khẩn cấp khi Joll đã đưa quân rời biên giới. Mandel hứa nhưng không hành động. Sao anh ta phải ra tay chứ? Anh ta chỉ lo lấy lòng thuộc hạ của mình. Bất chấp những cuộc hành quân tuần tra trên tuyến phòng thủ và càn quét bờ hồ hàng tuần (để tìm kiếm những tên mọi đang lẩn trốn, dù chưa tên nào bị bắt cả), kỷ luật vẫn rất lỏng lẻo.

Trong khi đó, tôi, tên hề già, kẻ đã đánh mất chút tôn nghiêm cuối cùng vào cái ngày bị treo lủng lẳng trên cây trong bộ đồ lót phụ nữ, kêu van ai đó cứu mình, sinh vật dơ bẩn cả tuần liếm sạch thức ăn trên những phiến đá lót đường như một con chó bởi chẳng nhấc nổi tay, dù không còn bị giam nữa. Tôi ngủ trong xó sân trại lính, bò xung quanh trong chiếc áo choàng bẩn thỉu, rúm ró lại khi bị một nắm đấm vung vào người. Tôi sống như một con quỷ đói ở cửa sau, và có lẽ chỉ đang tồn tại như bằng chứng về một con vật lẩn lút trong những kẻ

ưa thích chủ nghĩa mọi rợ. Tôi biết rằng mình không được an toàn. Thỉnh thoảng, tôi có thể cảm nhận được áp lực của một ánh mắt khó chịu dán vào mình, tôi không nhìn lên, tôi biết sẽ tạo ra ấn tượng đủ mạnh khiến vài người muốn dọn sạch khoảng sân bằng một viên đạn xuyên qua đầu tôi từ cửa sổ những tầng trên.

Một dòng người tị nạn tràn vào thị trấn, đó là đám dân chài từ những khu trại tị nạn rải rác dọc con sông và khu bờ hồ phía bắc, họ nói thứ ngôn ngữ không ai hiểu nổi, đem theo đồ đạc gia đình ở trên lưng, cùng những con chó gầy ốm và những đứa trẻ liêu xiêu lết bộ theo sau. Ngay khi họ đến, mọi người tụ tập xung quanh họ. “Có phải bọn mọi đã xua đuổi mấy người không?”, người ta hỏi, khuôn mặt dữ tợn như thể đang kéo căng những cánh cung tưởng tượng. Không ai thắc mắc về quân đội của Đế chế hay những cuộc chạm trán nhỏ mà họ khơi mào.

Lúc đầu, người ta thông cảm với đám man di mọi rợ này, và đem thức ăn, quần áo cũ cho họ, đến khi họ bắt đầu dựng những cái lều rơm bên bức tường ở cạnh quảng trường gần hàng cây óc chó, và đám trẻ con họ trở nên liêu lĩnh tới mức chui vào những gian bếp và ăn trộm, rồi một đêm, lũ chó của họ xông vào chuồng cừu và cắn cổ một tá cừu cái. Sự thông cảm dành cho họ đã biến thành ác cảm.

Những người lính đã hành động, hễ bắt gặp lũ chó của họ thì bắn bỏ, và vào một buổi sáng, khi những người đàn ông còn ở dưới hồ, đám lính đã dỡ hết toàn bộ lều trại của họ. Trong nhiều ngày, đám dân chài trú trong bãi sậy. Sau đó, từng tốp lều rơm bắt đầu xuất hiện trở lại, lần này là bên ngoài thị trấn, dưới bức tường phía bắc. Họ được phép dựng lều, nhưng được lệnh không được vào những trạm canh ở cổng. Bây giờ, luật lệ đã được nói lỏng, và có thể nhìn thấy họ đi từ nhà này sang nhà khác để bán những râu cá mỗi sáng. Họ không biết gì về chuyện tiền bạc nên thường bị bịp không thương tiếc, sẵn sàng đổi hết chỉ để lấy chút rượu.

Bọn họ gầy nhẳng, ngực trơ xương. Những người phụ nữ trông lúc nào cũng như đang mang thai, đám trẻ con thì gầy yếu, ở vài cô thiếu nữ thấp thoáng vẻ đẹp mong manh, với đôi mắt trong veo ngơ ngác, những người còn lại, tôi chỉ thấy nơi họ sự ngờ nghệch, gian xảo, và nhếch nhác. Nhưng họ thấy thế nào về tôi, nếu họ từng chú ý tới tôi? Một con quỷ đang nhìn chòng chọc từ phía sau cánh cổng. Đóng bản thủ ấn dưới ốc đảo xinh đẹp này, nơi họ vừa tìm thấy sự

an toàn bấp bênh.

Một ngày, có bóng người đổ xuống khi tôi đang lim dim ngủ trong sân, một bàn chân chọc vào tôi, tôi ngược lên nhìn vào đôi mắt xanh của Mandel.

“Bọn tôi cho ông ăn đầy đủ đấy chứ nhỉ?”, anh ta nói. “Ông lại đang béo ra rồi phải không?”

Tôi gật đầu, ngồi dưới chân anh ta. “Bởi vì chúng tôi không thể cứ nuôi ông mãi được.” Chúng tôi dò xét lẫn nhau một lúc lâu.

“Khi nào ông mới chịu làm việc để tự nuôi lấy mình?”

“Tôi là một tù nhân đang chờ xét xử. Những tù nhân đang chờ phán quyết thì không cần phải làm việc để tự nuôi thân. Đó là luật. Công quỹ sẽ chi khoản đó.”

“Nhưng ông không phải là tù nhân. Ông được tự do đi đâu tùy thích.” Anh ta chờ tôi nhận lời đề nghị chán ngắt đó. Tôi im lặng. Anh ta tiếp tục, “Sao ông lại là tù nhân được khi chúng tôi chẳng có hồ sơ gì về ông cả? Liệu ông có cho rằng chúng tôi không lưu giữ hồ sơ? Chúng tôi chẳng có ghi chép nào về ông cả. Vì thế, ông hẳn là một người tự do.”

Tôi nhồm dậy và theo anh ta đi qua sân tới cánh cổng. Lính gác trao cho anh ta chìa khóa và anh ta mở cổng. “Ông thấy chưa? Cổng mở rồi.”

Tôi do dự trước khi bước qua. Vẫn còn có những chuyện tôi rất muốn biết. Tôi nhìn vào khuôn mặt Mandel, đôi mắt trong sáng, cửa sổ tâm hồn, và cái miệng mà từ đó linh hồn anh ta tự mình lên tiếng. “Anh có rảnh một chút không?”, tôi hỏi. Chúng tôi đứng ngay cổng vào, với người lính gác đằng xa giả vờ như không nghe thấy. Tôi nói, “Tôi không còn trẻ nữa, và dù tương lai của tôi ở nơi đây có như thế nào thì nó cũng đã bị chôn vùi”. Tôi huơ tay phác một vòng quanh quảng trường, nơi bụi cuốn tung lên trước cơn gió nồm mùa hè thổi muộn, mang theo cơn trùng gây hại và dịch bệnh.

”Và lẽ ra tôi đã chết một lần rồi, trên cái cây đó, nếu anh không quyết định cứu tôi. Vì thế, có đôi điều tôi muốn biết trước khi đi. Nếu

không phải đã quá muộn, vì bọn mọi sắp kéo đến tận cổng rồi.” Tôi cảm thấy một nụ cười mỉa rất mơ hồ thoáng trên môi mình, tôi không thể kiềm chế được. Tôi ngược nhìn lên bầu trời quang đãng. “Hãy tha lỗi cho tôi nếu câu hỏi này có phần xác xược, nhưng tôi muốn biết. Sao anh có thể ăn uống được sau đó, sau khi anh đã... xử lý người khác? Đó là điều mà tôi luôn tự hỏi khi nghĩ về những đao phủ và những kẻ làm nghề tương tự. Chờ đã! Nghe tôi nói thêm chút nữa, tôi rất thành thực, tôi phải cố lắm mới dám nói ra chuyện đó, bởi tôi sợ anh, điều này thì tôi không cần phải cho anh hay, chắc anh thừa biết rồi. Anh có cảm thấy dễ chịu khi đụng tới thức ăn sau đó không? Tôi cứ tưởng tượng rằng người đó sẽ muốn rửa sạch tay. Nhưng chỉ rửa tay một cách bình thường thì làm sao mà đủ, người đó hẳn cần nhờ đến một vị linh mục ra tay, một loại nghi lễ rửa tội, anh không nghĩ vậy sao? Cũng là một dạng thanh tẩy tâm hồn con người - đó là những gì tôi vẫn hình dung về chuyện đó. Nếu không, làm sao người ta có thể tái hòa nhập với cuộc sống thường nhật - chẳng hạn như ngồi xuống bàn ăn và thưởng thức bánh mì với gia đình hay bạn bè?”

Anh ta quay ngoắt đi, nhưng tôi đã chậm rãi giơ bàn tay như những móng vuốt găng túm lấy cánh tay anh ta.

“Dừng, nghe này!”, tôi nói. “Dừng hiểu lầm tôi, tôi không quy trách nhiệm hay kết tội anh. Tôi đã bỏ ý nghĩ đó từ lâu rồi. Hãy nhớ rằng, cả đời tôi cũng sống tuân thủ pháp luật, tôi nắm rõ các quy trình của nó, tôi hiểu rằng sự thực thi công lý thường rất mù mờ. Tôi chỉ đang cố lý giải. Tôi cố hiểu rõ phạm vi cuộc sống của anh. Tôi cố hình dung cách anh hít thở, ăn uống và sống ngày qua ngày. Nhưng tôi không thể! Đó là điều khiến tôi bần lòng! Nếu tôi là anh, tôi cứ tự nhủ, đôi bàn tay tôi sẽ đầy cảm giác dơ bẩn đến mức ngộp thở...”

Anh ta vặn người thoát ra và đánh vào ngực tôi mạnh tới mức tôi thở hắt ra và loạng choạng lùi lại. “Ồ con hoang!”, anh ta hét lên. “Thằng già điên khốn kiếp! Cút ngay! Xéo đi đâu đó và chết đi!”

“Khi nào các người mới đưa tôi ra tòa?”, tôi thét lên với cái lưng đang xa dần của anh ta.

Anh ta thây kệ tôi.

Không có chỗ nào để trốn cả. Mà tại sao tôi phải lẩn trốn? Từ mờ sáng tới sập tối, tôi ngắm nhìn quảng trường, thơ thẩn quanh các

quầy hàng hay ngồi dưới bóng cây. Dần dần, khi lời đồn về viên Quan tòa già hết thời vẫn còn sống sót lan ra, mọi người không còn im lặng hay quay lưng đi mỗi khi tôi lại gần. Tôi phát hiện ra mình không hẳn đã mất hết bạn bè, đặc biệt là cánh phụ nữ, những người gần như không thể che giấu nỗi sự hào hứng khi nghe tôi kể lại mọi chuyện. Lang thang ngoài đường, tôi đi ngang qua bà vợ bụ bẫm của anh lính hậu cần đang phơi quần áo. Chúng tôi chào hỏi nhau. “Còn ông khỏe không, thưa ông?”, cô ta hỏi. “Chúng tôi nghe đồn rằng ông đã gặp nhiều khó khăn.” Đôi mắt cô sáng lên đầy tò mò nhưng vẫn rất thận trọng, “Ông vào nhà uống cốc trà chứ?” Thế là chúng tôi cùng ngồi trong bàn bếp, cô cho lũ trẻ ra ngoài chơi, và trong khi tôi uống trà và xơi gần hết đĩa bánh quy yến mạch ngon tuyệt mà cô làm, cô đi nước đầu tiên trong trò chơi hỏi quần đáp quanh, “Ông đã bỏ đi lâu quá, chúng tôi tự hỏi liệu ông có quay lại không... Và kể đó là những nỗi khổ ông phải chịu nữa! Chao ôi là thời thế đổi thay! Hồi ông còn tại vị, đâu có chuyện loạn đến thế. Toàn do đám người lạ trên thủ đô hết, làm bung bét mọi chuyện!” Tôi lướt mình, tôi thở dài. “Đúng vậy, họ không hiểu cách thức chúng ta vận hành công việc trong thị trấn, phải không. Tất cả những rắc rối chỉ vì một cô gái...” Tôi ăn ngấu nghiến một cái bánh khác. Kể si tình bao giờ cũng bị cười nhạo nhưng cuối cùng luôn được tha thứ.

“Vớ với tôi, đó đơn giản là một điều hợp lẽ thường khi đưa cô ấy về với gia đình mình, nhưng làm sao khiến họ hiểu ra điều đó?”. Tôi tiếp tục nói dông dài, cô ấy lắng nghe những sự thật nửa vờ này, gật đầu, và nhìn tôi hau háu như một con chim ưng, chúng tôi cứ vờ như thể giọng nói mà cô đang nghe không phải của một người đàn ông đã từng lung lẳng trên cây, cầu xin lòng thương hại bằng cách gào thét to tới mức người chết cũng phải bật dậy...”

“Dù sao đi nữa, chúng ta hãy hi vọng rằng chuyện này đã thực sự trôi qua. Tôi vẫn cảm thấy đau đớn”, tôi đưa tay sờ vai mình. “Khi đã luống tuổi, cơ thể phải mất thật lâu mới hồi phục được...”

Thế là tôi hát dạo để kiếm sống. Tối đến, khi đứng bên cánh cổng của trại lính để chờ nghe tiếng huýt sáo gọi lũ chó và lén vào thật nhẹ nhàng, nếu vẫn đói, tôi có thể xin xỏ mấy cô hầu gái phần thức ăn còn lại từ bữa tối của đám binh lính, một tô đậu nguội lạnh hay phần thừa lại trong nồi súp, hoặc nửa ổ bánh mì.

Cũng có lúc vào buổi sáng, tôi có thể đi lang thang tới quán trọ, và

áp sát vào rìa cánh cửa bếp, hít một hơi mùi vị tuyệt vời của kinh giới tây, men bia, hành tây cắt khoanh chiên giòn và mỡ cừu xông khói. Cô đầu bếp Mai cho mỡ vào chảo bánh. Tôi nhìn những ngón tay cô khéo léo nhúng vào lọ mỡ lợn và nhanh nhẹn xoay ba vòng để áo một lớp mỡ quanh chiếc chảo. Tôi nghĩ tới những chiếc bánh ngọt cô làm, món bánh phô mai nhân dăm bông kèm cải bó xôi trừ danh, và cảm thấy nước miếng túa ra trong miệng.

“Quá nhiều người đã bỏ đi”, cô nói, rồi quay sang khối bột lớn hình tròn, “em thậm chí không thể mở lời kể cho ông nghe. Một nhóm đồng đã rời đi chỉ cách đây vài ngày. Một trong những cô gái ở đây - cô bé với mái tóc dài thẳng, có thể ông vẫn còn nhớ cô ấy - cũng nằm trong số những người đó, cô ấy đã đi với các bạn mình”. Giọng cô vẫn đều đều khi kể lại chuyện cho tôi, và tôi biết ơn sự ân cần đó. “Cũng hợp lý thôi”, cô tiếp tục, “nếu ông muốn rời đi, ông phải đi ngay bây giờ, đường dài đấy, và cũng nguy hiểm nữa, và đêm đến thì càng lạnh hơn”. Cô nói tới thời tiết, về mùa hè vừa qua và những dấu hiệu của mùa đông đang đến, cứ như thể là nơi tôi đã sống, phòng giam của tôi, không chỉ cách chỗ chúng tôi đang đứng ba trăm bước, và tôi từng bị cách ly hoàn toàn với thời tiết nóng lạnh, khô ráo hay ẩm ướt. Tôi chợt nhận ra với cô ấy, tôi đã biến mất và sau đó lại xuất hiện, còn khoảng thời gian ở giữa không hề tồn tại trên đời.

Tôi lắng nghe và gật đầu mơ màng trong khi cô ấy nói chuyện. Bây giờ, tôi lên tiếng. “Em biết đó”, tôi nói, “hồi ở tù - trong khu trại lính, không phải nhà tù mới đây, khi người ta nhốt tôi trong một căn phòng nhỏ - tôi đã đói tới mức chẳng nghĩ tới phụ nữ dù chỉ một giây, chỉ nghĩ tới thức ăn thôi. Tôi sống tính bằng các bữa ăn. Chưa bao giờ tôi thấy no cả. Tôi hốc như một con chó và còn muốn thêm nữa. Đương nhiên sự đau đớn thì vô cùng, vào những thời điểm khác nhau. Bàn tay, cánh tay của tôi, cũng như cái này” - tôi chạm vào cái mũi dày cộm và vết sẹo xấu xí dưới mắt, vết sẹo mà tôi mới nhận ra rằng thiên hạ vô thức bị hút hồn vào đó. “Khi tôi mơ về đàn bà, tôi mơ rằng ai đó đến trong đêm và làm tan biến những nỗi đau.

Một giấc mơ trẻ con. Tôi vẫn không hiểu làm thế nào bao nỗi khát khao có thể chất chứa ở những khoang rỗng trong sâu thẳm xương tủy chúng ta, để một ngày nào đó, chúng tràn ra không báo trước. Chuyện em vừa nói chẳng hạn - cô gái mà em nhắc tới - tôi rất thích cô ấy, tôi nghĩ rằng em biết điều đó, dù sự tế nhị đã ngăn em... Khi em nói rằng cô ấy đã bỏ đi, thú thực là tôi cảm thấy như thể có thứ gì đó

đâm vào ngay chỗ này, trong lồng ngực. Một đòn đau.”

Đôi tay cô khéo léo di chuyển, ấn tẩm bột xuống vành một cái tô để tách những miếng bột tròn, và cuộn những phần thừa lại với nhau. Cô tránh ánh mắt của tôi.

“Tôi lên cầu thang tới phòng cô ấy đêm qua, nhưng cửa bị khóa. Tôi đã tháo nó ra. Cô ấy có rất nhiều bạn, tôi chưa từng cho rằng mình là người duy nhất... Nhưng tôi muốn gì chứ? Ất hẳn là một chỗ ngủ, nhưng còn hơn thế nữa. Cần gì phải làm bộ? Chúng ta đều biết những người đàn ông luống tuổi luôn muốn tìm lại tuổi xuân trong vòng tay của những phụ nữ trẻ.” Cô đập bột, nhào bột và cuộn nó lại. Một người phụ nữ trẻ sống cùng đàn con, và một bà mẹ sách nhiễu hay đòi hỏi. Tôi có sức hút gì với cô khi cứ lan man bất tận về nỗi đau và sự cô đơn. Tôi kinh ngạc lắng nghe bài thuyết giảng trong đầu mình. “Hãy nói ra mọi chuyện!”, tôi tự nhủ khi lần đầu tiên đối mặt với những kẻ hành hạ mình. “Tại sao lại phải im miệng một cách ngu ngốc chứ? Anh chẳng có bí mật gì cả. Hãy cho họ biết rằng họ đang hành hạ một con người bằng xương bằng thịt! Hãy biểu lộ sự sợ hãi của anh, gào thét khi cơn đau ập đến! Anh càng im lặng một cách ngoan cường, họ càng mạnh tay, điều đó chứng tỏ với họ rằng mỗi linh hồn là một ổ khóa mà họ phải kiên nhẫn mở ra. Cứ phơi bày hết ra! Cứ giải bày nỗi lòng đi!” Thế nên tôi la hét, kêu gào và nói ra bất kỳ điều gì xuất hiện trong đầu. Thật xảo quyết! Vì tôi đã để mặc cho bản thân nói năng nhăng cuội, giờ đây những gì tôi nghe thấy chỉ là những lời than vãn xảo trá của một tên ăn mày. “Em biết tối qua tôi ngủ ở đâu không?”, tôi nghe chính mình hỏi thế.

“Em có biết cái chái nhỏ để hàng ở phía sau nhà kho không?...”

Nhưng tôi thèm được ăn hơn hết thảy, và mỗi tuần trôi qua, cơn thèm đó lại càng dữ dội hơn. Tôi muốn mập lại như trước. Cơn đói khát thường trực trong tôi cả ngày lẫn đêm. Tôi thức dậy với cái dạ dày kêu réo, không thể chờ tới lượt mình, tôi đi lang thang trong trại lính để hít hà mùi thơm chảy nước miếng của bột yến mạch và chờ phần bột thừa bị cháy, nịnh nọt lũ trẻ để chúng ném cho tôi những trái dâu từ trên cây, kéo hàng rào bao quanh vườn để hái trộm một hai quả đào, qua hết cửa nhà này đến nhà khác, như một kẻ bất hạnh, nạn nhân của nỗi đam mê, nhưng hiện tại đã hồi phục, luôn sẵn sàng mỉm cười khi được ban phát bất cứ thứ gì. Một lát bánh mì và mứt, một tách trà, vào giữa ngày có thể là một tô thịt hầm hay một đĩa

hành và đậu, và bao giờ cũng có hoa quả, mơ, đào, lựu, những sản vật phong phú của mùa hè. Tôi ăn như một tên ăn mày, ngẫu nhiên thức ăn với cảm giác ngon miệng lạ thường, vét sạch đĩa tới mức ai thấy cũng phải hài lòng. Không nghi ngờ gì nữa, từng ngày qua, tôi đang chậm rãi lấy lại sự yêu mến của những người đồng hương.

Và tôi mới giỏi tăng bốc và xu nịnh làm sao! Hơn một lần, tôi đã có bữa ăn nhẹ được đặc biệt chuẩn bị riêng cho mình. Sườn cừ rán với hồ tiêu và họ lá, hay bánh mì kẹp một lát giăm bông và cà chua với miếng phô mai sữa dê. Nếu tôi có thể biểu lộ lòng biết ơn và báo đáp bằng cách xách hộ nước hay mang củi đốt, tôi sẽ làm điều đó một cách vui vẻ, mặc dù tôi không còn khỏe như trước nữa. Và nếu trong suốt thời gian ở đây, tôi đã vắt kiệt nguồn cung cấp thức ăn cho mình trong thị trấn - vì tôi phải cẩn thận để không trở thành gánh nặng cho những ân nhân của mình - tôi luôn có thể tới chỗ những người dân chài và giúp họ rửa cá. Tôi đã học được vài từ trong ngôn ngữ của họ nên được tiếp nhận không chút nghi ngờ, họ hiểu cảm giác của kẻ ăn mày, và chia sẻ thức ăn của họ cho tôi.

Tôi muốn mập trở lại, mập hơn hẳn lúc trước. Tôi muốn cái bụng căng đầy kêu ùng ục hài lòng khi tôi xoa bàn tay lên đó, tôi muốn cảm mình chảy xệ xuống tận cổ và ngực thì núng nính mỗi khi di chuyển.

Tôi muốn một cuộc sống với những hài lòng vụn vặt. Tôi muốn (một cách vô vọng!) mình không bao giờ biết đến cơn đói nữa.

Đã gần ba tháng trôi qua kể từ ngày xuất hành, và vẫn không có tin tức gì về lực lượng viễn chinh. Thay vào đó là những tin dữ đồn khắp nơi. Rằng lực lượng viễn chinh đã bị dụ vào sa mạc và bị tiêu diệt, rằng chúng ta không biết họ có được triệu tập về để phòng thủ cho quê nhà, bỏ mặc những thị trấn vùng biên cho bọn mọi chiếm đóng dễ như ăn kẹo bất cứ khi nào chúng muốn. Mỗi tuần đều có một đoàn hộ tống thận trọng rời khỏi thị trấn, đi về phía đông, chừng mười hay mười hai gia đình cùng nhau đi “thăm họ hàng”, theo lối nói giảm nói tránh, “cho tới khi tình hình yên ổn như xưa”. Họ rời đi, dẫn theo những xe hàng, xe ba gác và địu theo hàng hóa trên lưng, đám trẻ con chen chúc trên xe như gia súc. Tôi thậm chí còn chứng kiến cảnh người ta dùng những con cừu kéo một cỗ xe bốn bánh dài và thấp. Không thể mua được gia súc cung cấp sức kéo nữa.

Đám người bỏ đi là những người nhạy cảm, các ông chồng và bà

vợ nằm thức trên giường thì thầm, lên kế hoạch, và quyết định ra đi để giảm thiểu thiệt hại. Họ bỏ lại những căn nhà êm ấm, khóa chúng lại, “cho tới khi chúng tôi quay về”, và đem theo chìa khóa như một vật kỉ niệm. Ngay ngày hôm sau, những toán lính đột nhập vào vợ vét căn nhà, phá nát đồ đạc, và làm bắn sán nhà. Sự phẫn nộ tích tụ trút lên đầu những người có vẻ đang chuẩn bị ra đi. Họ bị phỉ báng nơi công cộng, bị tấn công hay cướp bóc vô tội vạ. Bởi thế nhiều gia đình chỉ đơn giản là biến mất lúc nửa đêm, đút lót để bọn bảo vệ mở cổng cho họ, rồi lên đường hướng về phía đông và chờ ở trạm dừng thứ nhất hay thứ hai cho tới khi số người gia nhập đủ đông để ra đi an toàn.

Quân đội đô hộ cả thị trấn. Họ đã tổ chức một cuộc hội họp ban đêm trên quảng trường để tố giác “những kẻ hèn nhát và phản bội” và khẳng định lòng trung thành của mọi người dành cho Đế chế. CHÚNG TÔI Ở LẠI đã trở thành khẩu hiệu thể hiện sự trung thành. Cụm từ đó sẽ được viết lên những bức tường ở khắp mọi nơi. Tôi đứng trong bóng đêm ngoài rìa đám đông đêm hôm ấy (không ai đủ gan ở trong nhà), lắng nghe hàng ngàn cái cổ họng hô vang những từ đó đầy khí thế và sắc mùi đe dọa. Một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng tôi. Sau buổi tụ họp, binh lính dẫn đầu một cuộc diễu hành qua các con đường. Những cánh cửa bị đá tung ra, mấy khung cửa sổ bị phá vỡ, một ngôi nhà bị đốt. Có một cuộc ăn uống chè chén trên quảng trường tới tận khuya. Tôi nhìn quanh tìm kiếm Mandel nhưng không thấy anh ta. Có thể là anh ta đã mất quyền kiểm soát trại lính này, nếu quả binh lính ở đây từng sẵn lòng nhận lệnh từ một viên cảnh sát.

Khi những người lính này, những kẻ lạ lẫm với lối sống của chúng tôi, những người được tuyển mộ từ khắp nơi thuộc Đế chế, lần đầu đóng quân ở đây, họ được chào đón khá lạnh nhạt. “Chúng ta không cần họ ở đây,” mọi người nói, “họ nên ra đi và chiến đấu với lũ mọi càng nhanh càng tốt”. Không ai cho họ mua chịu trong các cửa tiệm, các bà mẹ nhất kỹ mấy cô con gái tránh xa bọn họ. Nhưng sau khi lũ mọi xuất hiện ở ngay cửa, thái độ của dân chúng liền thay đổi. Vì dường như họ là những tấm lá chắn cuối cùng giữa chúng tôi và sự hủy diệt, đám binh lính xa lạ này đã thực sự chiếm được cảm tình. Một ủy ban quần chúng tổ chức quyên góp hàng tuần để chiêu đãi họ, cừu quay nguyên con, hàng galông thịt cừu bày ra trước mắt. Bọn con gái trong thị trấn ở với họ. Người ta đáp ứng mọi mong muốn của họ miễn là họ ở lại và bảo vệ cuộc sống của chúng tôi. Và càng được bợ

đỡ, họ càng ngạo mạn. Chúng tôi biết rằng không thể dựa vào họ. Với cái chái gần như trống không và cánh quân chính đã tiêu tan như làn khói, điều gì sẽ giữ chân họ khi những cuộc chèn ép kết thúc? Chúng tôi chỉ còn biết hi vọng rằng họ sẽ sợ sự khắc nghiệt của việc hành quân vào mùa đông nên không dám bỏ rơi chúng tôi.

Và dấu hiệu mùa đông đang đến xuất hiện khắp nơi. Sáng sớm, những cơn gió nhẹ lạnh buốt thổi đến từ phía bắc. Mấy cánh cửa sập kêu cọt két, những người đang ngủ xích lại gần nhau hơn, lính gác nép sát vào chiếc áo choàng, đầu lưng vào nhau.

Có vài đêm, tôi thức dậy co ro trên chiếc giường làm từ đồng bao tải và không tài nào ngủ lại được. Khi mặt trời mọc, càng ngày trông nó càng xa hơn, mặt đất trở nên lạnh lẽo ngay cả khi mặt trời chưa lặn. Tôi nghĩ đến những đoàn lữ hành thưa thớt đang lê bước hàng trăm dặm đường, tiến về vùng đất mẹ nơi hầu hết họ chưa ai từng được thấy, đẩy xe ba gác, thúc ngựa, mang theo con cái, chăm lo thực phẩm dự phòng, rồi mỗi ngày đều bỏ lại bên đường những đồ dùng, vật dụng nhà bếp, ảnh chân dung, đồng hồ, đồ chơi, tất cả những thứ họ đã nghĩ rằng mình có thể cứu được từ đồng đồ nát trong nhà, trước khi họ nhận ra rằng may lắm thì mình chỉ có thể hy vọng còn sống sót thoát khỏi đây. Chừng một hai tuần nữa thôi, thời tiết sẽ khó lường đến mức không ai lên đường nổi, trừ những kẻ kiên cường nhất. Gió bắc lạnh lẽo sẽ gào thét cả ngày, vất kiệt sự sống trên những con đường nó đi qua, mang theo một biển bụi trần khắp vùng bình nguyên mênh mông, kéo theo những cơn mưa đá và tuyết đột ngột. Tôi không thể tưởng tượng ra bản thân mình, với áo quần tả tơi và đôi săng đan mòn vẹt, tay chống gậy, hành lý công trên lưng, mà vẫn có thể sống sót nổi qua chặng lữ hành dài ngày này. Tâm tư của tôi không đặt vào đó. Tôi có thể trông chờ một cuộc sống thế nào nếu rời xa ốc đảo này? Sống như một thủ thư nghèo túng ở thủ đô, mỗi tối khi hoàng hôn buông xuống, lại trở về căn phòng thuê ở một con phố vắng với bà chủ nhà rình mò trước cửa, còn răng thì rụng dần? Nếu ngày ấy tôi gia nhập đoàn người tha hương kia, có lẽ một ngày nào đó, giống như những người già lạng lẽ, tôi sẽ bị tách khỏi đoàn, trụ lại trong một hốc đá, và chờ đợi cơn rét thấu xương cuối cùng bắt đầu lan đến chân mình.

Tôi đi lang thang xuống con đường rộng dẫn tới bờ hồ. Chân trời phía trước đã nhuộm một màu xám, hòa vào dòng nước xám trên mặt hồ. Đằng sau tôi, mặt trời đang lặn xuống trong những vệt sáng ánh

vàng và đỏ thẫm. Dưới các rãnh nước vang lên tiếng đé kêu đầu tiên. Đây là một thế giới mà tôi biết rõ, yêu thương, và không muốn rời đi. Tôi đã dạo trên con đường này hàng đêm từ hồi còn trẻ mà chẳng gặp nguy hiểm gì. Sao tôi tin được rằng, biết bao bóng đen của lũ mọi rợ đang lảng vảng trong đêm tối? Nếu có người lạ ở đây, tôi sẽ cảm nhận được ngay.

Bọn mọi đã lui vào những thung lũng sâu nhất trong núi, chờ cho quân đội mệt mỏi và rút đi.

Đến lúc đó, bọn mọi sẽ xuất hiện trở lại. Chúng sẽ chăm sóc lũ cừu của mình và để chúng tôi yên, còn chúng tôi sẽ canh tác trên ruộng đồng của mình và để bọn chúng yên, và trong vài năm, vùng tiền đồn này sẽ yên bình trở lại.

Tôi đi qua những cánh đồng bỏ hoang, mới được dọn dẹp gần đây và cây bừa trở lại, qua những con mương thủy lợi và đê chắn bờ. Đất dưới chân tôi mềm hơn, tiếp nối là bờ cỏ đầm lầy ẩm ướt, tôi bước qua những đám lau sậy, nước ngập tới mắt cá chân trong ánh hoàng hôn tím ngắt cuối ngày. Những con ếch rơi tôm xuống nước ngay trước tôi, gần đó, tôi nghe tiếng rữ lông khe khẽ của những con chim đầm lầy thu mình chuẩn bị bay đi.

Tôi lội ra sâu hơn, đưa tay rẽ những bụi lau, cảm thấy bùn nhão mát lạnh giữa những ngón chân mình, nước còn giữ lại hơi ấm của mặt trời lâu hơn không khí, cản bước tôi rồi lại rẽ ra trước từng sỏi chân. Vào những giờ đầu tiên của buổi sớm, ngư dân chổng sào đưa những con thuyền đáy rộng qua mặt nước tĩnh lặng này và quăng lưới. Một cách mưu sinh êm ả biết bao! Có thể tôi sẽ bỏ nghề ăn xin và đến bên kia bức tường thành nhập bọn với họ, dựng cho mình một túp lều từ bùn và lau sậy, cưới một trong những cô con gái xinh đẹp của họ, chèo chén khi bắt được nhiều cá, và thắt lưng buộc bụng khi thất bát.

Đứng ngập bắp chân trong dòng nước yên ả, tôi ru mình trong viễn cảnh êm đềm ấy.

Đâu phải tôi không biết những mộng tưởng như vậy nói lên điều gì, mơ trở thành một kẻ thiếu suy nghĩ sống nơi hoang dã, lần theo con đường lạnh giá quay về thủ đô, tự dò tìm đường về khu phế tích trong sa mạc, quay lại phòng giam, hay đi tìm lũ mọi và tự nộp mình

để bọn chúng muốn làm gì tùy ý. Không có ngoại lệ nào, chúng là những giấc mơ về những ngày tháng cuối đời. Không phải mơ mình sẽ sống thế nào mà mình sẽ chết ra sao. Và tôi biết, tất cả mọi người trong cái thị trấn có thành lũy vây quanh đang chìm trong bóng tối đó (tôi nghe hai hồi kèn trumpet ngân thông báo đã đến giờ đóng cổng) cũng lo những điều tương tự. Tất cả mọi người trừ đám trẻ con! Lũ trẻ chưa từng ngờ vực gì chuyện những cây cổ thụ to cao sừng sững vẫn tỏa bóng cho chúng chơi đùa sẽ mãi xanh tươi, rằng một ngày nào đó, chúng sẽ lớn lên và mạnh mẽ như cha mình, đầy sức sống giống mẹ mình, chúng sẽ sống và giàu có, nuôi dạy con của mình và già đi trên mảnh đất nơi chúng sinh ra.

Điều gì khiến thời nay chúng ta không thể sống như cá nước, chim trời, như trẻ thơ? Đó là lỗi của Đế chế! Đế chế đã tạo nên một thời kỳ lịch sử. Đế chế đã tự xác định sự tồn tại của mình, không phải trong chu kỳ yên bình bốn mùa tiếp nối lặp đi lặp lại, mà là trong thời kỳ bất ổn của trời dậy và suy tàn, của khởi đầu và kết thúc, và của tai ương.

Đế chế tự buộc mình sống trong lịch sử và mưu toan chống lại lịch sử. Chỉ có một ý tưởng duy nhất đang âm thầm ngự trị trong tâm trí của Đế chế. Làm thế nào để không bị suy tàn, làm thế nào để không phải chết, làm thế nào để kéo dài thời đại của mình. Hàng ngày, nó truy tìm kẻ thù của mình.

Nó xảo quyệt và vô tình, nó xua lũ chó săn khát máu của mình đi khắp mọi nơi. Về đêm, nó sống nhờ những hình ảnh thảm họa. Biết bao thành phố bị cướp bóc, con người bị cưỡng đoạt, xương chất thành núi, đất đai hoang phế. Một viễn cảnh vừa điên rồ vừa độc ác. Tôi, kẻ đang lội trong bùn, cũng bị ảnh hưởng không kém gì tay đại tá Joll trung thành khi lão ta truy lùng kẻ thù của Đế chế trên sa mạc mênh mông, tuốt gươm hạ gục hết tên mọi này đến tên mọi khác, cho tới tên cuối cùng lão tìm thấy và giết chết kẻ số phận đã định (và nếu không phải kẻ đó, thì cũng là con trai hoặc đứa cháu chưa ra đời của hắn ta) phải leo lên cánh cổng bằng đồng dẫn đến Lâu đài mùa hạ và kéo đổ bức tượng con hổ chồm trên quả địa cầu - biểu tượng cho sự thống trị vĩnh hằng, trong khi bạn bè của hắn đứng dưới cổ vũ và lời sùng tụng ra bắn chỉ thiên.

Đêm không trăng. Trong bóng tối, tôi mò mẫm tìm đường quay lại bờ đất khô ráo và nằm trên thảm cỏ, cuộn mình trong chiếc áo

choàng rồi ngủ thiếp đi. Cảm giác nôn nao từ một cơn mơ rối rắm khiến tôi choàng tỉnh, cảm thấy mệt mỏi và lạnh lẽo. Ngôi sao màu đỏ gần như đứng yên trên bầu trời.

Khi tôi lần theo con đường tới chỗ ở của dân chài, một con chó bắt đầu sủa, ngay sau đó, một con khác sủa theo, và màn đêm bị xé toang bởi một tràng tiếng sủa, tiếng la báo động và tiếng kêu gào. Hoảng hồn, tôi ra sức gào to, “Không có chuyện gì đâu!”, nhưng chẳng ai nghe thấy tôi nói cả. Tôi bất lực đứng lại giữa đường. Vài người chạy qua tôi tới chỗ cái hồ, sau đó một người khác đâm sầm vào tôi, một phụ nữ. Tôi nhận ra ngay ai là người vừa thờ đốc vì khiếp sợ trong cánh tay tôi trước khi vùng ra và chạy đi. Cũng có nhiều chó nhe răng gầm gừ với tôi. Tôi quay cuồng la hét khi một con đớp vào chân tôi, xé rách da tôi rồi lùi lại. Những tiếng chó sủa điên cuồng bủa vây lấy tôi.

Từ sau những bức tường, đám chó trong thị trấn sủa đáp lại. Tôi cúi xuống, co rúm người lại, căng thẳng chờ đợt tấn công tiếp theo. Tiếng kèn đồng rền vang trong không trung. Lũ chó sủa to hơn bao giờ hết. Tôi lết chậm chậm về khu hạ trại, cho tới khi nhìn thấy một túp lều hiện ra lờ mờ trên nền trời. Tôi gạt tấm thảm treo ở cửa sang một bên và bước vào nơi vẫn còn ấm mùi mồ hôi, chỉ vài phút trước có người nằm ngủ đã nằm ngủ ở đây.

Tiếng chó sủa đã im bật, nhưng không ai trở lại. Không khí có mùi ẩm mốc và uế oải. Tôi muốn ngủ, nhưng lại bị rối trí bởi dư âm của những va chạm nhẹ nhàng ở ngoài đường khi nãy. Như một vết bỏng, da thịt tôi vẫn còn in dấu của cơ thể vừa áp sát vào mình trong vài giây. Tôi bỗng sợ những gì mình có thể sẽ làm. Ngày mai, trở lại thị trấn vào ban ngày, vẫn còn day dứt với kí ức này, và hỏi thăm cho tới khi biết người đã đâm sầm vào tôi trong bóng tối là ai, để bắt đầu với nàng, dù nàng còn là một bé gái hay đã trưởng thành, thậm chí đây sẽ là một cuộc phiêu lưu tình ái kỳ quặc và nhảm nhí hơn. Sự ngu ngốc ở đàn ông trong độ tuổi tôi dường như là vô bờ bến. Lời biện minh duy nhất là chúng tôi không để lại dấu ấn riêng tư nơi những cô gái từng qua tay mình. Những dự vọng phức tạp, cách ái ân cổ lỗ và những lạc thú mạnh mẽ của chúng tôi sẽ nhanh chóng bị lãng quên, họ sẽ rũ bỏ điệu bộ vụng về của chúng tôi ngay khi lao như tên bắn vào vòng tay của những người đàn ông sẽ là bố của con họ, những thanh niên trẻ trung, cường tráng và không vòng vo. Tình yêu của chúng tôi không để lại dấu ấn nào cả. Ai mới là người mà cô gái với

khuôn mặt mờ ảo kia sẽ nhớ đến. Tôi trong chiếc áo khoác ngủ bằng lụa, những ngọn đèn mờ, mùi nước hoa và dầu xoa bóp, và những khoái cảm khổ sở, hay gã đàn ông lạnh lùng nọ, kẻ mang mặt nạ che cả mắt, suốt ngày ra lệnh và khiến em phải thét lên vì những đau đớn tột cùng? Trên thế giới này, gương mặt cuối cùng mà em nhìn thấy là ai ngoài gương mặt đằng sau miếng sắt nung đỏ rực? Co rúm người vì hổ thẹn, nhưng thậm chí ngay lúc này, tôi vẫn phải tự hỏi mình rằng, khi chúng tôi nằm bên nhau, đầu đối chân, khi cơn trớn và hôn lên đôi mắt cá chân nứt nẻ đó, tận trong thâm tâm, đã bao giờ tôi cảm thấy tiếc nuối vì không thể khắc ghi trong lòng em một dấu ấn sâu đậm nhường ấy. Dù có được những đồng bào của mình đối xử tử tế thế nào đi chăng nữa, em sẽ không bao giờ được theo đuổi và kết hôn như bao cô gái bình thường khác. Suốt đời em đã bị đánh dấu như tài sản của một kẻ xa lạ, và sau này, sẽ không ai tiếp cận được cái vòng bảo vệ mà em vạch ra, nếu vẫn mang trong lòng thứ tình cảm xót thương sâu thẳm về mặt thân xác, điều em từng nhận thấy ở tôi và từ chối.

Chấn chấn em thường xuyên ngủ quên, không lấy làm ngạc nhiên khi em thấy thích việc gọt vỏ rau củ hơn là ở trên giường tôi! Ngay khoảnh khắc tôi dừng bước và đứng trước mặt em ở cổng trại lính, em hẳn đã cảm giác được sự lừa dối làm vẩn đục bầu không khí quanh mình. Lòng đổ kỹ, sự thương hại, và những ác tâm nấp sau lớp vỏ nguy trang mang tên dục vọng. Và khi tôi làm tình, chẳng có sự xung động nào ngoài nỗ lực khước từ sự xung động một cách khó nhọc! Tôi nhớ nụ cười diềm tĩnh của em. Ngay từ đầu, em đã biết tôi là một kẻ quyến rũ giả dối. Em lắng nghe tôi, rồi lắng nghe trái tim mình, và làm đúng những gì nó mách bảo. Giá như em tìm được cách nói với tôi! Lẽ ra em nên nói rằng. “Ông làm như vậy là không đúng cách”, và ngăn tôi lại. “Nếu ông muốn biết phải làm sao, hãy hỏi người bạn có đôi mắt đen.” Và đáng ra em nên kiên trì để không từ bỏ tôi mà chẳng còn chút hy vọng nào. “Nhưng nếu ông muốn yêu em, ông phải mặc kệ anh ta và học điều đó ở chỗ khác.” Giá như hồi ấy em nói cho tôi hay, nếu tôi thấu hiểu em, hay ở một vị thế có thể thấu hiểu em, nếu tôi tin tưởng em và ở một vị thế để có thể tin em, tôi đã không phải cố chuộc tội bằng những việc làm mơ hồ và vô ích trong cả năm trời.

Vì tôi không phải một kẻ bao dung và thích được yêu thương, trái ngược với tên Đại tá lạnh lùng cứng nhắc, như tôi vẫn thích tự hình dung về mình. Tôi là những lời dối trá mà Đế chế tự nhủ trong thời

bình, còn ông ta là sự thật mà Đế chế nói ra vào thời loạn. Đó là hai mặt thuộc về nền cai trị của đế quốc, không hơn, không kém. Nhưng tôi đang chờ thời cơ, nhìn quanh vùng biên giới xa xôi hẻo lánh này, nơi ao tù nhỏ bé mùa hè bụi bay mù trời và những xe đẩy chất đầy quả mơ, giấc ngủ dài mùa hạ và trại lính lười nhác, đàn thủy cầm đến rồi đi năm này qua năm khác, đáp xuống rồi lại bay khỏi mặt hồ lóng lánh tĩnh lặng như gương, tôi tự nhủ, “Hãy kiên nhẫn, một ngày gần thôi, hẳn ta sẽ bỏ đi, sự yên bình sẽ trở lại sớm thôi. Rồi sau đó, giấc ngủ trưa của chúng ta sẽ kéo dài hơn, gươm đao của chúng ta sẽ rỉ sét, cậu lính gác sẽ lên ra khỏi tháp về qua đêm với vợ mình, những thành lũy sẽ đổ nát đến mức thần lẩn làm tổ giữa những viên gạch và lũ cú mèo bay ra từ tháp chuông, đường biên giới trên bản đồ của Đế chế sẽ trở nên nhạt nhòa và mờ mịt cho đến khi chúng ta may mắn rơi vào quên lãng.” Và tôi cứ thế tự huyễn hoặc mình, sa vào một trong những ngã rẽ sai lầm mà mình đã chọn, trên con đường thoạt nhìn thì có vẻ đúng hướng, nhưng hóa ra lại dẫn tới một mê cung.

Trong giấc mơ, tôi băng qua quảng trường ngập tuyết để đến với em. Ban đầu, tôi đi bộ. Rồi sức gió cuốn tôi về phía trước trong một đám mây tuyết cuộn xoáy, hai tay giang rộng, chiếc áo choàng của tôi đón gió như một cánh buồm. Cố gắng đi thật nhanh, chân tôi lướt đi trên mặt đất, tôi nhào đến bên dáng hình đơn độc ở giữa trung tâm quảng trường. “Em sẽ không kịp quay lại và nhìn thấy mình!”, tôi nghĩ. Tôi há miệng kêu lên để cảnh báo em. Một tiếng rên yếu ớt vang đến tai tôi, bị gió thổi bạt đi, và cuốn lên trời như một mảnh giấy. Tôi gần như đã ở ngay cạnh em, cả người tôi căng ra trước sự đụng chạm ấy, khi em quay lại và trông thấy tôi. Trong thoáng chốc, tôi thấy hình dáng gương mặt em, khuôn mặt của một đứa trẻ, hồng hào, khỏe mạnh, mỉm cười với tôi không chút hoảng sợ, trước khi chúng tôi đâm vào nhau. Đầu em thúc vào bụng tôi, rồi tôi biến mất, bị gió cuốn đi. Sự đụng chạm chỉ khẽ khàng như một cánh bướm đêm lướt qua. Tôi chìm trong cảm giác nhẹ nhõm. “Cuối cùng thì mình cũng không cần phải bán khoản nữa!”, tôi nghĩ. Tôi cố nhìn lại, nhưng tất cả đã mất hút trong màn tuyết trắng.

Những nụ hôn ướt nhẹp tới tấp trên miệng tôi.

Tôi nhổ ra, lắc đầu và mở choàng mắt.

Con chó đang liếm mặt tôi nãy giờ lùì lại, vẫy đuôi. Ánh sáng lọt qua cửa túp lều. Tôi chậm chậm lê bước về phía ánh bình minh. Bầu

trời và mặt nước nhuộm sắc đỏ. Mặt hồ nơi tôi đã quen ngắm nhìn những con thuyền đánh cá mũi tròn ra vào tấp nập, giờ đang vắng tanh.

Khu trại nơi tôi đứng cũng vậy.

Tôi rút sâu hơn vào cái áo choàng và đi đến con đường qua lối cổng chính vẫn còn đóng im ỉm, tới tận chỗ tháp canh phía tây bắc, nơi hầu như chẳng còn ai đứng gác, rồi quay lại đường cũ, băng ngang những cánh đồng, qua bức tường đất tới bờ hồ.

Một con thỏ nhảy lên chân tôi và hốt hoảng nhảy đi theo hình zíc zắc. Tôi nhìn theo cho tới khi nó vòng lại và mất hút sau những cánh đồng lúa mì đã chín phía xa kia.

Một cậu bé đứng ngay giữa đường cách tôi năm mươi yard^[4], đang đi tè. Cậu ta nhìn theo dòng nước tiểu cong vòng, và quan sát tôi qua khóe mắt, uốn lưng để tia nước tiểu cuối vọt xa hơn.

Và khi cái vòng cung màu vàng của mình vẫn còn lơ lửng trong không trung, cậu ta đột ngột bỏ đi, nhanh chóng biến mất trong bóng tối của đám lau.

Tôi đứng ngay nơi cậu ta vừa đứng. Không thấy gì cả ngoại trừ nửa vầng mặt trời đang lặn sáng lấp lóa qua những nhánh hoa lau phấp phới.

“Cháu có thể bước ra đây”, tôi nói, gần như không lên giọng. “Không có gì phải sợ cả.” Tôi để ý thấy những con chim sẻ đang bay ra khỏi bờ lau.

Không nghi ngờ gì nữa, có ba chục đôi tai đã nghe thấy tiếng của tôi.

Tôi quay lại thị trấn.

Cổng đang mở. Những người lính, vũ trang đầy đủ đang lục soát quanh dãy túp lều của dân chài. Con chó đánh thức tôi khi này đang chạy theo họ từ lều này tới lều khác, ve vẩy đuôi, cái lưỡi thè dài ra và đôi tai dựng lên nghe ngóng.

Một trong những người lính đó giờ lên cái giá đang phơi đồng cá đã được moi ruột và ướp muối. Nó bắt đầu kêu cọt kẹt.

“Đừng làm thế!”, tôi lên tiếng rồi bước nhanh về phía đó. Tôi nhận ra một vài người trong những ngày dài bị tra tấn ở sân trại. “Đừng làm vậy, không phải lỗi của họ!”.

Cố tình tỏ ra lãnh đạm, người lính đó giờ lại đi lững thững tới căn lều lớn nhất, dựa người vào hai thanh chống mái lều, và cố nhô cái mái rơm lên. Dù đã cố hết sức, hẳn ta vẫn không thể nhấc nó lên được. Tôi đã từng xem người ta dựng những túp lều có vẻ mong manh này.

Chúng được dựng lên để trụ vững trong những cơn gió giật mà ngay cả chim chóc cũng không bay nổi. Khung mái được buộc chặt vào những cái cột bằng cách vòng dây da qua các vết khía lõm hình chữ V. Nếu không cắt dây buộc thì không cách gì dỡ nó lên được.

Tôi van nài người lính. “Để tôi nói cho anh những gì xảy ra tối qua. Tôi đang đi vào chỗ tối và lữ chó bắt đầu sủa. Mọi người ở đây hoảng hốt, họ kích động, anh biết họ thế nào mà. Có thể họ tưởng bọn mọi đến. Họ bỏ chạy ra hồ, trốn trong đám sậy - tôi vừa mới thấy họ. Anh không thể trừng phạt họ vì một chuyện bất ngờ kỳ quặc như vậy được.”

Anh ta không đếm xỉa tới tôi. Một chiến hữu tới giúp anh ta leo lên nóc nhà. Đứng vững trên hai cây xà, anh ta bắt đầu dùng gót giày nện cho nóc nhà thủng lỗ chỗ. Tôi nghe thấy tiếng bình bịch khi lớp cỏ và đất sét bồi rơi lả tả.

“Đừng lại!”, tôi la lên. Máu trong người tôi chảy rần rật. “Họ đã làm gì hại anh?”, tôi chớp lấy mắt cá chân tên kia nhưng hẳn ta ở quá xa. Với tâm trạng này, tôi có thể xé toạc cổ họng hẳn.

Ai đó chồm tới trước người tôi. Tên bạn đã giúp anh ta leo lên. “Sao mà không biến đi”, hẳn ta lầm rầm. “Tại sao mà không biến đi ngay. Sao mà không cuốn xéo và chết quách đi.”

Dưới lớp rơm và bùn, tôi nghe thấy tiếng thanh xà bị gãy gọn. Người lính trên mái với tay ra và nhảy qua. Mới đây thôi hẳn ta còn ở đó, trở mắt kinh ngạc, thoáng chốc sau, chỉ còn bụi tung mù mịt trong

không khí.

Tấm thảm trải từ phía cửa đã bị đẩy sang một bên và hẳn ta đi loạng choạng, hai tay xoắn vào nhau, bụi vàng phủ đầy từ đầu tới chân. “Khốn kiếp”, hẳn chửi. “Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp!”. Đám bạn hẳn cười rú lên.

“Có cái chết tiệt gì mà cười!”, hẳn hét lên. “Mẹ nó, ngón tay cái của tao đau quá!” Hẳn ta kẹp tay vào giữa hai đầu gối. “Đau bỏ mẹ ra!” Hẳn xoay người đá vào tường lều và tôi lại nghe tiếng vữa rơi bên trong. “Bọn khốn nạn!”, hẳn nói. “Lẽ ra chúng ta nên đồn chúng vào chân tường và bắn bỏ từ lâu rồi - cả đám bạn của chúng nữa!”

Nhìn lướt qua tôi, nhìn xuyên qua tôi, dùng mọi cách để tỏ ra không thấy tôi, hẳn vênh mặt lên. Khi đi qua cái lều cuối cùng, hẳn xé toạc tấm thảm treo ở cửa. Những chuỗi cườm trang trí, những hạt tròn màu đỏ và đen, những hạt dưa gang phơi khô, xô tung ra và rơi vãi khắp nơi. Tôi đứng trên đường, chờ cơn giận run người lắng xuống. Tôi nghĩ đến người nông phu trẻ tuổi từng bị đưa đến trước mặt tôi ngày tôi còn có toàn quyền xét xử ở nơi đồn trú. Cậu ta đã bị buộc phải nhập ngũ ba năm bởi một Quan tòa nơi thị trấn xa xôi vì tội bắt trộm gà.

Sau một tháng ở đây, cậu ta đã cố đào ngũ. Cậu ta bị bắt và được dẫn tới gặp tôi. Cậu ta muốn gặp lại mẹ và các em gái của mình, cậu ta biện bạch. “Chúng ta không thể chỉ làm những gì mình muốn”, tôi giảng giải cho cậu ta. “Tất cả chúng ta đều buộc phải tuân theo luật pháp, thứ lớn lao hơn bất kỳ ai trong chúng ta. Vị Quan tòa đưa anh tới đây, bản thân tôi và cậu, tất cả chúng ta đều buộc phải tuân thủ luật pháp.” Cậu ta nhìn tôi bằng ánh nhìn ảm đạm, chờ nghe lời phán quyết, hai người áp giải thản nhiên đứng đằng sau, hai tay cậu ta bị trói ngoặt ra sau lưng. “Cậu cảm thấy như vậy thật bất công, tôi biết, cậu nghĩ rằng hẳn mình sẽ bị trừng phạt chỉ vì tình cảm của một đứa con hiếu thảo. Cậu cho rằng mình biết rõ đâu là công bằng, đâu là bất công. Tôi hiểu. Tất cả chúng ta đều cho rằng mình biết.” Khi đó bản thân tôi không hề nghi ngờ việc, trong từng thời điểm, mỗi người chúng ta, đàn ông, đàn bà, trẻ con, thậm chí đến con ngựa già khốn khổ kéo cối xay, đều biết đâu mới là công bằng. Tất thảy mọi tạo vật đến với thế giới này đều mang theo trong lòng ký ức về sự công bằng.

“Nhưng chúng ta sống trong một thế giới có luật lệ”, tôi nói với

người tù tội nghiệp của mình, “một thế giới của những người không hoàn hảo. Chúng ta chẳng thể thay đổi được điều đó. Chúng ta là những sinh vật dễ sa ngã. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là duy trì luật lệ, tất cả chúng ta, và không để cho những ký ức về sự công bằng nhạt phai đi”. Sau khi giảng giải cho cậu ta, tôi kết tội cậu. Cậu ta chấp nhận lời kết án mà không hề tỏ ý bất bình và những người áp tải dẫn cậu ta đi. Tôi nhớ lại nỗi ngỡ ngàng ngừng dạy dút mình đã cảm thấy ngày hôm ấy. Tôi rời phòng xử án, trở về căn hộ của mình và ngồi trên chiếc ghế bập bênh trong bóng tối suốt đêm, không cảm thấy muốn ăn gì, cho tới tận giờ ngủ. “Khi có ai đó phải hứng chịu sự bất công”, tôi tự nhủ, “thì định mệnh buộc những người chúng kiến sự tổn thương ấy phải gánh lấy mỗi nhục nhã từ sự bất công đó”. Nhưng sự an ủi giả dối trong suy nghĩ này không giúp tôi thấy dễ chịu hơn. Đã hơn một lần, tôi nghĩ về việc từ nhiệm, rút lui khỏi đời sống cộng đồng, mua cho mình một mảnh vườn nhỏ canh tác hoa lợi. Nhưng sau đó, tôi lại nghĩ rằng sẽ có người khác được bổ nhiệm để chịu đựng nỗi hổ thẹn này ở văn phòng, và sẽ chẳng có gì thay đổi hết. Vì vậy, tôi tiếp tục chức trách của mình cho tới một ngày xảy ra những sự việc khiến tôi không chịu nổi nữa.

Hai kỵ sĩ còn cách chưa đầy một dặm, họ đã bắt đầu vượt qua những cánh đồng trống không khi người ta trông thấy họ. Tôi là một người trong đám đông ủa ra đón mừng khi nghe thấy những tiếng hò hét từ mấy bức tường thành, vì tất cả chúng tôi đều nhận ra chòm mũ tiểu đoàn màu xanh và vàng mà họ đang đội. Giữa bầy trẻ con phấn khích đang lao đến, tôi bước vội qua khoảnh đất mới được cày.

Kỵ sĩ bên trái, đang đi vai kề vai với bạn của mình, quay đi và chạy nước kiệu tới lối dẫn ra bờ hồ.

Người còn lại tiếp tục thông thả hướng về phía chúng tôi, ngồi thẳng trên yên, đôi tay giang ra hai bên như thể định ôm lấy chúng tôi hay bay lên trời vậy.

Tôi bắt đầu chạy hết tốc lực, đôi dép kéo lê trên mặt đất, tim đập thình thịch.

Phía sau anh ta chừng một trăm yard vọng đến tiếng vó ngựa, ba người lính mặc giáp cưỡi ngựa đi qua, phi nhanh tới chỗ bụi lau nơi kỵ sĩ kia đã khuất dạng.

Tôi gia nhập đám đông đang vây quanh người đàn ông (tôi nhận ra anh ta, dù trông anh ta đã thay đổi nhiều), với chòm mũ bay phấp phới đầy kiêu hãnh trên đỉnh đầu, ánh mắt ngậy dại nhìn về phía thị trấn. Được buộc vào một cái khung gỗ chắc chắn, anh ta ngồi thẳng thóm trên yên ngựa. Sống lưng của anh được đỡ thẳng bằng một cái cọc, đôi tay bị buộc vào một thanh ngang. Ruồi nhặng bay vo ve quanh khuôn mặt anh ta. Quai hàm anh ta ngậm chặt, da thịt phù lên, một mùi khó ngửi bốc ra từ người anh ta, anh ta chết đã được vài ngày.

Một đứa trẻ kéo tay tôi. “Hắn ta có phải một tên mọi không, bác?”, chú bé thì thầm.

“Không”, tôi thì thầm. Cậu quay sang cậu bé bên cạnh. “Mày thấy chưa, tao nói rồi mà”, cậu ta nói thầm.

Vì có vẻ không ai sẵn lòng làm điều đó, thành thử tôi phải nhặt sợi dây đang kéo lê trên mặt đất và đưa con tin từ chỗ bọn mọi này trở về qua cánh cổng lớn và những chòi canh tĩnh lặng, tới sân trại để cắt dây đưa anh ta đi chôn cất.

Những người lính chạy theo người đồng hành cô độc của anh ta đã sớm quay lại. Họ phi ngựa thong thả qua quảng trường, tới tòa án nơi Mandel thống lĩnh thị trấn và biến mất sau cánh cổng. Khi trở ra, họ không trò chuyện với ai cả.

Tất cả những diềm báo của một thảm họa đều được xác định, và lần đầu tiên, cơn hoảng loạn thực sự bao trùm cả thị trấn. Những cửa tiệm đông nghẹt khách hàng tranh nhau mua thực phẩm dự trữ. Một vài gia đình cố thủ trong nhà mình, tập trung gia cầm và thậm chí cả mấy con heo ở trong nhà với họ. Trường học đóng cửa. Những tin đồn như có một đám mọi đang đóng quân cách đây vài dặm trên bờ hồ cháy đen, rằng sắp xảy ra một cuộc đột kích vào thị trấn, bắt đầu rộ lên từ góc đường này lan đến góc phố kia. Điều không ngờ tới đã xảy ra. Đoàn quân hăng hái ra tiền tuyến ba tháng trước sẽ không bao giờ quay lại.

Những cánh cổng lớn được đóng kín và chốt ngang lại. Tôi năn nỉ viên Trung sĩ gác trạm canh cho dân chài vào trong. “Họ đang sợ chết khiếp”, tôi nói. Anh ta ngoảnh đi không thèm trả lời. Ở thành lũy trên đầu chúng tôi, bốn mươi binh sĩ đóng vai trò như rào chắn giữa

chúng tôi và sự hủy diệt, đang nhìn chăm chăm về hướng hồ nước và sa mạc.

Lúc sẩm tối, trên đường đến chỗ kho thóc nơi tôi vẫn ngủ, tôi phát hiện đường đã bị chặn lại. Một toán xe hai bánh chở quân nhu do ngựa kéo đang băng qua con đường nhỏ, tôi nhận ra cỗ xe đầu tiên chứa những bao ngũ cốc từ cái kho, mấy xe khác trống rỗng. Đi theo chúng là toán ngựa được thắt yên và phủ chắn ở chuồng ngựa của trại lính. Tôi đoán rằng tất cả số ngựa này đã bị cướp về hoặc được trưng dụng trong những tuần vừa qua. Bị đánh thức bởi tiếng ồn ào, mọi người ló ra khỏi nhà mình và đứng lặng yên theo dõi một cuộc rút lui với chiến thuật đã được chuẩn bị kỹ lưỡng.

Tôi đòi được nói chuyện với Mandel, nhưng người canh gác ở tòa án cũng trơ lì y như các đồng đội của anh ta.

Thực ra Mandel không có ở tòa án. Tôi quay lại quảng trường đúng lúc nghe được phần kết của bài phát biểu anh ta đọc trước công chúng “Nhân danh quân đội Đế chế”. Cuộc rút lui, theo như anh ta nói, là một “giải pháp tình thế”, một “lực lượng lâm thời” sẽ được bố trí ở lại. Có khả năng sẽ có “một hiệp định đình chiến khắp các mặt trận trong suốt mùa đông”. Bản thân anh ta hy vọng sẽ trở lại vào mùa xuân, khi đó, quân đội sẽ “mở một cuộc tấn công mới”. Anh ta muốn cảm ơn tất cả vì “lòng mến khách khó quên” mà mình đã được trải nghiệm.

Trong khi anh ta đứng trên một chiếc xe hàng rỗng và phát biểu, mấy người lính cầm đuốc tháp tùng ở bên cạnh, thì lính của anh ta quay lại với số hoa quả vừa vặt được. Hai người đang cố sức chất lên xe cái bếp lò bằng gang tuyệt đẹp hồi được trong một căn nhà. Người khác thì quay lại với nụ cười đắc thắng cùng cặp gà trên tay, một con trống một con mái, con gà trống tuyệt đẹp với bộ lông hai màu đen và vàng. Anh ta túm chặt đôi cánh, chân chúng bị trói lại, cặp mắt mở to hoảng hốt. Một người giữ cửa mở để anh ta nhét chúng vào cái bếp lò. Cỗ xe chất đầy những bao tải và thùng chứa cướp từ một cửa hàng, thậm chí còn có một chiếc bàn nhỏ và hai cái ghế. Họ giữ một tấm thảm đỏ dày ra, trải lên đồng hàng hóa rồi buộc lại. Những người đứng nhìn không hề phản đối hành động phản bội có tổ chức này, nhưng tôi cảm thấy cơn giận dữ không kìm nổi đang dậy lên quanh mình.

Cỗ xe cuối cùng đã chất đầy hàng. Các cánh cổng mở toang, binh lính lục tục lên ngựa. Ở đầu hàng, tôi nghe ai đó tranh cãi với Mandel. “Chỉ chừng một tiếng nữa thôi”, cậu ta nói, “họ có thể thu dọn xong trong một giờ”.

“Không thắc mắc về chuyện đó nữa”, Mandel đáp, những lời còn lại của anh ta bị gió thổi bay mất.

Một người lính đẩy tôi ra khỏi lối đi và hộ tống ba người phụ nữ mang đầy hàng hóa tới cái xe cuối cùng. Họ trèo qua thành xe và tự ngồi xuống, kéo mạng lên che mặt. Một người trong số đó dẫn theo một cô bé và đặt nó ngồi trên đống hàng hóa. Tiếng roi quất vút lên, hàng xe bắt đầu di chuyển, bầy ngựa oằn người kéo xe, những bánh xe kêu cọt két. Ở cuối hàng xe, hai người lính cầm gậy xua theo một đàn mười hai con cừu. Khi đàn cừu đi qua, đám đông cần nhẩn và xầm xì. Một thanh niên vụt chạy ra, vẫy tay và quát to. Lũ cừu tản ra trong bóng đêm, và đám đông la hét ủa tới. Gần như cùng lúc, những tiếng súng đầu tiên vang lên. Chạy hết tốc lực giữa một tốp người đang vừa chạy vừa gào thét, tôi chỉ còn nhớ được một hình ảnh duy nhất của cuộc tấn công vô vọng này. Một người đàn ông vật nhau với người phụ nữ ở cỗ xe cuối cùng, giằng giật quần áo cô ta, đưa bé ngậm ngón tay cái trong miệng, mở to mắt nhìn. Sau đó quảng trường lại vắng lặng và tối đen, chuyển xe cuối đã lăn bánh qua cánh cổng, cả trại lính đã bỏ đi.

Suốt đêm đó, những cánh cổng liên tục mở ra và từng tốp nhỏ những gia đình, hầu hết đều đi bộ và mang vác trĩu vai, khẩn trương theo sau binh lính. Và trước khi mặt trời mọc, đám dân chài lén lút quay về mà không gặp phải sự cản trở nào, họ mang theo đám con cái xanh xao, chỗ tài sản nghèo nàn cùng những bó sào chống và rơm rạ để bắt đầu dựng lại nhà cửa.

Căn hộ cũ của tôi vẫn mở. Không khí trong nhà dậy mùi ẩm mốc. Mọi thứ không được lau chùi, phủ bụi trong một thời gian dài. Những giá bày đồ trang trí - mấy cục đá, những quả trứng và các hiện vật từ khu phế tích trong sa mạc - đã biến mất. Đồ nội thất ở sảnh trước bị đẩy sát vào tường và tấm thảm đã bị gỡ ra. Phòng khách nhỏ có vẻ không bị đụng đến, nhưng mọi tấm màn rủ đều bốc mùi chua đến ngộp thở.

Trong phòng ngủ, khăn trải giường đã bị đẩy dồn qua một bên,

đúng kiểu tôi vẫn hay làm, như thể chính tôi đã ngủ ở đây. Mùi hôi từ những tấm ga chưa giặt thật lạ lẫm.

Cái bô dưới gầm giường đã đầy một nửa. Trong tủ còn sót lại chiếc áo sơ mi nhàu nhĩ với một quần màu nâu ở trong cổ áo và những vệt ố vàng dưới nách. Tất cả quần áo khác của tôi đều mất sạch.

Tôi lột tấm trải giường ra và nằm xuống tấm nệm trần, chờ đợi cảm giác kiểu như khó ở xâm chiếm lấy mình, bóng ma của một người đàn ông khác vẫn còn luẩn quất giữa mùi vị và sự bừa bộn của ông ta. Nhưng cảm giác đó không xuất hiện, căn phòng vẫn quen thuộc như trước. Gác tay lên mặt, tôi thấy mình chìm dần vào giấc ngủ. Có thể đúng là thế giới như ta vẫn biết không phải là ảo giác, cũng chẳng phải một cơn ác mộng trong đêm. Có thể chắc chắn rằng chúng ta sẽ lại thức dậy trong cái thế giới ấy, rằng chúng ta không thể lãng quên cũng như bỏ mặc nó được. Nhưng bây giờ tôi lại thấy thật khó để tin rằng nó đang đến hồi kết. Nếu lúc này bọn mọi đột nhiên xông vào, tôi biết, tôi thà chết trên chiếc giường của mình một cách đại đột và ngây ngô như một đứa trẻ. Và thậm chí còn thích đáng hơn nếu tôi bị tóm khi đang ở trong phòng ăn dưới lầu, với chiếc thìa trong tay và miệng đầy mút quả vả ăn vụng từ cái lọ cuối cùng trên kệ. Thế rồi tôi sẽ bị chặt đầu và ném vào đồng đầu lâu trên quảng trường ngoài, vẫn mang vẻ đau đớn và kinh ngạc đầy tội lỗi trước thời khắc lịch sử can thiệp vào vùng thời gian lắng đọng yên bình của ốc đảo này. Đó là kết thúc thích hợp nhất với cả hai.

Vài người sẽ bị tóm khi đang ở chỗ trú ẩn dưới tầng hầm, tự bịt kín mắt mình và giấu đồ tư trang trong ngực áo. Có người sẽ chết trên đường, vùi mình trong trận tuyết đầu tiên của mùa đông. Vài người thậm chí có thể chết trong lúc đang chiến đấu bằng chĩa cò. Sau đó, bọn mọi sẽ lấy thư tịch của thị trấn ra mà chùi dít. Đến tận phút cuối cùng, chúng ta vẫn chẳng học hỏi được gì hết. Tận đáy lòng, mỗi chúng ta dường như đều cứng rắn và khó dạy. Không ai thực sự tin, bất chấp những cơn hỗn loạn trên đường phố, rằng một thế giới trầm ổn tĩnh tại nơi chúng ta sinh ra sắp bị xóa sổ. Không ai chấp nhận nỗi sợ thật rằng quân đội của Đế chế đã bị diệt gọn bởi những kẻ trang bị cung tên và những khẩu súng cổ lỗ gỉ sét, những kẻ sống trong lều lán, không bao giờ tắm rửa và chẳng biết đọc, biết viết. Và tôi là ai mà dám chế giễu những ảo tưởng lạc quan cơ chứ? Liệu có cách nào tốt hơn để vượt qua những ngày cuối cùng này, ngoài việc cứ mơ mộng

rằng sẽ có một vị cứu tinh vung gươm đánh tan quân thù và tha thứ cho những sai lầm người khác đã phạm phải nhân danh chúng ta và cho chúng ta thêm một cơ hội thứ hai để xây dựng thiên đường trần thế của mình?

Tôi nằm trên tấm nệm trần và dồn tâm trí vào việc hình dung mình trở thành một người đang bơi với những hải tặc đều đặn không một mỗi trong dòng thời gian, một dòng chảy còn tĩnh lặng hơn cả nước, không dậy sóng, không một gợn nước, vô sắc, vô vị, và khô như giấy.

Chú thích:

[4] Yard: hay còn gọi là thước Anh là đơn vị đo chiều dài, 1 yard = 0,914 mét.

6

THÌNH THOẢNG VÀO BUỔI SÁNG, xuất hiện những dấu vó ngựa còn mới in trên cánh đồng.

Giữa những bụi cây nằm rải rác đánh dấu phần giới hạn xa tấp của khoảng đất đã được cày bừa, lính gác nhìn thấy một cái bóng mà anh ta thề rằng mới hôm trước không hề ở đó, và hôm sau đã biến mất. Đám dân chài không mạo hiểm đi đánh bắt trước khi mặt trời mọc. Sản lượng cá họ bắt được giảm mạnh tới mức họ gần như không thể trụ nổi.

Trong hai ngày nỗ lực hợp tác cùng nhau với vũ khí kề bên, chúng tôi đã thu hoạch những cánh đồng phía xa, tất cả những gì còn lại sau trận lũ. Số hoa lợi đó không đủ bốn cốc mỗi ngày cho một gia đình, nhưng có còn hơn không.

Mặc dù con ngựa mù vẫn tiếp tục quay bánh xe để đổ đầy bể chứa gần bờ hồ, nơi cung cấp nước tưới cho những khu vườn trong thị trấn, chúng tôi biết rằng đường dẫn nước có thể bị cắt đứt bất cứ lúc nào nên bắt đầu đào thêm các giếng mới bên trong bức tường thành.

Tôi đã đôn đốc những người đồng hương canh tác các mảnh vườn trồng lương thực của họ, trồng những loại rau lấy củ chịu được giá rét mùa đông. “Ưu tiên số một là chúng ta phải tìm cách để tồn tại trong mùa đông”, tôi nói với họ. “Đến mùa xuân, người ta sẽ gửi hàng tiếp tế, chắc chắn vậy. Sau đợt tuyết tan đầu tiên, chúng ta sẽ trồng giống kê có thể thu hoạch sau sáu mươi ngày.”

Trường học đã đóng cửa, nên lũ trẻ được huy động đi đặt lưới trên những nhánh hồ nhiễm mặn phía nam để bắt những tôm nhỏ màu đỏ sống nhiều trong vùng nước nông gần bờ. Chúng tôi hun khói chúng và đóng gói thành những bánh nặng gần nửa ký lô. Chúng có mùi dầu khó chịu, thông thường chỉ đám dân chài mới ăn nổi, nhưng tôi đồ rằng chưa đợi hết mùa đông, chúng tôi đã có thể vui mừng thưởng thức món chuột và côn trùng.

Dọc phòng tuyến phía bắc, chúng tôi đã đóng một hàng cột gấn mũ sắt ở trên, cùng những ngọn giáo dựng đứng bên cạnh. Cứ nửa giờ, một đứa trẻ lại di chuyển theo hàng cọc và rung nhẹ từng cái mũ.

Chúng tôi hy vọng làm thế có thể lừa được lũ mọi đang dòm ngó.

Khu trại mà Mandel bỏ lại cho chúng tôi chỉ còn lại ba người. Họ thay phiên nhau đứng gác ở phòng xử án đã khóa chặt, cả thị trấn không ngó ngàng gì tới họ, họ tự lo lấy thân.

Tôi chỉ huy hết các hoạt động nhằm đảm bảo cuộc sống nơi đây. Không ai phản đối tôi. Tôi đã tĩa gọn hàm râu quai nón và mặc trang phục sạch sẽ, tôi tiếp quản một cách hiệu quả công tác điều hành hợp pháp đã từng bị đình lại cách đây một năm bởi sự có mặt của đội Dân phòng.

Chúng tôi phải chặt và trữ củi đốt, nhưng chẳng tìm được ai dám mạo hiểm vào khu rừng bị đốt dọc bờ sông, nơi dân chài thề rằng họ vừa thấy những dấu vết rất mới cho thấy bọn mọi đã hạ trại ở đó.

Tôi bị đánh thức bởi tiếng đập cửa. Đó là một người đàn ông gầy còm với vẻ phong trần, đang thở không ra hơi, anh ta mặc một cái áo khoác lính quá khổ và xách theo chiếc đèn lồng. Anh ta bối rối nhìn tôi trân trối.

“Anh là ai?”, tôi hỏi.

“Ông Chuẩn úy đâu rồi?”, anh ta trả lời, thở hỏn hển, cố nhìn qua vai tôi.

Lúc đó là hai giờ sáng. Cổng đã được mở cho xe của Đại tá Joll vào, cỗ xe đang đứng yên, càn xe hạ trên nền đất giữa quảng trường. Vài người lính nép vào thùng xe để tránh cơn gió buốt. Từ trên tường thành, lính gác trong tháp canh lộ ra nhìn xuống.

“Chúng tôi cần thức ăn, ngựa mới, và cỏ khô”, vị khách của tôi nói. Anh ta vội vã bước về phía tôi, mở cửa thùng xe và nói. “Chuẩn úy không có ở đây, thưa ngài, anh ta đã bỏ đi.” Qua cửa sổ, dưới ánh trăng, tôi bắt gặp ánh nhìn thoáng qua của lão Joll. Ông ta cũng thấy tôi. Cửa đóng sầm lại, tôi nghe tiếng kéo chốt bên trong. Nhìn xuyên qua tấm kính, tôi thấy ông ta ngồi trong góc xa tối mờ, cứng nhắc ngoảnh mặt đi. Tôi gõ lên mặt kính, nhưng ông ta không chú ý. Thế rồi thuộc cấp của ông ta đẩy tôi đi.

Từ trong bóng tối, một hòn đá bị ném ra, đáp xuống nóc thùng xe.

Một viên tùy tùng khác của Joll tiến tới gần. “Không còn gì hết”, anh ta thở hắt lên.

“Mấy cái chuồng ngựa đều trống trơn, bọn họ lấy đi chẳng chừa con nào.” Người đàn ông đang tháo cương và đồ đạc trên những con ngựa lấm tấm mồ hôi bắt đầu chửi bậy. Một cục đá nữa sượt qua cổ xe và suýt trúng tôi. Đất đá bay ra từ chỗ mấy bức tường thành.

“Nghe này”, tôi lên tiếng. “Các anh đã lạnh và mệt rồi. Hãy buộc lũ ngựa lại và vào trong kiếm chút gì đó để ăn, rồi kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đã xảy ra. Chúng tôi không nghe được tin tức gì từ khi các anh đi. Nếu như tên điên đó muốn ngồi trong thùng xe của hẳn cả đêm, cứ mặc xác hẳn.”

Họ gần như không nghe tôi. Những con người đói lả và kiệt sức đã gắng sức đảm nhiệm nhiều hơn cả phần trách nhiệm của mình để giải cứu viên cảnh sát này ra khỏi hang ổ của bọn mọi, họ thì thầm với nhau, đã kịp đóng lại cương cho hai con ngựa mệt mỏi của họ.

Tôi nhìn đăm đăm qua cửa sổ vào vết mờ mờ trên nền bóng đen của Đại tá Joll. Áo choàng bay phấp phật, tôi rùng mình vì lạnh, và cả vì áp lực của cơn giận bị dồn nén. Một niềm thôi thúc đập vỡ tấm kính chảy rần rạt trong người tôi, xui khiến tôi chồm tới và lôi kẻ đó ra ngoài qua cái lỗ thủng, để cảm thấy da thịt ông ta bị kẹt lại và toác ra trên cạnh kính sắc, rồi quăng hẳn xuống đất và đập hẳn ta nát vụn.

Như thể bị chấn động bởi luồng tư tưởng giết chóc này, ông ta miễn cưỡng quay mặt về phía tôi. Sau đó, ông ta nhích dọc chỗ ngồi cho tới khi nhìn thấy tôi qua lớp kính. Khuôn mặt ông ta trở ra, sạch sẽ như thể được gột rửa dưới ánh trăng xanh biếc, có thể do cơ thể đã bị kiệt sức. Tôi nhìn chăm chăm vào thân hình cao lớn nhợt nhạt của ông ta. Những ký ức về bầu ngực mềm mại của mẹ ông ta, về chiếc dây điều khiển giật trong tay khi ông ta lần đầu thả điều, cũng như sự tàn ác từ trong máu khiến tôi ghê tởm, đều cùng nướng nấu trong cái tổ ong đó.

Ông ta nhìn về phía tôi, đôi mắt dôi tìm khuôn mặt tôi. Cặp kính râu đã biến mất. Hẳn ông ta đang phải tìm kiếm mong muốn chồm ra ngoài, chụp lấy tôi, và chọc mù mắt tôi bằng những mảnh kính vụn?

Tôi đã ngẫm nghĩ rất lâu về một bài học mà tôi muốn dạy ông ta.

Tôi nói rành rọt từng lời và nhìn ông ta đọc chúng qua chuyển động của môi tôi, “Tội lỗi ẩn trong chúng ta sẽ hành hạ chính bản thân chúng ta”. Tôi gật gù, và truyền tải nốt thông điệp. “Chứ không phải ai khác”, tôi nói. Tôi lặp lại từng từ, chỉ vào ngực mình, và ngực ông ta. Ông ta dõi theo môi tôi, đôi môi mỏng của ông ta chuyển động mô phỏng theo tôi, hoặc biết đâu ông ta chỉ đang chế giễu tôi, tôi không rõ. Một viên đá khác, nặng hơn, có thể là một cục gạch, rơi trúng thùng xe kêu lên chát chúa. Ông ta giật mình, lũ ngựa thì lồng lên.

Một người chạy ra. “Đi thôi!”, anh ta la lớn rồi chồm người qua tôi, đập cửa thùng xe. Hai tay anh ta ôm đầy bánh mì. “Chúng ta phải đi!”, anh ta hét. Đại tá Joll mở chốt cửa và anh ta ném đồng bánh vào. Cửa thùng xe đóng sầm lại. “Nhanh nào!”, anh ta gào lên. Cỗ xe nâng lên chuẩn bị chuyển động, những khớp nối của nó kêu kèn kẹt.

Tôi tóm lấy cánh tay anh ta. “Chờ đã”, tôi la lên. “Tôi sẽ không cho anh đi chừng nào chưa biết chuyện gì đã xảy ra!”

“Ông không thấy sao?”, anh ta hét lên, đập vào bàn tay tôi đang tóm lấy anh ta. Hai tay của tôi vẫn còn yếu lắm, để giữ được người tôi phải ôm chặt lấy anh ta. “Kể tôi nghe rồi anh có thể đi!”, tôi thở hổn hển.

Chiếc xe đang ở gần cổng. Hai người lính cưỡi ngựa vừa mới vượt qua, người kia chạy đằng sau. Từ trong bóng tối, những hòn đá tới tấp bay ra đập vào thùng xe, tiếng la hét và nguyên rửa trút xuống.

“Ông muốn biết gì chứ?”, anh ta nói, vùng vẫy một cách vô vọng.

“Những người khác đâu rồi?”

“Bỏ đi cả rồi. Tan tác. Khắp mọi nơi. Tôi không biết họ ở đâu. Chúng tôi phải tự tìm đường cho mình. Không có cách nào để đi cùng nhau cả.” Khi đồng đội của mình biến mất trong màn đêm, anh ta giằng mạnh hơn. “Để tôi đi!”, anh ta thốt thức. Anh ta yếu ớt như một đứa trẻ con.

“Một phút nữa thôi. Sao mà lũ mọi có thể khiến các anh như vậy?”

“Chúng tôi bị chết công trên núi. Chúng tôi chết đói trong sa mạc.

Sao chẳng ai cho chúng tôi hay sự thể sẽ thành ra như vậy? Chúng tôi không bị tấn công - chúng dụ bọn tôi vào sa mạc rồi biến mất!” “Ai dụ các anh?”

“Chúng - bọn mọi! Chúng liên tục như chúng tôi, chúng tôi không thể nào tóm được chúng. Chúng tiêu diệt những ai bị tụt lại, cắt dây cương ngựa của chúng tôi trong đêm, chúng không đối đầu trực diện với chúng tôi!”

“Vì thế các anh bỏ cuộc và về nhà?” “Phải!”

“Anh muốn tôi tin chuyện đó sao?”

Anh ta tuyệt vọng trừng mắt nhìn lại tôi. “Tại sao tôi phải nói dối?”, anh ta hét lên. “Tôi không muốn bị bỏ lại đằng sau, chỉ vậy thôi!”, anh ta đã tự vùng thoát ra.

Hai tay che đầu, anh ta phóng nhanh qua cổng và chạy vào màn đêm.

Đào đến cái giếng thứ ba thì công việc bị đình lại. Một vài nhân công đào giếng đã về nhà, những người khác đang đứng quanh đó chờ mệnh lệnh. “Có chuyện gì vậy?”, tôi hỏi.

Họ chỉ vào những khúc xương trên đồng đất mới đào. Xương cốt của một đứa trẻ.

“Hắn có một ngôi mộ ở đây”, tôi nói. “Chôn ở đây thì cũng lạ thật.” Chúng tôi đang đứng trên một vùng đất trống sau trại lính, giữa khu doanh trại và bức tường phía nam. Những khúc xương cũng khá lâu rồi, chúng đã bị nhiễm màu của đất sét đỏ. “Ông muốn chúng tôi làm gì? Chúng tôi có thể bắt đầu đào lại chỗ gần tường hơn nếu ông muốn.”

Họ giúp tôi trèo xuống cái hố. Đứng trong cái hố sâu tới ngực, tôi cào sạch lớp đất quanh cái xương hàm dính chặt bên trong tường. “Đây là cái sọ”, tôi nói. Nhưng không, cái sọ đã được đào lên, họ đưa nó cho tôi xem.

“Nhìn dưới chân anh ấy”, viên đốc công nói.

Ở dưới quá tối không thể nhìn thấy gì, nhưng khi tôi đào nhẹ bằng cái cuốc chim, tôi đào trúng một vật rắn, ngón tay cho tôi biết đó là xương.

“Họ đã không được chôn cất tử tế”, anh ta nói. Anh ta ngồi xổm ở rìa hố.

“Họ nằm lộn xộn, chồng chất lên nhau.”

“Ừ”, tôi nói. “Chúng ta không thể đào ở đây, phải không?”

“Đúng vậy”, anh ta trả lời.

“Chúng ta phải lấp đất và bắt đầu đào lại ở chỗ gần bức tường hơn.”

Anh ta im lặng. Rồi đưa một tay ra và giúp tôi leo ra ngoài. Những người đứng gần đó cũng không nói gì. Tôi phải ném những mẩu xương trở lại hố và lấp miếng đất đầu tiên trước khi họ bắt đầu nhấc xẻng lên.

Trong mơ, tôi lại đứng trong cái hố. Đất ẩm ướt, nước đen rỉ ra, chân tôi lún vào bùn nhão, tôi phải gắng sức chậm chạp nhấc chân lên.

Tôi đưa tay xuống bùn, tìm kiếm những khúc xương. Tay tôi chạm phải góc một cái bao sợi đay, đen xì, mục nát, nó vỡ vụn ra trong bàn tay tôi. Tôi nhúng tay xuống vũng bùn. Một cái nĩa cong queo và mờ xỉn. Một con chim chết - một con vẹt. Tôi nắm lấy đuôi nó, những sợi lông dính đầy bùn của nó rủ xuống, đôi cánh sưng nước cụp vào, hốc mắt của nó trống không. Khi tôi thả nó ra, nó rơi xuống mặt nước, không một vệt nước nào bắn lên. “Nước bị nhiễm độc”, tôi nghĩ. “Mình phải cẩn thận không uống nước ở đây. Mình không được để tay phải chạm vào mồm.”

Tôi đã không ngủ với đàn bà từ khi ở sa mạc trở về. Lúc này, vào thời điểm bất tiện nhất, bản năng đàn ông của tôi lại bắt đầu lên tiếng.

Tôi ngủ không ngon và sáng sáng thức dậy với một khối buồn bã cương cứng dựng lên như một nhánh cây ở giữa háng. Chuyện này

chẳng liên quan gì đến ham muốn cả. Nằm trên cái giường nhàu nhĩ, tôi tuyệt vọng chờ cho đến khi nó xìu xuống. Tôi cố viện đến hình ảnh của cô gái đã ngủ lại đây với tôi nhiều đêm. Tôi thấy em chân trần đứng đó trong chiếc áo ngủ, một chân nhúng trong chậu rửa, chờ tôi đến rửa chân cho em, tay em đè mạnh lên vai tôi. Tôi xát xà phòng lên bắp chân chắc nịch của em. Em kéo áo qua đầu. Tôi xoa lên đùi em, sau đó tôi đặt xà phòng sang một bên, ôm lấy eo em, áp mặt vào bụng em. Tôi có thể ngửi thấy mùi xà phòng, cảm thấy làn nước ấm, và đôi tay em miết vào tôi.

Từ sâu thẳm trong ký ức đó, tôi vươn tay ra sờ soạng chính mình. Không hề có một phản ứng tức thời nào. Cứ như chạm vào cổ tay mình vậy thôi. Nó là một phần cơ thể tôi, nhưng cứng ngắt, nặng nề, một cái tay chẳng hề có sự sống riêng. Tôi cố cứu vãn nó. Vô ích, vì chẳng có cảm giác gì hết. “Mình mệt quá”, tôi tự nhủ.

Cả tiếng đồng hồ, tôi ngồi trong ghế bành chờ khối tụ máu này hạ xuống. Đợi đủ lâu thì nó sẽ tự xìu đi. Sau đó tôi mặc đồ vào và đi ra ngoài.

Vào buổi tối nó lại đến. Một mũi tên đang vọt ra khỏi người tôi, nhưng chẳng nhằm vào đâu hết. Tôi lại cố gắng chiều nó bằng tưởng tượng, nhưng không thấy chút sinh khí nào.

“Thử dùng mớ bánh mì và củ đắng xem”, người bán thuốc nói. “Nó có thể hữu dụng. Nếu không, hãy trở lại chỗ tôi. Đây là vài củ đắng. Anh mài nó ra và trộn với mớ, cùng chút nước ấm thành một thứ bột nhão. Dùng hai muỗng đầy sau mỗi bữa ăn. Nó khó nuốt lắm, rất đắng, nhưng hãy an tâm là nó không hại gì cả.

Tôi lấy bạc trả cho ông. Giờ trừ lũ trẻ con ra, không ai chịu nhận tiền đồng nữa.

“Nhưng nói ta nghe xem”, ông hỏi, “tại sao một người đàn ông khỏe khoắn lành mạnh như anh lại muốn diệt dục vậy?”

“Nó không liên quan gì tới ham muốn cả, bố ạ. Nó đơn giản chỉ là sự khó chịu. Một đợt cương cứng. Hệt như bệnh thấp khớp thôi.

Ông mỉm cười. Tôi cười đáp lại.

“Hắn đây là cửa tiệm duy nhất trong thị trấn không bị bọn chúng cướp bóc”, tôi nói. Nó không phải là một cửa hàng, chỉ là một hốc tường được che bằng vải bạt ở mặt trước, với những cái kệ chất đầy chai lọ bụi bặm và đám rế cây và rất nhiều lá khô treo ở mấy cái móc trên tường, những đượ thảo mà ông ta đã cung cấp cho thị trấn trong suốt năm mươi năm.

“Ừ, bọn chúng không làm phiền ta. Chúng gợi ý rằng ta nên thu dọn và rời đi. “Lũ mọi sẽ chiêm hai hòn trứng của ông và xoi tái chúng”, chúng nói thế đấy, đó là từ chúng dùng. Ta bảo, “Ta đã sinh ra ở đây, ta sẽ chết ở đây, ta sẽ không đi đâu hết”. Giờ thì chúng đã đi hết, và không có chúng ở đây thì hay hơn, ta nói thế.”

“Đúng rồi.”

“Thử dùng củ đắng xem. Nếu nó không có tác dụng, quay lại đây.”

Tôi uống hỗn hợp đắng nghét đó và ăn nhiều rau diếp hết mức có thể, bởi vì người ta nói rằng rau diếp sẽ lấy đi sinh lực trong chuyện đó. Nhưng tôi làm những chuyện này không mấy nhiệt tình, và thừa biết rằng mình đang hiểu nhầm những dấu hiệu.

Tôi cũng ghé thăm Mai. Quán trọ đã đóng cửa, có quá ít khách hàng, giờ cô phụ giúp mẹ làm việc trong trại lính. Tôi tìm thấy cô trong bếp, đang cho con ngủ trong chiếc cũi ở gần bếp lò. “Em thích cái bếp lò cũ lớn mà ông có ở đây”, cô nói. “Nó giữ ấm được trong nhiều giờ. Hơi ấm rất dễ chịu.” Cô pha trà, chúng tôi ngồi ở cái bàn nhìn than đang sáng bừng lên qua chấn song sắt. “Giá mà em có món gì ngon ngon để mời ông”, cô nói, “nhưng đám lính đã vét sạch nhà kho, gần như chẳng còn sót lại chút gì.”

“Tôi muốn em lên lầu cùng tôi”, tôi nói. “Em để con ở đây được không?”

Chúng tôi là bạn cũ. Nhiều năm trước, trước khi cô lập gia đình lần thứ hai, cô thường ghé qua căn hộ thăm tôi vào buổi chiều.

“Em không nên rời nó thì hơn”, cô nói, “nhỡ nó tỉnh dậy một mình”. Vì thế tôi đợi cô ấy quán đưa bé lại, rồi theo cô lên cầu thang. Cô vẫn còn trẻ, với thân hình nặng nề và cặp đùi dẹt ra chẳng theo hình thù gì cả. Tôi cố gắng hồi tưởng lại cảm giác lúc xưa khi tôi ngủ

với cô, nhưng không thể. Thời đó, tất cả phụ nữ đều chiều lòng tôi.

Cô đặt đứa trẻ lên tấm đệm ở trong góc, thì thầm với nó cho đến khi nó ngủ lại.

“Chỉ một hay hai đêm thôi”, tôi nói. “Mọi thứ đến hồi kết rồi. Chúng ta phải sống hết mình.” Cô tụt quần ngắn xuống, dẫm lên nó như một con ngựa, và đến gần tôi trong bộ đồ lót. Tôi thối tắt đèn. Những lời vừa nói khiến tôi nản lòng.

Cô thở dài khi tôi đi vào trong cô. Tôi cọ má mình vào má cô. Tay tôi lần lên ngực cô, tay cô phủ lên tay tôi, vuốt ve nó, rồi đẩy nó qua một bên. “Em hơi đau”, cô thì thầm. “Tại đứa bé.”

Tôi vẫn đang tìm kiếm điều gì để nói thì cảm thấy cơn cực khoái đang đến, xa xôi, yếu ớt, như một trận động đất nhỏ ở một phần khác của thế giới.

“Đứa con thứ tư của em, phải không?” Chúng tôi đắp chăn nằm cạnh nhau.

“Phải, đứa thứ tư. Một đứa đã chết.” “Cha nó thì sao? Anh ta có đỡ đàn cho em không?” “Anh ta để lại một ít tiền. Anh ta đã đi với quân đội.”

“Tôi chắc rằng anh ta sẽ quay lại.”

Tôi cảm nhận được tấm thân cô nhẹ nhàng áp sát bên hông mình. “Tôi ngày càng thấy quý đứa con trai lớn nhất của em”, tôi nói. “Cậu bé hay mang phần ăn đến cho tôi khi tôi bị giam.” Chúng tôi nằm im lặng một lúc. Sau đó tâm trí tôi bắt đầu chao đảo.

Tôi tỉnh giấc đúng lúc âm thanh ghen ghét cuối cùng phát ra từ trong cổ họng mình, tiếng ngáy của một ông già.

Cô ngồi dậy. “Em phải đi đây”, cô nói. “Em không thể ngủ trong căn phòng trống không như vậy được, em cứ nghe tiếng cọt két cả đêm.” Tôi nhìn hình dáng mờ mờ của cô chuyển động khi mặc đồ và ẵm đứa bé lên. “Em tắt đèn nhé?”, cô hỏi. “Em sợ ngã xuống cầu thang. Ngủ đi. Đến sáng em sẽ mang thức ăn cho ông, nếu ông không chê món cháo hạt kê.”

“Em thích cô ấy lắm”, cô nói. “Tất cả bọn em đều thích cô ấy. Cô ấy không bao giờ cần nhân, ai bảo gì làm nấy, dù em biết bàn chân khiến cô ấy đau đớn. Cô ấy thân thiện lắm. Cứ gặp cô ấy là có chuyện để cười.”

Tôi lại đàn ra như một khúc gỗ. Cô gắng sức vì tôi. Đôi bàn tay lớn của cô vỗ lên lưng tôi, túm lấy hông tôi. Con cực khoái xuất hiện. Như một ánh chớp giáng xuống ngoài khơi xa và biến mất ngay lập tức.

Đứa bé bắt đầu khóc thút thít. Cô rời khỏi tôi và nhòm dậy.

To lớn và trần truồng, cô áp đứa bé trên vai đi tới đi lui qua vệt ánh trăng vỗ về nó, và hát ru khe khẽ. “Nó sẽ ngủ ngay thôi”, cô thì thầm. Tôi đang lơ mơ ngủ thì cảm thấy thân hình mát rượi của cô nằm xuống bên cạnh tôi, môi cô áp vào cánh tay tôi.

“Em không muốn nghĩ tới bọn mọi rợ”, cô nói. “Cuộc sống quá ngắn để cứ phải lo lắng về tương lai.”

Tôi không biết nói gì.

“Em không làm ông mãi nguyện”, cô nói. “Em biết ông không cùng tận hưởng điều đó với em. Ông lúc nào cũng ở đâu đâu.”

Tôi chờ câu nói tiếp theo của cô.

“Cô ấy cũng nói với em y như vậy đó. Cô ấy nói rằng ông cứ ở tận đâu đâu. Cô ấy không thể hiểu nổi ông. Cô ấy không biết ông muốn gì ở cô ấy.”

“Tôi không biết rằng em và cô ấy thân nhau như vậy.”

“Em thường ở đây, dưới lầu. Bọn em nói cho nhau nghe những suy nghĩ của mình. thỉnh thoảng cô ấy cứ khóc, khóc và khóc hoài. Ông làm cô ấy buồn ghê lắm. Ông có biết điều đó không?”

Cô vừa mở ra một cánh cửa khiến cơn lốc những đau khổ cùng cực ập lên tôi.

“Em không hiểu đâu”, tôi khàn giọng đáp. Cô ấy nhún vai. Tôi tiếp

tục, “Còn một phần lớn khác của câu chuyện mà em không biết, có thể cô ấy không nói với em vì bản thân cô ấy cũng không hiểu được điều đó. Giờ tôi không muốn nhắc đến chuyện đó.”

“Đó không phải là chuyện của em.”

Chúng tôi im lặng, theo đuổi những suy nghĩ của riêng mình về cô gái đêm nay đang ngủ ở một nơi xa xôi dưới bầu trời sao.

“Có lẽ khi bọn mọi thú ngựa đến đây”, tôi nói, “cô ấy cũng sẽ đến cùng bọn chúng”. Tôi hình dung cảnh em dẫn đầu toán kỵ sĩ cho ngựa phi nước kiệu qua cánh cổng mở toang, ngòi thẳng trên yên ngựa, đôi mắt em rực sáng, một người tiên phong, một kẻ hướng đạo, chỉ cho những đồng đội của mình từng góc ngách của thị trấn nơi em từng sống. “Rồi sẽ có một trật tự mới cho mọi thứ.”

Chúng tôi nằm trong bóng tối nghĩ miên man. “Em thấy sợ”, cô nói. “Em thấy sợ khi nghĩ đến những chuyện sắp đến với chúng ta. Em cố trông chờ những điều tốt đẹp và ráng sống qua ngày. Nhưng đôi lúc, đột nhiên em lại thấy mình tưởng tượng đến những điều có thể xảy ra và cứng người vì sợ hãi. Em không biết phải làm gì nữa. Em chỉ có thể nghĩ đến bây trẻ. Chuyện gì sẽ đến với lũ trẻ con đây?” Cô ngồi dậy trên giường. “Chuyện gì sẽ rơi xuống đầu bọn trẻ chứ?”, cô gắng hỏi.

“Chúng sẽ không làm hại trẻ con đâu”, tôi nói với cô. “Chúng sẽ chẳng làm hại ai hết.” Tôi vuốt tóc cô, vỗ về cô, và ôm chặt cô cho đến khi cô lại phải cho con bú.

Cô ngủ ngon hơn khi nằm trong gian bếp dưới lầu, cô bảo thế. Cô cảm thấy an tâm hơn khi có thể thức dậy và thấy than cháy rực trong lò. Cô cũng muốn ngủ chung giường với con mình. Và cũng tốt hơn nếu mẹ cô không phát hiện ra cô qua đêm ở đâu.

Tôi cũng thấy đó là một sai lầm và không đến thăm cô nữa. Ngủ một mình, tôi nhớ mùi hành tây và cỏ xạ hương vương trên những đầu ngón tay cô. Trong vòng một hai đêm gì đó, tôi cảm thấy một nỗi buồn lặng lẽ, bất định, trước khi tôi bắt đầu lãng quên.

Tôi đứng bên ngoài dõi theo cơn bão đang đến. Sắc trời bạc dần đi và tới lúc này, nó có màu xám trắng với những vệt hồng gợn lên ở

phía bắc. Những mái nhà lợp ngói nung đỏ son sáng nhấp nhô, không gian bừng lên, thị trấn ngời sáng một vẻ đẹp huyền bí, rạng rỡ trong thời khắc cuối cùng này.

Tôi trèo lên tường. Giữa đám bù nhìn ôm vỹ khí đang đứng đó, mọi người nhìn chăm chăm về phía đường chân trời, nơi một đám mây bụi cát rất lớn đang cuộn lên. Không ai nói gì cả.

Mặt trời chuyển sau màu đồng. Tất cả thuyền bè đã rời khỏi hồ, chim chóc đều bật tiếng. Có một khoảng lặng phắc. Sau đó gió tấp vào.

Ở nơi trú ẩn trong nhà mình, với cửa sổ đã gài chốt và những thanh chắn đặt sát cửa, đám bụi xám nhạt xuyên qua mái ngói và trần nhà, đập lên từng bề mặt không được che chắn, phủ lên chỗ nước uống, bám vào kẽ răng của chúng tôi, chúng tôi ngồi nghĩ về đồng loại - đồng bạn của mình ở ngoài kia, những người giờ đây chẳng biết dựa vào đâu ngoài việc dựa lưng ra hứng gió và chịu đựng.

Vào buổi tối, tôi có thể chu cấp gỗ cho lò sưởi trong một hai tiếng đồng hồ trước khi phần của mình hết veo và tôi phải co ro trên giường, cố quên đi cơn lạnh bằng việc quay lại với thú vui cũ của mình, ráng sức sửa chữa mấy cái hộp đá đã đập nát vụn trong vườn của tòa án mà tôi tìm được, hay thư giãn với việc giải mã các chữ viết cổ xưa khắc trên những miếng gỗ bạch dương.

Có vẻ đây là một việc làm đúng đắn, như một nghĩa cử với những người từng sống ở nơi giờ chỉ còn là một đồng tàn tích trong sa mạc, hẳn chúng tôi cũng nên để lại cho hậu thế vài chứng tích về cuộc sống định cư chôn vùi dưới những bức tường thành vây quanh thị trấn, và để viết nên một trang sử như thế, dường như không ai thích hợp hơn vị quan tòa cuối cùng. Nhưng khi tôi ngồi xuống bàn viết, bọc mình trong tấm da gấu cũ sờn to sụ để chống lại cơn lạnh, với chỉ một ngọn nến (vì mỡ cừu cũng được chia ra theo khẩu phần) và một chồng tài liệu ố vàng ngay khủy tay, tôi nhận ra những gì mình đang bắt đầu viết không phải là biên niên sử của một vùng tiền đồn thuộc Đế chế hay kể lể về những con người sống nơi đó đã trải qua những năm tháng cuối đời để chuẩn bị tinh thần trong lúc đợi bọn mọi ra sao.

“Chưa ai từng viếng thăm ốc đảo này”, tôi viết, “lại không bị hút hồn bởi sự quyến rũ của cuộc sống nơi đây. Chúng tôi sống trong một

thời có đủ bốn mùa, các vụ thu hoạch nối tiếp nhau, và những chuyến di cư của đàn thủy cầm. Chúng tôi sống ngay dưới những vì sao. Chúng tôi chỉ biết rằng mình sẵn lòng đánh đổi bất kỳ điều gì để tiếp tục sống ở đây. Đây là thiên đường ở chốn nhân gian”.

Tôi nhìn đăm đăm một hồi lâu vào lời biện hộ mình vừa viết ra. Hẳn sẽ rất thất vọng nếu tôi biết những tấm gỗ bạch dương mà mình đã bỏ nhiều thời gian nghiên cứu cũng mang một thông điệp lập lò, đáng trách như vậy.

“Có lẽ đến cuối mùa đông này”, tôi nghĩ, “khi cơn đói thực sự dày vò chúng ta, khi chúng ta lạnh lẽo và đói khát, hay khi lũ mọi thực sự đã ập đến ngay cổng, biết đâu chúng ta sẽ từ bỏ cách nói của một người trung thành với văn minh cùng những mộng tưởng văn chương để bắt đầu kể lại sự thật.”

Tôi nghĩ, “Mình muốn sống ngoài dòng lịch sử. Mình muốn sống ngoài dòng lịch sử mà Đế chế áp đặt lên những thần dân của nó, kể cả ở những thuộc địa đã mất. Mình không hề mong bọn mọi bị lịch sử của Đế chế trấn áp. Sao có thể tin rằng đó chính là nguồn cơn của nỗi hổ thẹn?”

Tôi nghĩ, “Mình đã sống qua một năm đầy biến cố, nhưng những gì mình hiểu về nó chẳng hơn gì một đứa bé còn đang ẵm ngửa. Trong tất cả những người sống ở thị trấn này, mình là người ít thích hợp nhất để viết biên niên sử. Cái tay thợ rèn suốt ngày gào thét chửi rủa và than vãn coi bộ còn hợp hơn”.

Tôi nghĩ, “Nhưng khi lũ mọi ném bánh mì, bánh mì mới nướng ăn với mút dâu tằm, bánh mì với mút lý gai, chúng sẽ bị đồng hóa theo cách sống của chúng ta. Chúng sẽ phát hiện ra rằng không thể sống thiếu đi kỹ năng của những người đàn ông biết gieo hạt giống hòa bình, thiếu nghệ thuật của những người đàn bà biết cách chế biến những trái cây ngọt lành”.

Tôi nghĩ, “Vào một ngày nào đó, người ta sẽ đến đào bới quanh đây, trong khu hoang phế này, và cảm thấy hứng thú với những di vật từ sa mạc hơn bất kỳ thứ gì khác mình để lại. Và đúng là như vậy.” (Vì thế tôi dành một buổi tối để quét dầu lạnh lên từng tấm gỗ bạch dương và bọc chúng trong một lớp vải dầu. Tôi tự hứa với mình, rằng khi gió ngừng thổi, tôi sẽ đi ra ngoài và chôn chúng ở nơi tôi tìm

thấy.)

Tôi nghĩ, “Có thứ gì đó đang nhìn chòng chọc vào mặt mình, mà mình vẫn không thấy nó”.

Gió vừa lặng đi, và giờ thì từng bông hoa tuyết bắt đầu rơi xuống, đợt đầu tiên trong năm, tuyết phủ trắng lốm đốm các mái ngói. Cả buổi sáng, tôi đứng ở cửa sổ nhìn tuyết rơi. Khi băng qua sân trại lính, tuyết đã phủ dày hàng inch, và bước chân tôi dẫm lên đám tuyết xốp nhẹ lạ thường, phát ra âm thanh xào xạc.

Ở giữa quảng trường, một đám trẻ con đang chơi trò đắp người tuyết. Cố không làm chúng giật mình, tôi mang một niềm vui không thể cắt nghĩa nổi, lội qua tuyết đến chỗ chúng.

Chúng không hề hoảng sợ, vì đang quá tập trung nên chẳng thèm liếc nhìn tôi. Bọn trẻ đã làm xong cái thân lớn tròn trịa, giờ chúng vê tuyết thành một quả bóng tuyết tròn xoe để làm cái đầu.

“Đứa nào đi tìm đồ để làm cái miệng, mũi và đôi mắt coi”, đứa trẻ cầm đầu lên tiếng.

Tôi nghĩ người tuyết cũng cần có tay nữa, nhưng tôi không muốn xen vào.

Chúng đặt cái đầu trên đôi vai và đem mấy hòn sỏi lắp vào làm đôi mắt, đôi tai, mũi và miệng. Một đứa lấy mũ của mình đội cho nó.

Một người tuyết không đến nổi tề.

Đây không phải là cảnh tượng tôi mơ thấy. Như bao nhiêu ngày khác, tôi cứ ngơ ngẩn đứng đó, tựa hồ một người đã lạc lối từ rất lâu, nhưng vẫn cố dấn bước trên một con đường dài, dù có thể nó chẳng dẫn về đâu cả.

Hết